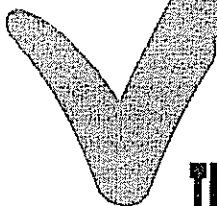


BỘ ĐỀ



ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN
PHẠM THỊ HUỆ

LUYỆN THI
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA
NĂM 2017

môn

NGŨ VĂN

Photo Quang Tuấn

ĐT: 0984.985.060

Email: vtvu16@gmail.com

Facebook: 01669224176

**ĐC1: Công trường ĐHCN Tp. HCM –
Quảng Tâm – Tp. Thanh Hoá**

**ĐC2: Công sau trường ĐH Hồng Đức –
Quảng Tâm – Tp. Thanh Hoá**

TRƯỜNG XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

12D1

Lời nói đầu

Theo phương án tổ chức kì thi Trung học phổ thông quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kì thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 gồm 5 bài thi: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên (tổ hợp các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học) và Khoa học Xã hội (tổ hợp các môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân). Các môn Toán, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Xã hội thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan; môn Ngữ văn thi theo hình thức tự luận. Đây là sự điều chỉnh lớn về hình thức thi so với kì thi Trung học phổ thông quốc gia các năm trước đây và liên quan tới việc ôn luyện của học sinh (HS) chuẩn bị cho kì thi này.

Để các em HS có tài liệu ôn luyện nhằm đạt kết quả tốt trong kì thi Trung học phổ thông quốc gia, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn, xuất bản ***Bộ đề trắc nghiệm luyện thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017*** các môn Toán, Tiếng Anh, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội và ***Bộ đề luyện thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 – môn Ngữ văn***. Tác giả bộ sách là các thầy (cô) giáo, các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong việc biên soạn ngân hàng đề thi phục vụ kì thi Trung học phổ thông quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cuốn ***Bộ đề luyện thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 – môn Ngữ văn*** có cấu trúc như sau:

Phần một giới thiệu cấu trúc đề thi Trung học phổ thông quốc gia môn Ngữ văn, những điểm kế thừa và đổi mới của đề thi năm 2017; đồng thời cũng hướng dẫn HS cách ôn luyện và làm bài thi theo định hướng mới.

Phần hai giới thiệu hệ thống đề giúp HS thực hành, ôn luyện đề chuẩn bị cho kì thi. Các đề được biên soạn theo cấu trúc mới đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Trong phần này, còn có phần gợi ý, hướng dẫn cách làm các đề ôn luyện và một số nội dung cơ bản cần đạt, đặc biệt là các hướng triển khai có thể có với các đề/ câu hỏi mở để giáo viên và HS tham khảo.

Phần một

GIỚI THIỆU CẤU TRÚC ĐỀ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017 MÔN NGỮ VĂN, ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH LÀM BÀI THI

I. Cấu trúc đề thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 môn Ngữ văn

Trước hết, xin giới thiệu đề thi minh họa môn Ngữ văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Đề minh họa (thời gian làm bài: 120 phút)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Leo lên đỉnh núi không phải để cầm cờ mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh. Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em. Hãy đến Paris để tận hưởng cảm giác đắm chìm trong Paris chứ không phải lướt qua đó để ghi Paris vào danh sách các địa điểm các em đã đi qua và tự hào mình là con người từng trải. Tập luyện những suy nghĩ độc lập, sáng tạo và táo bạo không phải để mang lại sự thoả mãn cho bản thân mà là để đem lại lợi ích cho 6,8 tỉ người trên trái đất của chúng ta. Rồi các em sẽ phát hiện ra sự thật vĩ đại và thú vị mà những kinh nghiệm trong cuộc sống mang lại, đó là lòng vị tha mới chính là điều tốt đẹp nhất mà các em có thể làm cho bản thân mình. Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả.

Bởi tất cả mọi người đều như thế.

(Trích Bài phát biểu tại buổi lễ tốt nghiệp trường trung học Wellesley của thầy Hiệu trưởng David McCullough, dẫn theo <http://ehapu.edu.vn>, ngày 5/6/2012)

Câu 1 Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

- Câu ② Anh/ Chị hiểu thế nào về câu nói sau: "Leo lên đỉnh núi không phải để cảm cơ mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh."?
- Câu ③ Theo anh/ chị, vì sao tác giả cho rằng: "Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả"?
- Câu ④ Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em."

Câu ② (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp hào hùng của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

2. Phân tích đề minh họa

Đề thi môn Ngữ văn nêu trên gồm hai phần là Đọc hiểu và Làm văn; thực chất là nhằm kiểm tra hai năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản. Tuy nhiên, đề hiểu kĩ hơn cơ sở của các yêu cầu cần đạt trong mỗi phần, chúng tôi xin nêu cụ thể hơn một số nội dung sau:

a) Phần Đọc hiểu

– Ngữ liệu là một đoạn trích chưa được học, không có trong sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn. Do thời gian làm bài không nhiều nên đoạn trích hay văn bản cho phần Đọc hiểu thường có độ dài vừa phải (khoảng 150 – 300 chữ). (Tuy nhiên, trong quá trình luyện tập, vì có thời gian nhiều hơn nên HS cũng có thể tập làm quen với việc đọc hiểu một số đoạn trích/ văn bản dài hơn.) Về nội dung (độ khó), đoạn trích/ văn bản trong phần Đọc hiểu tương đương với các văn bản HS đã được học chính thức trong chương trình lớp 12 (kể cả về nội dung lẫn kiểu loại văn bản và mức độ phức tạp của câu hỏi).

– Yêu cầu cần đạt ở phần Đọc hiểu được chia theo 3 mức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Cụ thể:

+ Nhận biết: yêu cầu HS:

- Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích (như câu 1 của đề minh họa);
- Chỉ ra thông tin có trong đoạn trích.

+ Thông hiểu: yêu cầu HS nêu cách hiểu của mình về câu văn trong đoạn trích (như câu 2 và câu 3 trong đề minh họa.)

+ Vận dụng: yêu cầu HS rút ra thông điệp – điều mà người viết muốn nhắn gửi qua văn bản hoặc điều khi đọc văn bản, người đọc có thể tự rút ra, tự liên hệ, suy ngẫm về bài học tư tưởng, nhận thức và hành động (như câu 4 trong đề minh họa).

Với 3,0 điểm cho phần Đọc hiểu, cấu trúc đề thường có một câu nhận biết, hai câu thông hiểu và một câu vận dụng. Câu hỏi nhận biết thường dễ nên số điểm dành cho câu này thường là 0,5; câu thông hiểu và vận dụng thường khó hơn nên hai câu thông hiểu mỗi câu 0,75 (tổng là 1,5 điểm), còn lại câu vận dụng 1,0 điểm. Như thế, tổng điểm của phần Đọc hiểu là 3/10.

b) Phần Làm văn

Đây là phần yêu cầu HS tạo lập văn bản, tức là diễn đạt, trình bày ý tưởng của mình một cách rõ ràng, mạch lạc, sáng sủa. Phần này gồm hai câu: một câu nghị luận xã hội và một câu nghị luận văn học.

– Câu 1 (2 điểm) thuộc phần nghị luận xã hội thường yêu cầu HS viết 01 đoạn văn với độ dài khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về một ý kiến trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Ví dụ trong đề thi minh họa:

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em."

Như thế, giữa yêu cầu tiếp nhận văn bản và yêu cầu tạo lập văn bản có quan hệ với nhau: từ hiểu nội dung, ý nghĩa, thông điệp của ý kiến ở phần Đọc hiểu, người viết trình bày suy nghĩ của mình trong một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

Ở đây, cái chính không phải là giải thích nội dung ý kiến này có nghĩa là gì mà là nêu suy nghĩ của mình về ý kiến ấy. Tất nhiên, như thể trước hết HS phải hiểu ý của câu: "Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em." nghĩa là gì, hàm chứa thông điệp gì; từ đó mới phát biểu suy nghĩ của mình về ý kiến đó. Câu được dẫn trong đề thi minh họa rất giàu ý nghĩa. HS có thể hiểu ý kiến này theo những cách khác nhau nhưng ý chính của câu này là: Mình leo lên cao là để nhìn ngắm thế giới rộng lớn xung quanh chứ không phải là để những người xung quanh nhìn mình. Đó là nghĩa tường minh (nghĩa đen), còn nghĩa hàm ẩn (nghĩa bóng) của câu nói – thông điệp chính mà người nói muốn gửi gắm là: Với mỗi con người, phấn đấu lên đến đỉnh cao (đạt được thành tích hoặc vị trí xã hội nào đó) là để mở rộng tầm mắt, để có hiểu biết sâu rộng hơn chứ không phải để khoe mẽ với xung quanh, để được mọi người biết đến. Sau khi rút ra ý nghĩa này, HS nêu ngắn gọn ý kiến của mình bằng cách trả lời các câu hỏi: Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao đúng/ vì sao sai? Bài học rút ra cho bản thân mình? Đề bài yêu cầu viết khoảng 200 chữ, nghĩa là có thể trên hoặc dưới 200 chữ, miễn là nội dung đúng, đủ và sâu sắc.

– Câu 2 (5,0 điểm) thuộc phần nghị luận văn học. Đây là phần kiểm tra kết quả viết về các nội dung văn học, thường là về các tác giả, tác phẩm đã học trong chương trình lớp 12. Như thế, vấn đề nghị luận là những nội dung HS đã được nghe giảng, đọc, làm quen. Tuy nhiên, phần này vẫn thể hiện rất rõ trình độ, năng lực của mỗi HS bởi cũng là nội dung quen thuộc ấy nhưng mỗi người có một cách trình bày khác nhau. Vì thế, khi làm bài, HS cần chú ý cách viết, cách diễn đạt sao cho rõ ràng, mạch lạc, trong sáng và gây được ấn tượng với người đọc. Tất nhiên, vẫn phải đảm bảo những nội dung cần thiết. Ví dụ: với câu 2 trong đề thi minh họa: "Phân tích vẻ đẹp hào hùng của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.", HS cần triển khai theo các yêu cầu sau:

+ Người lính Tây Tiến trong bài thơ của Quang Dũng có những vẻ đẹp nào? (Người ta thường hay nói tới hai vẻ đẹp của người lính Tây Tiến: vẻ đẹp hào hùng, giàu chất hiện thực và vẻ đẹp hào hoa, giàu chất lãng mạn.)

+ Vẻ đẹp hào hùng là vẻ đẹp như thế nào? (Có gì khác với vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn?)

+ Vẻ đẹp hào hùng của người lính Tây Tiến được thể hiện cụ thể trong bài thơ qua những chi tiết, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... nào?

+ Nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân về vẻ đẹp hào hùng của người lính Tây Tiến và những nhận xét, đánh giá về nghệ thuật khắc hoạ hình tượng người lính Tây Tiến của nhà thơ Quang Dũng trong mối quan hệ với một số bài thơ khác cùng viết về người lính như: *Đồng chí* (Chính Hữu); *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật),...

Trong các ý trên, ba ý đầu thường các HS có trình độ trung bình đều nêu được; riêng ý cuối cùng có yêu cầu cao hơn, chính là ý mở rộng, nâng cao được dùng để phân loại HS khá, giỏi trong kì thi kết hợp xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng.

3. Những điểm kế thừa và đổi mới của đề thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 môn Ngữ văn

Về cơ bản, đề thi môn Ngữ văn năm 2017 (theo đề thi minh hoạ của Bộ Giáo dục và Đào tạo) vẫn tiếp nối những định hướng đổi mới đã và đang thực hiện trong mấy năm qua; vừa giữ được sự ổn định, vừa có những điều chỉnh cho phù hợp hơn với đối tượng, bối cảnh và thời gian làm bài thi

Có thể nêu ngắn gọn những điểm kế thừa và đổi mới của đề thi THPT quốc gia năm 2017 môn Ngữ văn như sau:

Điểm kế thừa	Điểm mới
– Vẫn đánh giá đầy đủ cả hai kĩ năng: đọc hiểu và viết (làm văn); – Câu hỏi đọc hiểu vẫn đủ ba mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng; – Phần Làm văn vẫn có cả câu nghị luận xã hội và câu nghị luận văn học; – Phạm vi ngữ liệu có cả văn bản trong và ngoài SGK (vừa lạ, vừa quen); – Vẫn sử dụng dạng câu hỏi/ đề mở.	– Thời gian làm bài giảm (từ 180 phút xuống còn 120 phút); – Số lượng câu hỏi đọc hiểu giảm; mức độ và tỉ lệ câu hỏi đọc hiểu phù hợp; – Câu nghị luận xã hội (với yêu cầu viết đoạn văn khoảng 200 chữ) lấy ý từ văn bản đọc hiểu (tích hợp viết với đọc hiểu); – Mức độ và dung lượng cần trình bày của câu nghị luận văn học giảm.

II. Định hướng ôn tập và hướng dẫn cách làm bài thi

1. Định hướng ôn tập

Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi THPT quốc gia năm 2017, trong quá trình ôn luyện, HS cần chú ý một số định hướng cụ thể sau đây:

a) Phạm vi kiến thức cần ôn luyện

Về phạm vi ôn luyện, thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ: nội dung đề thi nằm trong chương trình THPT, năm 2017 chỉ ở lớp 12

Thứ nhất, HS cần lưu ý nội dung đề thi nằm trong chương trình Ngữ văn lớp 12 không đơn giản chỉ là các văn bản, tác phẩm văn học được học trong SGK mà còn là những nội dung và yêu cầu về kĩ năng tiếng Việt và làm văn nữa, trong đó có yêu cầu về phương pháp – một yêu cầu thường ít được HS chú ý. Chẳng hạn, chuẩn kiến thức và kĩ năng cần đạt đối với HS lớp 12 yêu cầu không chỉ nắm được nội dung của một số tác phẩm văn xuôi tiêu biểu của Việt Nam sau năm 1945 mà còn biết cách đọc hiểu các tác phẩm văn xuôi trong giai đoạn này; biết cách vận dụng các thao tác nghị luận và các phương thức biểu đạt,... để làm một bài văn nghị luận (nghị luận xã hội và nghị luận văn học).

Như thế, cần hiểu phạm vi ôn luyện không chỉ là những văn bản tác phẩm cụ thể của riêng phần văn học.

Thứ hai, nói phạm vi ôn luyện nằm trong chương trình lớp 12 không có nghĩa là nội dung kiến thức, kĩ năng chỉ giới hạn trong lớp 12 mà khi làm bài (nhất là với các HS khá, giỏi), rất cần mở rộng, liên hệ với những nội dung nằm ở các lớp khác. Như thế, khi ôn luyện, HS cần chú ý lớp 12 nhưng cũng cần ôn lại một số nội dung liên quan ở các lớp dưới. Thực ra, nhiều nội dung kiến thức và kĩ năng viết, kĩ năng đọc hiểu văn bản là kết quả rèn luyện của HS trong một thời gian dài chứ không phải chỉ riêng lớp 12.

Do yêu cầu phân hoá nên những nội dung mở rộng ngoài chương trình lớp 12 có thể nằm trong các câu hỏi khó – những câu hỏi phục vụ cho việc tuyển sinh đại học, cao đẳng.

Thứ ba, việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực tập trung yêu cầu HS vận dụng, giải quyết vấn đề là chính. Như vậy, phần ngữ liệu, nhất là đối

với phần Đọc hiểu, thường sẽ là các văn bản mới, HS chưa được học nhưng không mang tính chất đánh đố. Đề thi trích dẫn văn bản, sau đó yêu cầu HS vận dụng những gì đã học vào việc thực hành giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

Vì thế, HS không nên quá băn khoăn về vấn đề phạm vi ôn luyện. Điều quan trọng là cần trang bị cho mình phương pháp đọc, cách tìm hiểu, phân tích, đánh giá, ... một vấn đề (về văn học hoặc đời sống xã hội). Như thế thì dù đề thi đưa ra ngữ liệu gì, thuộc phạm vi nào, HS vẫn có thể giải quyết được.

Tuy nhiên, để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi THPT quốc gia năm 2017, HS cần chú ý tập trung ôn luyện các nội dung cơ bản sau:

– **Với phần Đọc hiểu:** Như chúng tôi đã nêu ở phần trên, ngữ liệu cho phần Đọc hiểu là một đoạn trích hoặc văn bản không có trong SGK. Song để phù hợp với trình độ của HS, đề thường lựa chọn những văn bản có đặc điểm sau:

+ Độ dài của văn bản: khoảng 150 – 300 chữ.

+ Đề tài của văn bản đọc hiểu rất đa dạng, phong phú nhưng nội dung thường đề cập đến những vấn đề gần gũi, có ý nghĩa giáo dục tư tưởng, đạo đức, mang tính thời sự cao và thường là các vấn đề đặt ra đối với thế hệ trẻ.

+ Kiểu loại văn bản: có thể là văn bản văn học hoặc văn bản khoa học (lịch sử, địa lí, khoa học tự nhiên,...) hoặc các bài viết về thời sự, chính trị, văn hoá, ... lấy từ các phương tiện truyền thông (báo chí, truyền hình, đài phát thanh, internet, ...).

+ Độ phức tạp (độ khó) được xác định là tương đương với văn bản HS đã được học trong chương trình lớp 12, cụ thể là tương đương về nội dung, cách viết, cách diễn đạt; về các thuật ngữ, khái niệm và đặc biệt là cách hỏi (câu hỏi/ yêu cầu).

– **Với phần Làm văn:** nội dung và yêu cầu của câu nghị luận xã hội gắn với phần Đọc hiểu, dựa vào kết quả đọc hiểu. Tuy nhiên, cần chú ý là đề thường chỉ lấy một ý trong phần Đọc hiểu thông qua một vài câu mang tính chất danh ngôn để yêu cầu người viết phát biểu, trình bày suy nghĩ của mình.

Với câu nghị luận văn học, phạm vi ôn luyện tập trung vào các tác phẩm/ đoạn trích thuộc chương trình và SGK lớp 12. Cụ thể, HS cần tập trung ôn tập một số tác phẩm/ đoạn trích sau đây:

+ Văn học Việt Nam (từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX) bao gồm:

- *Tuyên ngôn Độc lập* – Hồ Chí Minh
- *Tây Tiến* – Quang Dũng
- *Việt Bắc* (trích) – Tố Hữu
- *Đất Nước* (trích) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Vợ nhặt* – Kim Lân
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành
- *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ

Riêng hai tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi và *Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo với chương trình giáo dục thường xuyên là hai văn bản đọc thêm nên không thuộc phạm vi ra đề trong kì thi THPT quốc gia năm 2017.

+ Lịch sử văn học: Ngoài các văn bản văn học cụ thể nêu trên, để làm tốt các câu nghị luận văn học, HS cần chú ý bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX* (vì các dạng nghị luận văn học không chỉ gồm nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ hoặc nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi mà còn có dạng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học).

+ Các tác gia: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Tuân

+ Văn học nước ngoài gồm ba tác phẩm sau:

- *Ông già và biển cả* (trích) – Hê-minh-uê
- *Thuốc* – Lỗ Tấn
- *Số phận con người* (trích) – Sô-lô-khốp

b) Yêu cầu về mức độ và số lượng câu hỏi

– Để đảm bảo phân hoá trình độ thí sinh, đề thi phải bao gồm các câu hỏi từ dễ đến khó, vừa đáp ứng yêu cầu cơ bản (thí sinh chỉ cần trả lời được các câu hỏi này là đã đủ điều kiện tốt nghiệp THPT) vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao (để phân hoá thí sinh, phục vụ công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng). Nghĩa là, đề thi phải đánh giá được thí sinh ở cả bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Đối với môn Ngữ văn, yêu cầu về các mức độ nêu trên cần được hiểu đúng bản chất và phù hợp với đặc trưng của môn học.

+ Nhận biết nghĩa là nhận ra được sự vật, hiện tượng, trả lời được câu hỏi: *Nó là gì?* Mức nhận biết thường xoay quanh các yêu cầu như:

- Nhận diện thể loại/ phương thức biểu đạt/ phong cách ngôn ngữ của văn bản;
- Chỉ ra chi tiết/ hình ảnh/ biện pháp tu từ/ thông tin,... nổi bật trong văn bản;
- Chỉ ra cách thức liên kết của văn bản.

Câu trả lời cũng không cần nêu chính xác định nghĩa, khái niệm mà chỉ cần nêu, miêu tả, giới thiệu đúng đặc điểm của sự vật, hiện tượng và quan trọng hơn là nhận ra được sự vật, hiện tượng ấy trong thực tế. Ví dụ: câu 1 phần Đọc hiểu của đề thi minh hoạ yêu cầu xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích; không yêu cầu nêu định nghĩa về phương thức biểu đạt.

+ Thông hiểu nghĩa là nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng (thường phải suy luận, không tìm thấy trực tiếp câu trả lời trong văn bản). Một số yêu cầu thường gặp về thông hiểu là:

- Khái quát chủ đề/ nội dung chính/ vấn đề chính mà văn bản đề cập;
- Nêu cách hiểu về một hoặc một số câu văn trong văn bản;
- Hiểu được quan điểm/ tư tưởng của tác giả;
- Hiểu được ý nghĩa/ tác dụng/ hiệu quả của việc sử dụng thể loại/ phương thức biểu đạt/ từ ngữ/ chi tiết/ hình ảnh/ biện pháp tu từ,... trong văn bản;
- Hiểu được một số nét đặc sắc về nghệ thuật theo đặc trưng thể loại (thơ/ truyện/ kịch/ kí,...) hoặc một số nét đặc sắc về nội dung của văn bản.

Ví dụ: yêu cầu HS nêu cách hiểu của mình về câu văn trong đoạn trích như câu 2 và câu 3 phần Đọc hiểu của đề thi minh hoạ.

Để đánh giá mức độ thông hiểu, người ta thường yêu cầu trả lời câu hỏi: *Thế nào?* (chẳng hạn như câu 2 phần Đọc hiểu của đề thi minh họa: *Anh/ Chị hiểu thế nào về câu nói sau: "Leo lên đỉnh núi không phải để cắm cờ mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh."*) hoặc yêu cầu trả lời câu hỏi: *Tại sao? / Vì sao?* (như câu 3 phần Đọc hiểu của đề thi minh họa: *Theo anh/ chị, vì sao tác giả cho rằng: "Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả"?*). Trả lời các câu hỏi này, HS phải lí giải và lập luận để chứng minh rằng cách hiểu của mình là có cơ sở chứ không phải chỉ là đoán mò, nhớ máy móc, hình thức. Tuy nhiên, hình thức đánh giá mức độ thông hiểu của HS rất đa dạng, không phải chỉ hỏi khái quát như trên mà có thể kiểm tra bằng nhiều cách khác nhau.

+ Vận dụng: trong môn Ngữ văn, vận dụng chính là biết thực hành tạo lập trong giao tiếp (nói, viết). Vận dụng là biết làm theo, "bắt chước" những "mẫu mã" hay, đẹp để tạo ra sản phẩm của mình. Các câu hỏi/ bài tập kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng thường yêu cầu tạo ra một sản phẩm tương tự. Cụ thể, để đánh giá khả năng vận dụng của HS, có thể yêu cầu:

- Nhận xét/ đánh giá về tư tưởng/ quan điểm/ tình cảm/ thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản;
- Nhận xét về một giá trị nội dung/ nghệ thuật của văn bản;
- Rút ra bài học về tư tưởng/ nhận thức;
- Rút ra thông điệp cho bản thân.

Ví dụ: Yêu cầu HS rút ra thông điệp – điều mà người viết muốn nhắn gửi qua văn bản hoặc điều mà từ văn bản, người đọc có thể tự rút ra, tự liên hệ, suy ngẫm về bài học tư tưởng, nhận thức, hành động – như câu 4 phần Đọc hiểu của đề thi minh họa: *"Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị?"*.

+ Vận dụng cao là mức độ cao hơn vận dụng, chỉ độ khó của yêu cầu thực hành tổng hợp, kết hợp cả kĩ năng đọc hiểu và viết; đòi hỏi phải có sự sáng tạo; phải vận dụng được khả năng phân tích, tổng hợp để rút ra những kết luận, nhận xét, đánh giá theo quan điểm của mình. Hình thức đánh giá mức độ vận dụng cao chủ yếu là yêu cầu HS viết đoạn văn/ bài văn hoàn chỉnh như câu 2 phần Làm văn của đề thi minh họa: *"Phân tích vẻ đẹp hào hùng của hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng."*

c) Cách ôn luyện

Đề thi Ngữ văn nói riêng và các môn học nói chung ngày càng đổi mới theo hướng đánh giá năng lực, yêu cầu người học phải biết phân tích, suy luận, vận dụng. Vì thế, việc ôn tập theo lối học thuộc văn mẫu, chép lại nguyên văn bài giảng, tài liệu sẽ không có hiệu quả, nhất là đối với phần Đọc hiểu và câu nghị luận xã hội. Với những câu hỏi này, HS chỉ có thể bám sát vào yêu cầu của đề để trả lời. Đối với câu nghị luận văn học cũng cần thay đổi thói quen không suy nghĩ kĩ, không chú ý yêu cầu cụ thể của đề bài, cứ thấy tên tác phẩm, tác giả quen thuộc là viết tất cả những gì mình biết về tác phẩm, tác giả ấy cho được nhiều trang, trong khi đề bài chỉ yêu cầu viết về một khía cạnh nào đó của tác giả hay tác phẩm. Ví dụ: câu nghị luận văn học trong đề thi minh hoạ yêu cầu chỉ tập trung vào một khía cạnh là vẻ đẹp hào hùng của người lính Tây Tiến. Vì thế, HS không cần phân tích và chứng minh toàn bộ vẻ đẹp của hình tượng người lính, cũng không cần phân tích toàn bộ bài thơ hay nêu tất cả những gì mình biết về nhà thơ Quang Dũng.

Do thời gian làm bài giảm đáng kể (chỉ còn 120 phút) nên cần chú ý cấu trúc và yêu cầu của đề thi, độ khó của các câu hỏi, tỉ lệ điểm,... để phân bổ thời lượng cho hợp lí nhằm hoàn thành tất cả các phần, các câu của đề. HS cảm thấy câu/phần nào mình nắm vững thì làm trước.

d) Đề/ câu hỏi mở và cách lập ý cho đề/ câu hỏi mở

Một trong những thay đổi của việc kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn là việc tăng cường ra các đề/ câu hỏi mở để kích thích sự suy nghĩ độc lập, độc đáo và sáng tạo của HS.

– Thế nào là một đề/ câu hỏi mở? Về hình thức, đó là loại đề/ câu hỏi chỉ nêu vấn đề cần bàn luận trong bài nghị luận hoặc chỉ nêu đề tài mà không nêu mệnh lệnh gì về thao tác lập luận (như kiểu *hãy chứng minh, hãy giải thích, hãy phân tích, ...*) hoặc phương thức biểu đạt (như *hãy kể, hãy phát biểu cảm nghĩ, ...*). Về nội dung, người viết có thể nêu lên nhiều ý kiến, nhiều cách lập luận và lí giải khác nhau xuất phát từ nhiều góc nhìn khác nhau, thậm chí có thể ngược nhau, miễn là có lí, có sức thuyết phục.

Đề/ câu hỏi mở khác với loại đề/ câu hỏi có đầy đủ các yếu tố, từ lời dẫn đến yêu cầu về thao tác cụ thể (có thể gọi là dạng đề/ câu hỏi đóng, đề/ câu hỏi khép

kín) Đề/ câu hỏi mở không phải là dạng đề/ câu hỏi hoàn toàn mới mẻ. Dạng đề/ câu hỏi này đã được đưa vào SGK Ngữ văn thí điểm từ năm 2000, đại trà từ năm 2002. Đây cũng không hẳn là dạng đề/ câu hỏi thuộc phần nâng cao hay phổ thông nhưng dùng loại đề/ câu hỏi này để phân hoá trình độ của HS trong kiểm tra, đánh giá thì rất phù hợp.

– Ví dụ về một số đề/ câu hỏi mở:

Ví dụ 1: Trong bài thơ *Giục giã*, nhà thơ Xuân Diệu viết:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.*

Anh/ Chị suy nghĩ gì về quan niệm trên? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) ghi lại những suy nghĩ ấy.

Ví dụ 2: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em.”

Ví dụ 3: Thu Giang – Nguyễn Duy Cần viết:

Không có gì khó bằng biết quên mình, tạm thời biết dẹp bỏ thành kiến cùng lòng ưa ghét riêng tư của mình để đi vào tâm hồn kẻ khác.

(Trích *Để thành nhà văn*, NXB Trẻ, 2014)

Anh/ Chị có tán thành câu nói trên không? Hãy trình bày ý kiến của mình.

Có thể thấy điểm chung của các đề/ câu hỏi theo dạng mở là chỉ nêu lên một đề tài, một vấn đề để người viết bàn luận và làm sáng tỏ. Yêu cầu về đề tài, vấn đề cần bàn luận là yêu cầu bắt buộc mà mỗi đề/ câu hỏi phải có. Tùy vào vấn đề, đề tài mà người viết lựa chọn và quyết định những nội dung cần triển khai và các thao tác lập luận cần sử dụng. Rất ít thấy những đề/ câu hỏi nêu yêu cầu về kiểu bài hoặc thao tác lập luận. Nhìn chung là người viết phải sử dụng nhiều thao tác lập luận, soi sáng vấn đề từ nhiều góc độ và thể hiện rõ chính kiến của mình: tán thành, phản đối hay vừa tán thành vừa phê phán, phản đối. Đây chính là dạng đề/ câu hỏi mở theo quan niệm ở trên.

Nhằm khuyến khích những suy nghĩ đa dạng, phong phú của nhiều đối tượng HS khác nhau, xu hướng đề/ câu hỏi mở ngày càng trở nên phổ biến. Theo tình

thần đó, SGK Ngữ văn mới từ cấp THCS đến THPT đã có nhiều thay đổi trong cách ra đề từ những năm 2000 trở lại đây.

Dạng đề/ câu hỏi mở có những điểm hay nhưng cũng có những hạn chế nhất định. Cái hay của dạng đề/ câu hỏi này là phân hoá được đối tượng HS, người viết bài khó mà chép được "văn mẫu", phải tự mình suy nghĩ và viết ra những ý nghĩ của chính mình... Điểm hạn chế của dạng đề/ câu hỏi này là ở chỗ khá khó đối với những HS trung bình và cũng khó làm đáp án cho rõ ràng, rành mạch, người chấm bài phải rất "vững tay". Đáp án cho dạng đề/ câu hỏi này cũng phải là "đáp án mở", tức là không nên bó chặt người viết vào một số ý nào đó mà chỉ nêu định hướng về cách giải quyết. Còn nội dung cụ thể thì để cho HS tự xác định, tự bộc lộ và trình bày. Người chấm căn cứ vào nội dung và hình thức trình bày của HS mà đánh giá, cho điểm. Chất lượng của bài viết cũng không thể lấy ngắn/ dài mà đo được. Vấn đề là HS cần viết gãy gọn, sáng sủa, trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách trung thực, chân thành.

– Cách triển khai ý cho đề/ câu hỏi mở:

+ Trước một đề/ câu hỏi hay thì việc phân tích, tìm hiểu cho kĩ càng, sâu sắc đã khó, xây dựng cho được một dàn ý tương đối hoàn chỉnh và hợp lí lại càng khó hơn bởi trước một vấn đề của cuộc sống xã hội hoặc văn chương, có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Và do vậy, ít khi có một đáp án duy nhất, đặc biệt là loại đề phân tích, bình giảng một tác phẩm. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là trước một đề văn, ai thích nói gì thì nói, ngay cả với việc phân tích, bình giảng một tác phẩm văn học cũng vậy. Nhà trường tôn trọng, khuyến khích tất cả những cách cảm thụ và kết quả tiếp nhận của cá nhân mỗi HS. Cách hiểu, cách trình bày và diễn đạt của ai đó có thể rất khác người nhưng tất cả đều phải có lí, phải có sức thuyết phục. Vì thế, trước một đề văn dù muốn hay không người ra đề cũng như người viết bài cũng phải nêu lên được cách hiểu (nhận thức đề) và những ý cơ bản cần phải đạt được trong bài viết, tức là phải hình thành được hệ thống ý đáp ứng được yêu cầu của đề.

+ Để tìm ý cho đề/ câu hỏi, một trong những cách tương đối có hiệu quả là người viết đặt ra các câu hỏi và tìm cách trả lời. Việc đặt ra các câu hỏi thực chất là soi sáng đối tượng dưới nhiều góc độ, lật đi lật lại vấn đề để tìm hiểu, xem xét cho kĩ càng và thấu đáo hơn.

Ví dụ, câu nghị luận xã hội trong đề thi minh họa: *Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em."*

Để triển khai ý cho câu này, cần đặt ra và trả các câu hỏi như:

- *Leo* ở đây là gì? (nghĩa đen/ nghĩa bóng)
- *Đỉnh cao* là gì? (nghĩa đen/ nghĩa bóng)
- *Thế giới* ở đây là gì? *Nhìn ngắm thế giới* là thế nào? (nghĩa đen/ nghĩa bóng)
- *Thế giới nhận ra các em* nghĩa là thế nào? (nghĩa đen/ nghĩa bóng)
- Nghĩa của cả câu là gì? (nghĩa đen/ nghĩa bóng)
- Tại sao *leo lên đỉnh cao* chỉ là *để ngắm nhìn thế giới* mà *không phải để thế giới nhận ra mình*?
- Điều đó có đúng không? Đúng hoàn toàn hay đúng một phần?
- Có ví dụ nào làm sáng tỏ cho ý kiến đó không?
- Ý kiến đó có ý nghĩa và tác động như thế nào đến nhận thức của bản thân mình?
- Có thể rút ra bài học gì từ ý kiến đó?

– Đáp án cho đề/ câu hỏi mở: Đây cũng là vấn đề cần lưu ý vì nó liên quan đến cách làm (của HS) và cách chấm điểm (của giáo viên). Đáp án mở không nên nêu ra tất cả các ý phải có theo nhận thức của người ra đề mà cần để một khoảng trống cho những ý kiến riêng, sự sáng tạo của HS. Tuy nhiên, không thể không nêu lên một số ý cốt lõi mà bản thân đề/ câu hỏi yêu cầu phải có. Vì thế, đáp án mở thường được gọi là gợi ý làm bài. Chẳng hạn với câu nghị luận xã hội sau đây:

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến của Steve Jobs: "Cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời."

Gợi ý làm bài cho câu hỏi mở này có thể nêu như sau:

+ Yêu cầu cần đạt: Viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...); xác định đúng vấn đề cần nghị luận (*cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời*); thể hiện quan điểm về vấn đề cần

ngợi luận bằng cách giải thích ý kiến hoặc bình luận về ý kiến (thể hiện sự đồng tình/ phản đối/ vừa đồng tình, vừa phản đối,...); lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

+ Tham khảo một số hướng triển khai bài viết sau:

- Đồng tình với ý kiến: lập luận căn theo hướng khẳng định niềm tin, tình yêu đối với công việc (tin rằng đó là việc tuyệt vời) sẽ là động lực mạnh mẽ để mỗi người vượt qua những khó khăn, trở ngại (bao gồm cả những yếu tố khách quan và chủ quan) để thành công. Không thể làm một việc thành công nếu không tin đó là việc tốt (tuyệt vời).

- Phán đối ý kiến: lập luận căn theo hướng để thành công trong công việc, nếu chỉ có niềm tin, tình yêu thôi thì chưa đủ; cần phải có hiểu biết/ kiến thức về công việc, kĩ năng và kĩ xảo để thực hiện công việc đó. Ngoài ra, các yếu tố khách quan và sự may mắn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thành công của mỗi người trong công việc.

- Vừa đồng tình, vừa phản đối ý kiến: kết hợp hai cách lập luận trên.

Đây là câu hỏi mở nhưng không phải muốn viết thế nào cũng được. HS cần căn cứ theo cách hiểu của mình để sắp xếp cấu trúc bài viết cho hợp lí.

Câu hỏi yêu cầu HS thể hiện chính kiến của mình và vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận (chứng minh, giải thích, bác bỏ, bình luận,...) cũng như có thể kết hợp các phương thức miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, tự sự,...

2. Cách làm các câu hỏi ở phần Đọc hiểu

Cấu trúc đề phần Đọc hiểu gồm 2 nội dung chính: văn bản cần đọc hiểu và các yêu cầu (câu hỏi/ nhiệm vụ) đọc hiểu. Ví dụ:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ghi bên dưới:

Mỗi ban mai khi chúng ta thức dậy, chúng ta nhận ra những tia nắng ngập tràn ấm áp và lộng lẫy trên những cánh đồng, trên những ngọn đồi, trên những dòng sông, trên những mái nhà và trên những ô cửa sổ nơi căn phòng của chúng ta vừa có một giấc mơ đẹp đêm qua.

Chúng ta cũng nhận ra tiếng chim rộn vang trong những vòm lá và hương thơm của cây cỏ, hoa trái cùng hương thơm của đất đai muôn thuở đang dâng lên ngào ngạt. Chúng ta mỉm cười và cất tiếng chào thân ái ngày mới với một ai

đó bên cạnh mình. Thế nhưng, khoảnh khắc diệu kì ấy trong đời sống thế gian lại luôn luôn bị đột ngột tan biến bởi bao điều đau buồn xảy ra.

Máu vẫn chảy trong ban mai lộng lẫy của thế gian bởi những cuộc chiến tranh tàn khốc. Những lời thù hận vẫn hiện lên trên những tờ báo phát hành buổi sáng ở đâu đấy, hiện lên trong giọng nói của chính con người trên một hệ thống phát thanh, hiện lên trong một toà nhà nào đấy vốn tôn nghiêm và hiện lên trong cả ngôi nhà giản dị mà đêm qua chúng ta đã từng thì thào hạnh phúc. Bóng tối của những độc ác, tức tối và hận học vẫn phủ ngập trong không ít đời mất con người.

Tại sao những khoảnh khắc diệu kì mà chúng ta từng có và đang có lại không thể kéo dài mãi mãi và phủ ngập trên đời sống thế gian này như những tia nắng mặt trời? Tại sao chúng ta lại biến ngôi nhà thế gian của chúng ta thành một nơi của máu chảy, của thù hận, của đối kháng và của những giá lạnh?

(Trích bài *Cần một ngày hoà giải để yêu thương*,
dẫn theo báo điện tử Vietnamnet, 07/09/2010)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Vấn đề chính tác giả nêu lên trong đoạn trích là gì?

Câu 3. Theo anh/ chị, nhan đề *Cần một ngày hoà giải để yêu thương* có liên quan gì đến vấn đề chính được đề cập trong đoạn trích?

Câu 4. Đoạn trích giúp anh/ chị nhận ra điều gì có ý nghĩa nhất đối với bản thân mình?

Muốn trả lời tốt các câu hỏi đọc hiểu, HS cần chú ý một số điểm sau đây:

a) *Đọc kĩ văn bản*

Do thời gian làm bài không nhiều nên văn bản đọc hiểu thường ngắn gọn (khoảng 150 – 300 chữ) và vì thế cũng không mất nhiều thời gian cho việc đọc văn bản. Không nên đọc vội, đọc qua loa, nếu cần nên đọc lại vài lần. Trong khi đọc, cần chú ý bố cục; những câu, từ ngữ, hình ảnh quan trọng (gạch chân hoặc đánh dấu vào những chi tiết ấy); tên văn bản và tranh ảnh minh hoạ (nếu có)

Với văn bản trong ví dụ nêu trên, có thể thấy đoạn trích gồm 4 đoạn văn. Các câu mở đầu đoạn có các từ ngữ, hình ảnh rất đáng chú ý: câu mở đầu (và cũng là câu văn duy nhất) của đoạn 1 là: "Mỗi ban mai khi chúng ta thức dậy, chúng ta nhận ra những tia nắng ngập tràn âm áp và lộng lẫy trên những cánh đồng, trên

những ngọn đồi, trên những dòng sông, trên những mái nhà và trên những ô cửa sổ nơi căn phòng của chúng ta vừa có một giấc mơ đẹp đêm qua."; câu mở đầu đoạn 2 là: "Chúng ta cũng nhận ra tiếng chim rộn vang trong những vòm lá và hương thơm của cây cỏ, hoa trái cùng hương thơm của đất đai muôn thuở đang dâng lên ngào ngạt.". Rõ ràng, đoạn 1 và đoạn 2 tập trung nói về những vẻ đẹp bình yên, đáng yêu, đáng trân trọng, nâng niu của cuộc sống thường ngày: tia nắng ấm áp và lộng lẫy; tiếng chim rộn vang; hương thơm của cây cỏ, hoa trái,

Nhưng đến câu mở đầu của đoạn 3 thì đã khác: "Máu vẫn chảy trong ban mai lộng lẫy của thế gian bởi những cuộc chiến tranh tàn khốc". Hình ảnh *máu vẫn chảy trong ban mai lộng lẫy* cho thấy sự tang tóc, chết chóc, khổ đau đã xuất hiện trong cuộc sống đẹp đẽ này – thế giới yên bình không còn bình yên nữa.

Và câu mở đầu của đoạn cuối: "Tại sao những khoảnh khắc kì diệu mà chúng ta từng có và đang có lại không thể kéo dài mãi mãi và phủ ngập trên đời sống thế gian này như những tia nắng mặt trời?" là câu hỏi tu từ thể hiện thái độ của người viết trước những vô lí, tàn bạo, bất công đang tồn tại trong thế giới này.

b) *Đọc kĩ các yêu cầu của câu hỏi; trả lời trực tiếp, ngắn gọn, rõ ràng và đúng trọng tâm*

– Với mức nhận biết: Trong ví dụ vừa nêu, câu 1 yêu cầu HS nhận biết và chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích. Sở dĩ nói *phương thức biểu đạt chính* vì trong một văn bản có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt, trong đó thường có một phương thức biểu đạt chính. Đoạn trích trong ví dụ vừa nêu sử dụng phương thức nghị luận kết hợp với miêu tả và biểu cảm. Nhưng *phương thức nghị luận là chính*.

– Với mức thông hiểu: Trong ví dụ vừa nêu, câu 2 yêu cầu HS hiểu vấn đề chính đặt ra trong văn bản và câu 3 yêu cầu hiểu mối quan hệ giữa vấn đề chính với nhan đề của văn bản.

+ Rõ ràng, để xác định được "vấn đề chính tác giả nêu lên trong đoạn trích", HS cần suy nghĩ, tổng hợp nội dung các ý của cả 4 đoạn văn trong đoạn trích vừa nêu trên. Việc chỉ ra vấn đề chính có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau, câu chữ trình bày có thể khác nhau nhưng phải đúng ý trọng tâm. Chẳng hạn, có thể tham khảo một số cách diễn đạt vấn đề chính sau đây:

• Tại sao con người lại tự gây ra những đau khổ cho cuộc sống của mình và của đồng loại?

- Con người tự gây ra những đau khổ cho chính cuộc sống của mình.
- Tại sao cuộc sống vốn tươi đẹp, hạnh phúc, bình yên là thế mà vẫn bị bạo lực, khổ đau rình rập, tàn phá?
- Cuộc sống vốn tươi đẹp, hạnh phúc, bình yên là thế nhưng bạo lực, khổ đau vẫn luôn rình rập, tàn phá.
- "Tại sao chúng ta lại biến ngôi nhà thế gian của chúng ta thành một nơi của máu chảy, của thù hận, của đối kháng và của những giá lạnh?"
- Chính chúng ta đã biến ngôi nhà thế gian đẹp đẽ, ấm cúng của mình thành nơi của máu chảy, của thù hận, của đối kháng và giá lạnh.

Có thể có những cách diễn đạt khác nữa, nhưng như đã nói, phải nêu bật được ý tượng tâm của đoạn trích. Vì thế, trong khi luyện tập, nếu gặp các câu hỏi dạng này, HS cần tập diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau; khi làm bài thi thì chỉ cần đưa ra một cách nhưng cũng có thể nêu lên vài cách diễn đạt khác nhau để câu trả lời thêm phong phú và chứng tỏ tư duy linh hoạt, khả năng nắm bắt bản chất vấn đề.

+ Câu số 3 của ví dụ nêu trên cũng là một câu kiểm tra mức độ thông hiểu khi yêu cầu HS chỉ ra mối quan hệ giữa vấn đề chính (vừa rút ra ở câu 2) với nhan đề *Cần một ngày hoà giải để yêu thương* của bài viết.

Cũng như câu 2, HS không thể tìm thấy câu trả lời trực tiếp từ các thông tin tường minh có trong văn bản mà phải suy luận và liên hệ. Đã từ lâu, khi nhân loại ngày càng lún sâu vào những tệ nạn do chính mình gây ra thì cũng là lúc nổi lên các phong trào thể hiện sự đoàn kết nhằm chống lại những tệ nạn ấy. Và thế giới đã đề cao các phong trào đó bằng việc chọn một ngày, thậm chí một giờ để kêu gọi cả nhân loại hưởng ứng. Có thể kể *Ngày Trái đất* (Earth Day); *Ngày thế giới phòng chống bệnh AIDS* (World AIDS Day), *Ngày Thế giới không thuốc lá* (World No Tobacco Day), *Ngày Môi trường Thế giới* (World Environment Day), *Ngày Quốc tế chống Thử nghiệm Hạt nhân*, (International Day Against Nuclear Tests), *Giờ Trái Đất* (Earth Hour),... Nhan đề bài viết *Cần một ngày hoà giải để yêu thương* xuất phát từ ý tưởng: thế giới này vốn rất tươi đẹp, vốn là ngôi nhà chung ấm cúng, yên bình nhưng chính con người tự gây nên đau khổ cho nhau bằng những hận thù, ích kỉ, vô cảm và giá lạnh,... vì thế cần phải đoàn kết, hoà hợp, hoà giải, yêu thương để nhân loại bớt đi những khổ đau không đáng có. Đó là tiếng kêu khẩn thiết, đầy tình thương yêu và trách nhiệm của biết bao con người đang sống trên thế gian này.

Hiểu vấn đề như thế, diễn giải như thế nhưng khi trả lời câu hỏi 3 của ví dụ trên, HS chỉ cần nêu ngắn gọn như sau: Giữa nhan đề và vấn đề chính của văn bản có mối quan hệ rất mật thiết. Vấn đề chính của bài viết là thực trạng: cuộc sống vốn tươi đẹp, hạnh phúc, bình yên nhưng bạo lực, khổ đau vẫn luôn rình rập, tàn phá; còn nhan đề bài viết chính là giải pháp: cần một ngày hoà giải để yêu thương.

Cần lưu ý rằng câu trả lời có thể diễn đạt, trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải thấy được mối liên hệ như đã nêu.

– Mức vận dụng trong ví dụ vừa nêu thể hiện ở câu 4. Đây là một câu hỏi mở, HS có thể nêu lên điều ý nghĩa nhất đối với mình theo những cách khác nhau. Tuy nhiên, đó phải là điều xuất phát, liên quan và gắn bó chặt chẽ với vấn đề chính đặt ra trong văn bản. Có thể tham khảo một số gợi ý trả lời cho câu 4 như sau:

Văn bản giúp tôi/ em nhận ra điều có ý nghĩa nhất là:

- Cần biết trân trọng cuộc sống yên bình và đẹp đẽ này.
- Cần bảo vệ và có trách nhiệm với ngôi nhà chung của chúng ta – trái đất
- Cần biết chia sẻ, hoà hợp, biết tha thứ để yêu thương nhau hơn.
- Cần chung tay đấu tranh, ngăn chặn những biểu hiện hận thù, tham lam, ích kỉ, lạnh lùng, vô cảm, ...
- Nhận ra mình lâu nay sống quá ích kỉ, thờ ơ, lạnh lùng, vô cảm; không biết trân trọng những giây phút tươi đẹp của cuộc sống. ...

Cần lưu ý rằng câu trả lời có thể là một ý, cũng có thể kết hợp 2 hay nhiều ý.

3. Cách làm các câu hỏi ở phần Làm văn

Phần Làm văn trong đề thi THPT quốc gia gồm một câu nghị luận xã hội và một câu nghị luận văn học. Để đánh giá kĩ năng viết, đề thi yêu cầu thí sinh vận dụng những kĩ năng đã học để tạo lập văn bản về một đề tài xã hội và tác phẩm/ đoạn trích văn học nào đó. Nội dung bài viết của thí sinh sẽ dựa vào chuẩn kĩ năng viết nói chung và chuẩn kĩ năng viết kiểu văn bản mà đề bài yêu cầu. Gợi ý làm bài cũng sẽ không áp đặt nội dung chi tiết cần đạt nhưng có quy định về tư tưởng của người viết. Tư tưởng được chấp nhận là tư tưởng không đi ngược lại các giá trị nhân văn, những chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Yêu cầu phần viết sẽ tập trung kiểm tra những khía cạnh như:

– Tri thức về văn bản viết (kiểu loại văn bản, cấu trúc văn bản, quá trình viết), nhận thức về nhiệm vụ và yêu cầu của đề bài.

– Kỹ năng viết (chính tả; sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp trong bài viết; lập dàn ý và phát triển ý; bộc lộ quan điểm, tư duy một cách độc lập; ...)

– Khả năng viết các loại văn bản phù hợp với mục đích, đối tượng, hoàn cảnh, các tình huống khác nhau (vận dụng vào thực tiễn học tập và đời sống).

a) Cách làm câu nghị luận xã hội

– Theo yêu cầu mới của kì thi THPT quốc gia, câu nghị luận xã hội được tích hợp với ngữ liệu của phần Đọc hiểu, yêu cầu viết với độ dài khoảng 200 chữ, nội dung trình bày suy nghĩ về ý kiến được nêu trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Ví dụ: câu 1 của đề thi minh họa:

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em."

– Sau đây xin nêu một số lưu ý về cách làm câu nghị luận xã hội:

+ Câu hỏi yêu cầu bàn luận về một câu trích từ văn bản đọc hiểu (như một danh ngôn). Đối với HS trong nhà trường phổ thông, do đặc điểm về tâm lí, lứa tuổi, tầm nhận thức nên những vấn đề đặt ra và yêu cầu bàn luận không quá phức tạp mà thường chỉ là những khía cạnh đạo đức, tư tưởng, tình cảm gắn liền với cuộc sống hằng ngày như tình yêu quê hương, gia đình, bạn bè; ý thức trách nhiệm; tinh thần học tập; phương pháp nhận thức; ... Những vấn đề này có thể đặt ra một cách trực tiếp nhưng thường là được gợi mở qua một câu danh ngôn giàu ý nghĩa có trong văn bản đọc hiểu.

Ví dụ: Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Khi bạn yêu một cái cây bên cạnh bạn thì bạn yêu mọi cái cây trên thế gian. Khi bạn yêu thương một con người bên cạnh thì bạn yêu cả nhân loại".

+ Đối với dạng nghị luận này, cần xem xét vấn đề từ nhiều góc độ. Cách đơn giản nhất là thử đặt ra và trả lời những câu hỏi như: Nó là gì? Nó như thế nào? Vì sao lại như thế? Điều đó đúng hay sai, hay vừa đúng vừa sai? Nó được thể hiện như thế nào (trong văn học, trong cuộc sống)? Điều đó có ý nghĩa gì với cuộc

sống, với con người, với bản thân?... Từ việc đặt ra và trả lời các câu hỏi đó, có thể hình dung một đoạn văn nghị luận dạng này thường được triển khai theo ba bước cơ bản sau:

- Giải thích câu trích từ văn bản đọc hiểu: trước tiên cần giải thích nghĩa cụ thể của một số từ ngữ, khái niệm chưa rõ; sau đó giải thích ý nghĩa của cả câu.

- Phân tích và chứng minh: phân tích và dẫn ra các ví dụ về những con người và sự việc cụ thể trong cuộc sống, xã hội, lịch sử, ... để làm sáng tỏ chân lí mà mình đã giải thích ở phần trên.

- Bình luận, đánh giá: sau khi giải thích và chứng minh, cần khái quát, khẳng định lại chân lí, mở rộng và nâng cao ý nghĩa của vấn đề để từ đó có thể phê phán những hiện tượng, những biểu hiện đi ngược lại chân lí và liên hệ bản thân để rút ra bài học.

- + Trong một đoạn văn nghị luận xã hội, bên cạnh việc cắt nghĩa, lí giải và đánh giá, khâu chứng minh cũng rất quan trọng. Nó chứng tỏ mức độ hiểu và sự chủ động trong cách xử lí vấn đề của người viết. Mỗi ý kiến lí giải, đánh giá đều có thể gắn với thực tiễn đời sống để chứng minh tính thực tế, chân xác của nó. Để đoạn văn nghị luận xã hội trở nên sinh động, hấp dẫn, rất cần có hệ thống dẫn chứng thích hợp. Đó phải là những dẫn chứng từ thực tế đời sống, càng xác thực, cụ thể càng có sức thuyết phục cao. Nên hạn chế việc lấy dẫn chứng trong tác phẩm văn học vì dù tác phẩm văn học có phản ánh thực tế đời sống thì nó vẫn là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, tưởng tượng. Hơn nữa, việc lấy dẫn chứng trong tác phẩm còn có thể làm nhòe ranh giới giữa nghị luận văn học và nghị luận xã hội.

Việc đưa dẫn chứng lúc nào và đưa như thế nào cũng là vấn đề cần xem xét, cần nhắc. Không nên kể lể dài dòng mà nên thuật lại một cách ngắn gọn, nhấn mạnh vào khía cạnh ứng dụng của dẫn chứng đối với ý cần trình bày. Đưa dẫn chứng cần đúng lúc, đúng chỗ và có tính mục đích chứ không nên tùy tiện. Đưa dẫn chứng nên kèm theo thái độ, quan điểm đánh giá rõ ràng trên cơ sở lập trường nhân văn và tinh thần vì sự tiến bộ chung.

- + Khi liên hệ với thực tế, người viết cần có thái độ chân thành và nghiêm túc, tránh cách nói sáo mòn, gượng ép, giả tạo.

b) Cách làm câu nghị luận văn học

Yêu cầu của câu nghị luận văn học trong kì thi THPT quốc gia năm 2017 không có sự thay đổi lớn so với các năm trước, ngoại trừ thời gian làm bài ít hơn. Do đó, đề bài thường chỉ yêu cầu bàn luận về một khía cạnh cụ thể nào đó của tác phẩm hoặc làm sáng tỏ một nhận định. Dưới đây xin nêu lên một số lưu ý để HS làm câu nghị luận văn học đạt kết quả cao:

* Các dạng câu nghị luận văn học: Các dạng câu nghị luận văn học rất đa dạng và phong phú, trong phạm vi kì thi THPT quốc gia, có thể nêu lên một số dạng tiêu biểu sau đây: nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ; nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi; nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

(1) **Nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ:** Đây là dạng câu hỏi rất phổ biến. Do thời gian làm bài không nhiều (khoảng 60 phút cho câu nghị luận văn học) nên câu hỏi, yêu cầu không thể ôm đồm. Vì thế, đối tượng thường là bài thơ/ đoạn thơ ngắn (4 – 12 câu) đã học hoặc yêu cầu phân tích đoạn thơ/ bài thơ để làm sáng tỏ một nhận xét nào đó. Có hai dạng cụ thể:

– Phân tích và làm sáng tỏ một khía cạnh của bài thơ/ đoạn thơ:

Ví dụ: Phân tích cảm hứng lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Để giải quyết câu hỏi này, trước hết cần bám sát yêu cầu của câu hỏi. Cần chú ý rằng câu hỏi không yêu cầu phân tích toàn bộ bài thơ *Tây Tiến*, cũng không yêu cầu nêu toàn bộ vẻ đẹp của bài thơ và hình tượng người lính (cả màu sắc hiện thực và lãng mạn), mà chỉ tập trung vào các chi tiết thể hiện cảm hứng lãng mạn mà thôi. Tuy nhiên, cũng cần nói qua một số nội dung liên quan trước khi vào phần chính như: giới thiệu sơ bộ về tác giả, hoàn cảnh ra đời và nét phong cách nổi bật của bài thơ *Tây Tiến*; nêu khái quát vẻ đẹp vừa giàu chất hiện thực, vừa đậm chất lãng mạn của bài thơ; từ đó tập trung giới thiệu và phân tích cảm hứng lãng mạn (phần chính).

Sau đây xin nêu gợi ý làm bài cho câu hỏi nêu trên để HS tham khảo:

Đề bài yêu cầu HS viết văn bản nghị luận về một tác phẩm, có định hướng nội dung cụ thể. Để thực hiện bài viết, HS cần nêu rõ thế nào là cảm hứng lãng mạn và biểu hiện của nó trong tác phẩm văn chương, sau đó chỉ ra sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và ý nghĩa, giá trị của sự thể hiện cảm hứng lãng mạn.

Mở bài

+ Giới thiệu về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ *Tây Tiến* (dề tài, nội dung).

+ Giới thiệu về cảm hứng lãng mạn – một nét cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

Thân bài

+ Cảm hứng lãng mạn và sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong tác phẩm văn chương:

- Cảm hứng lãng mạn trong văn học được hiểu là xu thế vươn lên, vượt lên trên thực tại khách quan bằng cảm xúc chủ quan của người nghệ sĩ, thể hiện những khát vọng mạnh mẽ hướng về những vẻ đẹp khác lạ trong thế giới của mơ ước, tưởng tượng, ở tương lai hay quá khứ.

- Cảm hứng lãng mạn vì thế thường khai thác những đề tài như thiên nhiên, tình yêu, tôn giáo, hồi tưởng kỉ niệm, ...; đi tìm cái đẹp trong những cái khác lạ, phi thường, độc đáo, vượt lên những cái tầm thường, quen thuộc của đời sống hằng ngày. Nó đề cao nguyên tắc chủ quan, phát huy cao độ sức mạnh của tưởng tượng, liên tưởng. Cảm hứng lãng mạn cũng thường tìm đến cách diễn đạt khoa trương, phóng đại, thủ pháp tương phản, đối lập, ngôn ngữ giàu tính biểu cảm và gây ấn tượng mạnh mẽ.

+ Sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến*: Cần phân tích cảm hứng lãng mạn của bài thơ *Tây Tiến* trên hai phương diện: nội dung cảm hứng (nhớ một thời chiến chinh gian khổ, hi sinh; hình tượng thiên nhiên; hình tượng người lính Tây Tiến); nghệ thuật thể hiện (bút pháp tương phản, đối lập trong việc thể hiện hiện thực khắc nghiệt của cuộc sống chiến đấu và chất thơ từ chính cuộc sống đó; nét bi thương và hào hùng của hình tượng người lính; giọng điệu bi tráng của tác phẩm,...).

- Tương phản trong vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống nơi miền Tây: Làm rõ: thiên nhiên dữ dội, hiểm trở với núi cao, vực thẳm, sông sâu, thú dữ, ... nhưng cũng toát lên vẻ hùng vĩ; bên cạnh đó là những hình ảnh của nơi "phương xa xứ lạ" thơ mộng, trữ tình hiện lên với tất cả vẻ mỹ lệ, quyến rũ, làm say lòng người.

- Tương phản trong vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến: những khó khăn, thử thách không ngăn cản được bước chân người lính trên con đường hành quân cheo leo, hiểm trở; những nét bi thương "không mọc tóc", "mồ viễn xứ",...

là nốt trầm trong bản hùng ca về những con người "chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh", tương phản với những nét lãng mạn, hào hoa, tinh tế của những chàng trai Hà thành.

+ Nhận xét, bàn luận về ý nghĩa, giá trị của sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong bài thơ *Tây Tiến*:

- Cảm hứng lãng mạn và vị trí của bài thơ *Tây Tiến* trong nền thơ Việt Nam thời kì chống thực dân Pháp: khắc họa vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến và vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên miền Tây qua nỗi nhớ của tác giả, tạo nên vẻ đẹp riêng hết sức độc đáo của tác phẩm.

- Cảm hứng lãng mạn và sự thể hiện phong cách tác giả: cho thấy nét hồn nhiên, tinh tế, sự hào hoa, phóng khoáng, đậm chất lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng (có thể so sánh với một số bài thơ khác cùng ra đời trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp).

Kết bài

Nêu cảm nhận, ấn tượng riêng của cá nhân về vẻ đẹp của cảm hứng lãng mạn trong bài thơ

– *Phân tích một đoạn thơ cụ thể, cho sẵn trong đề:*

Ví dụ: Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu:

*Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

(Dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 111)

Với dạng câu hỏi này, cần thực hiện các bước sau:

+ Bước 1: Đọc kĩ đoạn thơ, xác định cảm xúc/ tâm trạng bao trùm toàn bộ đoạn thơ.

+ Bước 2: Phân tích chi tiết, chỉ ra các hình thức thể hiện cụ thể mà nhà thơ đã sử dụng để làm nổi bật cảm xúc/ tâm trạng đã xác định ở bước 1. Một trong những cách làm quen thuộc là bám sát từng câu, từng khổ của đoạn thơ để phân tích, diễn giải, chỉ ra vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ ấy.

+ Bước 3: Nhận xét, đánh giá về giá trị và tác động của đoạn thơ đối với người viết bài

Tất nhiên, khi nêu nội dung chính của đoạn thơ cũng cần giới thiệu vài nét về tác giả và những nét nổi bật về nội dung, nghệ thuật của cả bài thơ. Trong phần nhận xét, đánh giá cũng có thể liên hệ và dẫn ra một vài bài thơ khác cùng đề tài để so sánh, làm nổi bật nét riêng và đóng góp của tác giả.

Với đề bài yêu cầu phân tích một đoạn trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu đã dẫn ở ví dụ trên, có thể tham khảo một số ý cụ thể sau đây:

Mở bài

- Giới thiệu về Tố Hữu và bài thơ *Việt Bắc*
- Giới thiệu cảm xúc bao trùm đoạn thơ: là những cảm xúc dạt dào, sâu lắng của người ra đi về vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và con người Việt Bắc

Thân bài

Phân tích cụ thể: có thể chia đoạn thơ thành hai phần:

- Phần đầu gồm 2 câu đầu như là lời mở đầu đưa đẩy trong các cuộc hát giao duyên, trong đó người về vừa ước hỏi người ở lại, vừa khẳng định những tình cảm trong lòng mình: nhớ cả "hoa" và "người". "Hoa" và "người" là hai hình ảnh song song đồng hiện, soi chiếu lẫn nhau. "Hoa" là thứ đẹp nhất của thiên nhiên, còn "người" là hoa của đất.

- Phần sau gồm 8 câu thơ, chia thành 4 cặp lục bát. Đó là bức tranh tứ bình về cảnh (*hoa*) và người Việt Bắc trong bốn mùa với những nét đặc trưng nhất của miền đất này. Ở mỗi cặp lục bát, cứ câu lục tả cảnh thì câu bát tả người.

Cặp lục bát thứ nhất: Hình ảnh có tính khái quát, trong đó Việt Bắc hiện lên như một miền quê yên bình, lặng lẽ. Gam màu cơ bản của bức tranh là màu xanh – một màu xanh mênh mông và trầm tĩnh của rừng già. Trên cái nền xanh ấy là màu đỏ của hoa chuối rừng như những ngọn lửa bập bùng cháy làm sáng lên cả một góc rừng, xua tan không khí lạnh lẽo của mùa đông. Ánh nắng trong câu bát làm

cho không khí vốn trầm mặc của nơi này trở nên tươi sáng và lung linh. Trên nền cảnh ấy, con người xuất hiện. Người đứng trên đỉnh đèo cao, ánh nắng chiếu vào làm cho lưỡi dao gài bên thắt lưng loé sáng. Hình ảnh đó gợi lên tư thế vững chãi, tự tin của con người làm chủ núi rừng.

Cặp lục bát thứ hai: Nền xanh trầm tĩnh của bức tranh thứ nhất đã nhường chỗ cho nền trắng tinh khiết của hoa mơ rừng khi mùa xuân đến. Cảnh rừng như bừng sáng và trên nền cảnh ấy hiện ra hình ảnh con người đang làm việc một cách thầm lặng: chuốt từng sợi giang để đan nón. Hai chữ "chuốt từng" gợi ra dáng điệu cần mẫn, cẩn trọng và cũng hết sức tài hoa.

Cặp lục bát thứ ba: Âm thanh của núi rừng đã xuất hiện. Nhạc ve làm cho không khí trở nên xao động. Ve kêu gọi hè đến và khiến cho những rừng phách đổ hoa màu vàng. Chữ "đổ" nhấn mạnh sự biến đổi nhanh chóng của màu sắc, đồng thời diễn tả những trận mưa hoa vàng mỗi khi có luồng gió ào qua. Trên nền cảnh ấy xuất hiện người lao động: cô gái Việt Bắc đang hái măng một mình. Hình ảnh này cho thấy sự chịu thương, chịu khó của người dân nơi đây.

Cặp lục bát thứ tư vẽ ra cảnh ánh trăng thu rọi qua vòm lá tạo nên khung cảnh huyền ảo: "Rừng thu trăng rọi hoà bình". Nó khiến ta nhớ đến câu thơ của Hồ Chí Minh: "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa" (*Cảnh khuya*). Trên nền khung cảnh trữ tình đó là hình ảnh con người cất tiếng hát về sự ân tình, thủy chung. Chữ "ai" làm cho đoạn thơ trở nên tình tứ hơn và qua đó, ta cũng thấy được phẩm chất ân nghĩa, thủy chung của người Việt Bắc.

Qua bốn bức tranh, Tố Hữu đã vẽ nên bằng thơ những gì đặc trưng nhất của cảnh và người Việt Bắc. Điều thú vị là tất cả đều hiện lên trong điệp khúc nhớ thương. Trong nỗi nhớ, tất cả như hiện lên lung linh hơn, huyền ảo hơn.

Kết bài

Nêu cảm nhận, ấn tượng riêng của cá nhân về đoạn thơ và phong cách thơ Tố Hữu.

(2) Nghị luận về một tác phẩm/ đoạn trích văn xuôi:

– Các dạng câu hỏi:

+ *Làm rõ một giá trị, một đặc điểm của tác phẩm/ đoạn trích.*

Ví dụ 1: Phân tích giá trị nhân đạo của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).

Ví dụ 2: Phân tích tác dụng của một số yếu tố hình thức mang đậm tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

+ *Nêu cảm nhận về một đoạn trích trong tác phẩm đã học.*

Ví dụ 3: Cảm nhận của anh/ chị về đoạn văn sau:

Rời khỏi kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đấy là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: "Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ...". Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hoá xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*,
dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr 200 – 201)

+ *Phân tích tình huống truyện, nêu cảm nhận về một chi tiết hay một nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.*

Ví dụ 4: Phân tích tình huống trong truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Ví dụ 5: Cảm nhận của anh/ chị về hình ảnh đôi bàn tay của nhân vật Tru trong truyện *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

+ *Phân tích một nhân vật hoặc một hình tượng trong tác phẩm.*

Ví dụ 6: Phân tích nhân vật Mị trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

Ví dụ 7: Phân tích hình tượng rừng xà nu trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

– Có thể thấy các dạng câu hỏi nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm văn xuôi rất phong phú. HS cần tuỳ vào từng dạng câu hỏi mà xác định cách làm phù hợp. Tuy nhiên, có thể nêu lên một số lưu ý về cách làm chung như sau:

+ Tập trung vào vấn đề cụ thể mà câu hỏi nêu lên, không bàn chung về cả tác phẩm. Chẳng hạn như ví dụ 4 yêu cầu phân tích tình huống trong truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân thì chỉ tập trung vào tình huống truyện, không viết lan man sang các nội dung khác.

+ Trong khi phân tích, cần dẫn ra được các chi tiết cụ thể gắn với các nhân vật, sự việc, tình huống, ... xảy ra trong tác phẩm để chứng tỏ người viết có đọc và nắm được nội dung cụ thể của tác phẩm; tránh nói chung chung, phân tích suông, không có dẫn chứng.

+ Trước khi đi sâu vào vấn đề trọng tâm, cũng cần giới thiệu một số thông tin mang tính khái quát về tác giả, tác phẩm, ... tùy theo yêu cầu cụ thể của đề bài.

– Sau đây xin giới thiệu và gợi ý cách làm một số câu nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm văn xuôi để HS tham khảo.

Ví dụ 1: Phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Gợi ý làm bài

Với đề bài này, cần phối hợp các thao tác phân tích, bình luận và chứng minh. Về nội dung, cần trình bày rõ đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của tình huống truyện đối với việc khắc họa tâm lí, tính cách nhân vật và bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

Tham khảo các ý chính sau:

+ Trình bày vấn đề về tình huống của truyện *Vợ nhặt*, những chi tiết quan trọng trong tình huống truyện:

- Thông thường, có ba loại tình huống phổ biến trong truyện ngắn: tình huống hành động, tình huống tâm trạng và tình huống nhận thức. Trong truyện ngắn của Kim Lân, tình huống truyện gắn liền với hành động có tính bước ngoặt của nhân vật Tràng: "nhặt" một người đàn bà ngoài đường về làm vợ. Theo phong tục của người Việt, chuyện dựng vợ gả chồng là hệ trọng, phải tìm hiểu ngọn ngành, phải được gia đình, họ hàng tổ chức ăn hỏi, cưới xin. Vậy mà ở đây, Kim Lân đã để cho nhân vật Tràng "nhặt" vợ quá dễ dàng, đơn giản: chỉ qua hai lần tình cờ gặp gỡ, mấy câu đùa tầm phơ tầm phào, vài bát bánh đúc mà thành vợ thành chồng.

- Chú ý những chi tiết liên quan đến số phận nhân vật, góp phần tạo nên tình huống truyện: cảnh ngộ của Tràng và bà cụ Tứ, cảnh ngộ của người "vợ

nhật"; nguyên nhân khiến hai con người xa lạ dạt vào nhau, bám víu lấy nhau; bối cảnh lịch sử – xã hội liên quan đến tình huống truyện: ách đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã đẩy hàng triệu người Việt Nam vào nạn đói khủng khiếp năm 1945.

• Cần phân tích văn tắt dựng công nghệ thuật của Kim Lân khi xây dựng tình huống truyện: Tràng "nhật" được vợ giữa những ngày đói khủng khiếp, khi ranh giới của sự sống và cái chết rất mong manh. Hơn nữa, câu chuyện "nhật" vợ của Tràng được tác giả đặt trên nền một khung cảnh "lỗi sầm vì đói khát", người chết đói "nằm còng queo bên vệ đường", người đói từ các vùng "lũ lụt bỗng bề, dất dứu nhau lên xanh xám như những bóng ma". Khắp nơi "vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người"... Phải cảm nhận được cảnh đói khát cùng cực ấy, mới thấy hết sự "liều lĩnh" trong hành động của Tràng. Anh nông dân nghèo khổ không khỏi cảm thấy "chợn" khi người đàn bà kia theo về: "thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng". Nhưng niềm khao khát hạnh phúc đã lấn át nỗi sợ, nỗi lo – Tràng "tặc lưỡi một cái: Chậc, kệ!". Và đúng vào lúc con người tưởng chỉ còn có thể nghĩ về miếng ăn và cái chết thì Tràng dẫn về một người đàn bà lạ. Đây là tình huống truyện vừa có tính điển hình, vừa độc đáo, bất ngờ, các chi tiết chân thực, tự nhiên và sinh động.

+ Phân tích tính chất bất thường nhưng vẫn phản ánh đúng bản chất hiện thực của sự kiện Tràng "nhật" được vợ:

• Nhà văn đã thể hiện một cách rất chân thực cái nghịch cảnh trở trêu trong số phận của các nhân vật: hạnh phúc lứa đôi là sự bầu vút, chấp vá trong nỗi cơ cực, tuyệt vọng vì đói khổ. Với Tràng, "nhật" được vợ là điều không thể ngờ, anh ta ngỡ ngàng vì hạnh phúc không chờ đợi và lo sợ vì không biết có thể làm gì để sống qua những ngày đói. Với người "vợ nhật", theo Tràng về là tìm kiếm chỗ bám víu, hi vọng xen lẫn tủi cực, chua chát. Bà cụ Tứ xót xa vì dựng vợ, gả chồng cho con cái là việc hệ trọng nhưng trong cảnh ngộ này, tất cả đều chỉ là tạm bợ, qua loa.

• Nhưng chính cái nghịch cảnh bất thường này lại là cái cớ để nhà văn khai thác và thể hiện những vấn đề hệ trọng của số phận con người, của lịch sử. Nó khiến cho tất cả những người chứng kiến đều cảm thấy ngạc nhiên và cũng khơi

lên trong lòng họ những cảm xúc trái ngược. Bắt đầu là những người dân trong xóm ngụ cư. Họ xôn xao khi thấy Tràng trở về cùng người đàn bà lạ. Họ băn khoăn, thắc mắc, nháo nhác hỏi nhau về lai lịch của người phụ nữ đi cùng Tràng: "Ai đấy nhỉ? ... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên?". Rõ ràng là trước đó chẳng có "tin hiệu" nào báo trước chuyện lấy vợ của Tràng! Người thì tò vè ái ngại, lo lắng cho anh chàng ngụ cư nghèo khổ: "Giời đất này còn rước cái của nợ đời về"; người thì cười rinh rích, trêu chọc Tràng. Sự tò mò khiến trong phút chốc họ quên cả cái đói. Những khuôn mặt người đang hốc hác, u tối bỗng sống động hẳn lên như thể vừa có một luồng sinh khí lướt qua những căn nhà, lối ngõ vốn tối tăm vì đói khát, chìm trong không khí ám đạm thê lương của nỗi ám ảnh về cái chết. Tạo dựng tình huống truyện độc đáo ấy, Kim Lân không chỉ mang đến sức hấp dẫn cho cốt truyện mà còn thể hiện được thân phận của những con người cùng khổ. Đó cũng là cái nền đề nhà văn tô đậm những vẻ đẹp tiềm ẩn trong tâm hồn họ.

+ Phân tích vai trò của tình huống truyện trong việc thể hiện số phận, tâm lí nhân vật: Đây là nội dung trọng tâm, HS cần dựa vào những kiến thức đã học để nhấn mạnh hai ý chính sau:

- Tình huống truyện làm nổi bật nỗi khổ cùng của con người trong bi kịch của lịch sử, của dân tộc: hoàn cảnh của Tràng, bà cụ Tứ, người đàn bà "vợ nhặt", ... Phải đề sự kiện "nhặt" vợ diễn ra đột ngột vào những ngày đói khát cùng cực thì mới thấy hết tấm lòng bao dung độ lượng của một người mẹ già nua, nghèo khổ. Cũng phải đặt trong một tình huống đặc biệt, Kim Lân mới có thể phát hiện những vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người anh nông dân ngụ cư nghèo khổ, vụng về, thô kệch.

- Tình huống truyện tạo "đất" để khai thác diễn biến tâm lí nhân vật một cách tinh tế, chân thực: tâm lí của Tràng, của người "vợ nhặt", đặc biệt là của bà cụ Tứ. Qua cách kể của Kim Lân, câu chuyện "nhặt" vợ tưởng là bi hài đã hoá thành khúc ca về sức sống mãnh liệt của con người. Ngay trong đói khổ cùng cực – khi người ta ngỡ chỉ còn có thể nghĩ được đến miếng ăn, chỉ còn sống với nỗi lo âu về cái chết thì Tràng vẫn khát khao được sống như một con người thực sự. Khát vọng hạnh phúc bình dị mà tha thiết, mãnh liệt ấy khiến người đọc không hề bất ngờ khi ngồi bên mâm cơm ngày đói, Tràng chợt nghĩ đến những người đi phá kho thóc của Nhật. Và cả gia đình Tràng – ba con người đang lâm vào cảnh khổ cùng – đã không tuyệt vọng.

+ Đánh giá khái quát những thành công của tác giả trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và ý nghĩa của nó đối với việc thể hiện tâm lí, tính cách nhân vật và bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

Ví dụ 2: Phân tích hình ảnh đôi bàn tay của nhân vật Tnú trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

Gợi ý làm bài

Đôi bàn tay của Tnú là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng và đậm chất sử thi. Đó là đôi tay chứa đựng sức mạnh của tình yêu thương, tinh thần bất khuất, kiên cường, ý chí chiến đấu, nguồn sức sống mãnh liệt,... Cần chú ý phân tích ý nghĩa của các chi tiết nổi bật sau:

+ Đôi tay của cậu bé từng đập vỡ tấm bảng, tự trừng phạt mình khi học chữ thua Mai để rồi lại cần mẫn học viết từng nét chữ..

+ Đôi tay của chàng trai vừa vượt ngục trở về, run rẩy khi cầm tay người con gái anh yêu.

+ Đôi tay không kịp cầm vũ khí – "hai bàn tay trắng", "hai bàn tay không" nên đã không thể bảo vệ được gia đình và buôn làng.

+ Đôi tay bị kẻ thù tẩm nhựa xà nu đốt cháy trở thành tàn tật, mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt, "không mọc ra được nữa".

+ Đôi bàn tay mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt vẫn cầm súng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, bảo vệ buôn làng, quê hương.

(3) Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

Sau đây, chúng tôi xin nêu vài ví dụ và gợi ý làm bài cho dạng câu nghị luận về một ý kiến bàn về văn học để HS tham khảo.

Ví dụ 1: Một trong những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 là giàu chất sử thi.

Anh/ Chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

Gợi ý làm bài

Trọng tâm của bài viết là những biểu hiện cụ thể và đặc sắc của khuynh hướng sử thi trong truyện ngắn *Rừng xà nu*. Đề bàn luận đúng hướng, cần bám sát

nội dung cơ bản của tinh sử thi: đề cập đến những vấn đề trọng đại của cộng đồng; nhân vật trung tâm mang tầm vóc phi thường – đại diện cho số phận và phẩm chất của giai cấp, dân tộc; ngôn từ, hình ảnh toát lên chất thơ hùng tráng, âm hưởng hào hùng ..

Bài viết có thể triển khai những ý chính sau:

– Màu sắc sử thi được thể hiện qua đề tài, cốt truyện, lối trần thuật, ngôn từ, hình ảnh:

+ Đề tài, nội dung cốt truyện phản ánh cuộc đấu tranh giành tự do của người dân Xô Man nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung trong những năm tháng chống Mỹ ác liệt.

+ Lối trần thuật mang đậm chất "sử thi Tây Nguyên": câu chuyện một đời người được kể trong một đêm rừng yên tĩnh, trong không khí trang trọng, thiêng liêng qua lời kể của già làng bên bếp lửa nhà rồng. Lời kể được khởi đầu bằng lời nhắn nhủ tha thiết, hệ trọng của vị già làng: "Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước, hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con, cháu nghe...".

+ Ngôn từ, hình ảnh toát lên chất thơ hùng tráng, âm hưởng trang trọng của sử thi

– Màu sắc sử thi được thể hiện qua hình tượng thiên nhiên:

+ Hình tượng cây xà nu không chỉ chiếm giữ những vị trí "then chốt" của truyện ngắn này (nhân đề, mở đầu và kết thúc) mà còn trở đi trở lại, song hành với hình tượng con người.

+ Hình tượng cây xà nu mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng:

• Phản chiếu những đau thương, mất mát mà người dân Tây Nguyên phải gánh chịu trong cuộc chiến tranh khốc liệt.

• Thể hiện tinh thần bất khuất, khát vọng tự do và sức sống mãnh liệt của thiên nhiên và con người Tây Nguyên.

– Màu sắc sử thi được thể hiện qua hình tượng con người:

+ Các thế hệ người dân làng Xô Man đều phải trải qua nhiều gian khổ, hi sinh (nhiều người già và thanh niên bị giặc bắt giữ, tra tấn dã man; bà Nhan, anh Xút bị sát hại,...) nhưng vẫn tiếp bước nhau trên con đường chiến đấu giành tự do: cụ Mết, Tnú, Mai, Dít, bé Heng,...

+ Hình tượng Tnú, người con ưu tú nhất của làng Xô Man:

- Phải gánh chịu những đau thương, mất mát lớn lao: bản thân bị tù đầy, vợ con bị sát hại, hai bàn tay anh bị giặc tắm nhựa xà nu đốt, mỗi ngón tay chỉ còn hai đốt.

- Bất khuất, kiên cường: cùng cụ Mết lãnh đạo dân làng cầm vũ khí đánh giặc; lên đường cầm súng chiến đấu và chiến thắng kẻ thù,...

Màu sắc sử thi thấm đượm trong các yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm *Rừng xà nu*. Truyện ngắn này được mệnh danh là "thiên sử thi Tây Nguyên thời chống Mĩ". Bằng tình cảm gắn bó sâu nặng với miền đất Tây Nguyên và với ngòi bút tràn đầy cảm hứng lãng mạn, Nguyễn Trung Thành đã góp phần làm nên sự phong phú của khuynh hướng sử thi trong văn học Việt Nam giai đoạn này.

Ví dụ 2: Bàn về giá trị nhận thức của tác phẩm văn học, SGK *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai (NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 123) viết: "Văn học đặc biệt coi trọng sự nhận thức về giá trị con người [...]. Từ các nhận thức đó, văn học soi rọi cho người đọc ánh sáng lí tưởng, nâng đỡ niềm tin vào cuộc đời, khơi gợi ở họ tình yêu đối với cuộc sống. Vì thế, giá trị nhận thức của văn học thấm nhuần tính chất nhân văn."

Anh/ Chị có suy nghĩ gì về ý kiến trên?

Gợi ý làm bài

Có thể tham khảo một số ý sau:

- Tác phẩm văn học mang đến cho con người vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về thế giới. Nó có khả năng phá vỡ mọi giới hạn thời gian, không gian, cho ta được sống cùng quá khứ, tương lai, được tiếp xúc với cuộc sống của nhiều dân tộc, nhiều vùng đất khác nhau. Đọc thần thoại, cổ tích,... ta hiểu cách hình dung của người xưa về thế giới, hiểu mong ước, quan niệm sống và trí tưởng tượng bay bổng của họ... Những cuốn sách như *Chiến tranh và hoà bình* (L.Tôn-xtôi), *Cuốn theo chiều gió* (M. Mi-chell), *Sông Đông êm đềm* (M. Sô-lô-khốp),... giúp người đọc hiểu biết về thiên nhiên, con người, thời đại,... ở những đất nước mà có thể họ chưa bao giờ đặt chân tới. Những trang viết của Tô Hoài (*Vợ chồng A Phủ*),

Son Nam (*Hương rừng Cà Mau*), Nguyễn Trung Thành (*Rừng xà nu*),... cung cấp cho ta vốn tri thức phong phú về những vùng đất xa xôi của quê hương, đất nước mình.

– Cùng với quá trình nhận thức cuộc sống, tác phẩm văn học còn mang đến cho người đọc khả năng tự nhận thức về bản thân mình. Sự tiếp xúc và nếm trải cuộc sống của bao nhiêu người khác với những cảnh ngộ, số phận, tâm tư, tình cảm khác nhau làm phong phú tri thức về con người. Từ nền tảng tri thức đó, mỗi người tự nhận biết và hiểu mình hơn... Đó chính là nhờ sự "soi rọi" ánh sáng lí tưởng, "nâng đỡ niềm tin vào cuộc đời", khơi gợi "tình yêu đối với cuộc sống" của tác phẩm văn học.

* Một số lưu ý cụ thể

– Về yêu cầu phân tích, cảm nhận:

Trong chương trình và SGK Ngữ văn THPT, phân tích được xem là một thao tác bên cạnh các thao tác khác thường dùng trong văn nghị luận như giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh, bác bỏ,... Phân tích được hiểu là động tác chia tách một sự vật, đi sâu vào các bộ phận để chỉ ra nội dung, vai trò, tác dụng của từng bộ phận và mối quan hệ giữa các bộ phận đó. Từ cách hiểu chung vừa nêu, vận dụng vào các đề bài có yêu cầu phân tích để thấy được cách làm bài văn phân tích. Chẳng hạn: Phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học là việc chỉ ra: Nhân vật đó là người như thế nào? Người đó có những đặc điểm và tính cách ra sao? Đặc điểm và tính cách ấy biểu hiện qua các phương diện nào (ngoại hình, nội tâm, hành động, trang phục, ngôn ngữ,...)? Phân tích tư tưởng nhân đạo trong tác phẩm văn học là chỉ ra các phương diện thể hiện tư tưởng nhân đạo và các biểu hiện cụ thể của nó trong tác phẩm như: tinh thần phê phán, tố cáo của tác phẩm; sự chia sẻ, cảm thông của tác giả đối với nhân vật; những ước mơ, khát vọng của con người được phản ánh trong tác phẩm;...

Tất nhiên, phân tích không chỉ dừng lại ở việc "mô xê", đi sâu vào các mặt, các chi tiết cụ thể mà còn phải biết khái quát, tổng hợp, đánh giá. Bài văn phân tích còn cần kết hợp sử dụng các thao tác lập luận khác nữa.

Trong nhiều đề bài, câu lệnh không chỉ rõ các thao tác như *hãy phân tích, giải thích, bình luận*,... mà lại dùng chữ *cảm nhận*,... Theo *Từ điển tiếng Việt*⁽¹⁾ thì "*cảm nhận* là nhận biết bằng cảm tính hoặc bằng các giác quan". Theo cách hiểu

(1) Hoàng Phê (Chu biên), NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2000, tr. 107.

này, cảm nhận gắn với phương thức biểu cảm, tức là phát biểu những hiểu biết của mình về một vấn đề, một sự vật nào đó thông qua cảm nhận, cảm nghĩ của mình. Tuy nhiên, trong thực tế, rất nhiều đề bài yêu cầu nêu *cảm nhận* và yêu cầu làm bài cũng không khác *phân tích*.

Trước tình hình trên, chúng tôi cho rằng dù yêu cầu phân tích hay phát biểu cảm nhận thì HS cũng cần nêu lên được những hiểu biết của mình về cái hay, cái đẹp của văn bản – tác phẩm. Mà đã là tác phẩm văn học thì không thể không nói tới nội dung và nghệ thuật. Hai phương diện này gắn bó chặt chẽ với nhau: nội dung tư tưởng, cảm xúc quyết định hình thức biểu hiện; hình thức giúp cho việc biểu hiện nội dung một cách sâu sắc, thấm thía và có hiệu quả. Khi làm bài (kể cả cách chia làm hai phần nội dung và nghệ thuật), HS cần chỉ ra mối quan hệ và sự tác động qua lại của hai phương diện này, tránh việc tách rời nội dung và nghệ thuật.

– Một số sai sót cần tránh khi phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học: Như trên đã trình bày, thực chất loại câu hỏi phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học yêu cầu người viết làm sáng lên vẻ đẹp của tác phẩm văn học trong sự gắn bó giữa nội dung và hình thức. Với dạng câu hỏi này, HS thường có mấy xu hướng sai lệch sau đây:

+ Diễn xuôi nội dung của tác phẩm: lỗi này thể hiện ở chỗ người viết chỉ đơn giản kể lại cốt truyện, tóm tắt cốt truyện và coi đó là phân tích tác phẩm. Đối với thơ thì chủ yếu diễn xuôi các ý đã rõ trên câu chữ. Chẳng hạn phân tích hoặc bình giảng khổ thơ: "Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thăm – Heo hút cồn mây súng ngửi trời – Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống – Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi" (*Tây Tiến* – Quang Dũng), có bạn viết: "Trong cuộc chiến đấu gian khổ ác liệt ấy, anh bộ đội phải trải qua muôn vàn khó khăn, phải vượt những dốc cao thăm thăm và khúc khuỷu; dốc cao hàng ngàn thước, lúc lên cũng như lúc xuống. Lên đã nguy hiểm, xuống còn nguy hiểm hơn. Nhưng rồi họ cũng đã vượt qua để ngồi nhìn mưa xa xa phía Pha Luông...".

+ Tách rời nội dung và nghệ thuật, không thấy được sự gắn bó giữa chúng: lỗi này thường thể hiện ở chỗ người viết tập trung phân tích, trình bày nội dung tác phẩm, gần đến kết bài mới nói qua một số đặc điểm về nghệ thuật. Nhưng điều quan trọng là những đặc điểm nghệ thuật ấy chẳng ăn nhập gì với nội dung đã phân tích ở trên và rất chung chung, gắn vào bài nào cũng được, chẳng hạn:

"Trong bài thơ, tác giả đã dùng nhiều từ ngữ thật độc đáo, sáng tạo, những hình ảnh sống động, giàu chất thơ..." hoặc: "Tác phẩm đã tạo dựng được một cốt truyện sinh động, hấp dẫn với hệ thống nhân vật có tính cách độc đáo, điển hình".

+ Suy diễn nội dung và nghệ thuật của tác phẩm một cách gượng ép: suy diễn một cách cứng nhắc, dung tục về nội dung tác phẩm nghĩa là gán cho tác phẩm những ý nghĩa, những nội dung mà nó không có. Khi viết HS thường ca ngợi một cách thái quá, "bốc" nhà thơ, nhà văn lên tận mây xanh, ai cũng có thể trở thành thi sĩ lỗi lạc, thành đại văn hào, nhà thơ lớn của dân tộc và nhân loại,...; tác phẩm nào cũng vô cùng sâu sắc, có ý nghĩa thời đại,... Suy diễn cứng nhắc về nghệ thuật có nghĩa là gán cho những hình thức nghệ thuật bình thường những giá trị mà nó không có. Bởi vì không phải hình thức nghệ thuật nào cũng có giá trị độc đáo; không phải biện pháp tu từ nào cũng được dùng một cách khéo léo và có hiệu quả; không phải từ ngữ và hình ảnh nào trong tác phẩm cũng hay,...

– Điều cần lưu ý nhất khi làm câu nghị luận văn học là cần phải phân tích tác phẩm văn học theo những nguyên tắc của tiếp nhận nghệ thuật; những khám phá cá nhân trong cảm thụ nghệ thuật rất nên được khuyến khích nhưng không vì thế mà suy diễn tùy tiện, gượng ép, dung tục.

– Phân tích, bình giá giá trị của một tác phẩm trước hết phải bám sát văn bản; cảm nhận được nội dung hàm chứa trong đó; nhận ra được những dấu hiệu hình thức ngôn từ độc đáo, khác lạ và phân tích, chỉ ra được vai trò của những hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung. Muốn thế, người viết cần nắm vững một số hình thức biểu hiện quen thuộc của tác phẩm văn học và vai trò, tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.



mất
chir
đượ
ngư
nhấ
là n
yêu
Đừn
sẽ g
thái
yêu

Câu

Câu

Câu

Phần hai

HỆ THỐNG ĐỀ THỰC HÀNH LUYỆN TẬP VÀ GỢI Ý – HƯỚNG DẪN

A. HỆ THỐNG ĐỀ

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đôi khi cuộc sống dường như muốn cố tình đánh ngã bạn. Nhưng hãy đừng mất lòng tin. Tôi biết chắc chắn rằng, điều duy nhất đã giúp tôi tiếp tục bước đi chính là tình yêu của tôi dành cho những gì tôi đã làm. Các bạn phải tìm ra được cái các bạn yêu quý. Điều đó luôn đúng cho công việc và cho cả những người thân yêu của bạn. Công việc sẽ chiếm phần lớn cuộc đời bạn và cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời. Và cách để tạo ra những công việc tuyệt vời là bạn hãy yêu việc mình làm. Nếu như các bạn chưa tìm thấy nó, hãy tiếp tục tìm kiếm. Đừng bỏ cuộc bởi vì bằng trái tim bạn, bạn sẽ biết khi bạn tìm thấy nó. Và cũng sẽ giống như bất kì một mối quan hệ nào, nó sẽ trở nên tốt dần lên khi năm tháng qua đi. Vì vậy hãy cố gắng tìm kiếm cho đến khi nào bạn tìm ra được tình yêu của mình, đừng từ bỏ.

(Theo Steve Jobs với những phát ngôn đáng nhớ. <http://www.vnexpress.net>, ngày 26/ 8/ 2011)

- Câu ①** Chỉ ra ít nhất 05 cụm từ trong đoạn trích thể hiện tính chất kêu gọi, động viên, khích lệ.
- Câu ②** Anh/ Chị hiểu thế nào về câu: "Đôi khi cuộc sống dường như muốn cố tình đánh ngã bạn.?"
- Câu ③** Theo anh/ chị, vì sao tác giả cho rằng: "Các bạn phải tìm ra được cái các bạn yêu quý.?"

Câu ④ Thông điệp nào từ đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/ chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến của Steve Jobs được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời.*

Câu ② (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mỹ lệ, nên thơ của thiên nhiên núi rừng miền Tây trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Người Nhật Bản rất thích ăn cá, nhưng chỉ thích ăn cá tươi và cực ghét cá ươn.

Sau thời gian dài khai thác, biển gần bờ đã không còn cá nữa. Để giải quyết nhu cầu, người Nhật quyết định đóng tàu to hơn và chuyển sang đánh bắt xa bờ. Tuy nhiên, vấn đề lại nảy sinh: Đánh cá càng xa bờ thì lại càng tốn nhiều thời gian để mang cá về – có khi mất vài ngày và cá không còn tươi nữa.

Các công ty đánh bắt cá của Nhật Bản thử cách lắp đặt tủ đông trên tàu đánh cá. Tủ đông làm đông cá ngay tại chỗ, từ đó giúp tàu có thể đi xa hơn và kéo dài thời gian đánh bắt lâu hơn. Tuy nhiên, vì cá đông lạnh không thể ngon như cá tươi sống, cá đông lạnh được bán với giá chẳng bao nhiêu.

Một lần nữa, các công ty Nhật lại tìm cách giải quyết vấn đề. Họ đưa các bể nuôi lên tàu rồi bắt cá nhốt vào bể.

Sau một thời gian dồn lức chật chội, lũ cá dù mệt lử nhưng vẫn còn sống. Cá lại được bán ra cho người tiêu dùng. Nhưng người Nhật lại phát hiện sự khác biệt: vị cá không được tươi ngon, có lẽ là do bị nhốt quá lâu trong bể.

Các công ty Nhật đã làm thế nào để giải quyết bài toán khó này?

Họ thả thêm một con cá mập nhỏ vào bể trên tàu. Cá mập chén một số cá trong đó – là những con cá yếu đuối, chậm chạp. Số cá còn lại vẫn sống khoẻ và thịt vẫn rất thơm ngon khi vào đến bờ, bởi chúng luôn phải “hoạt động” để tránh cá mập. Và người tiêu dùng Nhật rất chuộng loại cá này.

(Trích Từ câu chuyện người Nhật thích ăn cá tươi,
theo <http://www.giadinhvietnam.com>)

Câu 1 Đoạn trích trên chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Câu 2 Theo anh/ chị, mục đích chính của người viết qua câu chuyện này là gì?

Câu 3 Những cách làm (để được ăn cá tươi) cho anh/ chị thấy điều gì ở người Nhật Bản?

Câu 4 Từ câu chuyện người Nhật Bản thích ăn cá tươi, hãy rút ra cho mình 01 bài học mà anh/ chị cho là có ý nghĩa.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một thông điệp mà anh/ chị tiếp nhận được từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: "Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến..." (Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 87).

Anh/ Chị hãy chọn và phân tích một đoạn thơ (từ 8 dòng thơ trở lên) trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng để làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

NƠI DỰA

Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào...

Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước,
bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng nhỏ lưu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống

* *

*

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gắng gỏi một đời

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách.

(Nguyễn Đình Thi, *Tia nắng*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Câu ① Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ.

Câu ② Giải thích nhan đề "Nơi dựa" của bài thơ.

Câu ③ Hai phần của bài thơ có gì giống nhau?

Câu ④ Các hình ảnh em bé và bà cụ gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về "nơi dựa" của con người trong cuộc sống?

H. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về tầm quan trọng của "nơi dựa" trong cuộc sống của mỗi con người.

Câu ② (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ sau:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
 Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
 Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi
 Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
 Anh bạn dãi dầu không bước nữa
 Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
 -Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
 Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

(Trích *Tây Tiến* – Quang Dũng,
 dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, Sdd, tr 68 – 69)

ĐỀ 4

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ta không thể ghét sự tự học được: nó là một cuộc du lịch.

J.J. Ru-xô và V. Huy-gô, hai văn hào ở Pháp đều ca tụng thú đi chơi bộ.

J.J. Ru-xô nói: “Lúc nào muốn đi thì đi, muốn ngừng thì ngừng, muốn vận động nhiều hay ít tùy ý. Cái gì thích thì nhận xét, cảnh nào đẹp thì ngừng lại. Chỗ nào tôi thấy thú thì tôi ở lại. Hễ thấy chán thì tôi đi, tôi chỉ tùy thuộc tôi, tôi được hưởng tất cả sự tự do mà một người có thể hưởng được”.

Còn V. Huy-gô thì viết: “Người ta được tự chủ, tự do, người ta vui vẻ. Người ta đi, người ta ngừng, người ta lại đi, không có gì bó buộc, không có gì ngăn cản”.

Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm du lịch bằng chân, vì

nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông. Kể làm sao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc du lịch bằng sách vở?

(Theo *Tự học – một nhu cầu thời đại*, Nguyễn Hiến Lê, *Ngữ văn 11*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 211 – 212)

Câu 11 Câu nào nêu lên ý khái quát của đoạn trích?

Câu 12 Nêu tác dụng của thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 13 Dựa vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: "Ta không thể ghét sự tự học được".

Câu 14 Quan điểm: "Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông." giúp anh/ chị rút ra bài học gì cho bản thân?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 11 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến của tác giả được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian.*

Câu 12 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ sau:

Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?
Tiếng ai tha thiết bên cồn
Âng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay....

(Trích *Việt Bắc – Tố Hữu*, dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, Sđd, tr. 109)

ĐỀ 5

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mới đây, các giáo sư tâm lý học ở Trường Đại học York và Toronto (Canada) đã tìm ra những bằng chứng để chứng minh rằng: Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.

Những nghiên cứu của các giáo sư đã cho thấy những người thường xuyên đọc sách văn học thường có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ. Ngược lại, những cá nhân có khả năng thấu cảm tốt cũng thường lựa chọn sách văn học để đọc.

Sau khi đã tìm thấy mối liên hệ hai chiều ở đối tượng độc giả là người lớn, các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành với trẻ nhỏ và nhận thấy những điều thú vị, rằng những trẻ được đọc nhiều sách truyện thường có cách ứng xử ôn hoà, thân thiện hơn, thậm chí trở thành đứa trẻ được yêu mến nhất trong nhóm bạn.

Đọc một "nội dung sâu sắc" khác với cách đọc "mì ăn liền" của chúng ta khi lướt qua các trang mạng. Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại.

Theo các nhà tâm lý học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá. Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ "sống trên mạng".

(Trích Đọc sách văn học giúp chúng ta thông minh hơn?
theo <http://www.dantri.com.vn>, ngày 12/08/2015)

Câu 1 Ghi lại câu nêu ý khái quát của đoạn trích trên.

Câu 2 Anh/ Chị hiểu ý kiến sau như thế nào?

Theo các nhà tâm lý học, việc chú tâm đọc một nội dung sâu sắc có tầm quan trọng đối với mỗi cá nhân giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá.

Câu 33 Dựa vào đoạn trích để giải thích vì sao có thể nói: Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ "sống trên mạng".

Câu 49 Từ đoạn trích, anh/ chị hãy rút ra 02 bài học cho bản thân.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 10 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại*

Câu 2 (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Nghệ thuật biểu hiện trong thơ Tố Hữu mang tính dân tộc rất đậm đà. (Dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, Sdd, tr. 98)

Anh/ Chị hãy chọn và phân tích một đoạn thơ (từ 8 dòng trở lên) trong bài thơ *Việt Bắc* để làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐỀ 6

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Bắt đầu từ năm 1990, nhà tâm lý học Peter Salovey ở Đại học Yale và John Mayer ở Đại học New Hampshire đã đưa ra thuật ngữ **Trí thông minh cảm xúc** (Emotional Intelligence, hoặc Emotional Quotient – EQ). Thực tế cho thấy, cảm xúc chỉ đạo trí thông minh có lẽ còn hơn cả logic toán học. Bằng phân tích cấu tạo của bộ não và các xung thần kinh, người ta đã chứng minh được lí trí, mà đại diện là trí thông minh, không có ở dạng thuần túy mà được nuôi dưỡng bởi cảm xúc, và chính phần neocortex (phụ trách suy luận trên não) là nhạc trưởng, nó chỉ đạo, phối hợp, kiểm soát các cảm xúc đột ngột và gán cho chúng một ý nghĩa.

EQ thể hiện khả năng của một người hiểu rõ chính bản thân mình cũng như thấu hiểu người khác ít nhiều giống với khái niệm mà Gardner gọi là trí thông

minh
ngực cao
cao do
nhận t
tính t
Golem
tên En

EQ
Việc g
trường
với IQ
những

[...]
thường
Những

Câu 1

Câu 2

Câu 3

Câu 4

II

Câu 1

Hà
kiến đ
phải là

(1) IQ: l
học tập.

minh trong người và thông minh giữa người. Hơn thế, nó còn là khả năng chế ngự cảm xúc để thích ứng với hoàn cảnh và kiểm soát các cảm xúc. Người có EQ cao do vậy dễ thích nghi, luôn tìm được sự hoà hợp trong một tập thể, dễ dàng nhận được sự hợp tác hơn những "thiên tài đơn độc" (mà trong thời đại hiện nay, tính tập thể trong làm việc hết sức quan trọng). Sau đó, nhà tâm lý học Daniel Goleman xác định cụ thể và có hệ thống hơn trong tác phẩm của ông mang tên Emotional Intelligence.

EQ một phần là bẩm sinh nhưng cũng do giáo dục, rèn luyện mà có được. Việc giáo dục tình cảm phải được thực hiện từ khi trẻ còn nhỏ, hệ thần kinh chưa trưởng thành, có nhiều cơ hội tiếp nhận những cảm xúc mới. EQ không đối lập với IQ⁽¹⁾, mà mục đích của giáo dục là phát triển song song hai chỉ số này. Có những người được thiên phú cả hai, nhưng không ít người lại thiếu cả hai.

[...] Càng ngày, người ta càng cho rằng EQ quan trọng hơn IQ, như người ta thường nói "với IQ người ta tuyển lựa bạn, nhưng với EQ, người ta đề bạt bạn". Những người thành đạt không phải là người có IQ cao nhất mà có EQ cao nhất.

(Trích EQ, SQ, CQ – những chỉ số của người thành đạt,
dẫn theo <http://www.vnexpress.net>)

Câu 1 Chỉ ra 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2 Theo đoạn trích, EQ thể hiện điều gì ở một con người?

Câu 3 Cụm từ "chế ngự cảm xúc" trong câu "Hơn thế, nó còn là khả năng chế ngự cảm xúc để thích ứng với hoàn cảnh và kiểm soát các cảm xúc." được hiểu là gì?

Câu 4 Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm "Càng ngày, người ta càng cho rằng EQ quan trọng hơn IQ" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Những người thành đạt không phải là người có IQ cao nhất mà có EQ cao nhất.*

(1) IQ: Intelligence Quotient, chỉ số thông minh, được cho là có liên quan đến sự thành công trong học tập, trong công việc, trong xã hội.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau:

Ta về, mình cố nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rìng phách đỏ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình.
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

(Trích Việt Bắc – Tố Hữu, dẫn theo Ngữ văn 12, tập một, Sdd, tr. 111)

ĐỀ 7

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Kĩ năng đọc là sự thể hiện tổ hợp những thao tác tư duy được xác lập thành thói quen ứng xử đọc. Các thao tác tư duy đó là:

1. Lựa chọn có ý thức đề tài hoặc những vấn đề cần đọc cho bản thân, biết vận dụng thành thạo các cách đọc khác nhau đối với từng loại tài liệu đọc (tài liệu nghiên cứu, tài liệu phổ thông, tài liệu giải trí...)
2. Biết định hướng nguồn tài liệu cần thiết cho bản thân, trước hết trong các thư mục và mục lục thư viện, các nguồn tra cứu như: bách khoa thư, từ điển giải nghĩa, các loại sổ tay, cẩm nang... và biết định hướng nguồn tài liệu cần thiết cho bản thân trong môi trường số (trong các cơ sở dữ liệu, trên internet).
3. Thể hiện được tính hệ thống, tính liên tục trong quá trình lựa chọn tài liệu đọc (đọc từ trình độ thấp lên trình độ cao, từ các vấn đề đơn giản tới phức tạp).
4. Biết cách tiếp nhận tối đa và sâu sắc nội dung tài liệu đọc, kể cả vệ sinh khi đọc tài liệu như cách ngồi, khoảng cách giữa mắt và tài liệu đọc,...

5. Biết vận dụng các biện pháp kĩ thuật để củng cố và đào sâu những nội dung đã đọc như ghi chép, lập hộp phiếu thư mục, soạn tóm tắt, viết chú giải, trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp...

6. Biết vận dụng vào thực tiễn những nội dung đã đọc.

Mục đích cuối cùng của kĩ năng đọc là đọc có hiệu quả cao nhất, nắm chắc nội dung cốt lõi và biết vận dụng những điều đã đọc được vào cuộc sống của chính người đọc. Ngày nay người ta đặc biệt lưu tâm tới yếu tố thứ 6: biết vận dụng những nội dung đã đọc vào cuộc sống của mỗi người đọc để có thể cải thiện được chính cuộc sống của họ. Không phải vô cớ mà hằng năm UNESCO trao giải thưởng xoá mù chữ cho những cá nhân, tập thể không chỉ biết đọc biết viết đơn thuần, mà phải biết vận dụng những điều đọc được vào cuộc sống của chính họ, cải thiện được cuộc sống nghèo khổ của người mù chữ.

(Trích Văn hoá đọc và phát triển văn hoá đọc ở Việt Nam –
theo <http://www.nlv.gov.vn>)

Câu 1) Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2) Theo đoạn trích, thế nào là "kĩ năng đọc"?

Câu 3) Theo anh/ chị, vì sao người viết lại đưa vào đoạn trích hoạt động của UNESCO: "hằng năm UNESCO trao giải thưởng xoá mù chữ cho những cá nhân, tập thể không chỉ biết đọc biết viết đơn thuần, mà phải biết vận dụng những điều đọc được vào cuộc sống của chính họ, cải thiện được cuộc sống nghèo khổ của người mù chữ"?

Câu 4) Nêu tên một cuốn sách hay mà anh/ chị đã đọc; chỉ ra ít nhất 01 điều mà anh/ chị đã vận dụng được từ việc đọc cuốn sách đó vào cuộc sống của bản thân.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1) (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: Ngày nay người ta đặc biệt lưu tâm tới yếu tố thứ 6: biết vận dụng những nội dung đã đọc vào cuộc sống của mỗi người đọc để có thể cải thiện được chính cuộc sống của họ.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về đoạn trích sau:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..."

mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

(Trích *Đất Nước* – Nguyễn Khoa Điềm,
dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, Sdd, tr 118)

ĐỀ 8

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trước khi các em nghĩ đến chuyện bay cao bay xa, hãy tập làm bất cứ thứ gì, có thể cả những thứ chẳng có ý nghĩa gì chứ không phải chỉ là những điều các em thích hay cho là quan trọng. Đừng bực bội vì những việc mà các em không tin tưởng, vì như thế các em sẽ cảm thấy nhàm chán chính bản thân mình, cũng đừng đem bản thân so sánh một cách lệch lạc với những người như *Baltimore Orioles*⁽¹⁾. Hãy giết chết cảm giác tự mãn và dễ dàng thỏa hiệp, cảm giác mọi thứ dường như đều có lí hay cảm giác tự bằng lòng trong trạng thái tình thần u mê. Hãy làm cho bản thân xứng đáng với những gì mà các em đang cố gắng. Và hãy đọc, đọc mọi lúc, đọc như một nguyên tắc của bản thân và như một cách để tôn trọng chính mình. Coi việc đọc như nguồn sống của cuộc đời. Hãy phát triển

(1) *Baltimore Orioles*: một đội bóng chày chuyên nghiệp của Mỹ có trụ sở tại Baltimore, Maryland.

và bảo vệ một giá trị đạo đức bằng cách đưa ra các lập luận để chấp nhận nó. Hãy mơ những giấc mơ vĩ đại. Hãy làm việc cật lực. Hãy nghĩ cho bản thân mình. Hãy yêu tất cả những thứ các em thích và những người các em cảm mến bằng tất cả tấm lòng của mình. Và hãy làm tất cả những điều đó, như thể các em đang bị thúc giục, mỗi giây mỗi phút, từng chút một. Hãy tin bữa tiệc nào rồi cũng tàn nhưng các em đừng bao giờ tham gia vào một cuộc vui khi đã đến lúc tàn, cho dù buổi chiều hôm nay có rực rỡ đến thế nào.

(Trích Bài phát biểu tại buổi lễ tốt nghiệp trường trung học Wellesley – David McCullough, theo <http://www.ehapa.edu.vn>, ngày 5/6/2012)

Câu 1 Đoạn trích trên chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Câu 2 Theo anh/ chị, David McCullough muốn nhắn gửi điều gì qua câu: "Trước khi các em nghĩ đến chuyện bay cao bay xa, hãy tập làm bất cứ thứ gì, có thể cả những thứ chẳng có ý nghĩa gì chứ không phải chỉ là những điều các em thích hay cho là quan trọng?"

Câu 3 Anh/ Chị hiểu câu: "Coi việc đọc như nguồn sống của cuộc đời." như thế nào?

Câu 4 Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: "Hãy nghĩ cho bản thân mình." không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

"Hãy mơ những giấc mơ vĩ đại." (David McCullough) – Nên hay không nên?

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/ chị về vấn đề trên.

Câu 2 (5,0 điểm)

Trong đoạn trích *Đất Nước* (trích *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm), "các chất liệu của văn hoá dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo, đem lại sức hấp dẫn cho đoạn trích" (Dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, Sđd, tr. 123).

Anh/ Chị hãy chọn và phân tích một đoạn thơ trong đoạn trích *Đất Nước* để làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐỀ 9

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

QUÁN HÀNG PHÙ THUY

Một phù thủy

Mở quán hàng nho nhỏ

"Mời vào đây

Ai muốn mua gì cũng có!"

Tôi là khách đầu tiên

Từ bên trong

Phù thủy lộ ra nhìn:

"Anh muốn gì?"

"Tôi muốn mua tình yêu,

Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn. "

"Hàng chúng tôi chỉ bán cây non

Còn quá chín, anh phải trồng. Không bán!"

(K. Badjadjo Pradip – Thái Bá Tân dịch)

Câu ① Bài thơ trên cổ sự kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

Câu ② Câu nói "Mời vào đây – Ai muốn mua gì cũng có!" cho thấy điều gì ở phù thủy?

Câu ③ Mong muốn của vị khách "Tôi muốn mua tình yêu – Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn" cho thấy vị khách là con người như thế nào?

Câu ④ Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung của bài thơ *Quán hàng phù thủy* ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Làm thế nào để có hạnh phúc?*

Câu 2 (5,0 điểm)

Tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" được thể hiện như thế nào trong đoạn thơ sau?

Em ơi em
Hãy nhìn rất xa
Vào bốn nghìn năm Đất Nước
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta
Cần cù làm lụng
Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ chuyển lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
 Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
 Có ngoại thù thì chống ngoại xâm
 Có nội thù thì vùng lên đánh bại
 Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
 Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
 Dạy anh biết "yêu em từ thuở trong nôi"
 Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội
 Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
 Đi trả thù mà không sợ dài lâu...

(Trích Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm, theo Ngữ văn 12, tập một, Sdd, tr 121 – 122)

ĐỀ 10

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Hỗ trợ và tư vấn tâm lý (Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), có đến 65,4% sinh viên năm thứ nhất tại một số trường đại học chưa hiểu hết về mục đích, ý nghĩa của ngành mình học; 50,8% không biết học xong sẽ làm việc gì và nơi nào tuyển dụng họ. Khi được hỏi về mức độ thoả mãn với nghề đã chọn, có đến 75,6% sinh viên cho biết họ ít thoả mãn với sự lựa chọn của mình, "vào học rồi mới biết mình không hợp"; 32,4% sinh viên muốn được thi lại vào năm sau... Kết quả này cho thấy có nhiều bạn trẻ không chọn đúng nghề như mong muốn

Những sai lầm chủ quan trong việc lựa chọn ngành học thường bắt đầu từ quan niệm mang nặng tính thực dụng: Ngành này có dễ xin việc làm, có thu nhập cao, có được làm việc ở thành phố hay không?

Sai lầm có thể đến với người chọn nghề theo truyền thống gia đình, theo sự thành đạt của người thân, theo sự rủ rê của bạn bè... mà không quan tâm đến sự phù hợp của nghề đối với năng lực, nguyện vọng bản thân. Thậm chí, nhiều thí

sinh không tự chọn ngành, chọn nghề để đăng ký thi đại học mà người lựa chọn, người làm hồ sơ chính là bố mẹ của thí sinh.

Ngoài ra, một sai lầm phổ biến nữa là chọn nghề hời hợt theo kiểu "nước đến chân mới nhảy". Nhiều học sinh đến năm lớp 12 vẫn chưa tìm hiểu và chưa quyết định chọn nghề. Bởi vậy, có khá nhiều thí sinh nộp 4, 5 bộ hồ sơ, thậm chí có người đã nộp 9 – 13 bộ để "chống trượt".

Việc chọn sai nghề khiến bản thân khó phát huy năng lực, giảm năng suất và hiệu quả lao động, từ đó dẫn tới tâm lý chán nản, thất vọng, thiếu tự tin, mất dần động lực làm việc.

Lúc ấy, nếu muốn bắt đầu với nghề khác thì phải chịu tổn kém, mất thời gian học nghề mới... Đối với xã hội, việc có nhiều cá nhân lựa chọn sai nghề sẽ gây lãng phí cho công tác đào tạo và đào tạo lại, năng suất lao động không cao, nảy sinh nhiều xáo trộn cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức (có nhiều người bỏ nghề, chuyển nghề).

(Trích 3/4 sinh viên chọn nhầm ngành học – Nhã Anh, theo <http://www.petrotimes.vn>)

Câu ① Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu ② Những con số được nêu ra ở phần đầu của đoạn trích cho thấy điều gì?

Câu ③ Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm: "Việc chọn sai nghề khiến bản thân khó phát huy năng lực, giảm năng suất và hiệu quả lao động, từ đó dẫn tới tâm lý chán nản, thất vọng, thiếu tự tin, mất dần động lực làm việc." không? Vì sao?

Câu ④ Anh/ Chị hãy rút ra cho mình 02 bài học trong việc lựa chọn ngành học hoặc công việc trong tương lai.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề:

Định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông – Nên hay không nên?

Câu 2 (5,0 điểm)

Bài thơ *Sóng* (Xuân Quỳnh) là những lời giải bày của một tâm hồn phụ nữ đang yêu.

Lời giải bày nào của nhà thơ khiến anh/ chị thấy ấn tượng hơn cả? Hãy chọn và phân tích một đoạn thơ (từ 8 dòng thơ trở lên) thể hiện lời giải bày ấy.

ĐỀ 11

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nói chung, sách có 2 loại, sách nền tảng và sách kỹ năng. Đọc sách kỹ năng (kỹ năng sống, kỹ năng hành xử, kỹ năng làm việc...) thì cũng rất tốt và cần thiết, nhưng sẽ tốt hơn nhiều nếu đọc sách văn hoá, sách khai minh (để hình thành bản tính bên trong, phần gốc rễ) rồi mới đọc sách kỹ năng (để hoàn thiện hành xử bên ngoài, phần cành lá). Như cuốn "Đắc nhân tâm", hồi trẻ thì tôi rất thích thú cuốn này, nhưng sau này tôi không thích lắm, vì nó khác nhiều với tinh thần cốt lõi của "giáo dục khai phóng và con người tự do" mà tôi theo đuổi.

Tôi nghĩ, thay vì chỉ cố tìm cách học những thủ thuật hay chiêu trò để lấy lòng hay thuyết phục người khác thì con người ta cần nâng tầm vóc văn hoá của mình lên, làm giàu lương tri và phẩm giá của mình, khi đó chỉ cần sống đúng với con người của mình (sống thực, sống tự do), không cần dùng bất cứ chiêu trò hay mẹo vặt nào mà vẫn được người khác tôn trọng, quý mến và tin tưởng. Ngược lại, nếu mình chỉ học toàn những thủ thuật, chiêu trò, mẹo vặt, khoe mẽ để lấy lòng người khác mà bản tính bên trong con người mình lại không ra gì thì về lâu dài sẽ rất nguy hiểm cho chính mình và cho xã hội. Bởi lẽ, với những thủ thuật tinh vi học được thì có thể giúp mình thành công nhất thời, nhưng dần dà mình sẽ tự biến mình thành kẻ hai mặt (bản tính bên trong khác hẳn hành vi bên ngoài), còn xã hội với nhiều con người như vậy sẽ sụp đổ niềm tin và ngày một trở nên dối trá hơn. Do vậy, người đọc khôn ngoan sẽ đi vào những cuốn sách "tu thân" mang trong mình những giá trị khai minh tiến bộ chứ không chỉ những cuốn sách thiên về chiêu trò, mẹo vặt.

(Nhà giáo Giảng Sư Trung, Hiệu trưởng Trường Doanh nhân PACE,
Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục (IREDD))

Câu 1 Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

Câu 2 Điểm khác nhau cơ bản giữa sách nền tảng và sách kỹ năng?

Câu 3 Dựa vào đoạn trích, anh/ chị hiểu thế nào là "người đọc khôn ngoan"?

Câu 4 Chia sẻ một kinh nghiệm khác của riêng anh/ chị về việc đọc sách.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Đọc sách nền tảng trước, đọc sách kỹ năng sau là một lựa chọn thông minh.

Ý kiến của anh/ chị như thế nào? Trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu 2 (5,0 điểm)

Số phận và vẻ đẹp của nhân vật Mị trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).

ĐỀ 12

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Ngày Hạnh phúc được lấy ý tưởng từ Bhutan, một vương quốc bé nhỏ nằm sâu trong lục địa miền đông Himalayas, là nước được đánh giá là có chỉ số hạnh phúc cao dựa trên các yếu tố về môi trường, tinh thần, mức sống của người dân, chất lượng quản lý, sức khỏe và giáo dục. Đây là đất nước ghi nhận uy thế của hạnh phúc quốc gia hơn là thu nhập quốc dân từ những năm đầu tiên của thập kỉ 70, thế kỉ XX và nổi tiếng với việc thực thi mục tiêu tổng hạnh phúc quốc gia thay vì tổng sản phẩm quốc nội.

Ngày Quốc tế Hạnh phúc được Liên hợp quốc lựa chọn và tuyên bố vào tháng 6/2012. 193 nước thành viên, trong đó có Việt Nam, cùng cam kết sẽ ủng hộ ngày này bằng các nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống, xây dựng xã hội công bằng, phát triển bền vững nhằm đem lại hạnh phúc cho người dân.

Liên hợp quốc chọn ngày 20/3 là Ngày Quốc tế Hạnh phúc bởi đây là một ngày đặc biệt trong năm, mặt trời nằm ngang đường xích đạo, độ dài của đêm

và ngày bằng nhau, là biểu tượng cho sự cân bằng, hài hoà của vũ trụ, cũng là biểu tượng của sự cân bằng giữa âm và dương, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa ước mơ và hiện thực ... Bởi vậy ngày 20/3 – Ngày Quốc tế Hạnh phúc, cũng truyền tải thông điệp cân bằng, hài hoà là một trong những chìa khoá của hạnh phúc.

(Tổng hợp từ Internet)

Câu 11 Ở vương quốc Bhutan, chỉ số hạnh phúc được đánh giá dựa trên các yếu tố nào?

Câu 12 Vì sao Liên hợp quốc chọn ngày 20/3 hằng năm làm Ngày Quốc tế Hạnh phúc?

Câu 13 Từ đoạn trích trên, anh/ chị hiểu mối quan hệ giữa thu nhập quốc dân với chỉ số hạnh phúc như thế nào?

Câu 14 Một quan niệm khác của anh/ chị về hạnh phúc.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 15 (2,0 điểm)

Anh/ Chị có ý kiến như thế nào về quan niệm được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "cân bằng, hài hoà là một trong những chìa khoá của hạnh phúc"? Trình bày ý kiến của mình trong đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu 16 (5,0 điểm)

Màu sắc Tây Bắc trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

ĐỀ 13

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hãy lắng nghe! Cuộc cách mạng thông tin đã bao phủ thế giới bằng những thiết bị. Bạn có thể bắt được sóng điện thoại di động ở giữa châu Phi hay gửi thư điện tử cho bạn bè từ máy tính xách tay trong khi đang bay qua Đại Tây Dương. Công nghệ thật tuyệt vời, nhưng cùng với nó là cái giá phải trả: rác điện tử.

Rác điện tử là loại rác thải tăng nhanh nhất trên toàn thế giới. Và nó cũng không phải là loại rác "tốt". Màn hình máy tính chứa chì. Pin chứa lithi. Và đến lượt kềm, đồng, thủy ngân chảy đầy trong bộ phận điện tử của các máy móc hiện đại. Đối với những thứ này sẽ làm ô nhiễm bầu không khí của chúng ta. Khi bị quẳng vào đồng rác, các độc tố sẽ thấm vào đất làm nhiễm bẩn đất trồng và nguồn nước ngầm.

Một vấn đề nghiêm trọng.

Khoảng 130 triệu điện thoại di động bị vứt đi mỗi năm. Những thứ bị vứt đi hằng năm sẽ nhanh chóng nhiều bằng số mua vào. Chúng ta có khoảng hai tỉ chiếc điện thoại di động trên hành tinh, nhưng đó chỉ là phần nhỏ của bức tranh. Bây giờ, hãy cộng thêm 50 triệu màn hình máy tính, chúng ta có một đồng rác thải mà khi chôn cất cái nọ lên cái kia, sẽ vượt qua chiều dài từ trái đất đến vệ tinh xa nhất.

(Trích Sách xanh – Elizabeth Rogers, Thomas M Kostigen.
NXB Thế giới, H, 2010, tr 68 – 69)

Câu 1 Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2 Từ đoạn trích trên, anh/ chị hãy nêu một định nghĩa về rác điện tử.

Câu 3 Vì sao rác điện tử không phải là loại rác "tốt"?

Câu 4 Anh/ Chị hãy nêu ít nhất 02 việc làm cụ thể có thể giúp hạn chế ảnh hưởng của rác điện tử.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hạn chế sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại có phải là cách tốt nhất để bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm của rác điện tử không?

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày quan điểm của anh/ chị.

Câu 2 (5,0 điểm)

Có người cho rằng trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân, cái đói vừa là một cơ hội vừa là một thử thách.

Anh/ Chị nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

ĐỀ 14

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nhiều người cho rằng có tiền là có tất cả. Tiền bạc quả thật có sức mạnh lớn lao. Nhưng tiền bạc không phải là vạn năng

Nó có thể mua được chiếu giường, nhưng không mua được giấc ngủ.

Nó có thể mua được châu ngọc, nhưng không mua được sắc đẹp.

Nó có thể mua được giấy bút, nhưng không mua được ý thơ.

Nó có thể mua được nhà cửa, nhưng không mua được gia đình.

Nó có thể mua được thức ăn, nhưng không mua được sự ngon miệng.

Nó có thể mua được trò chơi, nhưng không mua được niềm vui.

Nó có thể mua được xu nịnh, nhưng không mua được lòng trung thành.

Nó có thể mua được cánh hẫu, nhưng không mua được tình bạn.

Nó có thể mua được sự phục tùng, nhưng không mua được lòng kính trọng.

Nó có thể mua được quyền thế, nhưng không mua được tri tuệ.

Nó có thể mua được thể xác, nhưng không mua được tình yêu.

Nó có thể mua được vũ khí, nhưng không mua được hoà bình.

(Theo Thác-cơ-rê, dẫn theo *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 17)

Câu ① Đoạn trích trên sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu ② Tác giả sử dụng thao tác lập luận đó nhằm mục đích gì?

Câu ③ Hãy nêu cách hiểu của anh/ chị về một lí lẽ được nêu trong đoạn trích trên.

Câu ④ Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm "tiền bạc không phải là vạn năng" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Nếu không có tiền...*

Câu ② (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về hình tượng "sóng" trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh.

ĐỀ 15

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

(Phùng Quán, Lời mẹ dặn (trích). dẫn theo <http://www.thienviet.net>)

Câu ① Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu ② Anh/ Chị hiểu như thế nào về ý thơ: "Tôi muốn làm nhà văn chân thật – chân thật trọn đời"?

Câu ③ Nêu cảm nhận của anh/ chị về nhân vật "tôi" trong đoạn thơ trên. (Trả lời trong khoảng 3 – 5 dòng)

Câu ④ Anh/ Chị có đồng tình với quan điểm "Người làm xiếc đi dây rất khó – Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn – Đi trọn đời trên con đường chân thật" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Từ đoạn thơ ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: *Làm một người chân thật*

Câu ② (5,0 điểm)

Phân tích cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác trong đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (theo SGK Ngữ văn 12 Nâng cao, tập một hoặc SGK Ngữ văn 12, tập hai).

ĐỀ 16

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò – lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dần vật bạn mỗi ngày.

Nếu vậy, sao bạn không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ?

Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn.

Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức...

(Theo Phạm Lữ Ân, *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012, tr. 43 – 44)

Câu 1 Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích

Câu 2 Nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau: "Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn".

Câu 3 Anh/ Chị hiểu như thế nào về ý kiến: "Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn."?

Câu 4 "Ước mơ cháy bỏng nhất" của anh/ chị là gì? Anh/ Chị sẽ làm gì để biến ước mơ đó thành hiện thực? (Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chủ đề: *Theo đuổi ước mơ*.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích bi kịch của Hồn Trương Ba trong đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (theo SGK *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một hoặc SGK *Ngữ văn 12*, tập hai) khi phải sống "bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo".

ĐỀ 17

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Những rủi ro lớn và lâu ta gọi là nghịch cảnh; mà nghịch cảnh thường giữ một chức vụ quan trọng trong sự thành công.

Bệnh tật liên miên là một nghịch cảnh phải không bạn?

Nhưng nếu Voltaire không đau vật, về già phải nằm trên giường quanh năm thì chắc gì ông đã sáng tác được nhiều như vậy?...

Ông Ben Fortson bị tai nạn xe hơi, cụt cả hai chân mà không cho như vậy là nghịch cảnh, còn mừng là diễm phúc vì nằm liệt một chỗ, ông đọc được rất nhiều sách về chính trị, kinh tế, xã hội, thành một nhà bác học có tài hùng biện rồi được bầu làm thống đốc một tiểu bang ở Mĩ.

Nếu không bị lòà chưa chắc Milton đã thành một thi hào của muôn thuở và nhạc sĩ Beethoven nếu không bị điếc thì tài nghệ của ông chắc gì đã tới mức tuyệt đích?

Charles Darwin nhờ tàn tật mà lập nên sự nghiệp. Ông nói: "Nếu thân tôi không là cái xác vô dụng, chưa chắc tôi đã có đủ sức mạnh tinh thần để biểu minh lí thuyết của tôi".

Bà Helen Keller hồi hai tuổi bị bệnh nặng, hoá đui, điếc, lớn lên lại nghèo tới nỗi có hồi phải ngủ trong một nhà xác. Vậy mà bà thắng được nghịch cảnh, học rộng, viết bảy cuốn sách, đi diễn thuyết khắp châu Mĩ và châu Âu, được Mark Twain cho là một người lạ lùng nhất, ngang hàng với Nã Phá Luân ở thế kỉ XIX.

Nhiều bạn trẻ thường phàn nàn với tôi vì cảnh nhà nghèo túng, học không được lâu và làm ăn cũng không được. Nghèo túng là một nghịch cảnh thật, nhưng biết lợi dụng nó thì nó lại là một tay sai đắc lực giúp ta thành công. Chính vì nghèo khổ, người ta mới ham tự học, thấy cần phải tự học.

J.J. Rousseau trên mười tuổi đã phải đi lang thang khắp nơi, làm đủ các nghề để kiếm ăn, nhờ có chí, biết tự học trong lúc rảnh mà nổi danh là một triết gia, ảnh hưởng lớn đến thế giới. Một người hỏi ông: "Ông học tại những trường nào mà giỏi như vậy?". Ông đáp: "Học trong trường nghịch cảnh". Elibu Burrit mười sáu tuổi tập nghề thợ rèn, mỗi ngày đập sắt mười một giờ mà còn có thì giờ học ngoại ngữ, sau ông thông 18 sinh ngữ và 32 thổ ngữ, thiên hạ gọi là "nhà bác học thợ rèn". Những người không chịu học, đọc truyện ông chắc phải mắc cỡ.

Trên đường doanh nghiệp, cảnh nghèo thường kích thích hoạt động chứ không phải luôn luôn là một trở ngại.

Hầu hết những ông vua thép, vua báo, vua dầu lửa, vua xe hơi ở Âu – Mĩ đều xuất thân hàn vi hơn bạn và tôi. Họ đã phải bán báo, đánh giày, lượm rác, làm bồi phòng,... chỉ nhờ hai bàn tay trắng mà làm nên sự nghiệp.

Cổ nhân đã nhận xét đúng: "Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", vì hễ nghèo thì bị tủi nhục, bị hiếp đáp nên người ta quyết tâm thắng nó, tận lực cải thiện đời sống, đem cả tâm trí ra phấn đấu đến cùng, và sớm muộn gì người ta cũng thắng, cũng hoá giàu.

Và lại, có nghèo người ta mới dám mạo hiểm để làm lớn, không sợ thất bại, thắng thì được tất cả mà thua thì chẳng mất gì. Giàu có sinh nhút nhát, lười biếng nên một người Pháp đã nói: "Những con ngựa mập không chạy được nhanh" và một nhà doanh nghiệp nọ phân nản với bạn như vậy: "Tôi biết thằng con tôi, nó có nhiều đức tính lắm, song nó có một cái bất lợi rất lớn là nó sinh trong một nhà giàu".

(Nguyễn Hiến Lê, *Rèn nghị lực để lập thân*, dẫn theo <http://www chungta.com>)

Câu ① Câu văn nào khái quát nội dung của đoạn trích trên?

Câu ② Việc nêu lên những tên tuổi cụ thể trong đoạn trích nhằm mục đích gì?

Câu ③ Anh/ Chị hiểu như thế nào về câu nói: "Tôi biết thằng con tôi, nó có nhiều đức tính lắm, song nó có một cái bất lợi rất lớn là nó sinh trong một nhà giàu."?

Câu ④ Qua đoạn trích, anh/ chị rút ra bài học gì cho bản thân? (Trả lời trong khoảng 5 dòng.)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Nghèo túng là một nghịch cảnh thật, nhưng biết lợi dụng nó thì nó lại là một tay sai đắc lực giúp ta thành công".

Câu ② (5,0 điểm)

Nhận định về đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, có ý kiến cho rằng văn học giai đoạn này "chủ yếu mang khuynh hướng sử thi" (dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 12).

Anh/ Chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐỀ 18

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Chỉ số thông minh, hay IQ (viết tắt của *Intelligence Quotient* trong tiếng Anh), thường được cho là có liên quan đến sự thành công trong học tập, trong

công việc. Những nghiên cứu gần đây cho thấy có sự liên quan giữa IQ và sức khoẻ, tuổi thọ (những người thông minh thường có nhiều kiến thức hơn trong việc chăm sóc bản thân) và cả số lượng tử mà người đó sử dụng...

Vai trò của di truyền và môi trường tác động lên trí thông minh là một đề tài nghiên cứu từ rất lâu. Khả năng kế thừa của một gen từ thế hệ trước sang thế hệ sau được biểu diễn bằng một số trong khoảng từ 0 đến 1, gọi là hệ số di truyền. Nói một cách khác, hệ số di truyền là phần trăm khả năng di truyền cho đời sau của một gen... Cho đến gần đây, hệ số di truyền hầu hết chỉ được nghiên cứu ở trẻ em và người ta cho rằng hệ số di truyền trung bình là 0,5. Điều này cho thấy một nửa số gen của số trẻ được nghiên cứu là gen đã biến dị. Phần còn lại được giải thích rằng do tính toán sai hay do yếu tố môi trường. Con số 0,5 cho thấy trí thông minh một phần là do thừa kế từ cha mẹ. Nghiên cứu ở người lớn tuy vẫn chỉ ở những mức rất sơ khai nhưng cũng có những kết quả rất thú vị: hệ số di truyền có thể lên đến 0,8

Yếu tố môi trường đóng vai trò rất lớn trong nhiệm vụ xác định trí thông minh trong một số trường hợp. Một chế độ dinh dưỡng hợp lý trong lúc nhỏ được cho là rất quan trọng; sự dinh dưỡng kém có thể làm suy giảm trí thông minh. Một số nghiên cứu khác về yếu tố môi trường còn cho rằng thai phụ trước khi sinh hay cho con bú nếu tiếp xúc với những loại độc tố hay thiếu các vitamin và muối khoáng quan trọng có thể ảnh hưởng đến IQ của đứa bé. Trong xã hội đã phát triển, môi trường trong gia đình có thể tạo ra 25% sự khác biệt. Tuy nhiên, khi lớn lên, điều này hầu như biến mất.

(Theo <http://www.vi.wikipedia.org>)

Câu 11 Xác định nội dung chính của đoạn trích.

Câu 12 Theo tác giả đoạn trích, chỉ số thông minh được cho là có liên quan đến điều gì?

Câu 13 Anh/ Chị hiểu như thế nào về ý kiến sau khi nói về chỉ số IQ của con người: "Trong xã hội đã phát triển, môi trường trong gia đình có thể tạo ra 25% sự khác biệt. Tuy nhiên, khi lớn lên, điều này hầu như biến mất."

Câu 14 Anh/ Chị thấy thông tin nào trong đoạn trích có ý nghĩa với cuộc sống của bản thân mình? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị có suy nghĩ gì về câu nói của Thomas Edison: "Trong thành công của tôi có 99% là mồ hôi và nước mắt, chỉ có 1% là do trời phú"? (Trình bày trong đoạn văn khoảng 200 chữ)

Câu 2 (5,0 điểm)

"Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể."

(Dẫn theo *Ngữ văn 12*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 181)

Anh/ Chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐỀ 19

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Cô đơn kéo dài có thể dẫn đến một loạt các vấn đề sức khỏe như rối loạn lo lắng, trầm cảm và lạm dụng thuốc. Đó cũng là yếu tố có nguy cơ gây ung thư và các bệnh tim mạch. Từ lâu mọi người biết rằng những người tách biệt với xã hội có hệ miễn dịch kém hơn so với những người thường xuyên giao tiếp trong xã hội. Trong vài năm gần đây, các nhà nghiên cứu đã tìm ra cơ chế sinh học lí giải mối liên hệ giữa cảm giác cô đơn và sức khỏe kém. Nhóm người này có mức hormone gây căng thẳng tăng. Dường như những hormone này biến đổi cấu trúc gen trong các tế bào của hệ miễn dịch, cơ quan có chức năng giúp cơ thể chống viêm nhiễm. Điều thú vị là những giao tiếp trực tiếp với người khác có thể giúp giải phóng hormone oxytocin, loại hormone giúp cơ thể có khả năng kháng viêm.

Các nhà nghiên cứu Mỹ cho rằng tác động tiêu cực của sự cô đơn đối với sức khỏe con người tương đương với việc hút 15 điếu thuốc lá mỗi ngày hoặc nghiện rượu. Tác hại này cao hơn so với hiện tượng không tập thể dục hoặc béo phì. Các nhà nghiên cứu nhận thấy các mối quan hệ xã hội như bạn bè, gia đình, hàng xóm và đồng nghiệp giúp cải thiện sức khỏe khoảng 50%. Chúng ta cần nhớ rằng sự cô đơn không hoàn toàn giống cảm giác ở một mình. Vào thập kỉ 70

của thế kỉ trước, nhà tâm lí học Robert Weiss đã nêu ra định nghĩa về sự cô đơn: đó là tình trạng tâm thần lo âu do con người cảm thấy xa lạ hoặc bị người thân xa lánh, thiếu thốn những cảm xúc thân mật trong các mối quan hệ và các hoạt động chung với người khác.

Hoàng Nhật (Theo Internet)

- Câu ① Mục đích chính của tác giả đoạn trích là gì?
- Câu ② Qua đoạn trích, anh/ chị hiểu thế nào là trạng thái cô đơn?
- Câu ③ Theo anh/ chị, những thông tin nào về tác hại của trạng thái cô đơn trong đoạn trích khiến cho người đọc phải "giật mình"?
- Câu ④ Giả sử anh/ chị có người bạn thường xuyên rơi vào trạng thái cô đơn, anh/ chị sẽ khuyên người bạn đó những gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Trạng thái cô đơn có phải luôn mang đến những tác hại như đã nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu? Trình bày một quan niệm khác của anh/ chị trong đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu ② (5,0 điểm)

Tình huống truyện đặc sắc của tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân).

ĐỀ 20

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Vụ chiếc tàu Titanic bị chìm ngoài khơi Bắc Đại Tây Dương đêm 15 - 4 - 1912 làm hơn 1500 người thiệt mạng đã không ngừng làm đề tài cho bao tác phẩm văn chương nghệ thuật. Titanic có nghĩa là vĩ đại. Đặt tên như thế cho con tàu, con người muốn nói lên niềm kiêu hãnh cho một công trình có một không hai vào thời bấy giờ. Nhưng cái vĩ đại mà con người tưởng mình có thể đạt được trong tiến bộ khoa học kĩ thuật ấy không là gì trước sức mạnh thiên nhiên.

(2) Sau khi chiếc tàu vĩ đại ấy bị đắm, một tờ báo xuất bản ở Anh đã đăng kể nhau hai bức ảnh minh họa có nội dung như sau: Trong bức ảnh thứ nhất, người ta thấy chiếc tàu chạm vào tảng băng, bên dưới có dòng chữ: "Sự yếu đuối của con người và sức mạnh của thiên nhiên". Còn bức ảnh thứ hai, người ta lại thấy một người đàn ông nhường chiếc phao cứu vớt của mình cho người đàn bà đang bế con trên tay. Lần này, bức ảnh được chú thích bằng dòng chữ: "Sự yếu đuối của thiên nhiên và sức mạnh của con người".

(3) Sức mạnh, sự vĩ đại đích thực của con người hẳn không nằm trong khả năng chinh phục hay chế ngự thiên nhiên, mà chính là trong khả năng chế ngự được bản thân, vượt thắng sự ích kỉ. Mahatma Gandhi, người giành độc lập cho Ấn Độ bằng cuộc đấu tranh bất bạo động, đã nói: "Sức mạnh vĩ đại nhất mà nhân loại có trong tay chính là tình yêu".

(Tương Quan, *Phép màu nhiệm của đời*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 72 – 73)

Câu 1 Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2 Văn bản có 3 đoạn, hãy nêu nội dung của từng đoạn.

Câu 3 Anh/ Chị hiểu như thế nào về "sức mạnh của con người" trong dòng chữ chú thích dưới bức ảnh thứ hai?

Câu 4 Theo anh/ chị, thông điệp sâu sắc nhất của văn bản trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

"Sức mạnh vĩ đại nhất mà nhân loại có trong tay chính là tình yêu" (Mahatma Gandhi).

Bàn luận về ý kiến trên một trong đoạn văn (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm)

Nhận xét về nhân vật Tnú trong truyện *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), có ý kiến cho rằng Tnú là nhân vật đậm màu sắc sử thi nhưng vẫn có tính cách riêng biệt, độc đáo.

Anh/ Chị hãy bình luận ý kiến trên.

ĐỀ 21

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

LÁ ĐỎ

Gặp em trên cao lồng gió

Rừng lạ ào ào lá đỏ

Em đứng bên đường như quê hương

Vai áo bạc quàng súng trường

Đoàn quân vẫn đi vội vã

Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa

Chào em em gái tiền phương

Hẹn gặp nhé giữa Sài Gòn...

1974

Nguyễn Đình Thi

(Tuyển tập thơ Việt Nam giai đoạn chống Mỹ cứu nước, NXB Hội Nhà văn, H., 1999)

Câu 1 Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 2 Hình ảnh so sánh "Em đứng bên đường như quê hương/ Vai áo bạc quàng súng trường" gợi lên vẻ đẹp nào của nhân vật "em"?

Câu 3 Sức gợi của hình ảnh "Rừng lạ ào ào lá đỏ" và "Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa"?

Câu 4 Anh/ Chị có nhận xét gì về 2 câu thơ cuối bài?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bình luận về vai trò của những người "em gái tiền phương" trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta.

Câu ② (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về hình tượng cây xà nu trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ 22

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Rất nhiều người kiếm tìm sự an toàn và chắc chắn trong tư duy số đông. Họ nghĩ rằng nếu số đông người đang làm việc gì đó, việc đó chắc chắn phải đúng. Đó phải chăng là một ý tưởng tốt? Nếu mọi người chấp nhận nó, phải chăng đó là biểu tượng cho sự công bằng, liêm chính, lòng từ bi và sự nhạy cảm? Không hẳn. Tư duy số đông cho rằng Trái đất là tâm điểm của vũ trụ, nhưng Copernicus nghiên cứu những vì sao, các hành tinh và chứng minh một cách khoa học rằng Trái đất và những hành tinh khác trong thái dương hệ của chúng ta quay quanh Mặt trời. Tư duy số đông cho rằng phẫu thuật không cần những dụng cụ y tế sạch, nhưng Joseph Lister đã nghiên cứu tỉ lệ tử vong cao trong các bệnh viện và giới thiệu biện pháp khử trùng, ngay lập tức cứu được bao nhiêu mạng người. Tư duy số đông cho rằng phụ nữ không nên có quyền bỏ phiếu, tuy nhiên những người như Emmeline Pankhurst và Susan B. Anthony đã đấu tranh và giành được quyền đó. Tư duy số đông đưa Hitler lên nắm quyền lực ở Đức, nhưng đế chế của Hitler đã giết hại hàng triệu người và gần như tàn phá cả châu Âu. Chúng ta luôn cần nhớ rằng có một sự khác biệt lớn giữa sự chấp nhận và trí tuệ. Mọi người có thể nói rằng có sự an toàn trong một số trường hợp tư duy số đông, nhưng nó không phải lúc nào cũng đúng.

(John Maxwell, *Tôi tư duy, tôi thành đạt*. NXB Lao động xã hội, 2012, tr. 130 – 131)

Câu ① Đoạn trích sử dụng thao tác lập luận chính nào?

Câu ② Đoạn trích trình bày theo cách nào?

Câu ③ Nêu tác dụng của phép lặp cấu trúc câu "Tư duy số đông. .".

Câu ④ Qua đoạn trích trên, anh/ chị hiểu thế nào là "tư duy số đông"? Anh/ Chị ứng xử với "tư duy số đông" như thế nào?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Tư duy số đông có phải là lực cản của sự thành công?

Anh/ Chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về điều này.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/ chị về nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

ĐỀ 23

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Có một loại lực vô cùng mạnh mẽ, loại lực mà tới tận bây giờ khoa học cũng chưa thể tìm ra định nghĩa chính xác cho nó. Lực này bao gồm và chi phối mọi loại lực khác, thậm chí còn đứng sau vô vàn hiện tượng do vũ trụ vận hành mà chúng ta vẫn chưa thể lí giải. Đó chính là TÌNH YÊU.

(2) Khi các nhà khoa học tìm kiếm một học thuyết chung cho vũ trụ, họ đã bỏ qua lực vô hình nhưng mạnh mẽ nhất này. Tình yêu là ánh sáng soi chiếu tâm hồn những người biết trao và nhận nó. Tình yêu là lực hấp dẫn, bởi nó khiến người ta cuốn hút lẫn nhau. Tình yêu là sức mạnh, bởi nó phát triển bản tính tốt đẹp nhất trong ta, giúp nhân loại không bị che mắt bởi sự ích kỉ mù quáng. Tình yêu hé lộ và gọi mở. Tình yêu có thể khiến chúng ta sống và chết. Tình yêu là Chúa và Chúa cũng chính là tình yêu.

(3) Loại lực này giải thích mọi điều và thổi ý nghĩa vào cuộc sống. Tuy nhiên chúng ta đã bỏ qua nó quá lâu. Có lẽ là do chúng ta vẫn duy trì nỗi sợ trước một thứ con người không thể nào hiểu và kiểm soát được.

(4) Để giúp khái niệm tình yêu trở nên dễ hình dung hơn, cha đã thực hiện một sự thay thế đơn giản trong phương trình nổi tiếng nhất của mình. Thay vì sử dụng công thức $E = mc^2$, ta chấp nhận rằng, năng lượng hàn gắn thế giới có thể tạo ra từ tình yêu nhân với tốc độ ánh sáng bình phương. Chúng ta hoàn toàn có thể kết luận rằng: tình yêu chính là năng lượng bất khả chiến bại, bởi nó là vô hạn [...]

(5) Nếu loài người muốn tồn tại, nếu ta muốn tìm ý nghĩa của sự sống, nếu ta muốn bảo vệ thế giới và tất cả những giống loài khác, tình yêu chính là câu trả lời đầu tiên và duy nhất...

(Trích Thư của Albert Einstein gửi con gái về một nguồn sức mạnh vô hình, dẫn theo <http://www.chungta.com>)

Câu 1 Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

Câu 2 Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 phép tu từ trong đoạn (2).

Câu 3 Nhận xét về nét độc đáo của câu văn: "Thay vì sử dụng công thức $E = mc^2$, ta chấp nhận rằng, năng lượng hàn gắn thế giới có thể tạo ra từ tình yêu nhân với tốc độ ánh sáng bình phương".

Câu 4 Bài học nhân sinh sâu sắc nhất mà anh/ chị rút ra sau khi đọc đoạn trích trên.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Bình luận ý kiến trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Nếu loài người muốn tồn tại, nếu ta muốn tìm ý nghĩa của sự sống, nếu ta muốn bảo vệ thế giới và tất cả những giống loài khác, tình yêu chính là câu trả lời đầu tiên và duy nhất". (Trình bày trong đoạn văn khoảng 200 chữ.)

Câu 2 (5,0 điểm)

Mối quan hệ giữa hiện thực cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật và cảm quan của người nghệ sĩ trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

ĐỀ 24

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Đứng một mình không dễ. Không những nó có thể làm ta không được ưa thích, khi một mình, nhà văn Đan Mạch Dorte Nors viết, chúng ta phải đối diện với cảm xúc của ta, quá khứ của ta, cuộc đời của ta, những vấp vấp, sai lầm của ta, ta sẽ cảm thấy mình nhỏ bé. Cần lòng dũng cảm để không lẩn tránh chúng.

Đối lại, điều ta nhận được là một sự vững vàng mà không phải bám víu vào sự tung hô của người khác. Một mình nhưng không cô đơn. Triết gia thế kỉ XIX Henry David Thoreau viết: "Tôi không cô đơn hơn một cây mao nhĩ hay bồ công anh trên một đồng cỏ, hay một lá đậu, hay một cây chua me đất, hay một con mòng, hay một con ong nghệ. Tôi không cô đơn hơn ngôi sao Bắc Đẩu, hay một ngọn gió nam, hay một cơn mưa tháng tư, hay băng tan tháng giêng".

Cuối cùng, một mình không có nghĩa là phải tách khỏi người khác một cách vật lí. Một mình là một quan điểm sống, một trạng thái tinh thần độc lập, nó không được đo bởi khoảng cách vật lí giữa một cá nhân và những người xung quanh. Các ẩn sĩ hiện đại không cần thiết phải lên núi. Họ vẫn ở trong xã hội, yên lặng, quan sát và tìm hiểu thế giới. Họ tự do trước các cơn sóng của đám đông để có thể quan tâm tới cộng đồng một cách sâu sắc hơn, đóng góp cho cộng đồng một cách hiểu biết hơn. Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân. Một niềm vui mà như nhà tu hành David Steindl-Rast diễn tả, không phụ thuộc vào những điều đang xảy ra.

(Đặng Hoàng Giang, *Bức xúc không làm ta vô can*. NXB Hội Nhà văn, 2016, tr. 79 - 80)

Câu ① Theo tác giả đoạn trích, vì sao cần có lòng dũng cảm khi "đứng một mình"?

Câu ② Anh/ Chị hiểu như thế nào về quan niệm "Một mình nhưng không cô đơn"?

Câu ③ Theo anh/ chị, nhan đề nào dưới đây phù hợp nhất với đoạn trích?

- Đứng một mình không dễ
- Một mình nhưng không cô đơn
- Vẻ đẹp của người đứng một mình

Lì giải sự lựa chọn của anh/ chị.

Câu ④ Từ nội dung đoạn trích, anh/ chị rút ra cho mình bài học gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

"Đứng một mình" – nên hay không nên?

Trả lời câu hỏi trên trong một đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu 2 (5,0 điểm)

Hình tượng con sông Đà trong đoạn trích *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân.

ĐỀ 25

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Như ta đã thấy, GDP không phản ánh được đầy đủ chất lượng cuộc sống, hay "mức độ phát triển". Những vấn đề như bất bình đẳng, ô nhiễm môi trường, bạo lực xã hội, bất công, ... không xuất hiện trong đó. Người ta tính rằng, nếu tính đến những huỷ hoại môi trường ở Trung Quốc thì hằng năm phải đánh tụt GDP của nước này tới 3%. Luật pháp Brunei, nước giàu thứ năm trên thế giới theo thu nhập bình quân, cho phép ném đá tới chết những người đồng tính và những người ngoại tình. Ở Saudi Arabia, một quốc gia giàu có tương đương với Ý và New Zealand, phụ nữ không được phép lái ô tô, không được xuất cảnh mà không có nam giới đi kèm, và chỉ được bầu cử lần đầu vào năm 2015. Bạn có muốn sống ở những quốc gia "thịnh vượng" đó không?

Càng ngày càng có nhiều tiếng nói cho rằng việc quá bị ám ảnh bởi GDP dẫn chúng ta tới một bế tắc trong triết lý phát triển. Cuộc chạy đua về GDP là cuộc chạy đua lạc lối. Thượng nghị sĩ Robert Kennedy của Mỹ có lần phát biểu: "GDP không bao gồm vẻ đẹp của thơ ca, sự bền vững của hôn nhân, mức sắc sảo của các cuộc tranh biện, mức liêm chính của viên chức. Nó không đo được lòng dũng cảm, trí tuệ hay cam kết của chúng ta với đất nước. Nó đo mọi thứ, trừ những gì làm cho cuộc sống này đáng sống." Gần đây nhất, năm 2009, nhà kinh tế học đoạt giải Nobel nổi tiếng Joseph Stiglitz yêu cầu chấm dứt "chủ nghĩa tôn thờ" GDP.

(Đặng Hoàng Giang, *Bức xúc không làm ta vô can*. Sdd. tr. 113 – 114)

Câu 1. Nêu quan điểm của tác giả về GDP.

Câu 2. Những ví dụ về Trung Quốc, Brunei và Saudi Arabia giúp anh/ chị hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa GDP và "chất lượng cuộc sống"?

Câu 3. Anh/ Chị hiểu như thế nào về "chủ nghĩa tôn thờ" GDP và ý kiến: "Cuộc chạy đua về GDP là cuộc chạy đua lạc lối"?

Câu 4) Từ đoạn trích trên, anh/ chị quan niệm thế nào là "cuộc sống đáng sống"?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1) (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bình luận hiện tượng: "Ở Saudi Arabia, một quốc gia giàu có tương đương với Ý và New Zealand, phụ nữ không được phép lái ô tô, không được xuất cảnh mà không có nam giới đi kèm, và chỉ được bầu cử lần đầu vào năm 2015."

Câu 2) (5,0 điểm)

Về thể tùy bút, SGK *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, trang 159 cho rằng đây là thể loại có "tính chủ quan, tính trữ tình rất đậm, nhân vật chính là *cái tôi* của nhà văn. Cho nên sự hấp dẫn của tùy bút chủ yếu là sự hấp dẫn của *cái tôi* ấy".

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên bằng việc phân tích "cái tôi" của Nguyễn Tuân trong đoạn trích *Người lái đò Sông Đà*.

ĐỀ 26

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Người giàu không nhất thiết phải có bằng cấp đẳng hoàng, nhưng đều đánh giá cao việc tự học qua đọc sách hằng ngày.

Steve Siebold là tác giả cuốn "*Người giàu suy nghĩ như thế nào*" và là một triệu phú tự thân nổi tiếng tại Mĩ. Khi còn là cậu sinh viên nghèo rớt, Steve Siebold đã nhen nhóm mong muốn trở thành người giàu sau cuộc phỏng vấn với một triệu phú.

Kể từ đó, suốt hơn 3 thập kỉ qua, Siebold vẫn tiếp tục phỏng vấn hơn 1.200 người thuộc top giàu nhất thế giới. Và ông nhận ra thú giải trí chung của họ là tự học bằng việc đọc sách.

Business Insider trích lời của Siebold cho biết: "Hãy bước vào ngôi nhà của một người giàu có, và một trong những thứ đầu tiên bạn thấy sẽ là thư viện sách khổng lồ mà họ dùng để tự dạy mình cách trở nên thành công hơn. Trong khi đó, tầng lớp trung lưu lại đọc tiểu thuyết, báo lá cải và các tạp chí giải trí".

ng?"

Điều này chứng tỏ, nhu cầu của người giàu là giáo dục, chứ không phải là giải trí. Hãy lấy Warren Buffett làm ví dụ. Buffett từng cho biết ông dành khoảng 80% thời gian hằng ngày để đọc sách.

abia,
được
được

Bill Gates cũng có thói quen đọc sách trước khi đi ngủ. Nhà đồng sáng lập Microsoft nhất định phải đọc thứ gì đó mỗi đêm, từ sách về những nhân vật truyền cảm hứng (Warren Buffett, Franklin D. Roosevelt), quá trình phát triển của lịch sử (phát minh vắc xin và bom nguyên tử) cho tới những ấn phẩm triết học sâu sắc và trí tuệ (The Economist, Scientific American).

đây
của

Theo Thomas Corley – tác giả cuốn "Rich Habits: The Daily Success Habits Of Wealthy Individuals" (Những thói quen để thành công của giới giàu có), 67% người giàu dành ra một tiếng hoặc ít hơn mỗi ngày để xem tivi. Trong khi, tỉ lệ này với người nghèo chỉ là 23%. Ngoài ra, chỉ 6% người giàu dành thời gian xem các chương trình thực tế; trong khi đây lại là hoạt động ưa thích của những người nghèo (78%).

tuần

Người giàu không nhất thiết phải có bằng cấp đẳng hoàng. Thậm chí nhiều người còn chẳng được ăn học đầy đủ. Tuy nhiên, họ đều đánh giá cao vai trò của việc học sau khi tốt nghiệp, Siebold giải thích.

ánh

"Nhiều người tin rằng những tấm bằng thạc sĩ, tiến sĩ là con đường dẫn tới sự giàu có. Họ bị mắc kẹt với suy nghĩ đó và chẳng thể vươn tới tầng ý thức cao hơn. Người giàu có không quan tâm tới cách thức thực hiện, mà là kết quả sau cùng", ông viết.

một
eve
với

(Trích Thủ tiêu khiến khiến các tỉ phú giàu có,
dẫn theo báo điện tử <http://www.vnexpress.net>, ngày 6/ 1/ 2016)

200
là

Câu 1 Theo tác giả đoạn trích, thói quen hằng ngày, thú giải trí chung của những người giàu có là gì?

Câu 2 Người viết đưa ra thông tin "67% người giàu dành ra một tiếng hoặc ít hơn mỗi ngày để xem tivi. Trong khi, tỉ lệ này với người nghèo chỉ là 23%. Ngoài ra, chỉ 6% người giàu dành thời gian xem các chương trình thực tế; trong khi đây lại là hoạt động ưa thích của những người nghèo (78%)" nhằm mục đích gì?

của
ách
đó,

Câu 3 Người viết quan niệm như thế nào về vai trò của bằng cấp?

Câu 4 Bài học sâu sắc nhất mà anh/ chị rút ra cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Đọc sách phải chăng chỉ để học cách làm giàu?

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan điểm của anh/ chị.

Câu 2 (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của sông Hương qua đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

ĐỀ 27

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Hiện tượng đố kỵ trong đời sống đã có từ xưa. Thời Tam quốc có danh tướng Đông Ngô là Chu Du, nổi tiếng thao lược nhưng lại có tính đố kỵ. Thấy Gia Cát Lượng tài ba, Du đã nhiều lần tìm cách chứng tỏ mình là người tài “đệ nhất thiên hạ”, nhưng lần nào cũng bị thua. Lòng đố kỵ còn khiến Chu Du tìm kế sách hãm hại Gia Cát Lượng, nhưng lần nào Lượng cũng đoán biết và thoát hiểm. Khi nhận ra tài trí của mình không bằng Gia Cát Lượng, Du đã ngửa mặt lên trời mà than “Trời đã sinh Du, sao còn sinh Lượng!”. Câu nói đó đã bộc lộ chân tướng của người đố kỵ: không chấp nhận thực tế người khác hơn mình.

Lòng đố kỵ có thể gắn với sự hiếu thắng, một tâm lý muốn chứng tỏ mình không thua chúng kém bạn, thậm chí hơn người. Tính hiếu thắng có thể có tác dụng kích thích người ta phấn đấu, cạnh tranh vượt lên người khác, có ý nghĩa tiến bộ nhất định. Tâm lý đố kỵ ngược lại, chỉ là sự biến dạng của lòng hiếu thắng. Đố kỵ là tâm lý của kẻ thất bại. Động cơ kích thích phấn đấu giảm sút, mà ý muốn hạ thấp, hãm hại người khác để thỏa lòng ích kỷ tăng lên. Phân tích lòng đố kỵ, nhà triết học Hi Lạp cổ đại A-ri-xtốt đã nói: “Người đố kỵ sẽ dễ cảm thấy đau vật đau đớn không chỉ vì cảm thấy mình thua kém mà còn vì phải nhìn thấy người khác thành công”. Nhà triết học đã chỉ ra thực chất kẻ đố kỵ là kẻ không muốn nhìn thấy người khác thành công.

Trên thực tế, không một lòng đố kỵ nào có thể ngăn cản được người khác thành công, cho nên lòng đố kỵ chỉ có hại cho bản thân kẻ đố kỵ. Nó vừa làm cho kẻ đố kỵ không được sống thanh thản, luôn dằn vặt khổ đau vì những lý do không chính đáng, lại vừa có thể dẫn họ đến những mutu đồ xấu xa, thậm chí phạm tội

ác. Kẻ đố kỵ không hiểu rằng “ngoài trời còn có trời” (cao hơn), “ngoài núi còn có núi” (cao hơn), mình tài còn có người tài hơn.

Lòng đố kỵ là một tính xấu cần khắc phục. Con người cần phải có lòng cao thượng, rộng rãi, biết vui với thành công của người khác. Tình cảm cao thượng không chỉ giúp con người sống thanh thản, mà còn có tác dụng thúc đẩy xã hội và đồng loại tiến bộ.

(Phỏng theo Băng Sơn, dẫn theo Ngữ văn 11 Nâng cao, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016. tr 96 – 97)

Câu 1 Đoạn trích sử dụng những thao tác lập luận nào?

Câu 2 Theo tác giả, thế nào là đố kỵ?

Câu 3 Tác giả bày tỏ thái độ như thế nào về thói đố kỵ của con người?

Câu 4 Theo anh/ chị, cần làm gì để khắc phục thói đố kỵ trong bản thân mỗi chúng ta?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ với chủ đề: Con người cần phải có lòng cao thượng.

Câu 2 (5,0 điểm)

"Cái tôi" Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

ĐỀ 28

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không? Chúng ta từng nói đến việc làm sao trở thành những công dân toàn cầu. Danh từ công dân toàn cầu rất dễ làm cho những ai đó lầm tưởng về một siêu nhân trong những khía cạnh nào đấy. Nhưng bản chất duy nhất của một công dân toàn cầu là một người biết yêu thương thế gian này và luôn tìm cách cải biến thế gian. Có thể sẽ có những công dân kêu lên đầy bất lực: Ta chỉ

là một sinh linh bé nhỏ làm sao ta có thể yêu thương và che chở cả thế gian rộng lớn nhường kia! Việc yêu thương và che chở cho cả thế gian có phải là một ước mơ hay một nhân cách hảo huyền không? Không. Đó là một hiện thực và đó là một nguyên lý. Khi một con người yêu thương chân thực mảnh đất con người đó đang đứng dù chỉ vừa hai bàn chân thì người đó đã yêu cả trái đất này. Khi bạn yêu một cái cây bên cạnh bạn thì bạn yêu mọi cái cây trên thế gian. Khi bạn yêu thương một con người bên cạnh thì bạn yêu cả nhân loại. Và khi tất cả những con người dù bé nhỏ đến đâu yêu thương người bên cạnh thì tình thương yêu ấy sẽ ngập tràn thế gian này.

Tình yêu thương nhân loại sẽ ngay lập tức trở nên hảo huyền và mang thói đạo đức giả khi chúng ta nói đến tình yêu thương đó mà không bao giờ chúng ta yêu thương nổi một người bên cạnh. Và thói đạo đức giả đang lan rộng trên thế gian chúng ta đang sống.

Hãy cứu thế gian này khỏi những hận thù, những ích kỉ, những vô cảm và giá lạnh bằng những hành động cụ thể của mỗi con người đang sống trên thế gian này. Đây là tiếng kêu khẩn thiết, đây tình thương yêu và trách nhiệm của biết bao con người đang sống trên thế gian này.

(Trích Cẩn một ngày hoà giải để yêu thương,
dẫn theo [http // www.tuanvietnam.net](http://www.tuanvietnam.net), ngày 7/ 9/ 2010)

Câu 1 Theo tác giả đoạn trích, phẩm chất cốt lõi của một "công dân toàn cầu" là gì?

Câu 2 Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3 Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào khi bàn về "bản chất duy nhất của công dân toàn cầu"?

Câu 4 Anh/ Chị thử đưa ra một định nghĩa khác về "công dân toàn cầu".

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Theo anh/ chị, thế hệ trẻ Việt Nam cần làm gì để trở thành "công dân toàn cầu"?

Viết đoạn văn (khoảng 200) chữ trình bày quan điểm của mình.

Câu 2 (5,0 điểm)

Sức hấp dẫn của *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh).

ĐỀ 29

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi người khác nói, chúng ta có cái kiểu nghe đại loại theo bốn cách: kiểu phớt lờ họ, chẳng chú ý nghe gì cả; hoặc giả như có nghe, âm ỉ cho qua chuyện; hoặc nghe có chọn lọc, nghe từng phần nào đó của câu chuyện thôi; và nghe chăm chú, quan tâm và tập trung vào những gì họ đang nói. Nhưng mấy ai trong chúng ta có được trình độ nghe cao: nghe với lòng thấu cảm.

Khi chúng ta biết nghe với lòng thấu cảm, chúng ta không nghe theo cách "chủ động" hoặc "ngờ vực" mà thực chất chẳng hơn gì cách nghe hờ hững, nghe có tính chất "xã giao", có khi còn làm tổn thương đến "người được nghe" – kiểu nghe để đối đáp, để khống chế, để toan tính.

Khi tôi nói tôi nghe với lòng thấu cảm, có nghĩa là tôi nghe với ý hướng để hiểu. Có nghĩa là tôi hiểu người khác trước, để hiểu được họ thực sự. [...] Đó là cách nghe đi vào lòng người. Cả hai nhìn thế giới theo cùng một cách nhìn và cùng hiểu nhau.

Thấu cảm khác với thương cảm. Thương cảm là một dạng của sự tán thành, một dạng của cách đánh giá và đôi khi là sự đáp ứng tình cảm có tính bao trùm, che chở. Con người lại thường ưa kiểu thương cảm này. Nó làm cho họ phụ thuộc. Còn việc lắng nghe với lòng thấu cảm không nhất thiết đòi sự tán thành; mà là việc bạn hiểu người đó đầy đủ, sâu xa với tất cả tình cảm và hiểu biết của bạn.

Lắng nghe với lòng thấu cảm vượt xa cả sự ghi nhận, hoặc đặt vấn đề, hay đơn thuần chỉ hiểu những gì họ nói ra thôi. Trên thực tế, theo các chuyên gia về giao tiếp thì trong những giao tiếp của chúng ta, chúng ta chỉ thể hiện 10% bằng lời nói, 30% khác là những âm động, còn tới 60% là ngôn ngữ của cơ thể. Trong việc lắng nghe có tính chất thấu cảm, chúng ta không chỉ nghe bằng tai mà còn nghe bằng mắt và bằng con tim. Bạn nghe để cảm nhận, nghe để tìm ra ý nghĩa. Bạn nghe để biết cách sống. Bạn vận dụng cả bán cầu phải và bán cầu trái của não. Bạn cảm nhận, bạn trực cảm, bạn cảm thấy.

Lắng nghe với lòng thấu cảm còn cho bạn một khả năng vì nó cung cấp cho bạn những dữ liệu chính xác để hành xử. Thay vì khư khư giữ lấy những gì là của mình, xử sự với thực tại bên trong tâm trí của người khác, bạn đang lắng nghe để hiểu, bạn giao tiếp và lĩnh hội một tâm hồn.

(Stephen R. Covey, *Bảy thói quen của người thành đạt*.
NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2000. tr 197 – 198)

Câu ① Bài viết đề cập đến các cách nghe nào trong giao tiếp?

Câu ② Vì sao tác giả cho rằng "nghe với lòng thấu cảm" là nghe ở trình độ cao?

Câu ③ Nhận xét về cách lập luận của tác giả khi bàn về vấn đề "lắng nghe với lòng thấu cảm".

Câu ④ Để đạt được trình độ "nghe với lòng thấu cảm", theo anh/ chị, chúng ta cần làm gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu ① (2,0 điểm)

Vì sao thói quen "lắng nghe với lòng thấu cảm" là một chìa khoá của thành công?

Trả lời câu hỏi trên trong đoạn văn khoảng 200 chữ.

Câu ② (5,0 điểm)

Phân tích phần mở đầu của *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh).

ĐỀ 1**I. ĐỌC HIỂU**

Câu 1 HS nêu được 05 trong số các cụm từ: "đừng mất lòng tin", "đừng bỏ cuộc", "hãy cố gắng", "hãy tiếp tục", "hãy yêu việc mình làm", "đừng từ bỏ".

Câu 2 HS trình bày cách hiểu của mình một cách hợp lí, thuyết phục. Tham khảo các cách trả lời sau:

– Câu nói cho thấy trong cuộc sống, đôi khi chúng ta đã cố gắng rất nhiều nhưng vẫn thất bại.

– Câu nói cho thấy trong cuộc sống, đôi khi có những khó khăn khách quan bất ngờ xảy ra khiến chúng ta thất bại.

Câu 3 Tham khảo cách trả lời sau:

Mỗi người cần phải tìm ra được cái mình yêu quý – đó có thể là một công việc hoặc một con người. Đó là công việc/ con người mà chúng ta thích thú, đam mê, theo đuổi và tin tưởng là tuyệt vời. Chỉ khi đó chúng ta mới có động lực để làm việc hoặc sống có trách nhiệm hơn.

Câu 4 HS trình bày hợp lí, thuyết phục về thông điệp của đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với mình. Tham khảo một số thông điệp sau:

– Phải luôn có lòng tin vào những việc mình làm.

– Phải yêu quý những công việc mình làm.

– Không được bỏ cuộc khi thất bại.

– Hãy kiên trì và cố gắng liên tục.

II. LÀM VĂN

Câu 1 Viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp...); xác định đúng vấn đề cần nghị

luận (cách duy nhất để thành công một cách thực sự là hãy làm những việc mà bạn tin rằng đó là những việc tuyệt vời); thể hiện quan điểm về vấn đề cần nghị luận bằng cách giải thích ý kiến, nêu cảm nhận hoặc bình luận về ý kiến (thể hiện sự đồng tình/ phản đối/ vừa đồng tình, vừa phản đối,...); lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Chẳng hạn, nếu bình luận về ý kiến, có thể theo các hướng sau:

– Đồng tình với ý kiến: lập luận cần theo hướng khẳng định niềm tin, tình yêu đối với công việc (tin rằng đó là những việc tuyệt vời) sẽ là động lực mạnh mẽ để mỗi người vượt qua những khó khăn, trở ngại (bao gồm cả những yếu tố khách quan và chủ quan) để thành công. Người ta không thể thành công nếu không có niềm tin vào công việc và không tin đó là việc tốt (tuyệt vời).

– Phản đối ý kiến: lập luận cần theo hướng để thành công trong công việc, nếu chỉ có niềm tin, tình yêu thôi thì chưa đủ; cần phải có hiểu biết/ kiến thức về công việc, kĩ năng và kĩ xảo để thực hiện công việc đó; ngoài ra, các yếu tố khách quan và sự may mắn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thành công của mỗi người trong công việc.

– Vừa đồng tình, vừa phản đối ý kiến: kết hợp hai cách lập luận trên.

Câu 2 Viết bài văn nghị luận, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mild, nên thơ của thiên nhiên núi rừng miền Tây trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; có sáng tạo trong diễn đạt, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm

– Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc. Ở phương diện thơ ca, Quang Dũng là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình.

– *Tây Tiến* là bài thơ thể hiện tập trung nhất những nét đặc trưng trong phong cách nghệ thuật của Quang Dũng. Bài thơ được coi là một kiệt tác về đề tài người lính thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong bài thơ, với cảm hứng lãng

mạn bay bông mà vẫn đậm chất hiện thực, Quang Dũng đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh thiên nhiên của núi rừng miền Tây: vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mỹ lệ, nên thơ.

b) Phân tích vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mỹ lệ, nên thơ của thiên nhiên núi rừng miền Tây trong bài *Tây Tiến*:

– Giải thích, khái lược về vẻ đẹp "hùng vĩ, dữ dội": rộng lớn, gây được ấn tượng mạnh mẽ và đáng sợ; "mỹ lệ, nên thơ": quyến rũ, huyền ảo.

– Phân tích các căn cứ để làm rõ về đẹp "hùng vĩ, dữ dội" và "mỹ lệ, nên thơ" của thiên nhiên núi rừng miền Tây trong bài *Tây Tiến*:

+ Vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội của thiên nhiên núi rừng miền Tây chủ yếu được thể hiện trong các câu thơ tả sương núi dày đặc, dốc núi hiểm trở và sự hoang sơ, bí hiểm của núi rừng. Cụ thể là:

• *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*: Màn sương ở Sài Khao mờ mịt, dày đặc có thể che kín cả một đoàn quân, trùm phủ núi rừng.

• *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm – Heo hút cồn mây súng ngửi trời – Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*: Dốc núi quanh co, trùng điệp như vô tận, một bên vút lên cao ngắt trời, một bên vụt đổ xuống vực sâu.

• *Chiều chiều oai linh thác gầm thét – Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người*: Núi rừng miền Tây hoang sơ, bí hiểm bởi tiếng thác nước oai linh, tiếng cọp rú gầm. Sức mạnh thiên nhiên hùng vĩ ấy đã ngự trị nơi núi rừng miền Tây từ bao đời.

+ Vẻ đẹp mỹ lệ, nên thơ của thiên nhiên núi rừng miền Tây chủ yếu được thể hiện trong các câu thơ miêu tả hoa, mưa rừng, chiều sương,... Cụ thể là:

• *Mường Lát hoa về trong đêm hơi*: Hoa rừng tỏa hương, vương vấn trong đêm sương.

• *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*: Thung lũng mờ mịt, nhạt nhoà trong mưa.

• *Người đi Châu Mộc chiều sương ấy – Có thấy hồn lau nẻo bến bờ – Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*: Một chiều sương với hoa lau xào xạc trắng xóa núi rừng; sắc trắng của hoa lau trong chiều sương nhạt nhoà mờ ảo, cái phơ phất của ngàn lau trong xào xạc gió núi... đã khiến cho rừng lau trở nên như có linh hồn. Những bông hoa rừng như những cô gái đang soi mình làm duyên trên gương nước chòng chành, sóng sánh.

c) Nhận xét, đánh giá:

– Nhà thơ đã khắc hoạ vẻ đẹp vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mild, nên thơ của thiên nhiên núi rừng miền Tây bằng bút pháp hiện thực kết hợp với bút pháp lãng mạn.

– Khắc hoạ thiên nhiên miền Tây, nhà thơ không chỉ mang đến cho người đọc một bức tranh về núi rừng hiểm trở và dữ dội, hùng vĩ và mild mà còn gián tiếp cho thấy hình tượng người lính Tây Tiến với sức mạnh hào hùng, vẻ đẹp hào hoa và lãng mạn. Thiên nhiên là cái nền cảnh để nhà thơ làm nổi bật hình tượng người lính.

– Vẻ đẹp vừa "hùng vĩ, dữ dội" vừa "mild, nên thơ" của thiên nhiên núi rừng miền Tây là một trong những nét làm nên giá trị của bài thơ và thể hiện phong cách nghệ thuật của Quang Dũng.

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Đoạn trích chủ yếu sử dụng phương thức tự sự

Câu ② HS có thể nêu 1 trong 2 mục đích của người viết như sau:

- Ca ngợi óc thông minh, sáng tạo và sự kiên trì của người Nhật.
- Động viên, khích lệ mọi người sáng tạo và kiên trì trong công việc.

Câu ③ Những cách làm đó cho thấy người Nhật Bản rất thông minh, sáng tạo và kiên trì.

Câu ④ HS rút ra cho mình 01 bài học có ý nghĩa với bản thân và những người xung quanh. Câu trả lời phải hợp lí, có sức thuyết phục, phù hợp với nội dung của văn bản. Cách diễn đạt có thể khác nhau nhưng cần nêu được ý chính là bài học về sự kiên trì hoặc luôn cố gắng, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm.

II. LÀM VĂN

Câu ① Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...); xác định một thông điệp tiếp nhận được từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu; thể hiện quan điểm về thông điệp ấy bằng

cách giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận/ bác bỏ hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Chẳng hạn, HS có thể nêu một trong những thông điệp sau và viết đoạn văn nêu suy nghĩ của mình về thông điệp đó:

– Trong công việc, con người cần phải biết kiên trì, sáng tạo trong cách nghĩ và cách làm.

– Các nhà sản xuất, kinh doanh cần đặt tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm lên hàng đầu.

– Giả sử mỗi người là một chú cá bé nhỏ trong bể, nếu không có cá mập, liệu ta có thể nỗ lực hết mình (bơi nhanh và bơi xa) đến thế hay không?

– Hình ảnh con cá mập trong đoạn trích chính là những khó khăn, thử thách trong cuộc sống buộc ta phải nỗ lực tìm cách vượt qua để có thể trưởng thành và phát triển. Mỗi khó khăn, thử thách đều đi kèm với một cơ hội tương xứng. Quan trọng là chúng ta đối mặt với khó khăn, thử thách đó như thế nào – can đảm đối mặt hay chùn bước và trốn chạy?

– Thử thách giúp cho chúng ta tìm ra sức mạnh và cách thức để tồn tại, vươn tới. Thay vì né tránh, hãy dũng cảm đối mặt với nó.

– Nếu bạn đã đạt được mục tiêu, hãy đặt ra mục tiêu lớn hơn. Đừng tự bằng lòng, thoả mãn với thành tích, ngủ quên trên chiến thắng của chính mình.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS làm rõ "hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa" của Quang Dũng, đặc biệt là khi ông viết về người lính Tây Tiến. Vì thế, cần chọn được đoạn thơ thể hiện rõ hình tượng người lính trong bài *Tây Tiến* để giải quyết vấn đề mà đề bài yêu cầu. Đoạn thơ thích hợp nhất là: "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc. ... Sông Mã gầm lên khúc độc hành".

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả: xem phần gợi ý ở Đề 1, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giải thích ý kiến: "Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến", tập trung vào các từ *phóng khoáng* (không bị gò bó bởi những khuôn mẫu hoặc những cách viết có sẵn), *hồn hậu* (hiền từ, chất phác), *lãng mạn* (vượt

lên trên thực tế cuộc sống để phản ánh, thể hiện theo ý muốn chủ quan; dùng trí tưởng tượng bay bổng để lí tưởng hoá vẻ đẹp của hình tượng), *tài hoa* (có tài về nghệ thuật, văn chương). Đây là những nét riêng trong phong cách thơ Quang Dũng so với các nhà thơ khác cùng viết về đề tài người lính (đã học) như Chính Hữu (bài *Đồng chí*), Phạm Tiến Duật (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*),... Trong bài *Đồng chí*, qua việc khắc hoạ hình tượng người lính cách mạng và tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn của họ bằng ngôn ngữ giản dị, chân thực, Chính Hữu đã khai thác cái đẹp, chất thơ trong cái bình dị, bình thường; trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, với chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống nơi chiến trường, ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn và giọng điệu ngang tàng, trề trung, lạc quan, tác giả đã khắc hoạ hình ảnh người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mĩ với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn, nguy hiểm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam.

c) Giới thiệu đôi nét về bài thơ *Tây Tiến*:

– Hoàn cảnh sáng tác: Tây Tiến là một đơn vị bộ đội được thành lập năm 1947, chiến đấu trên địa bàn rừng núi rộng lớn và hiểm trở nơi biên giới Việt – Lào, có nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao sinh lực địch (quân viễn chinh Pháp). Chiến sĩ Tây Tiến phần lớn là những học sinh, sinh viên Hà Nội, chiến đấu trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ nhưng họ luôn sống lạc quan và chiến đấu rất dũng cảm. Năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng của binh đoàn Tây Tiến. Cuối năm 1948, ông được lệnh chuyển sang đơn vị khác. Tại làng Phù Lưu Chanh (tỉnh Hà Đông cũ), ông viết bài *Nhớ Tây Tiến*. Năm 1957, ông đổi lại là *Tây Tiến* (cho hàm súc, cô đọng hơn).

– Đặc điểm chính về nội dung và nghệ thuật: xem phần gợi ý ở Đề 1, Câu 2, phần Làm văn.

d) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích: nằm ở phần thứ ba của tác phẩm, thể hiện rõ nét nhất hình tượng người lính Tây Tiến. Trước đó, tác giả đã khắc hoạ hình tượng thiên nhiên miền Tây vừa hùng vĩ, dữ dội vừa mỹ lệ, nên thơ để làm nền cho sự xuất hiện của người lính; người lính đã được khắc hoạ bước đầu với những vẻ rắn rỏi, hào hùng và hào hoa.

e) Phân tích đoạn thơ "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc... Sông Mã gầm lên khúc độc hành" để làm rõ phong cách nghệ thuật thơ Quang Dũng khi viết về

người lính. Khi phân tích, cần làm rõ những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật (cách gieo vần, ngắt nhịp, dùng từ, sử dụng hình ảnh, chi tiết, biện pháp tu từ,...) để từ đó nêu lên nội dung của đoạn thơ (hình tượng người lính Tây Tiến và cảm xúc, tư tưởng của nhà thơ). Có thể liên hệ với đoạn/ bài thơ khác (đã học hoặc đã đọc) viết về người lính, chỉ ra những nét chung và khác biệt giữa các đoạn/ bài thơ này, từ đó làm nổi bật nét riêng *phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa* trong cách thể hiện hình ảnh người lính của Quang Dũng.

Đoạn thơ là một bức tượng đài bi tráng về người chiến sĩ Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng của lí tưởng cao cả, của ý chí kiên cường cùng vẻ đẹp hào hoa của những tâm hồn lãng mạn, mộng mơ. Dưới đây là gợi ý về nội dung của các câu thơ trong đoạn:

– Bốn câu đầu: "Tây Tiến đoàn binh... đáng kiêu thom" thể hiện rõ nét phong cách thơ Quang Dũng khi viết về người lính.

+ Hai câu đầu: là những nét chấm phá về ngoại hình của người lính Tây Tiến. Bằng thủ pháp tương phản, một thủ pháp nổi bật của bút pháp lãng mạn, người lính hiện lên vừa giản dị, hồn hậu vừa lắm liệt, oai phong.

• *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*: người lính hiện lên không tiêu tụy mà ngạo nghễ, ngang tàng, phóng khoáng.

• *Quân xanh màu lá dữ oai hùm*: người lính như hoà vào thiên nhiên, hồn hậu, bao dung như cây lá mà vẫn toát lên vẻ dữ dội, kiêu hùng, uy nghi, lắm liệt của những vị chúa tể rừng xanh.

+ Hai câu sau: Vẫn là thủ pháp tương phản đối lập cái dữ dội, oai hùng với cái mềm mại, mộng mơ nhằm thể hiện chiều sâu tâm hồn của người lính Tây Tiến.

• *Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*: gợi lên ý chí chiến đấu và khát vọng chiến đấu – khát vọng được lưu giữ trong "mộng chiến trường" cao đẹp. Ánh mắt ấy càng làm tôn thêm sự oai phong lắm liệt trong dáng vẻ, nét kiêu hùng, ngạo nghễ trong tâm hồn người lính có lí tưởng và khát vọng lớn lao.

• *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*: thể hiện nỗi nhớ của người lính về những thiếu nữ Hà Nội đáng yêu, kiều diễm, thanh lịch, lãng mạn.

– Bốn câu sau vang vọng âm hưởng bi tráng, vừa tha thiết, sâu lắng vừa hào hùng, dữ dội; vừa trang trọng, thiêng liêng do hàng loạt hình ảnh đầy ấn tượng và

các từ Hán Việt cổ kính, trang trọng tạo nên (*biên cương, viễn xứ, áo bào, độc hành*). Điều đó cũng đã thể hiện rõ nét phong cách *phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa của hồn thơ Quang Dũng*: “Rải rác ... độc hành”.

+ *Rải rác biên cương mở viễn xứ*: câu thơ mang đến một cảm giác bi hùng về cái chết của người lính trên đường hành quân.

+ *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*: câu thơ nói lên ý chí quyết tâm của những thanh niên sẵn sàng hiến dâng cuộc đời và tuổi xuân – những gì đẹp đẽ và quý giá nhất cho đất nước.

+ *Áo bào thay chiếu anh về đất*: câu thơ tiếp tục nói về sự hi sinh của người lính: vừa bình dị, đơn sơ vừa oai phong, sang trọng. Bình dị, đơn sơ vì không có cả manh chiếu để chôn cất người đã mất. Sang trọng, oai phong vì chiếc áo đơn sơ của người lính trong mắt nhà thơ đã hoá *chiến bào*, gợi nhớ hình ảnh oai hùng, lẫm liệt của những tướng sĩ thời phong kiến.

+ *Sông Mã gầm lên khúc độc hành*: câu thơ miêu tả tiếng gầm thét đơn độc mà dữ dội của sông Mã. Sông Mã – chứng nhân lịch sử, thay lời cho thiên nhiên, trời đất, núi sông gầm vang “khúc độc hành” bi tráng tiễn đưa những người con yêu quý về yên nghỉ trong lòng đất mẹ. Khúc độc hành – ấy là khúc ca vừa mạnh mẽ, hùng tráng vừa phảng phất âm hưởng cô đơn, ngậm ngùi.

g) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ nói riêng và bài thơ *Tây Tiến* nói chung đã làm nên tên tuổi của nhà thơ Quang Dũng khi viết về đề tài người lính.

– Với cảm hứng lãng mạn và ngòi bút tài hoa, tác giả đã khắc hoạ hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng.

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là biểu cảm.

Câu ② Nơi dựa – chỗ (nơi, vị trí, người, vật) để ta tựa vào nhằm có thêm sức mạnh (cả vật chất và tinh thần). Nơi dựa trong bài thơ là nơi dựa về mặt tinh thần, tình cảm của mỗi con người.

Câu ③ Hai phần của bài thơ có cách cấu trúc và hình tượng tương tự như nhau

Cụ thể là: Số lượng câu thơ ở mỗi phần như nhau và mỗi phần đều có 2 hình tượng nghệ thuật cùng làm nổi bật chủ đề của bài thơ.

Câu ④ HS trả lời theo cách hiểu riêng của mình, lập luận cần chặt chẽ, có sức thuyết phục. Tham khảo hướng trả lời sau: Hình ảnh em bé và bà cụ cho thấy trong cuộc sống, nhiều khi "nơi dựa" vững chắc cho mỗi người không phải là những người trẻ, khỏe, đầy đủ về vật chất... mà lại chính là những người có vẻ yếu đuối, bé nhỏ, mong manh (như em nhỏ, người già...). "Nơi dựa" thực sự của mỗi người chính là nơi chúng ta tìm thấy sự bình tâm, niềm tin tưởng, sự bình yên... để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

II. LÀM VĂN

Câu ① HS viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp...; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận trong số các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ; có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày được suy nghĩ riêng của mình về tầm quan trọng của "nơi dựa" trong cuộc sống của mỗi con người.

– Nếu lập luận theo hướng khẳng định tầm quan trọng (mặt phải, mặt tích cực) của "nơi dựa", cần nhấn mạnh và làm rõ: Nơi dựa là gì? Tại sao trong cuộc sống, mỗi người đều cần phải có "nơi dựa", nhất là chỗ dựa về tinh thần? (để có thêm sức mạnh; để khỏi "chơi vơi", "chông chênh", "mất thăng bằng" khi gặp phải những khó khăn, vất vả)

– Nếu lập luận theo hướng phủ định (chỉ ra mặt trái, mặt tiêu cực) của "nơi dựa", cần nhấn mạnh và làm rõ ý: mỗi người phải biết tự lực, tự đứng vững trên đôi chân của mình, không nên dựa dẫm, ỷ lại vào người khác.

– Nếu lập luận theo hướng vừa khẳng định vừa phủ định tầm quan trọng của "nơi dựa", cần kết hợp cả hai nội dung trên.

Câu ② Đề bài yêu cầu HS trình bày cảm nhận của mình về đoạn thơ đầu trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng.

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả Quang Dũng, hoàn cảnh sáng tác và đặc điểm chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Tây Tiến*: xem phần gợi ý ở Đề 1, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích: nằm ở phần đầu của tác phẩm, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ và bước đầu khắc họa vẻ đẹp của hai hình tượng nghệ thuật: thiên nhiên miền Tây và người lính Tây Tiến.

c) Phân tích đoạn thơ: Khi phân tích, cần làm rõ những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật (cách gieo vần, ngắt nhịp, dùng từ, sử dụng hình ảnh, chi tiết, biện pháp tu từ...) để từ đó làm nổi bật nội dung của đoạn thơ. Cần chia đoạn thơ thành những nhóm câu thơ để phân tích. Có hai cách chia:

– Cách 1: chia đoạn thơ thành 3 khổ: khổ 1 và khổ 2 – mỗi khổ gồm 4 câu thơ, khổ 3 gồm 6 câu thơ còn lại.

– Cách 2: chia đoạn thơ thành các phần: phần 1 gồm 2 câu thơ đầu (nêu cảm hứng chủ đạo và giới thiệu hình tượng nghệ thuật); phần 2 gồm những câu thơ trực tiếp viết về thiên nhiên miền Tây; phần 3 gồm những câu thơ trực tiếp viết về người lính Tây Tiến.

Dưới đây hướng dẫn HS phân tích đoạn thơ theo cách 2.

– Hai câu đầu là khúc dạo đầu của nỗi nhớ Tây Tiến và thể hiện rõ cảm hứng chủ đạo của đoạn đầu và toàn bộ bài thơ.

+ Câu 1 là câu cảm thán, ngắt nhịp 4/3 với hình ảnh hoán dụ (*sông Mã* – tượng trưng cho núi rừng miền Tây). Câu thơ nêu hoàn cảnh tâm trạng của nhân vật trữ tình, giới thiệu các hình tượng nghệ thuật thơ (thiên nhiên miền Tây, người lính Tây Tiến).

+ Câu 2 ngắt nhịp 4/3, điệp từ "nhớ" đứng ở đầu mỗi vế và từ láy *chơi vơi*, nêu hoàn cảnh tâm trạng của nhân vật trữ tình và cảm hứng chủ đạo trong bài thơ – nỗi nhớ về đồng đội và chiến trường xưa.

– Những câu thơ miêu tả thiên nhiên miền Tây:

+ *Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*: Ngắt nhịp 2/2/3 hoặc 4/3, tác giả đã tả thực cảnh sương núi dày đặc, mờ mịt, qua đó gián tiếp cho thấy những khó khăn mà người lính Tây Tiến phải trải qua.

+ *Mường Lát hoa về trong đêm hơi* Ngắt nhịp 2/2/3 hoặc 4/3, hình ảnh hoa rừng toả hương ngào ngạt trong đêm thật thi vị, qua đó cho thấy tâm hồn lãng mạn của người lính Tây Tiến.

+ *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm – Heo hút cồn mây súng ngửi trời – Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống*

• Câu thứ nhất sử dụng điệp từ "dốc", các từ láy "khúc khuỷu", "thăm thẳm", có 5/7 chữ là thanh trắc, đặc tả dốc núi miền Tây, tạo cảm giác về sự quanh co, trùng điệp như vô tận của các con dốc, vừa cho thấy độ cao của dốc, vừa cho thấy độ sâu của vực, qua đó gián tiếp gợi lên sự nhọc nhằn, gian khổ trong cuộc sống chiến đấu của người lính Tây Tiến.

• Câu thứ hai sử dụng các phép đảo ngữ, nhân hoá và từ láy, gián tiếp gợi độ cao của dốc núi và sự vắng vẻ, heo hút; cho thấy sự gian truân, vất vả trên đường hành quân nhưng cũng cho thấy sự hóm hỉnh, trẻ trung, tinh nghịch của người lính Tây Tiến (qua cách nói *súng ngửi trời*).

• Câu thứ ba sử dụng phép điệp ngữ, từ trái nghĩa, có 3/7 chữ mang thanh trắc và từ ngữ mang tính ước lệ. Câu thơ như bị bẻ đôi một cách đột ngột, là một nét vẽ gân guốc, gợi cảm giác dốc vút lên cao rồi vụt đổ xuống thấp, qua đó nhấn mạnh sự hiểm trở của núi rừng miền Tây và những gian nan mà người lính phải trải qua.

+ *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*: Câu thơ ngắt nhịp 2/2/3, toàn thanh bằng, sử dụng đại từ phiếm chỉ (*ai*). Câu thơ như một nét vẽ tinh tế, mềm mại gợi ra một không gian mênh mang, huyền ảo và một cảm giác băng khuâng

+ *Chiều chiều oai linh thác gầm thét – Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người* sử dụng phép đối xứng, từ láy chỉ thời gian, phép nhân hoá, từ ngữ chỉ địa danh để gợi tả sự hoang vu, bí hiểm của thiên nhiên miền Tây như một thử thách, qua đó nhấn mạnh sự kiên cường, kiêu hãnh của người lính.

Với những câu thơ đậm màu sắc hội hoạ và âm nhạc, tác giả đã khắc hoạ thành công sự hiểm trở và dữ dội, hùng vĩ và thơ mộng của núi rừng miền Tây. qua đó cho thấy những khó khăn, gian khổ mà người lính phải trải qua và vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn trong tâm hồn người chiến sĩ Tây Tiến. Qua nỗi nhớ, tác giả thể hiện sự đồng cảm, tự hào về đồng đội của mình.

– Những câu thơ miêu tả người lính Tây Tiến:

+ *Anh bạn dãi dẫu không bước nữa – Gục lên súng mũ bỏ quên đời!*: sử dụng từ láy *dãi dẫu*, hình ảnh thơ đa nghĩa, gợi lên hình ảnh người lính dãi dãi trong mưa nắng, gian khổ nhưng cũng hết sức thanh thản; trong bất cứ hoàn cảnh nào người lính vẫn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

+ *Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói – Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*: sử dụng câu cảm thán, các từ chỉ địa danh, ngôn ngữ giàu chất tạo hình, kết hợp bút pháp hiện thực và lãng mạn, gợi lại kỉ niệm ngọt ngào, thấm thiết tình quân dân và tâm hồn lãng mạn, đa tình của người lính Tây Tiến.

Bốn câu thơ cho thấy người lính Tây Tiến dù phải trải qua những gian khổ, vất vả nhưng vẫn rất hào hùng và hào hoa.

d) Nhận xét, đánh giá: Với sự kết hợp hài hoà giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, giữa chất hoạ và chất nhạc, tác giả đã tái hiện một cách sinh động và gợi cảm một vùng đất hiểm trở, hùng vĩ, dữ dội mà thơ mộng, kì thú, gắn liền với chặng đường hành quân của những chiến sĩ hào hùng, kiêu dũng nhưng cũng thật lãng mạn, hào hoa. Qua đó, nhà thơ thể hiện nỗi nhớ, sự đồng cảm, niềm kiêu hãnh, tự hào về đồng đội.

ĐỀ 4

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Câu văn nêu lên ý khái quát của đoạn trích là: *Ta không thể ghét sự tự học được: nó là một cuộc du lịch*.

Câu 2 Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích là so sánh. Tác dụng của thao tác lập luận này: chỉ ra sự giống nhau giữa sự tự học với thú đi chơi bộ, từ đó giúp người đọc thấy được lợi ích của sự tự học.

Câu 3 Tác giả cho rằng: *"Ta không thể ghét sự tự học được"* bởi vì: "Sự tự học" là một cuộc "du lịch" – "du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian", "Kể làm sao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc du lịch bằng sách vở".

Câu ④ HS rút ra ít nhất 01 bài học cho bản thân từ quan điểm của tác giả: "Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông". Câu trả lời phải hợp lí, có sức thuyết phục.

Tham khảo các hướng trả lời sau đây:

– Hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông, do đó, mỗi người phải nỗ lực học hỏi để có được nhiều tri thức cho bản thân.

– Hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông. Nó hứa hẹn nhiều thú vị để chúng ta khám phá và chiếm lĩnh. Vì vậy, con người phải chịu khó học hỏi để có được những niềm vui, sự thú vị ấy.

– Hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông. Hiểu biết của mỗi người là hữu hạn. Vì thế, con người cần phải khiêm tốn và học hỏi không ngừng.

II. LÀM VĂN

Câu ① HS viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp ; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận trong số các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ, ...; có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày được suy nghĩ riêng của mình theo hướng làm rõ và khẳng định hoặc phủ định ý kiến: *Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian.*

– Nếu lập luận theo hướng khẳng định ý kiến trên là đúng, cần khẳng định tính chất *tự chủ, tự do, thuận tiện, không có gì bó buộc, không có gì ngăn cản* của việc tự học.

Cần làm rõ nội dung của ý kiến khẳng định theo hướng: Tự học là tự mình tìm hiểu, khám phá và chiếm lĩnh những tri thức về thiên nhiên, con người, cuộc sống... Đó là một cuộc đi chơi vừa để giải trí vừa để có thêm những hiểu biết về những điều mà mình quan tâm. Nhưng đó là cuộc du lịch bằng trí óc, qua sách vở (không chỉ sách giáo khoa mà còn là tất cả các loại sách, truyện khác). Vì thế, con người không chỉ đi du lịch trong hiện tại mà còn có thể quay về quá khứ hoặc đi đến tương lai, có thể đến với mọi miền xa xôi trên thế giới, khắc phục mọi hạn chế

của việc "du lịch bằng chân" và việc học qua sách giáo khoa ở nhà trường. Nói như Phan Kế Bính (1875 – 1921): "*Ngồi trong xó nhà mà lịch lãm suốt hết các nơi danh lam thắng cảnh của thiên hạ; xem trên mảnh giấy mà tinh tường được hết các việc hay, việc dở của thế gian, sinh ở sau mấy nghìn năm mà tựa hồ như được đối diện và được nghe tiếng bàn bạc của người sinh về trước mấy nghìn năm, cũng là nhờ có văn chương cả*" (trích *Hán Việt văn khảo*).

– Nếu lập luận theo hướng phủ định ý kiến trên, cần nhấn mạnh: Đi du lịch cũng có những giá trị riêng, cũng là một hình thức học tập, học từ thực tiễn cuộc sống. Vì người đi du lịch sẽ được trực tiếp nhìn ngắm cảnh vật, sông núi, mây trời, trực tiếp trải nghiệm những cảm xúc của mọi giác quan, trực tiếp giao tiếp với con người, cảnh vật... từ đó mà hình thành kinh nghiệm, kỹ năng sống, biết vận dụng những gì đã học, đã đọc ở sách vở vào các tình huống của cuộc sống thực... Ngoài ra, trong thực tế không phải ai cũng có điều kiện để đọc sách vở...

– Nếu lập luận theo hướng vừa khẳng định vừa phủ định ý kiến thì cần kết hợp cả hai nội dung trên theo hướng tự học có nhiều ưu điểm nhưng đi du lịch vẫn có những giá trị riêng của nó.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS trình bày cảm nhận của mình về đoạn đầu trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm:

– Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị. Đường đời, đường thơ Tố Hữu luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc. Với những tác phẩm giàu chất trữ tình chính trị và đậm đà tình dân tộc, Tố Hữu là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thơ ca cách mạng Việt Nam.

– Hoàn cảnh sáng tác: Việt Bắc là căn cứ địa vững chắc của cách mạng Việt Nam từ đầu những năm 40, thế kỉ XX cho đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nơi đây, người dân Việt Bắc đã từng che chở, đùm bọc và sát cánh bên bộ đội, cán bộ kháng chiến để giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Sau chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, tháng 10 – 1954, những người kháng chiến rời căn cứ miền núi trở về với miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn

bỏ nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu để về xuôi. Bài thơ được viết trong hoàn cảnh chia tay lưu luyến ấy.

– Đặc điểm chính về nội dung và nghệ thuật: *Việt Bắc* là khúc hùng ca và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Thể thơ lục bát, kiểu kết cấu đối đáp, ngôn ngữ đậm chất ca dao – tất cả đã góp phần khắc sâu lời nhắn nhủ: uống nước nhớ nguồn, hãy nhớ mãi chiến khu Việt Bắc và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, ân nghĩa, thủy chung của những con người kháng chiến.

b) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích: nằm ở phần đầu của tác phẩm, nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ: Tiếng nói ân nghĩa thủy chung và lòng tự hào của những con người kháng chiến đối với chiến khu Việt Bắc.

c) Phân tích đoạn thơ: Khi phân tích, cần làm rõ những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật (cách gieo vần, ngắt nhịp, dùng từ, sử dụng hình ảnh, chi tiết, biện pháp tu từ...) để từ đó làm nổi bật nội dung của đoạn thơ. Đoạn thơ là lời đối đáp thứ nhất của "mình" và "ta" – người ra đi và người ở lại.

– Bốn câu đầu (*Mình về mình có nhớ ta – Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng – Mình về mình có nhớ không – Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*) là lời của người ở lại. Đó là hai câu hỏi của người dân Việt Bắc hướng về cán bộ, bộ đội kháng chiến – những người trở về với Hà Nội. Hai câu hỏi lấy lại da diết: "Mình về mình có nhớ ta...", "Mình về mình có nhớ không..." đã gợi nhớ đến những câu ca dao quen thuộc của tình yêu lứa đôi. Tố Hữu đã mượn hình thức diễn đạt quen thuộc trong thơ ca dân gian để gửi gắm những tình cảm lớn lao của thời đại mới. Những câu ca ngọt ngào của tình yêu đôi lứa đã trở thành những câu hỏi xao xuyến về nghĩa tình cách mạng, thể hiện nỗi nhớ của người ở lại với người về xuôi.

+ *Câu hỏi thứ nhất* hỏi về thời gian, đó là "mười lăm năm ấy". Chỉ từ "ấy" làm phụ ngữ trong câu khiến cho khoảng thời gian "mười lăm năm" phút chốc bị đẩy về quá khứ xa xăm, gợi nỗi nhớ nhung, tiếc nuối. Câu thơ đồng thời cũng gợi nhớ đến câu thơ của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: "Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình". Trong câu thơ của Tố Hữu, "15 năm ấy" là khoảng thời gian từ "kháng Nhật, thuở còn Việt Minh" và sau đó là 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là khoảng thời gian Việt Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc của cách

mạng, của kháng chiến. Cụm từ "thiết tha mặn nồng" dường như không chỉ nói về tình yêu lứa đôi mà còn gói trọn cả những sẻ chia, những sóng gió thác ghềnh làm nên cái nặng sâu bền chặt của tình nghĩa vợ chồng – ở đây được dùng để nói về tình nghĩa giữa "mình" và "ta". Sở dĩ như vậy bởi vì "mười lăm năm ấy" là khoảng thời gian được dệt nên từ tình yêu thương, từ gian khổ thiếu thốn, từ sự chung sức chung lòng của người ra đi và người ở lại.

+ *Câu hỏi thứ hai* hỏi về không gian. Câu hỏi này vừa gợi ra một vùng rừng núi mênh mông của quê hương cách mạng, vừa nhắc nhở về nghĩa tình, đạo lý, về cội nguồn chung thủy. Câu bát sử dụng phép tiểu đối mang ý nghĩa tương đồng, trong đó lần lượt xuất hiện những hình ảnh đan xen, quấn quýt của quê hương cách mạng (miền núi) và nơi người kháng chiến trở về (miền xuôi): *núi – cây, nguồn – sông*. Có thể thấy từ cấu trúc ngôn từ ấy sự gắn bó khăng khít giữa miền núi và miền xuôi, giữa Việt Bắc và Hà Nội, giữa người đi và kẻ ở...

Đúng ở thời khắc chia tay, mỗi bận tâm, điều muốn nhắn gửi, cũng là điều muốn dò đón, khắc sâu chính là mỗi bận khoăn "có nhớ không" trào lên qua câu chữ. Nó làm thành ngữ điệu hỏi xuyên suốt cả mạch thơ, trở thành điểm nhấn của mỗi câu thơ, ý thơ. Nó biến hoá linh động trong những hình thức khác nhau nhưng thống nhất ở câu hỏi lớn ấy. Nếu câu hỏi thứ nhất gợi nỗi xao xuyến của tình yêu và nỗi nhớ thì ở câu hỏi thứ hai, bên cạnh nỗi nhớ và sự day dứt còn thoáng hiện lên một lời nhắc nhở nghiêm khắc. Lời nhắc nhở ấy hiện lên ở câu thơ: "Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn". Đây là một nét đẹp trong đời sống tình cảm của dân tộc ta. Chúng ta luôn nhắc nhau "uống nước nhớ nguồn". Đó là đạo lý, là lẽ sống cao cả mà chính Tố Hữu cũng đã nhiều lần nhắc đến trong thơ mình: "Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay – Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm".

Hai câu thơ lục bát có tới 4 chữ "mình" mà chỉ có một chữ "ta". Kết cấu ngôn từ ấy đem lại cảm giác hình ảnh người đi ngập trong không gian đầy ắp nỗi nhớ của người ở lại, đồng thời cũng gợi chút đơn côi, lạnh thẫm trong hình ảnh người ở lại nơi núi rừng hoang vắng, hắt hiu.

Với những câu hỏi tu từ đa diết, những hình thức điệp từ ngữ, điệp cấu trúc, những cách vận dụng tinh tế và sáng tạo ca dao, tục ngữ dân gian..., bốn câu thơ đầu đã thể hiện ân tình sâu nặng của đồng bào Việt Bắc với cán bộ, bộ đội kháng chiến trong giờ phút chia tay đầy lưu luyến. Đó cũng là cảm hứng chủ đạo của cả bài thơ.

– Bốn câu sau: *Tiếng ai tha thiết bên cồn – Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi – Áo chàm đưa buổi phân li – Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

+ *Tiếng ai tha thiết bên cồn*: Câu thơ cho thấy những nhớ nhung, xao xuyến, những day dứt, trăn trở trong lòng người ở lại đã được người ra đi cảm nhận, thấu hiểu. Sự tri âm, tri kỉ, đồng thanh tương ứng đã khiến "ta" hiểu thấu "mình".

+ *Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*: Sự dang dôi trong hai vế của câu thơ đã góp phần thể hiện sự đồng điệu trong cảm xúc của con người. "Bâng khuâng" là từ láy diễn tả sự đan xen của những cung bậc buồn vui, quặn luyến, nhớ nhung khiến con người như ngơ ngẩn. "Bồn chồn" là tâm trạng thấp thòm, nôn nao khiến con người không yên. Câu thơ, do đó, không chỉ thể hiện nỗi bịn rịn, nhớ nhung trong lòng người mà còn gợi tả cả những bước chân ngập ngừng, lưu luyến của người ra đi.

+ *Áo chàm đưa buổi phân li*: Với hình ảnh hoán dụ "áo chàm", trang phục đặc trưng của người Việt Bắc, câu thơ đã khắc hoạ tính cách mộc mạc, tấm lòng son sắt của họ với cách mạng và kháng chiến. Áo chàm trở thành biểu tượng đơn sơ mà xúc động về người dân Việt Bắc nghèo khổ nhưng nghĩa tình.

+ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*: "Cầm tay" là một cử chỉ chứa chan ân tình xúc động trong giờ phút chia li. Người ra đi và người ở lại đều im lặng, bởi biết nói gì khi mọi lời nói đều bất lực, không thể diễn tả hết những nỗi niềm đang dâng trào mãnh liệt trong lòng.

Bốn câu thơ chính là khúc dạo đầu của cảm xúc chia tay để từ đó biết bao nhiêu điều chưa nói sẽ được thổ lộ, giải bày. Lời hỏi chỉ là cái cớ gợi dẫn để mạch cảm xúc nhớ thương trong lòng người lên đường tuôn trào.

d) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ đã giới thiệu cảm hứng chủ đạo của toàn bộ bài thơ, thể hiện tập trung nhất những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

– Thể hiện những nét tiêu biểu nhất của phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu, đoạn thơ nói riêng và bài *Việt Bắc* nói chung không chỉ xứng đáng là đỉnh cao của thơ Tố Hữu mà còn là một trong những thành công xuất sắc của thơ ca Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

ĐỀ 5

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Câu nêu ý khái quát của đoạn trích là: *Đọc sách văn học thực sự giúp con người trở nên thông minh và tốt tính hơn.*

Câu 2 Tham khảo cách trả lời sau: Ý kiến đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc "chú tâm đọc một nội dung sâu sắc". Việc đó cũng "giống như việc người ta cần bảo tồn những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá". Nếu những công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá không được bảo tồn thì chúng có thể sẽ bị hu hỏng, không còn có giá trị nữa. Công việc "bảo tồn các công trình lịch sử hay những tác phẩm nghệ thuật quý giá" cũng phải tiến hành rất tỉ mỉ, công phu, thận trọng, kĩ càng đến từng chi tiết nhỏ, chứ không thể làm vội vàng, qua loa, đại khái. Việc "chú tâm đọc một nội dung sâu sắc" cũng phải như vậy. Việc "chú tâm đọc một nội dung sâu sắc" hay là cách "thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học" sẽ giúp người ta "có khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ". Đó là việc mỗi cá nhân cần làm.

Câu 3 Có thể nói: *Việc thiếu đi thói quen đọc nghiêm túc sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của những thế hệ "sống trên mạng"* là vì: nếu không đọc nghiêm túc, tức không "thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học" hoặc "chú tâm đọc một nội dung sâu sắc", người ta sẽ không thể có "khả năng thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ" (còn gọi là "khả năng thấu cảm tốt"). Việc "đọc "mì ăn liền" của chúng ta khi lướt qua các trang mạng" hiện nay đang gây ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ và cảm xúc của chúng ta.

Câu 4 HS rút ra 02 bài học cho bản thân. Câu trả lời phải hợp lí, có sức thuyết phục.

Tham khảo các hướng trả lời sau đây:

– Cần hình thành thói quen thường xuyên đọc sách văn học và cổ vũ mọi người đọc sách văn học để trở nên thông minh và tốt tính hơn. Mặt khác, chăm

đọc sách văn học là một cách để làm cho văn học thịnh hành hơn; góp phần làm cho những lối sống tốt đẹp, những giá trị nhân văn được nhân rộng hơn lên trong thế giới này.

– Cần rèn luyện thói quen chủ tâm đọc một nội dung sâu sắc để trở thành người có khả năng thấu cảm tốt. Không nên đọc theo kiểu "mì ăn liền", nhất là đối với các tác phẩm văn học, bởi nó sẽ gây ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển trí tuệ, tư tưởng và tình cảm, cảm xúc của chúng ta.

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp...; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận trong số các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ,...; có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày được suy nghĩ riêng của mình theo hướng làm rõ và khẳng định hoặc phủ định ý kiến: *Hiện tại, việc thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học là việc ngày càng hiếm thấy trong đời sống đương đại.*

– Trước hết, cần làm rõ nội dung của ý kiến theo hướng: Ý kiến nêu một hiện tượng trong đời sống: hiện nay, ít người "thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học", thay vào đó là kiểu đọc "mì ăn liền" lướt qua các trang mạng.

– Nếu lập luận theo hướng khẳng định ý kiến trên là đúng, cần nhấn mạnh: Thói quen đọc sách, nhất là sách văn học, đang bị mai một bởi sự phát triển như vũ bão của các phương tiện nghe nhìn có kết nối mạng internet; thay vì cầm sách, nhất là sách văn học để đọc, người ta thường đọc trên máy tính, máy tính bảng, điện thoại... Hơn nữa, do nhịp sống hiện đại, người ta có xu hướng đọc những tác phẩm ngắn hoặc đọc lướt nội dung của văn bản để nắm được ý chính... Đây là một hiện tượng đáng lo ngại bởi cách đọc "mì ăn liền" ấy không thể giúp người ta có khả năng "thấu hiểu, cảm thông và nhìn nhận sự việc từ nhiều góc độ".

– Nếu lập luận theo hướng phủ định ý kiến trên, cần nhấn mạnh: mặc dù việc đọc qua các phương tiện nghe nhìn có kết nối mạng internet đang diễn ra phổ biến và ở một phương diện nào đó vẫn là cần thiết, nhưng trong thực tế chúng ta thấy những tác phẩm văn học có giá trị được in thành sách vẫn có sức hấp dẫn lớn đối với nhiều người. Chúng ta vẫn bắt gặp hiện tượng những tác phẩm hay khi ra đời

đã thu hút sự chú ý của rất nhiều độc giả, *Harry Potter* chỉ là một ví dụ; không phải tất cả mọi người đã quay lưng với văn học đích thực. Vì thế, việc người ta có "thực sự đọc, chìm đắm vào một nội dung văn học" hay không phụ thuộc nhiều vào việc có hay không những tác phẩm văn học có giá trị.

– Nếu lập luận theo hướng vừa khẳng định vừa phủ định ý kiến, cần kết hợp cả hai nội dung trên.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS chọn và phân tích một đoạn thơ (từ 8 dòng trở lên) trong bài thơ *Việt Bắc* để làm sáng tỏ nhận định "*Nghệ thuật biểu hiện trong thơ Tố Hữu mang tính dân tộc rất đậm đà*". HS có thể chọn một trong các đoạn thơ sau:

– *Mình về mình có nhớ ta ... Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

– *Mình đi, có nhớ những ngày ... Tân Trào. Hồng Thái, mái đình, cây đa?*

– *Ta với mình, mình với ta ... Chày đêm nện cối đều đều suối xa.*

– *Ta về, mình có nhớ ta ... Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

Sau khi đã chọn đoạn thơ để phân tích, HS có thể trình bày bài viết theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả: xem phần gợi ý ở Đề 4, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giải thích ý kiến: Nghệ thuật biểu hiện trong thơ Tố Hữu mang tính dân tộc rất đậm đà:

– Thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình với sự phong phú về vần và những phối âm trầm bổng, nhịp nhàng, tạo nên giọng điệu tâm tình, ngọt ngào tha thiết – giọng của tình thương mến.

– Lối kết cấu đối đáp trong ca dao, dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình, phù hợp với nội dung tư tưởng, tình cảm của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.

– Chất liệu văn học và văn hoá dân gian được vận dụng phong phú, đa dạng, đặc biệt là ca dao trữ tình.

– Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ) được sử dụng thích hợp, tạo nên phong vị dân gian và chất cổ điển của đoạn thơ và bài thơ.

c) Giới thiệu đôi nét về hoàn cảnh sáng tác và đặc điểm chính về nghệ thuật và nội dung của bài thơ *Việt Bắc*: xem phần gợi ý ở Đề 4, Câu 2, phần Làm văn.

d) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích.

e) Phân tích nghệ thuật biểu hiện trong đoạn thơ để thấy được thơ Tố Hữu mang tính dân tộc rất đậm đà.

– Dựa vào phần giải thích trên đây để hình thành ý. Với mỗi ý, cần tìm những căn cứ/ dẫn chứng phù hợp trong đoạn thơ và phân tích để làm sáng tỏ

– Tổng hợp: nêu nội dung của đoạn thơ (đặc điểm của hình tượng nghệ thuật và tình cảm, cảm xúc của tác giả gửi gắm trong đó).

g) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ đã cho thấy tính dân tộc đậm đà trong nghệ thuật biểu hiện của thơ Tố Hữu rất phù hợp với nội dung cảm xúc được thể hiện trong bài thơ

– Tính dân tộc đậm đà trong nghệ thuật biểu hiện tạo nên sức hấp dẫn của bài *Việt Bắc* nói riêng, thơ Tố Hữu nói chung.

ĐỀ 6

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 02 phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên là thuyết minh và nghị luận.

Câu 2 Theo đoạn trích. EQ thể hiện khả năng của một người hiểu rõ chính bản thân mình cũng như thấu hiểu người khác và khả năng chế ngự cảm xúc để thích ứng với hoàn cảnh và kiểm soát các cảm xúc.

Câu 3 Cụm từ "chế ngự cảm xúc" trong câu "Hơn thế, nó còn là khả năng chế ngự cảm xúc để thích ứng với hoàn cảnh và kiểm soát các cảm xúc" được hiểu là khả năng kìm giữ các cảm xúc bốc đồng của bản thân, giữ được sự bình tĩnh, lạc quan ngay cả trong những khoảnh khắc/ tình huống khó chịu nhất.

Câu 4 HS có thể đồng tình hoặc phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối quan điểm "Càng ngày, người ta càng cho rằng EQ quan trọng hơn IQ". Dựa vào phần giải thích về EQ và IQ, kết hợp với kinh nghiệm của bản thân để trả lời. Cần có lí giải cụ thể, hợp lí, có sức thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu 11 HS viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp...; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận trong số các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ, ...; có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu dễ trình bày được suy nghĩ riêng của mình theo hướng làm rõ và khẳng định hoặc phủ định ý kiến: *Những người thành đạt không phải là người có IQ cao nhất mà có EQ cao nhất.*

Tham khảo tài liệu sau để làm bài:

IQ QUAN TRỌNG HAY EQ?

Một số nghiên cứu khoa học cho thấy chỉ 25% số người thành công là có chỉ số IQ cao hơn trung bình...

Việt là học sinh giỏi và rất thông minh. Cậu luôn có điểm số cao ở hầu hết các môn học và là người đứng đầu trong các kì thi. Tuy vậy, tính của Việt tự cao và khó gần.

Khi ra trường, Việt được nhiều công ty mời chào nhưng kết quả của các cuộc phỏng vấn lại không khả quan. Đã bảy năm kể từ khi ra trường, Việt vẫn chưa làm được những gì cậu mong muốn.

Trái với Việt, thời còn đi học Hùng không phải là học sinh giỏi. Tuy nhiên, với tính cách hoà đồng, hay quan tâm giúp đỡ người khác, cậu rất được bạn bè quý mến và tin yêu. Khi ra trường Hùng không có nhiều lời mời phỏng vấn như Việt nhưng kết quả cậu cũng đã tìm được một công việc yêu thích.

Hiện tại, với vị trí trưởng phòng kinh doanh, được ban lãnh đạo công ty tin cậy, đồng nghiệp và khách hàng quý mến, Hùng đang có một tương lai sáng sủa.

Trong cuộc sống, chúng ta gặp không ít những câu chuyện như vậy. Tại sao người ít thông minh lại thành công hơn người giỏi hơn mình? Có phải do họ may mắn, làm việc chăm chỉ, hay họ có những năng lực đặc biệt?

Thông minh và thông minh cảm xúc

Trí thông minh được đo bằng hệ số IQ. IQ đo lường khả năng trí lực, năng lực học hỏi, khả năng hiểu và xử lí tình huống, năng lực suy nghĩ logic, phân biện, sự

nhảy bên trong suy nghĩ... Trí thông minh có thể được đo tổng quát trong mọi lĩnh vực, và được đo theo từng lĩnh vực cụ thể

Thông minh cảm xúc được đo bằng hệ số cảm xúc EQ EQ đo lường năng lực, khả năng hay kỹ năng của một người trong cảm nhận, đánh giá, và quản lý cảm xúc của bản thân, của người khác hay của một nhóm người.

Trong một thời gian dài người ta dùng chỉ số IQ để tìm kiếm người tài vì tin rằng người có IQ cao sẽ có xác suất thành công cao hơn người khác. Tuy vậy, một số nghiên cứu khoa học lại cho thấy chỉ 25% số người thành công là có chỉ số IQ cao hơn trung bình. Nghĩa là chỉ số IQ không giải thích được sự thành công vượt trội của 75% số người còn lại. Kết quả nghiên cứu đã loại yếu tố về năng lực chuyên môn

Cuối cùng những người nghiên cứu khẳng định rằng chỉ số EQ mới là yếu tố quyết định sự thành công trong cuộc sống và công việc của mỗi chúng ta.

Năng lực cảm xúc trong môi trường làm việc

Trong khi chỉ số thông minh ít khi thay đổi theo thời gian, thì chỉ số thông minh cảm xúc có thể được "học" và thay đổi vào bất cứ giai đoạn hay môi trường nào.

Để thành công trong môi trường làm việc, ông Daniel Goleman – người được xem là nhà nghiên cứu hàng đầu về EQ hiện nay đã đề xuất chúng ta phải có những năng lực xúc cảm cá nhân gồm: năng lực tự nhận biết bản thân, năng lực tự điều chỉnh, năng lực tạo động lực; và những năng lực thông minh xúc cảm xã hội gồm: năng lực thấu cảm với người khác và năng lực giao tiếp xã hội.

Năng lực tự nhận biết cảm xúc bản thân giúp chúng ta biết rõ cảm xúc hiện tại của mình và giúp chúng ta nhận biết vai trò quan trọng của cảm xúc đối với kết quả công việc của mình. Biết tự đánh giá bản thân còn giúp chúng ta hiểu điểm mạnh, điểm yếu của mình, giúp chúng ta can đảm thể hiện những suy nghĩ chưa được chấp nhận, và dám một mình theo đuổi cái đúng. Trong khi đó năng lực tự điều chỉnh giúp chúng ta kìm giữ các cảm xúc bốc đồng của bản thân, giữ được sự bình tĩnh, lạc quan ngay cả trong những khoảnh khắc khó chịu nhất.

Đối với những người có năng lực tạo động lực, họ thường xem kết quả của công việc là thước đo cuối cùng cho sự thành bại. Chính vì thế họ luôn cố gắng phát triển bản thân và mong muốn vượt qua hay ít nhất đạt được những tiêu chuẩn hoàn hảo. Những cá nhân này luôn tìm thấy mục tiêu của bản thân trong

mục tiêu của tập thể. Họ luôn chú ý đến giá trị, mục tiêu của tổ chức trước khi ra quyết định.

Bên cạnh một số năng lực kể trên, có những người còn có khả năng thấu cảm người khác. Họ có thể cảm nhận, dự đoán được cảm xúc và hoàn cảnh của người khác, có khả năng bày tỏ sự quan tâm của mình một cách chủ động đối với người khác. Hoặc cũng có người có năng lực phát triển người khác. Họ có năng lực cảm nhận được nhu cầu phát triển bản thân của người khác, sẵn sàng kèm cặp, hỗ trợ cho những người đó phát triển.

Nói đến năng lực giao tiếp xã hội của một người, chúng ta có thể kể đến năng lực truyền đạt thông tin, năng lực quản lý xung đột, năng lực lãnh đạo hay năng lực tạo sự thay đổi, năng lực hợp tác với người khác...

Người có năng lực quản lý sự xung đột có khả năng "xù lí" những tình huống căng thẳng một cách êm đẹp. Họ có khả năng thương thuyết và giải quyết những mối bất hoà, đưa ra giải pháp để hai bên cùng thắng.

Trong khi đó người có năng lực lãnh đạo sẽ tạo cảm hứng cho mọi người làm việc, làm cho họ tin và hướng theo một tầm nhìn, một mục tiêu chung. Dù ở vị trí nào họ cũng sẵn sàng tiến lên để nhận lãnh trách nhiệm, họ tạo ảnh hưởng lên người khác bằng chính những hành động của mình. Còn người có năng lực hợp tác luôn tạo ra một môi trường làm việc vì mục đích chung, trong đó mọi người đều có cơ hội để phát triển.

Đọc những điều vừa kể chắc hẳn bạn cũng như tôi sẽ cảm nhận rằng những năng lực trên tuy nghe hết sức bình thường nhưng lại là những phẩm chất lí tưởng của mỗi cá nhân trong môi trường làm việc. Đó là những phẩm chất mà chúng ta mong muốn có cho bản thân mình cũng như cho sếp và đồng nghiệp. Đó cũng là chìa khoá mở cánh cửa thành công cho mọi người.

Dù ở độ tuổi nào, mỗi người đều có tiềm năng để phát triển những năng lực trên. Đừng quá ỷ lại vào trí thông minh, trình độ chuyên môn mà nên tập trung nhiều hơn đến việc phát triển chỉ số EQ, phát triển năng lực cảm xúc của bản thân trong môi trường làm việc.

Từ từ, chúng ta sẽ nhận biết, quản lý bản thân tốt hơn, hiểu biết và giao tiếp với người khác hiệu quả hơn, và chắc chắn sẽ gặt hái nhiều thành công hơn trong công việc và cuộc sống.

(Theo <http://www.vneconomy.vn>, ngày 14/ 6/ 2007)

Câu 2 Xem gợi ý ở Phần một, trang 28 – 30.

ĐỀ 7

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① HS có thể trả lời theo những cách sau:

- Kỹ năng đọc.
- Các thao tác tư duy của kỹ năng đọc.
- Kỹ năng đọc có hiệu quả.

Câu ② Theo đoạn trích, kỹ năng đọc là sự thể hiện tổ hợp những thao tác tư duy được xác lập thành thói quen ứng xử đọc.

Câu ③ Người viết đưa vào đoạn trích hoạt động của UNESCO: "hàng năm... người mù chữ" để làm minh chứng cho quan điểm của mình: "Mục đích cuối cùng... chính người đọc", chứng tỏ quan điểm của mình là đúng đắn, có cơ sở thực tế.

Câu ④ HS cần nêu tên cuốn sách hay mà mình đã đọc và chỉ ra ít nhất 01 điều đã vận dụng được từ việc đọc cuốn sách đó vào cuộc sống của bản thân. Điều vận dụng phải hợp lý, có sức thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu ① HS viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp...; sử dụng một hoặc một số thao tác lập luận trong số các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ,...; có lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày được suy nghĩ riêng của mình theo hướng thể hiện sự đồng tình hoặc phản đối ý kiến: *Ngày nay người ta đặc biệt lưu tâm tới yếu tố thứ 6: biết vận dụng những nội dung đã đọc vào cuộc sống của mỗi người đọc để có thể cải thiện được chính cuộc sống của họ*

– Nếu lập luận theo hướng đồng tình, cần nhấn mạnh: Mỗi tài liệu đọc đều đưa đến cho người đọc những tri thức, kỹ năng mới mẻ, bổ ích về tự nhiên, xã hội... Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở nhận biết những tri thức và kỹ năng ấy thì chưa đủ, người đọc cần phải vận dụng những tri thức, kỹ năng ấy vào thực tiễn

dễ cải thiện cuộc sống, góp phần cải thiện xã hội. Muốn vậy, cần rèn luyện kỹ năng đọc.

– Nếu lập luận theo hướng phản đối, cần nhấn mạnh các tài liệu đọc hầu như chỉ cung cấp các kiến thức lý thuyết, nhiều kiến thức không phù hợp hoặc lạc hậu so với thực tiễn. Hơn nữa, không phải ai cũng có thể tiếp cận với những nguồn tài liệu bổ ích hoặc có khả năng phê phán/ thẩm định tài liệu. Trong thời đại ngày nay, có quá nhiều tài liệu đọc không rõ nguồn gốc, nội dung chưa được kiểm duyệt, nhất là trên các trang mạng xã hội, các trang web. Đó là một kho vàng nhưng cũng chứa những "ô bệnh", đầy rẫy hiểm nguy. Vì vậy, sẽ là rủi ro khi người đọc vận dụng tất cả những nội dung đã đọc vào cuộc sống.

– Nếu lập luận theo hướng vừa đồng tình, vừa phản đối ý kiến, cần kết hợp cả hai nội dung trên.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS nêu cảm nhận về đoạn thơ "*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi... Đất nước có từ ngày đó...*" trong bài *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm

Tham khảo hướng triển khai sau đây:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm:

– Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cùng với các tên tuổi tiêu biểu khác như Hữu Thỉnh, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy, Bằng Việt, Thanh Thảo, Xuân Quỳnh... Những nhà thơ này đã đem đến một tiếng nói mới cho thơ ca Việt Nam hiện đại, mở rộng chất liệu của hiện thực đời sống, gia tăng sức khái quát, chiều sâu suy nghĩ cùng những suy tư, trải nghiệm về chiến tranh.

Thơ Nguyễn Khoa Điềm hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam.

– Nguyễn Khoa Điềm viết trường ca *Mặt đường khát vọng* trong không khí nở rộ của thể loại này. Tác phẩm được viết năm 1971, in lần đầu năm 1974. Đây cũng là giai đoạn cuối cùng của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, là giai đoạn ác liệt nhất đòi hỏi sức mạnh tổng lực cho chiến thắng, trong đó lực lượng giữ vai trò quan trọng là thế hệ trẻ. Hiện thực ấy đã làm nảy sinh nhu cầu được khái quát, tổng kết về những bước đi thần kì của dân tộc. Bản trường ca viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ các thành thị vùng bị tạm chiếm ở miền Nam, nói rộng ra là sự ý thức

của tuổi trẻ miền Nam về nhân dân, đất nước, sứ mệnh của thế hệ mình trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

– Đoạn trích *Đất Nước* thuộc chương V của tác phẩm, là một trong những đoạn thơ hay về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại.

b) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ: nằm ở phần đầu của đoạn trích *Đất Nước*, nêu cảm hứng chủ đạo của đoạn trích, chủ yếu trả lời cho các câu hỏi: *Đất nước có từ bao giờ? Đất nước là gì?*

c) Phân tích đoạn thơ: Tham khảo nội dung sau:

– *Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*: Đất nước đã có từ lâu đời, xa xưa theo dòng thời gian. Câu thơ mở đầu đã đưa đến một cảm nhận ấm áp và tự hào về sự hình thành của đất nước. Đất nước có từ trước khi mọi người sinh ra, có từ thuở khai thiên lập địa, tồn tại cùng dòng thời gian vô thủy vô chung.

– Những cụm từ khẳng định liên tiếp từ đầu cho đến cuối đoạn thơ: *Đất Nước đã có rồi, Đất Nước có trong, bắt đầu, lớn lên, có từ ngày đó...* không chỉ gợi ra chiều dài thăm thẳm của lịch sử đất nước trong quá trình hình thành và phát triển mà còn đem đến cảm giác: đất nước không ở đâu xa lạ, đất nước luôn gắn bó thân thiết trong cuộc sống hằng ngày của nhân dân; đất nước có mặt ở mọi nơi, hoà nhập trong mọi hình hài, dù là con người hay cảnh vật sông núi, biển khơi; dù hữu hình với cái kèo, cái cột, hạt gạo, miếng trầu hay vô hình với những nghĩa tình muối mặn gừng cay.

– Cảm giác về lịch sử lâu đời của đất nước còn được tô đậm hơn bởi lời khẳng định: *Đất Nước có trong cái "ngày xưa ngày xưa" mẹ thường hay kể*. "Ngày xưa ngày xưa" là câu mở đầu quen thuộc của truyện cổ tích. Thế giới cổ tích là thế giới xa xăm, vô cùng trong tâm thức của con người, vậy mà trong thế giới huyền ảo ấy, đất nước của chúng ta đã hiện hữu.

– Lịch sử lâu đời của đất nước không được cắt nghĩa bằng sự nối tiếp của các triều đại, các sự kiện, biến cố... mà được thể hiện qua những chi tiết đời thường gần gũi, bình dị của cuộc sống, trong sự xưa cũ vô cùng của thời gian. Mỗi câu thơ đều chứa đựng một ý, tứ nào đó của ca dao, thành ngữ, tục ngữ, một hình ảnh quen thuộc trong thần thoại, cổ tích, một thói quen trong cuộc sống hằng ngày... Những chất liệu của văn hoá dân gian ấy đã làm hiện lên lịch sử phong tục, nếp

sinh hoạt đời thường trong cuộc sống của nhân dân như: *miếng trầu bây giờ bà ăn, tóc mẹ thì búi sau đầu, ngôi nhà tranh với những cái kèo cái cột, hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, dần, sàng*; truyền thống đánh giặc với hình ảnh cây tre làng Gióng; văn hoá ứng xử trong đạo li nghĩa tình của mẹ cha *gừng cay muối mặn*. (được gọi nhắc từ những câu ca dao: *Tay nâng chén muối đĩa gừng – Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau* hoặc *Muối ba năm muối đương còn mặn – Gừng chín tháng gừng hãy còn cay – Đôi ta tình nặng nghĩa dày – Có xa nhau đi nữa thì ba vạn sáu ngàn ngày mới xa...*) Tất cả những hình ảnh bình dị ấy đều đưa người đọc liên tưởng đến một phương diện nào đó của đất nước, đều là sự thể hiện lâu bền nhất những phong tục tập quán, truyền thống văn hoá lịch sử của đất nước khiến cho cái vinh hắng của đất nước luôn tồn tại trong cái hằng ngày của cuộc sống con người. Qua đó làm hiện lên một đất nước dung dị, gần gũi, đời thường nhưng rất đáng tự hào.

– Đoạn thơ kết lại bằng lời khẳng định: *Đất Nước có từ ngày đó*. "Ngày đó" thật mơ hồ về thời gian, khiến cho sự ra đời của đất nước càng trở nên xa xăm hơn, dài lâu hơn. Tuy nhiên, câu thơ cũng giúp người đọc nhận ra rằng: Đất nước bắt đầu hình thành, lớn lên và phát triển chính từ những phong tục tập quán, những truyền thống văn hoá lịch sử lâu đời. Nếu sự nối tiếp của các triều đại mới cho thấy chiều dài lịch sử của đất nước thì chính những phong tục tập quán đã chỉ ra chiều sâu văn hoá của đất nước.

Qua những cảm nhận có vẻ tản mạn, tuy húng ở đoạn thơ này, nhà thơ đã dẫn người đọc đến một nhận thức giản dị mà sâu sắc, thấm thía: Đất nước có một lịch sử lâu đời; đất nước không hề xa lạ hay trừu tượng mà là những gì gần gũi, thân yêu luôn hiện hữu trong cuộc sống hằng ngày của nhân dân. Đất nước làm nên hình hài, vóc dáng, làm nên tâm hồn, cốt cách, lối sống, cách nghĩ của con người.

d) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ bước đầu cho thấy quan niệm của Nguyễn Khoa Điềm về đất nước – "Đất Nước của Nhân dân". Đó là một quan niệm đúng đắn, mới mẻ (so với các tác phẩm cùng đề tài).

– Trong đoạn thơ, các chất liệu của văn hoá dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo, có sức hấp dẫn lớn đối với người đọc.

ĐỀ 8

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Đoạn trích chủ yếu sử dụng phương thức nghị luận.

Câu 2 HS trình bày cách hiểu riêng của mình. Câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục.

Tham khảo hướng trả lời sau: Theo David McCullough, các em đừng vội nghĩ đến việc làm những chuyện to lớn hay những việc mình thích hoặc cho là quan trọng, mà hãy làm từ những việc nhỏ nhất, thậm chí cả những việc chẳng có ý nghĩa gì, để thử sức mình, để tích lũy kinh nghiệm, từ đó biết được đâu là điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để xác định hướng đi cho cuộc đời mình.

Câu 3 HS trình bày cách hiểu riêng của mình. Câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục.

Tham khảo hướng trả lời sau: "*Coi việc đọc như nguồn sống của cuộc đời*" nghĩa là coi sách và việc đọc sách (để giải trí, để tích lũy tri thức, để bồi dưỡng nhân cách...) là cơ sở để tồn tại, là cách nuôi dưỡng tâm hồn của mỗi người. Nguồn sống tinh thần này cũng quan trọng không kém nguồn sống vật chất nuôi dưỡng cơ thể con người.

Câu 4 HS trình bày quan điểm riêng của mình. Câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục.

Tham khảo các hướng trả lời sau:

– Nếu đồng tình với quan điểm "nghĩ cho bản thân mình", cần lập luận theo hướng mọi việc mình làm trước hết phải vì mình, mình xứng đáng được hưởng những thành quả do mình cố gắng làm ra. Một người không biết nghĩ cho bản thân mình thì khó có thể nghĩ cho người khác, khó có thể sống vì người khác; cũng như vậy, một người không biết thương mình thì cũng khó thương người khác (tục ngữ Việt Nam có câu "thương người như thể thương thân"). Hơn nữa, chỉ khi biết mình cần những gì thì mới thấu hiểu được mong muốn của người khác, từ đó mới có thể giúp đỡ được người khác.

– Nếu phản đối, cần lập luận theo hướng, mặt trái của việc "nghĩ cho bản thân mình" là lối sống ích kỉ, nhỏ nhen; chỉ biết nghĩ cho mình, chăm lo lợi ích riêng của mình; không quan tâm và chia sẻ với người khác.

– Nếu vừa đồng tình, vừa phản đối: kết hợp hai cách lập luận trên.

II. LÀM VĂN

Câu 1 Viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...); sử dụng một trong các thao tác giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận/ bác bỏ,... hoặc kết hợp các thao tác này; li lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để bày tỏ quan điểm của bản thân về: *"Hãy mơ những giấc mơ vĩ đại."* – *Nên hay không nên?*

– Nếu HS cho là nên, cần lập luận theo hướng: "mơ những giấc mơ vĩ đại" là hãy nghĩ đến và khao khát làm được những việc lớn lao. Những suy nghĩ và khao khát đó sẽ trở thành động lực để chúng ta đạt được những điều mà mình mong muốn.

– Nếu HS cho là không nên, cần lập luận theo hướng: "Hãy mơ những giấc mơ vĩ đại" là hãy nghĩ đến và khao khát làm được những việc lớn lao. Nhưng nếu "giấc mơ" đó quá sức, không hoặc thiếu cơ sở thực hiện dễ rơi vào hoàn cảnh "lực bất tòng tâm" (không có sức để theo đuổi ý định); dễ thất bại; ước mơ không thành hiện thực khiến chúng ta dễ rơi vào tuyệt vọng và thất vọng về bản thân.

– Nếu HS vừa cho là nên, vừa cho là không nên, cần kết hợp hai cách lập luận trên.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS chọn và phân tích một đoạn trích trong bài *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm) để làm sáng tỏ nhận định: "các chất liệu của văn hoá dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo, đem lại sức hấp dẫn cho đoạn trích".

HS nên chọn một đoạn thơ khoảng 8 dòng thơ trở lên để phân tích. Chẳng hạn, có thể chọn một trong các đoạn thơ sau:

– *Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi... Đất Nước có từ ngày đó...*

– *Đất là nơi anh đến trường... Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.*

– *Những người vợ nhớ chồng... Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...*

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và đoạn trích *Đất Nước*: xem phần gợi ý ở Đề 7, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giải thích ý kiến: "các chất liệu của văn hoá dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo, đem lại sức hấp dẫn cho đoạn trích": "chất liệu của văn hoá dân gian" chính là các câu ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, phong tục tập quán... mà nhân dân ta đã sáng tạo nên từ bao đời nay. Những "chất liệu" đó được tác giả sử dụng một cách tự nhiên ("nhuần nhị"), sáng tạo (không phải chép hoặc kể lại nguyên văn mà lấy ý, lấy từ, mượn cách nói, ...), đem lại sức hấp dẫn cho nội dung của các câu thơ – cũng chính là tư tưởng của nhà thơ trong đoạn trích.

c) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích và nêu khái quát nội dung của đoạn thơ đó.

d) Phân tích đoạn thơ để làm sáng tỏ ý kiến. Khi phân tích, cần tìm ra "chất liệu văn hoá dân gian" và chỉ ra sự vận dụng tự nhiên, sáng tạo của tác giả; từ đó, đánh giá ý nghĩa, tác dụng của chất liệu ấy của nhà thơ trong việc thể hiện tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân".

e) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ nói riêng và đoạn trích *Đất Nước* nói chung đã sử dụng nhuần nhị, sáng tạo các chất liệu của văn hoá dân gian, gợi ấn tượng vừa quen thuộc, vừa mới lạ.

– Đó là đóng góp riêng của nhà thơ về nghệ thuật biểu đạt. Đó cũng là biểu hiện của tính dân tộc trong thơ Nguyễn Khoa Điềm.

ĐỀ 9

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Bài thơ trên có sự kết hợp giữa phương thức biểu cảm và tự sự.

Câu 2 Câu nói "Mời vào đây – Ai muốn mua gì cũng có!" cho thấy phù thủy là người có quyền năng vô hạn, có thể đáp ứng tất cả các nhu cầu, mong muốn của "khách hàng".

Câu 3 Mong muốn của vị khách "Tôi muốn mua tình yêu – Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn" cho thấy vị khách là người đang khao khát có được những điều tốt đẹp nhất trên đời này như tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn... Song, cũng có thể hiểu vị khách – trong tình huống này – là một người khá khôn

ngoan và hóm hỉnh, đang muốn "thử" xem phù thủy có khả năng đáp ứng tất cả các nhu cầu, mong muốn của "khách hàng" hay không.

Câu 4 Trước hết, HS cần nêu được quan điểm của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài: Tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn như những thứ "quả chín" mà quán hàng phù thủy lại chỉ bán "cây non". Muốn có được những thứ "quả chín" ấy thì "khách hàng" phải có thời gian, công sức để "trồng" những cái "cây non" tình yêu, hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn, ngay cả phù thủy – người có quyền năng vô hạn cũng không thể tạo ra những giá trị ấy.

Sau đó, HS bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối với quan điểm đó của phù thủy. Câu trả lời cần hợp lí, có sức thuyết phục.

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần nắm được nội dung của bài thơ *Quán hàng phù thủy* (được thể hiện rõ nhất trong lời nói của phù thủy ở hai câu thơ cuối bài – xem lại phần gợi ý ở Câu 4 – phần Đọc hiểu). Từ đó, viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp, ...); sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận/ bác bỏ, ... hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Làm thế nào để có hạnh phúc?*

Trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho bài viết:

- Có những quan niệm như thế nào về "hạnh phúc"?
- Với anh/ chị, hạnh phúc là gì?
- Hạnh phúc sẽ mang đến cho cuộc sống của anh/ chị những giá trị nào?
- Anh/ Chị làm thế nào để có được hạnh phúc?

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS làm rõ tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" được thể hiện trong đoạn thơ *Em ơi em. Đi trả thù mà không sợ dài lâu...* (trích *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm).

HS có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và đoạn trích *Đất Nước*: xem phần gợi ý ở Đề 7, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giải thích tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân": Đất nước là sự hội tụ và kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân. Nhân dân đã dựng xây, giữ gìn, bảo vệ đất nước. Đất nước, do đó, tất yếu phải thuộc về nhân dân. Đây là tư tưởng xuyên suốt toàn bộ đoạn trích.

c) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ và nêu khái quát nội dung của đoạn thơ: trực tiếp thể hiện tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân".

d) Phân tích đoạn thơ để thấy được cách thể hiện tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" của Nguyễn Khoa Điềm:

– Ba câu thơ đầu: nhà thơ hướng cái nhìn vào dòng chảy xa xăm của "bốn nghìn năm đất nước" để quan sát, suy ngẫm và chiêm nghiệm về công lao của nhân dân đối với đất nước.

– Các câu thơ: *Năm tháng nào cũng người người lớp lớp... lứa tuổi*. Những cụm từ "người người lớp lớp", "con gái con trai", "có biết bao người"... đem đến ấn tượng về sự đông đảo vô cùng của nhân dân. Mỗi lớp người có biết bao người con gái, con trai. Tất cả đều trẻ trung, cần cù, dũng cảm, nối tiếp nhau hết đời này qua đời khác làm lụng trong thời bình, ra trận và trở thành anh hùng khi đất nước có giặc ngoại xâm.

– Các câu thơ: *Họ đã sống và chết... vùng lên đánh bại*: "Họ" là đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số nhiều, trong đoạn thơ này, đó là nhân dân, là những con người vô danh nhưng đông đảo. Nhà thơ đặt "họ" vào giữa hai bình diện sống và chết, gọi trạng thái tồn tại và tiếp nối, gọi sự trôi chảy của thời gian khi những thế hệ người Việt Nam nối tiếp nhau tạo nên dòng chảy vĩnh cửu của sự sống. Trong suốt 4000 năm lịch sử, nhân dân "giản dị và bình tâm", cần cù làm lụng nối tiếp nhau sáng tạo, giữ gìn, phát triển và truyền lại cho các thế hệ sau những giá trị văn hoá, tinh thần và vật chất.

+ Trước hết là công lao trong sự nghiệp "dựng nước", sáng tạo, bảo vệ từ của cải vật chất đến những giá trị tinh thần: "Họ giữ và truyền lại cho ta hạt lúa ta trồng... trồng cây hái trái".

• Đại từ "họ" được nhắc lại ở đầu các câu thơ, giữ vai trò là chủ ngữ, chủ thể của các hành động "giữ, truyền, gánh, be, đắp..." đã tô đậm hơn sự đông đảo và khẳng định công lao to lớn của nhân dân trong sự nghiệp dựng nước.

• Các động từ "giữ, truyền, chuyển" trong đoạn thơ đã khẳng định sứ mệnh thiêng liêng của mỗi con người, mỗi thế hệ trong công cuộc xây dựng đất nước, đó là gánh vác việc của thế hệ trước giao phó, duy trì, phát triển để rồi dần dần, truyền lại cho những thế hệ con cháu tiếp nối

• Những hình ảnh hữu hình như *hạt lúa, ngọn lửa, hòn than...* hoặc vô hình như *giọng điệu, tên xã, tên làng...* là những giá trị vật chất và tinh thần quý giá, gắn bó thân thiết với cuộc sống của nhân dân.

Hạt lúa là biểu tượng cho truyền thống lao động cần cù của những người nông dân Việt Nam. Nhân dân đã *giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng*, nghĩa là truyền lại sự sinh tồn và phát triển của một dân tộc có nền văn minh lúa nước lâu đời.

Lửa là phương tiện để chúng ta duy trì sự sống. Lửa còn là biểu tượng cho cuộc sống sum vầy và cảm giác ấm áp, chở che, gợi nhớ đến sự nồng ấm trong tâm hồn, gợi đến ngọn lửa của tình yêu đôi lứa, gợi đến những cuộc chiến tranh máu lửa... Nhân dân đã "chuyển lửa qua mỗi nhà" – không chỉ là sự truyền lại sự sống trường tồn cho 4000 năm lịch sử mà còn là truyền lại những tình cảm, phẩm chất cao đẹp.

Giọng điệu – tiếng nói là tài sản tinh thần vô giá của một dân tộc. Qua những lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ, qua những câu hát dân gian, qua những câu chuyện thần thoại, cổ tích... nhân dân đã truyền lại cho con cháu những tình cảm thấm thiết, ân tình và những bài học đạo lý, những kinh nghiệm quý giá.

Tên xã, tên làng: Nhân dân trân trọng, giữ gìn cả những địa danh thân thuộc của quê hương, xứ sở. Họ mang theo tên xã, tên làng để đặt cho vùng đất mới, để làm dấu di nhớ quê hương và nhắc nhở con cháu về nguồn cội, về những truyền thống văn hoá, đạo lý, những thuần phong mỹ tục của quê hương...

Nhân dân còn xây dựng những nền tảng vững chắc cho đời sau an cư lạc nghiệp: "Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái". Khi đất nước có chiến tranh, với truyền thống "giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", nhân dân lại là những người xông pha nơi hòn tên mũi đạn, dũng cảm chiến đấu, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì sự bình yên của Tổ quốc: "Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm – Có nội thù thì vùng lên đánh bại", bảo vệ những giá trị vật chất và tinh thần quý giá do thế hệ trước để lại.

– Các câu thơ: *Đề Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân* *Đi trả thù mà không sợ dài lâu...* nêu tư tưởng cốt lõi: Đất Nước của Nhân dân.

+ Những khái niệm *Đất Nước*, *Nhân dân* được viết hoa trang trọng, được lặp lại trong những cấu trúc câu đẳng lập đã khẳng định tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" và sự gắn bó không tách rời giữa đất nước và nhân dân.

+ Tác giả đã khẳng định chủ nhân đích thực của đất nước là nhân dân (đất nước do nhân dân dựng xây và gìn giữ, kiến tạo và bảo vệ, đất nước này tất yếu phải thuộc về nhân dân), khẳng định mối quan hệ giữa nhân dân và ca dao, thần thoại (ca dao, thần thoại nói riêng, văn học dân gian nói chung là sản phẩm trực tiếp lưu giữ và tôn vinh vẻ đẹp tâm hồn, tính cách của nhân dân. Nhân dân thông qua ca dao, thần thoại đã dạy dỗ, khuyên nhủ, truyền lại những giá trị tinh thần cao quý cho các thế hệ sau: "Dạy anh biết yêu em từ thuở trong nôi... Đi trả thù mà không sợ dài lâu").

e) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ nhấn mạnh tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" bằng hình thức biểu đạt giàu suy tư, giọng thơ trữ tình – chính luận sâu lắng, thiết tha.

– "Đất Nước của Nhân dân" là đóng góp độc đáo của Nguyễn Khoa Điềm khi viết về đề tài đất nước thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

ĐỀ 10

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần làm nổi bật nội dung chính của đoạn trích: phản ánh tình trạng sinh viên chọn nhầm ngành học, nguyên nhân và những tác hại của tình trạng đó.

Câu 2 Những con số được nêu ra ở phần đầu của đoạn trích cho thấy "có nhiều bạn trẻ không chọn đúng nghề như mong muốn"; tỉ lệ sinh viên chọn nhầm ngành học là rất lớn.

Câu 3 Quan điểm "Việc chọn sai nghề... động lực làm việc" nêu lên tác hại của việc chọn sai nghề/ nhầm ngành của sinh viên. HS có thể đồng tình hoặc phản đối (hoặc vừa đồng tình, vừa phản đối) quan điểm này.

– Nếu đồng tình, cần lập luận theo hướng: Chọn sai nghề/nhầm ngành có nghĩa là người học đã không chọn ngành/ngề phù hợp với năng lực, nguyện vọng, sở thích của mình, do đó, khi làm nghề sẽ không phát huy được năng lực, không có động lực làm việc, chán nản, thiếu tự tin dẫn đến làm giảm năng suất và hiệu quả lao động

– Nếu phản đối, cần lập luận theo hướng: Học sinh Trung học phổ thông chưa có nhiều kinh nghiệm sống, chưa được tư vấn nhiều về chọn nghề, vì thế rất dễ chọn sai nghề/nhầm ngành. Chỉ khi biết mình chọn sai nghề/nhầm ngành, người học mới nhận ra đâu mới là năng lực, sở trường, sở thích thật sự của mình, do đó sẽ tìm một nghề/ngành khác phù hợp hơn; từ việc biết mình chọn sai nghề/nhầm ngành, người học sẽ rút ra cho mình những kinh nghiệm bổ ích trong việc chọn ngành nghề; hơn nữa, cuộc sống và xã hội luôn thay đổi, một người có thể sẽ phải thay đổi nhiều lần ngành nghề cho phù hợp hơn với sự phát triển của bản thân và xã hội.

HS có thể lập luận theo hướng khác nhưng phải chặt chẽ, hợp lí.

– Nếu vừa đồng tình, vừa phản đối, HS có thể kết hợp cả hai hướng lập luận trên hoặc theo hướng khác nhưng phải chặt chẽ, hợp lí, không trái với đạo đức và pháp luật.

Câu 41 HS rút ra được cho mình 02 bài học trong việc lựa chọn ngành học hoặc công việc trong tương lai. Tham khảo các hướng trả lời sau: xác định đúng năng lực, sở trường của bản thân; nhờ cha mẹ, thầy cô và những người có kinh nghiệm tư vấn về việc lựa chọn nghề nghiệp; tìm hiểu kĩ càng về đặc điểm và yêu cầu của ngành nghề mình định lựa chọn; tìm hiểu kĩ về nhu cầu lao động ở lĩnh vực ngành nghề mà mình lựa chọn trong tương lai; không lựa chọn ngành nghề theo tâm lí đám đông...

II. LÀM VĂN

Câu 42 HS cần nắm được nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu (phản ánh tình trạng sinh viên chọn nhầm ngành học, nguyên nhân và những tác hại của tình trạng đó). Từ đó, viết đoạn văn nghị luận, khoảng 200 chữ (theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...); sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận/ bác bỏ hoặc kết hợp các

thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông – Nên hay không nên?*

Trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho bài viết:

- Thế nào là định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông?
- Thực trạng của việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông ở Việt Nam?
- Có nên định hướng nghề nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông hay không?
- + Nếu có thì mục đích của việc làm này là gì? Làm thế nào để việc định hướng ấy có hiệu quả?
- + Nếu không thì vì sao?

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS làm rõ ý kiến: *Bài thơ “Sóng” (Xuân Quỳnh) là những lời giải bày của một tâm hồn phụ nữ đang yêu. Từ đó, chọn một đoạn thơ (từ 8 dòng thơ trở lên) thể hiện một lời giải bày mà mình thấy ấn tượng hơn cả và phân tích lời giải bày ấy.*

HS có thể chọn một trong các đoạn thơ sau:

- *Dữ dội và dịu êm... Bồi hồi trong ngực trẻ.*
- *Trước muôn trùng sóng bể... Khi nào ta yêu nhau*
- *Con sóng dưới lòng sâu... Hướng về anh – một phương*

Tham khảo định hướng trình bày sau đây:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả: Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một người phụ nữ vừa giàu tình yêu thương, vừa hồn nhiên; vừa tươi tắn, vừa chân thành; vừa đắm thắm, vừa mãnh liệt và đầy khao khát; vừa luôn âu lo về sự phai tàn, đổ vỡ cùng những dự cảm về bất trắc, chia lìa.

– Dù viết về tình yêu lứa đôi hay tình yêu Tổ quốc, về thế giới trẻ thơ hồn nhiên, trong trắng hay về những quan hệ nhân sinh muôn vẻ, thơ Xuân Quỳnh vẫn nổi bật ở vẻ đẹp nữ tính.

b) Giới thiệu vài nét về bài thơ:

– Được viết năm 1967 trong một chuyến đi công tác ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình) Trước khi *Sóng* ra đời, nhà thơ đã phải nếm trải những đổ vỡ trong tình yêu.

– Bài thơ được viết vào thời kì cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ đang diễn ra ác liệt song âm vang của bom đạn chiến tranh không làm thay đổi nhịp đập của trái tim người phụ nữ khi yêu. Có thể nói, bài thơ như một bông hoa tình yêu nở "độc chiến hào" trong những năm đánh Mỹ.

– *Sóng* là bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh, hội tụ nhiều nét tiêu biểu trong phong cách nghệ thuật của tác giả. Bài thơ được coi là những lời giải bày của một tâm hồn phụ nữ đang yêu.

c) Giải thích ý kiến "*Bài thơ "Sóng" là những lời giải bày của một tâm hồn phụ nữ đang yêu*" theo hướng: bài thơ là những lời bộc bạch, thổ lộ của một tâm hồn phụ nữ đang yêu về khát vọng sống, khát vọng yêu chân thành, mãnh liệt.

d) Giới thiệu vị trí của đoạn thơ sẽ phân tích và nêu khái quát nội dung chính của đoạn thơ đó.

e) Phân tích đoạn thơ đã chọn để làm nổi bật lời giải bày của nhà thơ.

Chẳng hạn, HS phân tích đoạn thơ: *Con sóng dưới lòng sâu... Hướng về anh – một phương*

– Sáu câu thơ: *Con sóng dưới lòng sâu... Cả trong mơ còn thức:*

+ Mặc dù phải thú nhận *Em cũng không biết nữa – Khi nào ta yêu nhau* nhưng Xuân Quỳnh cũng đã phát hiện ra một tín hiệu cơ bản của tình yêu, nhất là khi những tâm hồn đang yêu phải sống trong xa cách, đó là nỗi nhớ: *Con sóng dưới lòng sâu... không ngủ được* Tình yêu thường gắn liền với nỗi nhớ, nhớ là thuộc tính của tình yêu, nhất là khi cách xa. Trong *Sóng*, nỗi nhớ được thể hiện mãnh liệt. Sóng luôn hướng vào bờ cát, đó là hiện tượng tự nhiên. Con sóng trên mặt nước là con sóng thức, con sóng dưới lòng sâu cũng không ngủ được tạo nên sự dạt dào của biển cả. Điều thú vị ở chỗ: đã là sóng thì bao giờ cũng thức. Sóng không ngủ, bởi ngủ thì nó không tồn tại. Sóng là nhịp đập của biển, là trái tim, sự sống của biển. Nhưng trong xúc cảm đắm say của Xuân Quỳnh, sóng không ngủ được là vì "sóng nhớ bờ". Với việc sử dụng phép nhân hoá, điệp cấu

trúc câu và sử dụng những từ ngữ trái nghĩa (*trên – dưới, mặt nước – lòng sâu*), nhà thơ đã cho thấy nỗi nhớ ấy bao trùm cả không gian (*Con sống dưới lòng sâu – Con sống trên mặt nước*), thời gian (*Ngày đêm không ngủ được*), xâm chiếm tâm hồn con người cả trong cõi vô thức, tiềm thức lẫn ý thức, cả khi tỉnh cũng như khi mơ (*Cả trong mơ còn thức*). Đó là một nỗi nhớ cồn cào, da diết, không thể nào yên, không thể nào nguôi. lúc nào cũng cuộn cuộn, dạt dào như những con sóng biển.

+ Mượn hình tượng con sóng nhớ bờ *ngày đêm không ngủ được* để diễn tả nỗi nhớ da diết của người phụ nữ khi yêu dường như là chưa đủ, nhà thơ nhấn mạnh thêm một lần nữa qua một phát biểu trực tiếp: "Lòng em nhớ đến anh – Cả trong mơ còn thức". Câu thơ là sự bày tỏ nồng nàn, cùng kiệt tình yêu thương và khát vọng của người phụ nữ. Tuy nhiên, ẩn đằng sau những câu thơ này là dự cảm lo âu của một trái tim phụ nữ luôn khao khát tình yêu và hạnh phúc nhưng lại có quá nhiều những trải nghiệm đắng cay. Xuân Quỳnh đã từng thất bại đau đớn trong tình yêu, đã từng chịu nhiều mất mát nên nhà thơ luôn lo sợ. Xuân Quỳnh đã từng ví tình yêu mỏng manh như "cánh chuồn" mà cuộc đời thì đầy "đông bão". Vì thế thi sĩ thao thức không chỉ là vì nhớ mà còn để "trông giữ" tình yêu, bởi nhà thơ sợ sau một giây chợp mắt là tất cả sẽ tan biến thành hư vô. Trăn trở, lo âu, vì thế đã trở thành nét tâm lí quen thuộc ám ảnh trong thơ Xuân Quỳnh.

– Bốn câu thơ: *Dấu xuôi về phương bắc... Hướng về anh – một phương*:

+ "Phương bắc", "phương nam" là những từ vừa gợi không gian xa xôi, cách trở vừa là biểu tượng cho sự xa cách trong tình yêu, trong cuộc đời. Người ta thường nói "xuôi nam, ngược bắc", nhưng Xuân Quỳnh lại chọn cách nói ngược: *xuôi về phương bắc, ngược về phương nam*. Cách diễn đạt khác thường ấy đã hé mở những éo le, trắc trở có thể xuất hiện trong tình yêu. Hai câu thơ với cấu trúc điệp và những từ trái nghĩa cũng nhấn mạnh thêm sự xa xôi, cách trở ấy.

+ Tuy nhiên, từ "dấu" được nhắc lại hai lần ở đầu hai câu thơ lại khẳng định bản lĩnh của người phụ nữ trong những hoàn cảnh đầy biến động. Xuân Quỳnh như muốn khẳng định: dấu không gian có lắm phương nhiều hướng, dấu cho cuộc đời có nhiều biến động, đổi thay, có những nghịch lí, trái ngang thì em cũng vẫn chỉ hướng về một "phương" duy nhất – "phương anh" – để nhớ nhung, chờ đợi.

g) Nhận xét, đánh giá:

– Đoạn thơ cho thấy khát khao yêu đương mãnh liệt và lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ trong tình yêu.

– Đoạn thơ đã góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo của tác phẩm và tạo nên cách thể hiện riêng của Xuân Quỳnh về đề tài tình yêu đôi lứa.

ĐỀ 11

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là nghị luận.

Câu ② HS chỉ ra điểm khác nhau cơ bản giữa hai loại sách:

– Sách kỹ năng chủ yếu dạy cách hành xử, cách làm việc, kỹ năng sống (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo...), ... tóm lại là cách vận dụng kiến thức để giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

– Sách nền tảng hướng tới cung cấp các tri thức về thế giới, cuộc sống và con người, qua đó giúp người đọc nhận thức về bản thân, nâng tầm hiểu biết, hoàn thiện nhân cách.

HS có thể trình bày bằng ngôn ngữ của mình hoặc trích dẫn những từ ngữ trong đoạn trích.

Câu ③ HS cần trình bày như sau:

Người đọc khôn ngoan là:

– Người đọc tập trung đọc sách văn hoá, sách khai minh (để hình thành bản tính bên trong, phần gốc rễ) rồi mới đọc sách kỹ năng (để hoàn thiện hành xử bên ngoài, phần cành lá).

– Là người đọc "những cuốn sách "tu thân" mang trong mình những giá trị khai minh tiến bộ" chứ không chỉ "những cuốn sách thiên về chiêu trò, mánh khoé".

Tóm lại, có thể nói, người đọc khôn ngoan là người đọc các sách chú trọng bồi dưỡng về tâm hồn, tư tưởng, tình cảm và nhân cách trước khi học hỏi các kỹ thuật, kỹ xảo, mánh khoé...

Câu 49 HS có thể chia sẻ một trong những kinh nghiệm khác về việc đọc sách. Ví dụ như:

- Đọc sách phải có phương pháp mới hiệu quả;
- Đọc sách hằng ngày như một thói quen;
- Đọc sách và ghi chép để thực hành, vận dụng trong học tập, làm việc;
- Đọc sách và trao đổi với người khác về cuốn sách đã đọc.

II. LÂM VẤN

Câu 50 HS cần nêu rõ quan điểm của mình về ý kiến: *Đọc sách nền tảng trước đọc sách kỹ năng sau là một lựa chọn thông minh*; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Có thể theo các hướng sau:

– Đồng tình ý kiến: cần giải thích thế nào là sách kỹ năng, sách nền tảng; lấy ví dụ cụ thể tên một vài cuốn sách theo từng loại đó; lập luận cần theo hướng khẳng định mỗi loại sách có tác dụng khác nhau; đáp ứng những mục đích khác nhau của người đọc. Nếu chỉ đọc một loại sách nào đó, người đọc có thể thiếu hụt về kiến thức, văn hoá hoặc cách ứng xử, kỹ năng làm việc. Vấn đề là chọn đọc loại sách nào trước? Đọc sách nền tảng trước để chuẩn bị những tri thức cơ bản, cốt lõi cho bản thân một cách bền vững; sau đó mới đọc sách kỹ năng để có cách vận dụng kiến thức tổng hợp vào cuộc sống một cách uyển chuyển, linh hoạt, hiệu quả. Phải có kiến thức trước rồi mới có thể rèn luyện kỹ năng. Do đó, đọc sách nền tảng trước, đọc sách kỹ năng sau là cách lựa chọn thông minh.

– Phản đối ý kiến: lập luận cần theo hướng để thành công trong công việc, tại thời điểm cụ thể, trong tình huống, bối cảnh nhất định, người đọc có thể chỉ cần học nhanh những kỹ năng, kỹ xảo để thực hiện công việc đó bằng cách đọc sách kỹ năng; không nhất thiết lúc nào cũng phải đọc sách nền tảng, với kiến thức chuyên sâu trước. Việc chọn đọc loại sách nào trước phải linh hoạt; có mục đích rõ ràng và có phương pháp đọc hiệu quả.

– Vừa đồng tình, vừa phản đối ý kiến: kết hợp hai cách lập luận trên

Câu ② Viết bài văn nghị luận, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận: số phận éo le, khổ đau và vẻ đẹp của lòng ham sống, khát vọng hạnh phúc ở nhân vật Mị trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; có sáng tạo trong diễn đạt, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

– Tô Hoài là nhà văn có công "khai phá" vùng đất Tây Bắc xa xôi, nơi địa đầu Tổ quốc trong văn học cách mạng. Ở đề tài cuộc sống con người vùng Tây Bắc, Tô Hoài đã thể hiện rõ hứng thú và sở trường của một "nhà văn phong tục" khi tái hiện sống động bức tranh thiên nhiên và đời sống con người vùng núi cao.

– *Vợ chồng A Phủ* là một trong ba truyện ngắn thuộc tập *Truyện Tây Bắc* viết sau chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Tô Hoài năm 1952. Đây là truyện động lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc, ấn tượng hơn cả; có lẽ trước tiên là do nhà văn đã xây dựng thành công hình tượng Mị – linh hồn của tác phẩm. Mị là cô gái có thân phận khổ đau, tiêu biểu cho số phận con người lao khổ miền Tây Bắc dưới ách thống trị tàn bạo của phong kiến, thực dân và vẻ đẹp tâm hồn tiềm tàng sức sống vươn lên để vượt thoát khỏi cuộc đời tăm tối, nô lệ.

b) Phân tích số phận và vẻ đẹp của Mị:

– Số phận éo le, đau khổ:

+ Số phận của Mị đã được hé lộ ngay từ những dòng đầu tiên của tác phẩm "Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi". Bằng 2 câu văn với loạt động từ mô tả hoạt động đã thành quán tính của cô gái (*quay sợi, thái cỏ, dệt vải, chẻ củi, cõng nước*), nhà văn đã cho thấy thân phận nô lệ của người con gái này. Và những công việc hằng ngày cứ như những vòng quay nghiệt ngã, đè nặng lên tuổi trẻ của cô khiến cô không ngừng đầu lên được, lúc nào "cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi".

+ Sự éo le của số phận: Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ cho nhà giàu. Bỏ Mị nghèo không có đủ tiền cưới mẹ Mị, phải đến vay nhà thống lí, mỗi năm đem nộp lãi một nương ngô, đến tận khi hai vợ chồng già rồi cũng chưa trả hết nợ. Rồi Mị bị bắt cóc về làm vợ A Sử, con trai thống lí, để trả nợ cho cha mẹ.

+ Nỗi đau khổ của Mị không chỉ là bị bóc lột sức lao động, bị coi như một công cụ lao động trong tay nhà giàu, một cái máy làm việc, không bằng con trâu, con ngựa mà là sự cầm tù về tinh thần. Nỗi đau đớn này được nhà văn thể hiện bằng một chi tiết đắt giá: "Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng". Cái buồng giam oan nghiệt ấy đã giết dần giết mòn cảm giác về thời gian, mài mòn giác quan vốn tinh nhạy của tuổi trẻ, hút kiệt nhiệt tình sống ở cô gái Mông xinh đẹp đang tuổi xuân thì; khiến Mị "nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi" "Ở lâu trong cái khổ Mị quen khổ rồi". "Mị tưởng mình cũng là con trâu, con ngựa", "mỗi ngày Mị cày không nói, lùi lùi như con rùa nuôi trong xó cửa". Quá trình người nông dân miền núi bị nô lệ hoá được Tô Hoài miêu tả hết sức cụ thể, sống động và truyền cảm bằng lối trần thuật đều đều, chậm rãi, với những câu văn dài, như chờ nặng nỗi buồn của cả người trong cuộc lẫn người chứng kiến – người kể chuyện.

+ Số phận của Mị tiêu biểu cho số phận của người lao động sống dưới ách áp bức của phong kiến chúa đất vùng cao. Cũng như nhiều nhân vật người lao động trong văn học trước Cách mạng tháng Tám (chị Dậu, Chí Phèo, anh Pha,...), Mị không chỉ khổ vì miếng cơm manh áo; Mị còn khổ vì những hủ tục, vì Mị trẻ, vì Mị đẹp. Tuổi trẻ, nhan sắc thường là nguyên nhân gây ra nỗi khổ đau của những kiếp hồng nhan; xã hội càng bất công, càng vô nhân đạo thì người phụ nữ trẻ đẹp như Mị càng khổ. Tiếp nối cảm hứng nhân văn của văn học cổ điển, Tô Hoài đã làm mới hình tượng nhân vật nữ bằng những chi tiết rất "đời", rất "miền cao".

– Về đẹp tâm hồn và sức sống tiềm tàng trong Mị:

+ Về đẹp của cô gái Mông khoẻ mạnh, chăm chỉ lao động: Mị đã từng nhận sẽ cưới nương làm ngô giả nợ thay cho bố để bố đừng bán cô cho nhà giàu. Cô yêu tự do, yêu lao động, yêu cuộc sống của những con người vùng cao cứ Tết đến trai gái, trẻ con lại rù nhau đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy. Mị thổi sáo giỏi, thổi lá cũng hay như thổi sáo; Tết đến "trai đến đứng nhẵn cả chân vách

đầu buông Mị". "có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm thổi sáo đi theo Mị". Mị như bông hoa rừng hương sắc nồng nàn, quyến rũ.

+ Về đẹp tâm hồn đầy sức sống:

- Mị đã từng vì không muốn chấp nhận phận làm dâu gạt nợ mà ăn lá ngón tự tử. Chỉ vì thương cha mà từ bỏ ý định. Lần thứ hai Mị muốn chết để thoát cảnh làm vợ A Su vì Mị thấy bất công quá, người ta không có lòng với nhau mà cứ phải ở với nhau. Khi còn chủ động muốn tìm đến cái chết, khi ấy lòng ham sống của Mị chưa bị hủy diệt hoàn toàn.

- Lòng ham sống ấy đã bùng lên mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân ở rẻo cao. Mị nghe tiếng sáo, nhắm mắt bài hát của người đang thổi. Mị lên lấy hũ rượu uống ứng ục tung bất một cách khác thường, Mị nhớ lại ngày trước, Mị thấy phơi phới tươi lại, rồi Mị muốn đi chơi. Và khi trái tim tưởng đã hoá đá của Mị bắt đầu thôn thục những nhịp đập bán năng của cô gái trẻ thèm khát một tình yêu, một hạnh phúc đích thực; nó đã thôi thúc cô hành động: Mị đến góc nhà lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng, Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa. Những hành động nhanh, dồn dập diễn tả những thôi thúc của nội tâm.

- Lòng ham sống của Mị đã bùng lên mãnh liệt trong đêm cứu A Phủ: Nhìn thấy dòng nước mắt chảy trên má A Phủ, Mị nhớ lại mình ngày trước cũng bị trời đúng như thế, nước mắt chảy xuống mà không lau đi được. Tâm trạng "giật mình mình lại thương mình xót xa" của Mị đã được tác giả miêu tả rất chân thực, logic. Đây là phép biện chứng tâm hồn của ngòi bút Tô Hoài. Từ cảm giác thương mình đến nỗi thương người; ý thức về hoàn cảnh sống nô lệ, bất công của Mị đã thức tỉnh. Mị cắt dây thừng cho A Phủ rồi chạy vụt theo anh vì "Ở đây thì chết mất". Cắt dây trói cứu A Phủ, Mị cũng đã cắt dây trói vô hình buộc đời cô vào nhà thống lí.

c) Nhận xét, đánh giá:

- Nhà văn đã khắc họa số phận và vẻ đẹp của nhân vật Mị bằng bút pháp hiện thực, giàu chất thơ. Qua nhân vật Mị, nhà văn thể hiện cái nhìn nhân đạo mới mẻ về số phận người phụ nữ vùng cao.

- Với nhân vật Mị, tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* xứng đáng là một trong những viên gạch đầu tiên ghi dấu ấn riêng của Tô Hoài trên mảnh đất của bộ phận văn học viết về cuộc sống, con người và thiên nhiên miền núi Tây Bắc.

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Ở vương quốc Bhutan, chỉ số hạnh phúc được đánh giá dựa trên các yếu tố về môi trường, tinh thần, mức sống của người dân, chất lượng quản lí, sức khoẻ và giáo dục.

Câu 2 HS nêu được 2 lí do:

– Ngày 20/3 là một ngày đặc biệt trong năm, mặt trời nằm ngang đường xích đạo, độ dài của đêm và ngày bằng nhau, là biểu tượng cho sự cân bằng, hài hoà của vũ trụ; cũng là biểu tượng của sự cân bằng giữa âm và dương, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa ước mơ và hiện thực.

– Đặc điểm của ngày 20/3 liên quan đến quan niệm về hạnh phúc là cân bằng, hài hoà, "cân bằng, hài hoà là một trong những chìa khoá của hạnh phúc."

Câu 3 HS nêu được ý: thu nhập quốc dân có ảnh hưởng (tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục,...) nhưng không phải là yếu tố quyết định hạnh phúc của người dân. Thu nhập quốc dân không tỉ lệ thuận với chỉ số hạnh phúc.

Câu 4 HS có thể nêu một quan niệm riêng của mình về hạnh phúc, ví dụ như:

- Hạnh phúc là có một gia đình no ấm, hoà thuận;
- Hạnh phúc là được yêu thương, chia sẻ;
- Hạnh phúc là được sống thật với chính mình và với người khác;
- Hạnh phúc là được cống hiến, làm những việc có ý nghĩa,...

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần nêu rõ quan điểm của mình về ý kiến "cân bằng, hài hoà là một trong những chìa khoá của hạnh phúc"; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp; đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một hướng giải quyết:

– Khẳng định "cân bằng, hài hoà là chìa khoá" – yếu tố then chốt mở ra cánh cửa của hạnh phúc

– Cân bằng giữa đời sống vật chất và tinh thần; hài hoà trong các mục tiêu phát triển xã hội sẽ đem đến cuộc sống thực sự đáng sống cho mỗi người dân.

– Nếu phá vỡ sự cân bằng, hài hoà, con người sẽ khó có được cuộc sống an vui, bình yên (tăng trưởng kinh tế quá nhanh ở một số nước dẫn tới môi trường sống của con người bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến chất lượng sống, ...).

Câu ②

Viết bài văn nghị luận, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận: *màu sắc Tây Bắc* trong trích đoạn truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; có sáng tạo trong diễn đạt, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Có thể trình bày theo định hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

– Tô Hoài là một nhà văn sinh ra ở Hà Nội, nhưng thiên nhiên và cuộc sống của con người miền núi lại là đề tài đem lại cho ông nhiều thành công. Ở mảnh đất ấy, hứng thú và sở trường của một "nhà văn phong tục" đã có cơ hội thăng hoa.

– Bằng vốn hiểu biết qua những chuyến đi thực tế thâm nhập đời sống của đồng bào các dân tộc miền núi và tài năng văn chương xuất sắc, Tô Hoài đã tạo nên những tác phẩm đặc sắc, mang đậm màu sắc Tây Bắc mà tiêu biểu nhất là truyện *Vợ chồng A Phủ* (trong tập *Truyện Tây Bắc*) của ông. Màu sắc Tây Bắc phảng phất trong toàn bộ tác phẩm, làm nên sức hấp dẫn riêng của truyện ngắn.

b) Màu sắc Tây Bắc trong đoạn trích *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài biểu hiện trước tiên ở đời sống con người, những cuộc đời, số phận nhân vật với những phong tục tập quán riêng. Từ cái tên đến chân dung ngoại hình, hành động, việc làm, mỗi nhân vật dù là chính diện hay phản diện đều toát lên bản sắc khó trộn lẫn của người dân vùng cao Tây Bắc. Mị, A Phủ, thống lí Pá Tra, A Sử, ... mỗi nhân vật có một diện mạo riêng, cuộc đời, thân phận khác nhau nhưng đều in đậm dấu ấn một vùng đất với văn hoá, phong tục riêng.

– Mị là cô gái Mông xinh đẹp, có tài thổi kèn lá rất hay, được bao nhiêu chàng trai theo đuổi. Mị cũng đã có người yêu. Một cô gái như vậy đáng lẽ phải có một cuộc đời hạnh phúc, song những hủ tục của người Mông đã giết chết hạnh phúc của Mị. Cha mẹ Mị từ hồi cưới nhau đã vay tiền nhà thống lí Pá Tra để làm lễ cưới, mỗi năm nộp một nương ngô cho nhà thống lí vậy mà đến khi mẹ Mị mất đi thì tiền nợ vẫn chưa trả xong.

Tô Hoài rất khéo léo đưa những tập tục của người Mông vào trong tác phẩm, từ đám cưới của cha mẹ Mị đến đám cưới của Mị, tục kéo vợ, bắt vợ, tục cúng trình ma,... A Sử và người nhà thống lí Pá Tra dựa vào quyền thế đã lợi dụng những tập tục ấy bày ra những hành động ti tiện bắt Mị về ép duyên để gạt nợ, biến những ngày tháng còn lại của Mị trở thành cơn ác mộng. Tình cảnh của Mị chính là chứng cứ tố cáo mãnh liệt nhất bọn cường hào cho vay nặng lãi. Nạn cho vay nặng lãi khiến cho bao nhiêu kẻ nghèo phải phụ thuộc, cột chặt số phận vào chúa đất. Làm bao nhiêu năm, chăm chỉ cật lực cũng không trả hết nợ, Mị phải về nhà thống lí Pá Tra làm dâu, thân phận thậm chí còn không bằng con trâu, con ngựa. Lúc đầu Mị còn có ý thức phản kháng, Mị khóc ròng mấy tháng liền, đêm nào cũng khóc, thậm chí còn định ăn lá ngón tự tử. Vì lòng hiếu thuận, vì nghĩ đến cha mình đã già, đến chết vẫn không yên, vẫn mang cái nợ lớn trên đầu Mị mới thôi. Ý thức phản kháng, sức trẻ của Mị đã tiêu tan chỉ vì ý nghĩ: mình đã bị đem trình ma thì có chết cũng trở thành ma của nhà thống lí Pá Tra. Suy nghĩ lạc hậu, mê tín dị đoan đã trở thành một phần trong tâm linh người dân tộc Mông. Cũng kể từ đó Mị không còn biết đến ngày tháng, đêm ngày nữa. Một cô gái tài năng, tràn đầy sức sống, đẹp cả về tâm hồn lẫn thể chất vậy mà giờ đây chỉ còn như một cái bóng ma, một cái xác không hồn, lảm lũi như con rùa trong xó cửa.

Thân phận tù nhục, nô lệ của Mị tiêu biểu cho số phận người phụ nữ miền núi dưới ách cai trị của phong kiến chúa đất và thực dân. Họ là nạn nhân của hủ tục lạc hậu, của xã hội phong kiến thực dân tàn bạo, vô nhân đạo, chà đạp quyền sống, cướp đi quyền được hưởng hạnh phúc của con người.

– A Phủ là một chàng thanh niên khỏe mạnh, cường tráng, chăm chỉ nhưng lại rất nghèo. Hoàn cảnh của A Phủ cũng là hoàn cảnh của rất nhiều người Mông khác: nghèo khổ, không có ruộng nương, bị bọn quan lang, thống lí bắt chẹt và trở thành nô lệ. Nhiều cô gái ước ao lấy được A Phủ. Thế nhưng vì dưng cảm đánh nhau với A Sử khi hắn đến phá đám chơi tết nên A Phủ đã bị bắt về làm đũa ở cho

nhà thống lí Tô Hoài đã phản ánh một tập tục nữa của người Mông, đó là tục phạt vạ, một tục lệ hết sức vô nhân đạo. A Phủ bị đánh, bị bắt làm việc một cách cưỡng bức song cũng không có cách nào phản kháng lại được vì dường như tất cả những chuyện này là điều hiển nhiên tất yếu, một tập tục đã trở nên quá quen thuộc với tất cả đồng bào Mông rồi. A Phủ chính là nhân vật điển hình cho tầng lớp nông nô ở vùng cao Tây Bắc.

– Thống lí Pá Tra và A Sù là hai nhân vật đại diện cho thế lực phong kiến chúa đất tàn bạo miền cao Tây Bắc, không từ một thủ đoạn nào để bóc lột tận cùng sức lao động của người dân, làm giàu trên mồ hôi, xương máu của người lao động. Không chỉ bóc lột sức lao động của người dân lương thiện, chúng còn dày đoạ tinh thần, bóp nghẹt lòng ham sống của họ. Cách A Sù bắt cóc Mị giữa đêm tình mùa xuân khi cô đang rạo rực khát vọng yêu đương; cách A Sù tàn nhẫn trói Mị vào cột khi cô lấy váy hoa chuẩn bị đi chơi; cách hắt trối A Phủ khi anh để mắt bò, những câu nói lạnh lùng của hắn... tất cả đều được Tô Hoài miêu tả chính xác, hấp dẫn khiến chân dung nhân vật toát lên vẻ riêng của một tầng lớp người ở vùng cao Tây Bắc.

c) Truyện sẽ mất đi sức sống tự nhiên khi nhân vật của Tô Hoài không được đặt trong một bầu không khí đậm màu sắc Tây Bắc: Đó là bức tranh thiên nhiên đặc trưng của vùng núi cao khi mùa xuân đến: "gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội...". Đó là cảnh "trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên móm đá xoè như con bướm sặc sỡ". Đặc biệt là cái không khí rạo rực, ấm áp sức xuân qua những cảnh "đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi...". Tóm lại, cùng với bức tranh thiên nhiên đa sắc, biến ảo là những tập tục, những cảnh sinh hoạt đậm màu sắc miền cao: trẻ con đi hái bí đỏ, tình nghịch đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa, cảnh người Mèo Đỏ "thành lệ cử ăn Tết khi gặt hái vừa xong", rồi cảnh "tra gái, trẻ con ra sân chơi tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy".

d) Nhà văn sử dụng ngôn ngữ đời thường, tự nhiên mang màu sắc dân tộc vùng cao rõ nét: lối kể chuyện theo hơi hướng cổ tích ngay từ mở đầu truyện "Ai ở xa về..."; lối so sánh theo kiểu vật hoá (Mị "lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa", "Mị thôn thục nghĩ mình không bằng con ngựa"...); lối độc thoại nội tâm, nhập sâu vào thế giới tinh thần của Mị để suy tư bằng giọng của người phụ nữ

Mông bụng trực, thật thà, hồn nhiên, mộc mạc ("Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau!", "Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế?").

e) Nhận xét, đánh giá: Sắc màu Tây Bắc đậm đà trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* là kết quả của những quan sát tinh tường sau chuyến thực tế của nhà văn Tô Hoài tại vùng rẻo cao Tô quốc; thể hiện tấm lòng của nhà văn với mảnh đất, con người Tây Bắc và tài năng văn chương độc đáo.

ĐỀ 13

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, nhưng ý chính là: Đoạn trích viết về tình trạng rác thải điện tử trong xã hội hiện nay; hoặc: Tình trạng rác thải điện tử hiện nay và mối nguy hiểm của chúng.

Câu 2 Rác điện tử là loại rác thải ra từ tất cả các thiết bị điện tử bị vứt bỏ (màn hình máy tính, ti vi, máy in, máy fax, điện thoại, đĩa CD, DVD, máy nghe nhạc,...).

Câu 3 Rác điện tử không phải là loại rác "tốt" vì các chất kim loại như chì, lithi, đồng, kẽm, thủy ngân,... chứa trong các thiết bị điện tử thải loại khi phân huỷ sẽ làm ô nhiễm không khí, đất và nước.

Câu 4 HS nêu ít nhất 02 việc làm cụ thể trong số các việc sau để hạn chế ảnh hưởng của rác điện tử: tái phân mềm trực tuyến thay vì mua đĩa CD; quyền góp điện thoại cho trung tâm tái chế thay vì quẳng chúng vào thùng rác; nâng cao nhận thức cộng đồng về rác thải điện tử,...

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần nêu rõ quan điểm của mình về việc hạn chế sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại có phải là cách tốt nhất để bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm của rác điện tử không?; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể theo cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp; đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một hướng giải quyết:

– Hạn chế sử dụng các thiết bị công nghệ hiện đại không phải là cách tốt nhất để bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm của rác điện tử. Bởi vì khoa học công nghệ không ngừng phát triển để phục vụ cuộc sống con người. Hiện nay, mỗi ngày lại có thêm rất nhiều thiết bị điện tử hiện đại, với những tính năng ưu việt ra đời giúp con người sống thoải mái hơn, làm việc năng suất, hiệu quả hơn. Hạn chế sử dụng những thiết bị công nghệ tiên tiến ấy nghĩa là từ chối sự tiến bộ của khoa học công nghệ, làm cản trở sự phát triển của công nghệ, bỏ qua những tính năng vượt trội của công nghệ.

– Vậy làm thế nào để việc sử dụng rộng rãi, phổ cập các thiết bị không tạo ra lượng rác điện tử khổng lồ gây ô nhiễm môi trường sống của con người? (HS đưa ra một số biện pháp như: sử dụng đúng mức, hạn chế tối đa tác động tiêu cực của thiết bị công nghệ đến đời sống và môi trường bằng các giải pháp tái chế, tiêu hủy rác điện tử một cách khoa học, đúng quy trình...).

Câu ②

Viết bài văn nghị luận, có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cái đối vừa là cơ hội vừa là thử thách đối với các nhân vật trong truyện ngắn *Vợ nhặt*; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; có sáng tạo trong diễn đạt, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Có thể trình bày theo hướng sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

– Kim Lân được biết đến như một nhà văn đứng ở hàng đầu trong số những cây bút văn xuôi viết ít mà tinh. Ông thường viết về nông thôn và người nông dân với những trang văn chân thật, xúc động, tinh tế, thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ cũng như tâm lí của họ và một tấm lòng yêu mến tha thiết. Tác phẩm chính của ông là hai tập truyện ngắn *Nên vợ nên chồng* (1955) và *Con chó xấu xí* (1962).

– *Vợ nhặt* là một trong số những truyện ngắn xuất sắc, dựa trên bối cảnh nạn đói khủng khiếp làm chết hơn một triệu người của năm Ất Dậu, 1945.

b) Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Nạn đói năm 1945 vừa là một cơ hội cho người nông dân nghèo được chạm tay vào hạnh phúc, vừa là một thử thách của lòng người, tình người. Chọn bối cảnh cái đói là một thành công lớn trong nghệ thuật dựng truyện. Bối cảnh ấy như một thứ nước rửa ảnh làm nổi hình nổi sắc chân dung những thân phận, những tâm hồn, qua đó thể hiện cái nhìn nhân văn sâu sắc và cảm quan hiện thực nhạy bén của tác giả.

c) Phân tích làm rõ tính hai mặt của nạn đói – bối cảnh truyện *Vợ nhặt*:

– Cái đói tràn đến xóm ngụ cư khiến "người chết như ngả ỉa", xác người chết đói, chồng queo bên đường. Người sống thì "xanh xám như những bóng ma". "Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người". Cái đói được khắc hoạ bằng những chi tiết đầy ám ảnh, khiến đọc một lần người ta không thể quên những năm tháng nghiệt ngã ấy.

– Nhưng vào đúng lúc đói kém thâm, một chuyện lạ đã xảy ra: anh cu Tràng lấy được vợ. "Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa". Người đàn bà đó Tràng mới gặp lần thứ hai trong bận hẩn xe thóc lên tỉnh. Chỉ vì một câu hò có "cơm trắng mấy giò" mà người đàn bà đói rách, quần áo tả tơi như tổ đĩa, trên gương mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt đã đi theo Tràng. Rồi sau khi ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì, thị đã đồng ý về cùng Tràng. Thế là Tràng có vợ. Rõ ràng, nạn đói ở đây là một "cơ hội" để Tràng, anh nông dân nghèo khổ, ngờ nghệch có vợ một cách dễ dàng. Nhà văn đã nhìn ra đằng sau cảnh ngộ éo le, tưởng không còn đường sống ấy một dịp may, một lối thoát từ đó thấp lên tia sáng của hi vọng, của niềm tin. Đói khát không huỷ diệt được khát vọng hạnh phúc, lòng ham sống mãnh liệt thường trực trong tâm hồn người nông dân nghèo khổ. Cái đói chỉ như một chất xúc tác khiến khát vọng ấy bùng cháy mãnh liệt hơn. Tràng "mới đầu cũng chọn, nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng. Sau không biết nghĩ thế nào hẩn tặc lưỡi một cái: – Chậc, kệ!". Thế là sau cái tặc lưỡi, Tràng được tận hưởng cảm giác kì diệu của hạnh phúc. Cảm giác ấy kì diệu tới mức sáng sớm hôm sau Tràng còn thấy "trong người êm ái lũng lờ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hẩn có vợ đến hôm nay hẩn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải".

– Bà mẹ Tràng có được nàng dâu mới một cách đột ngột, bất ngờ. Niềm vui khi con trai có đôi có lứa khiến bà cụ tạm gạt đi bao nhiêu âu lo, thương xót để

cùng định hướng con thuyền mỏng manh của gia đình nhìn về phía tương lai: "Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giàu cho khá... Biết thế nào hờ con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau". Và trong cái cảnh tối tăm vì đói khát, bỗng sáng lên ánh sáng, hân hoan một góc vườn trong đó người mẹ cúi húi giã củ, con dâu quét sân, con trai thì vui sướng, phấn chấn, xăm xăm chạy tới chạy lui muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa căn nhà. Rõ ràng, cái đói đâu chạm tới được phần sâu thẳm trong tâm hồn người lao động, ở đó nương náu một khao khát bình dị về mái ấm gia đình, về cuộc sống bình yên, ấm no. Trong bữa cơm ngày đói mà giữa cái mệt rách chỉ có độc một lùm rau chuối thái rối, một đĩa muối ăn với cháo, người mẹ vẫn động viên, khích lệ các con vượt lên sự thê thảm một cách hồn nhiên, vui vẻ – những điều chỉ có được ở một người mẹ nhân hậu, từng trải hiểu giá trị của một gia đình ấm cúng

– Nạn đói là một vận may với người vợ nhặt. Nhờ cái đói thị đã có một người đàn ông làm chồng và một bà mẹ chồng đầy thông cảm, yêu thương. Dù thị có thất vọng về gia cảnh nhà Tràng, dù bữa cơm đầu tiên ở nhà chồng có thể thấm đến đâu thì quan trọng nhất là thị đã được sống trong hạnh phúc của một gia đình: niêu cháo tuy loãng bỗng lòng bà mẹ đầy ấp yêu thương: bà mẹ lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bung ra một cái nồi bốc khói lên nghi ngút. Mẹ cầm muối vừa khuấy vừa cười đơn dả. Mẹ múc cho con dâu từng bát chè cám một cách ân cần, chi chút.

– Nạn đói cũng lại là một thử thách: thử thách tâm lòng, tình cảm, nghị lực của mỗi con người. Thử thách thái độ và cách ứng xử của mẹ với con, vợ với chồng, của con người với con người trong hoàn cảnh đói kém, vất vả, khó khăn. Nếu như "Lừa thử vàng, gian nan thử sức" thì trong hoàn cảnh nạn, khó khăn, con người mới đánh giá được tình người, lòng người...

d) Nhận xét, đánh giá:

– Dù không ít tủi hờn len vào tâm trí mỗi người, dù ngày mai họ chưa biết liệu có còn cám để nấu chè khoán nữa hay không, nhưng hôm nay, ngay giữa "không khí vẩn lên mùi gây của xác người" này, Tràng, người vợ "nhặt" và bà cụ Tứ đã được nếm mùi hạnh phúc. Hương vị tình yêu, hạnh phúc gia đình cứ ngấm ngấm dâng lên như muốn đua chen cùng mùi vị của đói khát, của đắng cay.

phú
Ngu
chứ;
hăm

lòng



"có
quai
tác
mua

cách
nhu
giữ
để
dù
lắng

đổi)

vật

bản
câu
tại,

– Cho nên, cái đối nhìn ở góc này là một cơ hội đưa con người tới bờ hạnh phúc, dù hạnh phúc có mong manh. Nhìn ở góc khác, lại là một thử lửa thử vàng. Người mẹ già trải nhiều đau khổ nhất lại là người thể hiện tình yêu thương chan chứa ấm áp nhất. Người thanh niên ngọc ngạch, thô mộc lại là người háo hức, hăm hở với cuộc sống gia đình nhất.

– Việc nhận ra tính hai mặt của tình huống trở trêu ngày đối cho thấy tấm lòng yêu thương, cảm thông sâu sắc của nhà văn.

ĐỀ 14

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Đoạn trích sử dụng thao tác lập luận bác bỏ.

Câu ② Thao tác lập luận bác bỏ được tác giả sử dụng để bác bỏ quan niệm "có tiền là có tất cả". Đây là quan niệm của nhiều người nhưng không phải lúc nào quan niệm đó cũng đúng. Bằng những lí lẽ xác đáng và dẫn chứng thuyết phục, tác giả đã chỉ ra rằng tiền bạc có thể mua được những giá trị vật chất nhưng không mua được những giá trị tinh thần.

Câu ③ HS chọn một trong những lí lẽ được nêu trong đoạn trích và nêu lên cách hiểu của mình. Chẳng hạn, với lí lẽ tiền bạc "có thể mua được chiếu giường, nhưng không mua được giấc ngủ", có thể nêu cách hiểu theo hướng sau: "chiếu giường" là vật dụng (vật chất) để người ta nằm ngủ và người ta có thể dùng tiền để mua, nhưng "giấc ngủ" thì không thể dùng tiền để mua, bởi nhiều người mặc dù có "chiếu giường" đầy đủ, sang trọng nhưng vẫn "mất ngủ" vì buồn phiền, lo lắng, mệt mỏi (tinh thần).

Câu ④ HS có thể đồng tình hoặc phản đối (hoặc vừa đồng tình, vừa phản đối) quan điểm "tiền bạc không phải là vạn năng".

– Nếu đồng tình, cần lập luận theo hướng: tiền bạc có thể mua được các giá trị vật chất nhưng không mua được các giá trị tinh thần.

– Nếu phản đối, cần lập luận theo hướng: con người trước hết phải tồn tại bằng vật chất: cơm ăn, áo mặc, nhà ở,... Nếu không có tiền thì ngay cả những nhu cầu vật chất tối thiểu con người cũng không thể chi trả, do đó, sẽ khó có thể tồn tại, khó có được cuộc sống hạnh phúc.

– Nếu vừa đồng tình, vừa phản đối, HS có thể kết hợp cả hai hướng lập luận trên hoặc lập luận theo quan điểm riêng của mình nhưng phải chặt chẽ, hợp lý, không trái với các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần nắm được nội dung của đoạn trích ở phần Đọc hiểu (thể hiện sự bác bỏ quan điểm "có tiền là có tất cả" và nhấn mạnh "Tiền bạc quả thật có sức mạnh lớn lao. Nhưng tiền bạc không phải là vạn năng"). Từ đó, viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ, ... hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lý, thuyết phục; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu để trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: *Nếu không có tiền...* Có thể tham khảo hướng dẫn trả lời câu 4 ở phần Đọc hiểu để làm bài.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS nêu cảm nhận về hình tượng "sóng" trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh.

Tham khảo gợi ý sau:

- Giới thiệu vài nét về tác giả Xuân Quỳnh: Xem Đề 10, Câu 2, phần Làm văn.
- Giới thiệu vài nét về bài thơ *Sóng*: Xem Đề 10, Câu 2, phần Làm văn.
- Trình bày cảm nhận về hình tượng "sóng" trong bài thơ:

– Giới thiệu khái quát về hình tượng:

+ Cấu tứ của bài thơ *Sóng* dựa trên sự tương đồng, hoà hợp giữa hai hình tượng trữ tình: "sóng" và "em". "Sóng" chính là ẩn dụ của "em" – người phụ nữ đang yêu. "Sóng" giống như "em" và "sóng" cũng chính là "em". Với mỗi khám phá về "sóng", "em" lại thấy có mình ở trong đó.

+ Trong các khổ thơ, "sóng" hiện lên với những diện mạo và trạng thái khác nhau; qua đó làm hiện lên hình ảnh người phụ nữ đang yêu đứng trước biển, đối diện với cái vô biên, cái vĩnh hằng để suy tư, chiêm nghiệm về tình yêu và tự khám phá tâm hồn mình.

– Phân tích để làm nổi bật đặc điểm của hình tượng "sóng" qua mỗi khổ thơ:

+ Khổ 1: "Sóng" được thể hiện qua những trạng thái trái ngược: *dữ dội – dịu êm, ồn ào – lặng lẽ*. Đây là những biểu hiện thường thấy của những con sóng ngoài biển khơi: lúc biển động, sóng dữ dội, ồn ào; khi trời yên biển lặng, sóng dịu êm, lặng lẽ. Cũng như "sóng", người phụ nữ đang yêu tự nhận thức về những biến động trong lòng mình, chân thành bộc bạch những trạng thái tâm lí, tình cảm vừa phong phú vừa phức tạp của một tâm hồn khao khát yêu đương: lúc giận dữ, hờn ghen; khi dịu hiền, sâu lắng.

"Sóng" hiện lên thật mạnh mẽ trong hành động vượt thoát khỏi thế giới chật hẹp và thiếu sự đồng cảm của sông để tìm ra biển rộng bao la, tìm đến với môi trường đích thực của nó. Cũng như "sóng", "em" dứt khoát từ bỏ tình yêu nhỏ bé, chật hẹp, chủ động tìm kiếm một tình yêu lớn lao, một tâm hồn đồng điệu để được cảm thông, thấu hiểu, chia sẻ, bao dung.

+ Khổ 2: Từ xưa đến nay và mãi mãi về sau, những con sóng ngoài biển khơi đã, đang và sẽ luôn luôn chuyển động. Sóng vẫn là sóng, vẫn "ru mãi ngàn năm" để làm thành bản tình ca muôn đời của biển cả. Sóng mãi "bồi hồi", dào dạt, sôi nổi trong lòng biển cũng như tình yêu mãi mãi là niềm khao khát cháy bỏng, "bồi hồi" trong trái tim con người, nhất là tuổi trẻ.

+ Khổ 3, 4: "Em" truy tìm nguồn gốc của "sóng", mượn "sóng" để cất nhắc nguồn gốc của tình yêu nhưng tình yêu mãi mãi vẫn là một điều bí ẩn mà "em" không bao giờ lí giải được.

+ Khổ 5: Những con sóng dù ở trên mặt nước hay ở dưới lòng sâu thì cũng không bao giờ ngủ, tạo nên sự dạt dào của biển cả. Sóng là nhịp đập của biển, là trái tim, sự sống của biển. Sóng luôn hướng vào bờ cát, luôn "nhớ bờ" cũng như "Lòng em nhớ đến anh – Cả trong mơ còn thức". Đó là nỗi nhớ cồn cào, da diết, không thể nào yên, không thể nào nguôi, lúc nào cũng cuộn cuộn, dạt dào.

+ Khổ 7, 8: "Sóng" vượt qua mọi trở ngại để tới bờ. Cũng như "sóng", tình yêu của "em" dù có trải qua cách trở, bão dông nhưng cuối cùng cũng sẽ đến được bến bờ hạnh phúc. Nó cũng tất yếu như "năm tháng vẫn đi qua", "mây vẫn bay về xa" giữa cuộc đời dài rộng.

+ Khổ 9: Cũng như những con sóng nhỏ hoà mình vào đại dương để không bao giờ khô cạn, để "ngàn năm còn vỗ", nghĩa là sóng mãi với thời gian, nhịp bước cùng năm tháng, "em" mong ước hoá thân thành "sóng" để được sống hết

mình, cháy hết mình trong tình yêu. Và khi con người dâng hiến tất cả cho tình yêu, khi tình yêu riêng hoà vào một tình yêu chung lớn lao, cao cả thì nó sẽ đạt đến sự vĩnh hằng.

d) Nhận xét, đánh giá

– Mượn hình tượng "sóng", Xuân Quỳnh đã diễn tả được sự nồng nàn, mãnh liệt, cháy bỏng mà đắm thắm, dịu dàng và cũng không ít âu lo, trăn trở của người phụ nữ trong tình yêu.

– Bài thơ là một cách nói đậm chất Xuân Quỳnh về tình yêu của người phụ nữ, trong đó, "sóng" là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và hấp dẫn.

ĐỀ 15

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do.

Câu ② Ý thơ "Tôi muốn làm nhà văn chân thật – chân thật trọn đời" có thể được hiểu là: Tác giả muốn làm một nhà văn suốt đời phản ánh chân thực đời sống; không "tô hồng" cũng không "bôi đen" hiện thực.

Câu ③ HS nêu cảm nhận riêng của mình về nhân vật "tôi" trong đoạn thơ, cần nhấn mạnh ý đó là một con người – nhà văn trung thực và dũng cảm.

Câu ④ HS bày tỏ sự đồng tình, phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối quan điểm "Người làm xiếc đi dây rất khó – Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn – Đi trọn đời trên con đường chân thật".

– Nếu đồng tình, cần lập luận theo hướng: Nhà văn cần phản ánh chân thực đời sống để góp phần cải tạo, xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn nhưng đôi khi, do yếu tố khách quan hoặc chủ quan, do vô tình hoặc hữu ý, nhà văn có thể "bóp méo", "tô hồng" hoặc "bôi đen" hiện thực. Vì thế, để trọn đời làm một nhà văn "chân thật" là điều không dễ bởi nó đòi hỏi nhà văn phải suốt đời trung thực và dũng cảm.

– Nếu phản đối, cần lập luận theo hướng: Phản ánh chân thật không có nghĩa là nhà văn chỉ phản ánh hiện thực như nó vốn có theo kiểu "quay phim, chụp ảnh" bởi như vậy cũng có nghĩa là sẽ không có sự sáng tạo nào hết (về nghệ thuật và tư tưởng). Nhà văn cần phải là người có trí tưởng tượng bay bổng, sức sáng tạo

mãnh liệt để tạo nên những thể giới nghệ thuật hấp dẫn, kích thích người đọc hành động để xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

– Nếu vừa đồng tình, vừa phản đối, HS có thể kết hợp cả hai hướng lập luận trên hoặc theo hướng khác nhưng phải chặt chẽ, hợp lí, không đi ngược lại các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần thấy trong đoạn thơ ở phần Đọc hiểu, nhà thơ đã cho thấy nhân vật "tôi" là một người "chân thật" (ở đây được hiểu là một người trung thực và dũng cảm). Liên hệ với thực tế, HS cần thấy được những lợi ích hoặc hạn chế (hoặc cả lợi ích và hạn chế) của việc làm một người "chân thật" để từ đó viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp,...; sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ,... hoặc kết hợp các thao tác này, lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu,... với chủ đề:
Làm một người chân thật.

HS có thể trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho đoạn văn:

– Thế nào là một người chân thật?

– Tại sao phải sống chân thật?

– Để sống chân thật, con người cần làm gì?...

Lập luận cần chặt chẽ, hợp lí, không trái với các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS phân tích cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác trong đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ.

Tham khảo gợi ý sau:

a) Giới thiệu vài nét về tác giả

Lưu Quang Vũ không chỉ là một hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch Việt Nam những năm tám mươi của thế kỉ XX mà còn được đánh giá là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại.

b) Giới thiệu vài nét về vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

– *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ, viết vào năm 1981. Từ một cốt truyện dân gian, nhà văn đã xây dựng thành

một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân sinh sâu sắc.

– Vở kịch nói về Trương Ba – một người giỏi đánh cờ – đang khoẻ mạnh bỗng dung bị chết bất ngờ do thái độ làm việc tặc trách của hai vị quan trên thiên đình là Nam Tào và Bắc Đẩu. Vì thương quý Trương Ba – người đã từng chơi cờ với mình, Đế Thích cho Hồn Trương Ba nhập vào xác của anh hàng thịt mới chết để được sống lại. Trú ngụ trong Xác hàng thịt, Hồn Trương Ba gặp nhiều phiền toái: không thể sống chung với vợ người hàng thịt, gia đình Trương Ba cũng cảm thấy ông thật xa lạ, bản thân Trương Ba thì rất đau khổ vì phải sống "bên trong một dằm, bên ngoài một nẻo". Đặc biệt, thân xác hàng thịt khiến Hồn Trương Ba nhiễm một số thói xấu và phải chiều theo những nhu cầu vốn không phải của chính bản thân ông. Trước nguy cơ tha hoá về nhân cách và sự phiền toái do mượn thân xác của kẻ khác, Hồn Trương Ba quyết định trả xác cho anh hàng thịt và chấp nhận cái chết.

c) Giới thiệu vị trí của đoạn đối thoại: trích từ cảnh VII của vở kịch.

d) Phân tích cuộc đối thoại

– Trong đoạn trích, thân xác hàng thịt được miêu tả như một biểu tượng đáng ghê sợ của hoàn cảnh sống dung tục: từ hình dáng "kềnh càng thô lỗ" đến thói quen "mỗi bữa đòi ăn tám, chín bát cơm"; từ những ham muốn thấp kém như "thèm ăn ngon, thèm rượu thịt" đến những dục vọng xấu xa. Đó là "xác thịt âm u dui mù" nhưng tiếng nói của nó lại có "sức mạnh ghê gớm", thậm chí có khả năng sai khiến, lấn át cả linh hồn cao khiết, thanh sạch của Trương Ba.

– Trong cuộc đối thoại, hơn một lần, Xác hàng thịt đã khẳng định sự phụ thuộc của Hồn Trương Ba vào nó: "tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục", "ông không tách ra khỏi tôi được đâu... Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi". Trên thực tế, khi phải chấp nhận hoàn cảnh trở trêu, nghiệt ngã để tiếp tục duy trì sự sống, Hồn Trương Ba hầu như không còn được là chính mình. Linh hồn ông hoàn toàn lệ thuộc vào những yếu tố vật chất của thể xác, tồn tại qua thân xác – cái thân xác không phải của mình. Ngay cả những việc bình thường nhất, Hồn Trương Ba cũng phải nhờ vào Xác hàng thịt: "Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi". Đó là nguyên

lí và
nạnh
thiên
ri cơ
chết
hiền
cảm
rong
g Ba
của
i do
thịt

nhân khiến Hồn Trương Ba rơi vào tình trạng bất lực trước sự sai khiến của thân xác "âm u đui mù". Xác hàng thịt còn ve vãn Hồn Trương Ba bằng cái lí lẽ ti tiện nhưng lại có sức hấp dẫn ghê gớm: Trương Ba vẫn sẽ làm mọi việc để thoả mãn những thèm khát của Xác hàng thịt, nhưng sau đó lại đổ tội cho thân xác. Đó là cách vừa giúp con người thoả mãn được những đòi hỏi tầm thường của thân xác lại vừa giữ được cảm giác thanh thân cho linh hồn. Theo cách nói của Xác hàng thịt, đó là "trò chơi tâm hồn", thực chất là phương cách hèn nhát để con người lừa dối chính mình và cuộc đời

– Trong cuộc đối thoại, Xác hàng thịt mỗi lúc một lần lượt, dồn đuổi Hồn Trương Ba. Xác chủ động "tuyên chiến" khi Hồn khao khát được tồn tại độc lập. Xác thách thức, giễu cợt, cao giọng đòi hỏi phải "thành thật trả lời". Xác biết rõ Hồn nghĩ gì đồng thời cũng tỏ ra thấu hiểu từ điệu bộ lúng túng bên ngoài đến những biện luận tìm kiếm sự thanh thân của Hồn. Hồn Trương Ba đã thực sự bối rối, khổ sở, bế tắc trước sự đắc thắng và những lí lẽ trăng tráo mà đầy sức thuyết phục của Xác hàng thịt. Khi thì cao giọng thách thức, lúc thì buồn rầu thanh minh; khi thì đắc ý, tỉnh quái, lúc thì vuốt ve xoa dịu, an ủi,... Xác đã chứng tỏ được ưu thế của nó, uy quyền của nó, sự chi phối khủng khiếp của nó đối với Hồn

Như vậy, Hồn Trương Ba trở nên đuối lí trong cuộc đối thoại này: Từ chỗ cao giọng phủ nhận: (*Vô lí, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù*) đến chỗ chấp nhận Xác có tiếng nói, nhưng là tiếng nói của bản năng thấp kém, tầm thường; từ chỗ phủ định quyết liệt, lớn giọng khi Xác đưa ra bằng chứng về sức mạnh sai khiến của nó, đến chỗ "không dám trả lời", lúng túng trong những câu nói đứt quãng (*Ta... ta... đã bảo mày im đi!, Nhưng... nhưng...*); từ chỗ hăng hái đấu lí, đáp lại tất cả những lí lẽ mà Xác đưa ra đến chỗ bịt tai lại: "Ta không muốn nghe mày nữa!"; từ cách xưng hô *mày* – *ta* ở đầu cuộc đối thoại, Xác đã tinh ý nhận ra khi ở hồi kết, Hồn đã gọi hắn là *anh* (*ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy!*); từ mạnh mẽ, đầy khí thế đấu tranh đến tiếng kêu "Trời!" tuyệt vọng và kết thúc màn đối thoại, "Hồn Trương Ba bản thân nhập lại vào Xác hàng thịt".

– Trong cuộc đối thoại, Xác hàng thịt đã chỉ ra sự tha hoá của Hồn Trương Ba trên rất nhiều bình diện: ăn những món "tiết canh, cỗ hũ, khẩu đuôi và đủ thứ thú vị khác" theo khẩu vị của anh hàng thịt; "tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại..." khi đứng cạnh vợ hàng thịt...; không còn dạy con bằng những lời

áng
thời
như
n u
ing

nhu
uy
tột
ục
ồn
:-

ồn
g,
ắt
ên

khuyến bảo nhỏ nhẹ như trước đây mà tát thẳng con "toé máu mồm máu mũi" bằng bàn tay đồ tể,

e) Nhận xét, đánh giá

– Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác vừa là hành động kịch đẩy mâu thuẫn lên cao, vừa là đoạn trích sinh động, hấp dẫn, giàu ý nghĩa triết lí. Cuộc đối thoại cho thấy linh hồn và thể xác là hai phương diện tồn tại trong mỗi con người. Có thể nào sống mà không cần đến dáng hình, thân thể? Nhưng lẽ nào đời sống của con người lại chỉ gói gọn trong những nhu cầu thuần túy bản năng? Đừng "bỏ bê" thân xác để chỉ biết đến một thứ linh hồn chung chung, trừu tượng, cũng đừng chỉ chạy theo những khát thèm của thân xác mà trở về với hồng hoang nguyên thủy. Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác chính là cuộc đấu tranh giữa đạo đức và tội lỗi, giữa khát vọng và dục vọng, giữa phần "người" và phần "con" trong mỗi con người.

– Với những ý nghĩa đó, cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác trở thành một trong những đoạn trích hấp dẫn nhất của vở kịch, chuyển tải nhiều thông điệp sâu sắc của nhà văn.

ĐỀ 16

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích là nghị luận.

Câu ② Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng phép tu từ so sánh, thể hiện rõ nhất ở câu: "Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy". Các câu sau làm rõ nghĩa cho câu trên. Tác dụng của phép tu từ này là chỉ ra sự tương đồng giữa "sống một cuộc đời" với "vẽ một bức tranh", giúp người đọc dễ hình dung ra cách sống chủ động để biến ước mơ của mình thành hiện thực.

Câu ③ Tham khảo cách trả lời sau: Ước mơ là những khát khao, mong đợi hoặc những ý tưởng đẹp đẽ mà con người muốn biến thành hiện thực. Con người cần biết giữ gìn, bảo vệ, không để những thử thách, khó khăn trong cuộc sống làm thui chột ước mơ và cũng không để người khác ngăn cản việc chúng ta hiện thực hoá ước mơ ấy.

Câu ④ HS trả lời theo yêu cầu. Nội dung câu trả lời cần phải chặt chẽ, hợp lí, không trái với các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

II. LÀM VĂN

Câu ① HS cần viết được đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...; sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ,... hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu,... để thể hiện suy nghĩ của mình về vấn đề: *Theo đuổi ước mơ*.

Có thể trả lời các câu hỏi sau để tìm ý cho đoạn văn:

- Ước mơ là gì?
- Thế nào là theo đuổi ước mơ?
- Tại sao nên theo đuổi ước mơ?
- Làm thế nào để biến ước mơ thành hiện thực?

Câu ② Đề bài yêu cầu HS phân tích bi kịch của Hồn Trương Ba trong đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ) khi phải sống "bên trong một đảng, bên ngoài một nòi".

Tham khảo gợi ý sau:

- a) Giới thiệu vài nét về tác giả: Xem Đề 15, Câu 2, phần Làm văn.
- b) Giới thiệu vài nét về vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*: Xem Đề 15, Câu 2, phần Làm văn.
- c) Giới thiệu vị trí của đoạn trích: trích từ cảnh VII của vở kịch.
- d) Phân tích bi kịch của Hồn Trương Ba khi phải sống "bên trong một đảng, bên ngoài một nòi":

– Hoàn cảnh dẫn đến bi kịch:

+ Để có thể tiếp tục được sống, Hồn Trương Ba buộc phải trú nhờ vào thân xác của anh hàng thịt. Trong đoạn trích, thân xác anh hàng thịt được miêu tả như một biểu tượng đáng ghê sợ của hoàn cảnh sống dung tục: từ hình dáng "kềnh càng thô lỗ" đến thói quen "mỗi bữa đòi ăn 8, 9 bát cơm"; từ những ham muốn

thấp kém "mà bất cứ con thú nào cũng có được: thềm ăn ngon, thềm rượu thịt" đến những dục vọng xấu xa. Là "xác thịt âm u dui mù" nhưng tiếng nói của nó lại có "sức mạnh ghê gớm", thậm chí có khả năng sai khiến, lấn át cả linh hồn cao khiết, thanh sạch của Trương Ba.

+ Hoàn cảnh đó làm nảy sinh bi kịch của Hồn Trương Ba: không được sống với con người thực của mình; hoàn toàn phụ thuộc vào Xác hàng thịt và bị nó chi phối, sai khiến.

– Sự tha hoá của Hồn Trương Ba trong hoàn cảnh phải sống nhờ thân xác anh hàng thịt:

+ Xác hàng thịt đã chỉ rõ sự tha hoá không tránh khỏi của Hồn Trương Ba khi phải dựa vào nó để tồn tại: "Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xơi. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, người thân,... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi"; "Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, dui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lấn át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!". Thực chất, khi phải chấp nhận hoàn cảnh trở trêu, nghiệt ngã để tiếp tục duy trì sự sống, Hồn Trương Ba hầu như không còn được sống theo ý muốn của mình. Linh hồn ông hoàn toàn lệ thuộc vào những yếu tố vật chất của thể xác, tồn tại qua thân xác – cái thân xác không phải của mình.

+ Sự tha hoá của Hồn Trương Ba được thể hiện trên nhiều bình diện: ăn những món "tiết canh, cỗ hũ, khấu đuôi và đủ thứ thú vị khác" theo khẩu vị của Xác hàng thịt, "tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại..." khi đứng cạnh vợ anh hàng thịt...; không còn dạy con bằng những lời khuyên bảo nhỏ nhẹ như trước đây mà tát thẳng con "toé máu mồm máu mũi" bằng bàn tay đồ tể. Người làm vườn khéo léo khi xưa nay trở nên vụng về, thô lỗ: khi chiết cây cam, "bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiết cái chồi non", "chân ông to bè như cái xèng giẫm nát cả cây sâm quý mới ươm". Ông "làm gãy cả nan, rách cả giấy, hỏng mất cái điều đẹp mà cụ Tị rất quý...".

Như vậy, có thể thấy Hồn Trương Ba được tiếp tục sống nhưng là cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống nhờ vào thân xác thô kệch của anh hàng thịt, bị nó đồng hoá, lôi kéo. Bi kịch của Hồn Trương Ba chính là lời cảnh báo: khi con người phải sống trong sự dung tục thì tất yếu cái dung tục sẽ ngự trị, thắng thế, lấn át và huỷ hoại những giá trị đẹp đẽ, cao quý.

– Tâm trạng đau khổ, tuyệt vọng của Hồn Trương Ba trước sự tha hoá của bản thân: Nhận thức được sự tha hoá của mình, Hồn Trương Ba dằn vặt, đau khổ. Khi đối diện với những người ông yêu thương và đã từng yêu thương ông, Hồn Trương Ba càng cảm nhận sâu sắc hơn sự đau khổ mà mình đã gây ra cho họ và cũng thấy rõ hơn tình cảnh tuyệt vọng của mình.

+ Vợ Trương Ba buồn bã, đau khổ vì nhận ra ông "đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa". Người vợ hiểu rất rõ Hồn Trương Ba bây giờ hoàn toàn chịu sự sai khiến của Xác hàng thịt và khó có thể cưỡng lại ý muốn của cái thân xác ông đang sống nhờ: "Ông bảo không được nhưng tôi biết rồi sự thế sẽ cứ dẫn đến như vậy, ông sẽ đành ưng chịu như vậy". Trái tim vị tha, nhân hậu của người vợ thấu hiểu nỗi bất hạnh, đau khổ của Hồn Trương Ba khi phải chấp nhận lệ thuộc vào cái thân xác kèn càng, thô tục chỉ để tiếp tục được sống. Bà càng đau khổ hơn vì không thể giúp Hồn Trương Ba thoát ra khỏi tình cảnh bế tắc. Tuy nhiên, dù xót thương, thấu hiểu, vợ Trương Ba vẫn khó có thể đối diện với người chồng đang dần hoà nhập với cái thân xác đồ tể. Chính Hồn Trương Ba cũng ý thức được nỗi đau khổ của vợ: "Thầy đã làm u khổ. Có lẽ cái ngày u chôn xác thầy xuống đất, tưởng thầy đã chết hẳn, u cũng không khổ bằng bây giờ". Nỗi đau khổ của người vợ nhân hậu, vị tha khiến Hồn Trương Ba càng nhận rõ bi kịch tuyệt vọng của mình.

+ Người con dâu thấu hiểu và xót thương tình cảnh sống nhờ, sống vay mượn trái tự nhiên của Hồn Trương Ba, càng thương cho sự thay đổi không tránh khỏi của ông: "Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa". Nỗi lòng chân thành của người con dâu hiểu thấu đã phản ánh chính xác bi kịch của Hồn Trương Ba: trong cảm nhận của những người thân yêu, Trương Ba hiền hậu, vui vẻ, tốt lành ngày xưa cứ bị cuốn xa dần, nhòa mờ dần phía sau những biểu hiện thô lỗ của thân xác đồ tể. Bi kịch tha hoá của Hồn Trương Ba đã thể hiện rõ trong cảm nhận của người con dâu, càng đau xót hơn trong ước vọng của chị: "làm sao giữ được thầy ở lại, hiền hậu, vui vẻ, tốt lành như thầy của chúng con xưa kia?".

+ Người bày tỏ thái độ quyết liệt và dữ dội nhất trước sự tha hoá của Hồn Trương Ba chính là cái Gái – đứa cháu mà Trương Ba vô cùng yêu quý. Tâm hồn

trong sáng, ngây thơ của nó không thể chấp nhận những đàn xếp trái tự nhiên của thế giới thần tiên, những thoa hiệp kì quặc của thế giới người lớn, đặc biệt là không chấp nhận nỗi sợ tồn tại quái gở, giả dối của cái gọi là "Hồn Trương Ba, da hàng thịt". Càng yêu quý, càng nhớ thương ông nội, cái Gái càng trân trọng, nâng niu những kỉ niệm về ông từ đôi guốc gỗ, bó đóm thuốc Lào đến những cái cây trong vườn. Nó chỉ sống với những kỉ ức thiêng liêng về người ông chăm chỉ, gần bó với vườn cây; người ông hiền hậu, luôn dành tình cảm triu mến, yêu thương cho nó, cho cu Tị. Kiên quyết phủ nhận Hồn Trương Ba trong thân xác hàng thịt, cái Gái gọi ông là "lão đồ tể" – cách gọi cho thấy thái độ rãnh mạch, dứt khoát của trẻ thơ. Với cái Gái, con người mang thân xác hàng thịt với bàn tay giết lợn, với bàn chân to bè như cái xèng, với những cừ chỉ thô lỗ phũ phàng kia chỉ có thể là lão đồ tể xấu xa, độc ác mà cả nó và cu Tị đều căm ghét.

Những nỗi niềm ấy của người thân đã khẳng định sự tha hoá đáng buồn, đáng thương và cũng đáng sợ, đáng ghét của Hồn Trương Ba khi phải sống nhờ vào thân xác hàng thịt; đồng thời cũng tô đậm thêm nỗi đau khổ, tuyệt vọng của Hồn Trương Ba khi ý thức sâu sắc bị kịch đánh mất mình.

c) Nhận xét, đánh giá

– Lưu Quang Vũ đã thành công trong việc thể hiện bi kịch của Hồn Trương Ba khi phải sống "bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo".

– Qua đó, nhà văn gửi đến người đọc những thông điệp sâu sắc:

+ Cuộc sống thật đáng quý nhưng không thể sống bằng mọi giá;

+ Con người sẽ phải trả giá đau đớn nếu bất chấp tất cả để đạt được mục đích, để thoả mãn những ham muốn vị kỉ;

+ Những giá trị tinh thần cao quý sẽ bị mai một nếu con người phải phụ thuộc vào hoàn cảnh dung tục bên ngoài;

+ Con người chỉ sống thực sự hạnh phúc và có ý nghĩa khi được là chính mình;

+ Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn;...

Đó cũng là những đóng góp về tư tưởng của Lưu Quang Vũ trong vở kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*.

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Câu văn nêu khái quát nội dung của đoạn trích là: *Những rủi ro lớn và lâu ta gọi là nghịch cảnh; mà nghịch cảnh thường giữ một chức vụ quan trọng trong sự thành công.*

Câu 2 Việc nêu lên những tên tuổi cụ thể trong đoạn trích nhằm khẳng định và làm sáng tỏ lí lẽ tác giả nêu lên ở câu văn đầu tiên, cũng là câu khái quát nội dung của đoạn trích, là đúng.

Câu 3 Khi nói câu: "Tôi biết thằng con tôi, nó có nhiều đức tính lắm, song nó có một cái bất lợi rất lớn là nó sinh trong một nhà giàu.", người nói muốn nhấn mạnh ý: những đứa trẻ sinh ra trong những gia đình giàu có, đầy đủ điều kiện dễ có tâm lí và thói quen ỷ lại, lười biếng, không có động lực và quyết tâm phấn đấu "cải thiện đời sống" hoặc làm những điều lớn lao khác.

Câu 4 HS rút ra bài học thiết thực cho bản thân. Nội dung của bài học có thể là: không nên tự ti, nhụt chí khi ở vào hoàn cảnh khó khăn, bất lợi; cần biết lợi dụng nghịch cảnh để đi tới thành công; không nên dựa dẫm, ỷ lại vào người khác mà phải tự mình tạo dựng cuộc sống riêng; cần có niềm tin vào sự cố gắng, nỗ lực của bản thân...

II. LÀM VĂN

Câu 1 HS cần viết đoạn văn khoảng 200 chữ, theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp,...; sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ,... hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu,... để bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến: "Nghèo túng là một nghịch cảnh thật, nhưng biết lợi dụng nó thì nó lại là một tay sai đắc lực giúp ta thành công".

Tham khảo quan điểm của tác giả trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu để làm bài. Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng ý chính cần làm sáng tỏ là: Nghèo túng là nghịch cảnh, là khó khăn, bất lợi nhưng nếu con người biết lợi dụng nghịch cảnh, từ nghịch cảnh mà suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo "cái khó ló cái

khôn" thì có thể đi đến thành công. Lập luận cần chặt chẽ, hợp lí, không trái với các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS làm sáng tỏ ý kiến cho rằng văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 "chủ yếu mang khuynh hướng sử thi".

– Để làm bài, HS cần chỉ ra những đặc trưng cơ bản của "khuynh hướng sử thi" trong văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 với một số điểm chính sau:

+ Ra đời và phát triển trong Cách mạng tháng Tám 1945 và cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại ác liệt và kéo dài chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ, văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 trước hết là một nền văn học của chủ nghĩa yêu nước. Đó không phải văn học của những số phận cá nhân mà là tiếng nói của cộng đồng dân tộc trước thử thách quyết liệt: Tổ quốc còn hay mất, độc lập, tự do hay nô lệ, ngục tù. Đó là văn học của những sự kiện lịch sử, của số phận toàn dân, của chủ nghĩa anh hùng.

+ Nhân vật trung tâm của văn học thời kì này là những con người gắn số phận mình với số phận đất nước và kết tinh những phẩm chất cao quý của cộng đồng. Đó là những con người đại diện cho giai cấp, cho dân tộc và thời đại, chứ không đại diện cho cá nhân mình.

+ Nhà văn, nhà thơ nhân danh cộng đồng mà ngợi ca người anh hùng với những chiến công chói lọi

– Những đặc trưng cơ bản trên của khuynh hướng sử thi đã chi phối toàn diện và sâu sắc văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975.

– HS lựa chọn trong các tác phẩm đã học như *Việt Bắc* (Tố Hữu), *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), ... những nội dung phù hợp để phân tích và làm sáng tỏ nhận định.

ĐỀ 18

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Đoạn trích đề cập đến chỉ số thông minh (IQ) và sự liên quan giữa chỉ số thông minh với các yếu tố khác của cuộc sống con người.

Câu ② Theo tác giả đoạn trích, chỉ số thông minh của con người được cho là có liên quan đến sự thành công trong học tập, trong công việc; sức khỏe, tuổi thọ và số lượng tử mà con người sử dụng.

Câu ③ Ý kiến: "Trong xã hội đã phát triển, môi trường trong gia đình có thể tạo ra 25% sự khác biệt. Tuy nhiên, khi lớn lên, điều này hầu như biến mất." cho thấy yếu tố môi trường gia đình có tác động lớn đến IQ của con người khi còn nhỏ và dần dần không còn có ý nghĩa nữa khi con người trưởng thành.

Câu ④ HS chọn một thông tin mà mình thấy có ý nghĩa đối với cuộc sống của bản thân và giải thích lí do vì sao lại chọn thông tin ấy.

II. LÀM VĂN

Câu ① HS cần nhận thấy trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu, chỉ số IQ của con người được cho là có liên quan đến sự thành công trong học tập, trong công việc. Chỉ số IQ một phần là do thừa kế từ cha mẹ – đây là yếu tố "trời phú" theo cách nói của Thomas Edison. Tuy nhiên, cũng theo Thomas Edison, vai trò của yếu tố "trời phú" ấy chỉ là rất nhỏ (1%), yếu tố có vai trò quyết định trong việc làm nên "thành công" của ông là "mồ hôi và nước mắt" – tức là công sức mà ông bỏ ra (99%).

Từ nội dung trên, liên hệ với thực tế, HS viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp hoặc tổng – phân – hợp, ... ; sử dụng một trong các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ, ... hoặc kết hợp các thao tác này; lí lẽ và dẫn chứng hợp lí; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu, ... để bày tỏ sự đồng tình, phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối ý kiến của Thomas Edison. Tham khảo cách lập luận trong phần hướng dẫn trả lời câu 4 ở những đề trước để làm bài.

Câu ② HS có thể chọn tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ có phong cách nổi bật như Quang Dũng (với bài *Tây Tiến*), Tố Hữu (với đoạn trích *Việt Bắc*), Nguyễn Tuân (với đoạn trích *Người lái đò Sông Đà*), ... để làm sáng tỏ ý kiến: "Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể".

Tham khảo gợi ý sau:

– Trích dẫn ý kiến: Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống. Những nét độc đáo ấy được lặp đi lặp lại một cách ổn định và được thể hiện trong nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể.

– Giới thiệu phong cách của một số nhà văn, nhà thơ tiêu biểu (theo gợi ý ở trên).

Vì dụ:

+ Phong cách đậm đà tính dân tộc của nhà thơ Tố Hữu được thể hiện rất rõ trong bài *Việt Bắc* với nhiều biểu hiện như nội dung ân tình chung thủy, thể thơ lục bát, lối hát đối đáp, cách sử dụng từ xưng hô *mình...ta* và tên các địa danh của chiến khu Việt Bắc...

+ Phong cách đậm chất sử thi được thể hiện rõ trong tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành từ đề tài viết về chiến tranh đến cách xây dựng nhân vật, cách miêu tả rừng xà nu tầng tầng lớp lớp; từ ngôn ngữ đến các chi tiết, hành động của các nhân vật trong thiên truyện đều nhằm làm nổi bật cảm hứng ngợi ca những con người Tây Nguyên bất khuất.

– Phân tích phong cách của một nhà văn/ nhà thơ qua một tác phẩm cụ thể.

– Nhận xét, đánh giá: Phong cách làm nên tên tuổi; vị trí của một nhà văn/ nhà thơ. Một nền văn học có nhiều phong cách nghệ thuật nổi bật là một nền văn học lớn, có giá trị.

ĐỀ 19

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Mục đích của tác giả đoạn trích là cảnh báo về tác động tiêu cực của trạng thái cô đơn đối với sức khỏe con người.

Câu ② Trạng thái cô đơn là trạng thái con người luôn có cảm giác lo âu; cảm thấy xa lạ hoặc bị xa lánh, thiếu thốn cảm xúc thân mật trong các mối quan hệ và các hoạt động chung với người khác.

Câu ③ Có thể trích nguyên văn hoặc tóm tắt các tác hại của trạng thái cô đơn mà đoạn trích đã chỉ ra: cô đơn kéo dài có thể dẫn đến một loạt các vấn đề sức

khỏe như rối loạn lo lắng, trầm cảm và lạm dụng thuốc, cũng là yếu tố có nguy cơ gây ung thư và các bệnh tim mạch; tác động tiêu cực của trạng thái cô đơn đối với sức khỏe con người tương đương với việc hút 15 điếu thuốc lá mỗi ngày hoặc nghiện rượu, cao hơn hiện tượng không tập thể dục hoặc béo phì.

Câu 4 HS có thể đưa ra hai lời khuyên trong số những gợi ý sau:

- Nên hoà nhập với cuộc sống bên ngoài;
- nỗ lực vượt lên trên trạng thái cô đơn của bản thân bằng ý chí, nghị lực và niềm tin vào cuộc đời;
- Mở rộng lòng mình để giải bày, chia sẻ niềm vui và nỗi buồn với những người xung quanh...

II. LÀM VĂN

Câu 1

– HS cần nêu rõ một quan niệm khác của mình về trạng thái cô đơn và tác động, ảnh hưởng của nó đối với con người. Quan niệm đó có thể không hoàn toàn giống hoặc có thể trái ngược hoàn toàn với quan niệm đã trình bày trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu. Dù quan niệm thế nào thì HS cũng phải nêu rõ ý kiến của mình; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

– Sau đây là một định hướng để HS tham khảo: Không hoàn toàn đồng tình với ý kiến cô đơn luôn mang đến những tác hại cho con người:

+ Cô đơn có những tác hại nhất định, tuy nhiên trạng thái này đôi khi lại thúc đẩy sự sáng tạo bởi khi một mình, con người có thời gian và điều kiện để suy nghĩ về mọi vấn đề một cách sâu sắc, thấu đáo.

+ Trạng thái cô đơn thực sự có khi lại là dấu hiệu của chiều sâu nội tâm. Cô đơn không hẳn luôn là điều tồi tệ (chẳng hạn như cảm giác cô đơn của các nghệ sĩ lớn: Xuân Diệu, Gớt, ...). Gớt từng nói: “Không ai từng hiểu tôi đúng nghĩa, tôi chưa từng được ai thấu hiểu hoàn toàn và không ai hiểu được một ai khác”.

Câu 2

Xem gợi ý ở Phần một, trang 32 – 35.

ĐỀ 20

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận

Câu ② Nội dung của từng đoạn:

– Đoạn (1) kể về vụ đắm tàu Titanic.

– Đoạn (2) kể về hai bức ảnh minh họa và lời chú thích được đăng trên tờ báo xuất bản ở Anh sau vụ đắm tàu.

– Đoạn (3) bình luận về sức mạnh, sự vĩ đại của con người thông qua sự việc nêu trên.

Câu ③ "Sức mạnh của con người" trong dòng chữ chú thích dưới bức ảnh thứ hai có thể hiểu là sức mạnh của lòng vị tha, tình yêu thương, của sự vượt thắng bản năng để nhường cơ hội sống cho người khác.

Câu ④ HS có thể nêu một trong những thông điệp sau:

– Tiến bộ khoa học giúp con người chinh phục thiên nhiên nhưng không thể chế ngự được nó; sức mạnh của con người không là gì trước sức mạnh của tự nhiên.

– Thiên nhiên có thể phá huỷ những công trình vĩ đại con người làm ra nhưng không thể huỷ diệt được sức mạnh tinh thần, sức mạnh tình yêu nơi con người.

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần nêu rõ quan điểm của mình về ý kiến: "Sức mạnh vĩ đại nhất mà nhân loại có trong tay chính là tình yêu"; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ; có thể theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp,...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một vài gợi ý:

– Giải thích: "tình yêu" – lòng vị tha, sự hi sinh bản thân, tình yêu thương của con người với đồng loại, với thiên nhiên, môi trường xung quanh – chính là sức mạnh vĩ đại nhất mà loài người có trong tay.

– Nêu ý kiến đồng tình với câu nói của Mahatma Gandhi.

– Phân tích, chứng minh:

+ Tình yêu là một giá trị tinh thần vô giá, có thể mang đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, tạo động lực và sức mạnh giúp con người vượt qua những thử thách để chiến thắng cái ác, cái xấu.

+ Con người dù có vĩ đại đến đâu cũng trở nên nhỏ bé, yếu đuối, bất lực trước sự cuồng nộ của thiên nhiên, sức mạnh huỷ diệt của bom hạt nhân,... Chỉ có tình yêu mới khiến cho loài người biết sống thân thiện với môi trường và xích lại gần nhau, nắm tay nhau để cùng tạo dựng nên những giá trị trường tồn, bất tử.

– Bàn luận:

+ Vì tình yêu là sức mạnh vĩ đại nhất nhân loại có trong tay nên mỗi người cần phải biết chia sẻ, có lòng vị tha; mọi người cần biết chung tay ngăn chặn và đẩy lùi chiến tranh, xung đột sắc tộc, dịch bệnh; bảo vệ môi trường sống;...

+ "Nếu loài người muốn tồn tại, nếu ta muốn tìm ý nghĩa của sự sống, nếu ta muốn bảo vệ thế giới và tất cả những giống loài khác, tình yêu chính là câu trả lời đầu tiên và duy nhất" (Albert Einstein, *Thư gửi con gái*, dẫn theo <http://www.chungta.com>).

Câu 2

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về một ý kiến bàn về nhân vật Tnú trong truyện *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành). HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tnú trong tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành là nhân vật đậm màu sắc sử thi nhưng vẫn có tính cách riêng biệt, độc đáo; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

HS cần nhận thấy ý kiến nêu trong đề bài đã khái quát hai phương diện cơ bản của nhân vật Tnú: Một mặt, Tnú là con người sử thi – đại diện cho số phận và phẩm chất của cộng đồng; mặt khác, nhân vật này vẫn được khắc hoạ với những nét đẹp riêng của một con người cụ thể.

Tham khảo nội dung sau để làm bài:

a) Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

– Tác giả: Nguyễn Trung Thành quê ở Quảng Nam nhưng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ông chủ yếu sống ở Tây Nguyên. Ông hiểu biết sâu sắc, gắn bó mật thiết với cảnh vật và con người các dân tộc Ba-na, Gia-rai, Ê-đê, ... ở vùng đất này. Nhờ đó, ông viết nhiều và viết rất hay về Tây Nguyên. Với tiểu thuyết *Đất nước đứng lên* (1955) và truyện ngắn *Rừng xà nu* (1965), ông được coi là nhà văn của Tây Nguyên.

– Tác phẩm: *Rừng xà nu* là tác phẩm nổi tiếng nhất số những sáng tác của Nguyễn Trung Thành viết trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

b) Phân tích nhân vật Tnú – nhân vật đậm màu sắc sử thi nhưng vẫn có tính cách riêng biệt, độc đáo.

– Màu sắc sử thi của nhân vật Tnú, chàng trai Tây Nguyên gan góc, dũng cảm, một lòng trung thành với cách mạng:

+ Ngay từ nhỏ, Tnú đã không sợ gian khổ, nguy hiểm khi làm liên lạc cho anh Quyết. Tnú nhanh nhẹn, dũng cảm, luồn rừng nhanh như con sóc, vượt suối chỉ chọn nơi thác dữ để tránh ổ phục kích của giặc. Khi bị giặc bắt, Tnú nuốt luôn cái thư và không khai một lời nào dù bọn lính tra hỏi, dù trên tấm lưng nhỏ bé của Tnú ngang dọc vết dao chém, "máu ứa như nhựa xà nu". Cụ Mết và người Xô Man rất tự hào về đứa con dũng cảm của làng: "Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta".

+ Bị giặc bắt, bị giam cầm, Tnú vượt ngục trở về làng đứng vào lúc kẻ thù khủng bố dữ dội hòng dập tắt cuộc đấu tranh giành tự do của người dân Xô Man: anh Quyết đã hi sinh, dân làng nhiều người bị giặc giết hại. Tnú đã nhận lấy trách nhiệm thiêng liêng: cùng cụ Mết lãnh đạo dân làng chuẩn bị vũ khí đánh giặc. Anh đi ba ngày đường lên núi Ngọc Linh mang về một gùi đá mài để mài vũ khí. Hành động ấy thể hiện ý chí bất khuất của con người yêu tự do, sẵn sàng chiến đấu và hi sinh vì tự do.

+ Trong những giờ phút đau thương nhất (vợ con bị giặc sát hại, bản thân cận kề cái chết, ...), Tnú vẫn giữ vững tinh thần bất khuất của người cộng sản. Vợ con bị giặc giết, bản thân mình bị giặc tra tấn dã man, Tnú vẫn không mất niềm tin và ý chí chiến đấu. Anh chỉ lo lắng cho số phận của buôn làng, cho cuộc chiến đấu còn đang dang dở: "Đến khi có lệnh Đảng cho đánh, ai sẽ làm cán bộ lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc?"

+ Lúc ngọn lửa đốt cháy mười đầu ngón tay, Tnú đau đớn đến cùng cực: "Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi." nhưng Tnú vẫn nhớ lời anh Quyết: "Người cộng sản không thêm kêu van".

+ Khi đốt cháy hai bàn tay Tnú, kẻ thù không chỉ muốn giết anh mà còn muốn dùng máu lửa để dập tắt khát vọng tự do của người dân Xô Man. Thắng Dục muốn họ phải khiếp sợ mà chấp nhận sống kiếp nô lệ: "Số kiếp chúng mày không phải số kiếp cầm giáo mác. Bỏ cái mộng cầm giáo mác đi, nghe không!". Nhưng Tnú đã không chịu khuất phục. Với hai bàn tay tàn tật mỗi ngón chỉ còn hai đốt, anh vẫn cầm súng lên đường chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Chiến công anh kể cho dân làng nghe đêm về thăm làng đã khẳng định sức sống mãnh liệt của tâm hồn Xô Man và chân lí của thời đại mà cụ Mết muốn truyền cho các thế hệ sau: "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!".

Có thể nói, cuộc đời Tnú phản ánh con đường giác ngộ cách mạng và cuộc đấu tranh giành tự do của người dân Xô Man. Con người Tnú hội tụ những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của người dân nơi đây: dũng cảm, kiên cường; yêu thương, gắn bó với buôn làng, thủy chung với cách mạng...

– Tính cách riêng biệt, độc đáo của Tnú: thể hiện rõ nét nhất qua cách biểu hiện tình yêu, sự gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương:

+ Yêu buôn làng, rừng núi:

• Ngay từ khi còn là một cậu bé, Tnú đã sớm có ý thức về trách nhiệm với buôn làng. Tnú làm liên lạc cho anh Quyết trước hết vì lời dạy của cụ Mết: "Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn". Học chữ thua Mai, Tnú lấy đá đập vào đầu để tự trừng phạt mình, đập vỡ cả tấm bảng nhưng nghe anh Quyết nói phải biết chữ mới làm được cán bộ giúp dân làng đánh giặc, Tnú kiên trì học lại. Lúc cận kề cái chết, nỗi băn khoăn duy nhất của anh là ai sẽ lãnh đạo dân làng đứng lên cầm vũ khí đánh giặc.

• Xa làng Xô Man đi chiến đấu, Tnú nhớ da diết tiếng chày giã gạo vang lên mỗi buổi chiều. Nó gắn liền với hình ảnh những người phụ nữ Strá dịu dàng, tần tảo như mẹ anh, như Mai, Dít (khác với niềm tự hào của cụ Mết về rừng cây xà nu). Nó mang theo cả nhịp sống bình yên, đầm ấm của quê nhà. Tnú thuộc từng gốc cây trên lối đi, nhớ từng khuôn mặt của người già. Dường như anh cảm nhận

được cả hương vị của dòng nước chảy ra từ máng nước làng mình. Dù đã rửa mặt ở suối rồi nhưng Tnú vẫn để cho dòng nước ấy xối lên khắp người mình như những ngày xưa

• Tnú mồ côi cha mẹ từ nhỏ và lớn lên trong tình thương yêu, đùm bọc của dân làng. Ngày trở về, đâu không còn gia đình riêng nhưng anh không hề có cảm giác lẻ loi, đơn độc vì làng Xô Man là ngôi nhà của anh, là tổ ấm tràn ngập niềm yêu thương, triu mến. Những tình cảm yêu thương ấy chính là cội nguồn tạo nên sức mạnh phi thường của Tnú, giúp anh vượt qua mọi thử thách, những mất mát, hi sinh trên con đường chiến đấu.

+ Yêu thương vợ con:

• Tnú đã không thể nghe theo tiếng gọi của lý trí, lời khuyên của cụ Mết khi anh chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn, hành hạ. Dù biết sẽ phải trả giá bằng sinh mạng của mình, Tnú vẫn xông vào giữa vòng vây của bọn giặc, dang đôi cánh tay "rộng lớn như hai cánh lim chắc" ôm lấy mẹ con Mai.

• Trở về thăm làng, tung ki niệm xưa lại trôi dạt. Anh nhớ từ lúc Mai còn là một cô bé hồn nhiên, nhanh nhẹn, tiếng nói lanh lảnh,... đến khi cô là một thiếu nữ dễ rơi trên tay anh những giọt nước mắt "vừa xấu hổ vừa thương yêu". Qua nơi gặp gỡ Mai ngày xưa, kỉ niệm cũ lại "cứa vào lòng anh". Nỗi đau mất Mai còn nguyên vẹn trong tâm hồn Tnú dù bao nhiêu năm tháng đã trôi qua.

• Ngồi bên bếp lửa, nhìn thoáng qua gương mặt Dít, anh đã bàng hoàng ngỡ Mai còn sống: "Tnú bất chợt nghe một luồng lạnh rân rân ở mặt và ở ngực. Mai! Trước mắt anh là Mai đấy!".

c) Nhận xét, đánh giá

Tnú là người con ưu tú nhất của làng Xô Man, cũng là hiện thân cho vẻ đẹp của một thế hệ, một thời đại. Cùng với tâm vóc sử thi, những nét cá tính độc đáo, riêng biệt khiến cho nhân vật này càng trở nên sống động, chân thực.

ĐỀ 21

I. ĐỌC HIỂU

Câu ❶ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là cô gái (em gái tiền phương).

Câu ② Hình ảnh so sánh "Em đứng bên đường như quê hương/ Vai áo bạc quàng súng trường" gợi lên vẻ đẹp gần gũi, thân thương vừa mộc mạc, táo tợn vừa kiên cường, rắn rỏi,... của người con gái tiền phương.

Câu ③ Hình ảnh "Rừng lạ ào ào lá đỏ" và "Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa" gợi tả không gian của cuộc gặp gỡ giữa anh lính Trường Sơn và cô gái tiền phương: không gian núi rừng vừa hiện thực vừa lãng mạn; vừa trữ tình, thơ mộng (giữa mùa thu của đại ngàn Trường Sơn, lá rừng rụng ào ạt, đỏ rực) vừa hào hùng, dữ dội (lửa bụi chiến tranh bay nhòa trời),...

Câu ④ Hai câu thơ cuối bài là lời chào, cũng là lời ước hẹn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng và hi vọng vào ngày chiến thắng của người lính Trường Sơn.

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần hiểu đúng vai trò của những người "em gái tiền phương" trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta; biết nêu những dẫn chứng cụ thể, có lí lẽ và lập luận thuyết phục; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp,...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một vài gợi ý:

– "Em gái tiền phương" là những người phụ nữ trực tiếp tham gia chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu cùng bộ đội trên những tuyến đầu của mặt trận (phân biệt với "em gái hậu phương" là những người con gái không trực tiếp ra trận, ở lại hậu phương để sản xuất và chiến đấu). Cụ thể, "em gái tiền phương" ở đây là các nữ quân nhân hoặc thanh niên xung phong có mặt trên các tuyến đường Trường Sơn gian khổ, ác liệt trong những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

– Họ có vai trò vô cùng quan trọng và có những đóng góp to lớn trong hai cuộc kháng chiến:

+ Là lực lượng trực tiếp góp phần làm nên chiến công nơi tiền tuyến chống quân thù (những cô gái ở ngã ba Đồng Lộc, ở Trùng Bồn,...). Qua hai cuộc kháng chiến, đã có hàng triệu nữ quân nhân, nữ thanh niên xung phong tham gia lực lượng vũ trang. Đó là những cô gái đi tải đạn; là những cô giao liên xuyên

rừng dẫn đường cho cán bộ, cho quân giải phóng; là hàng trăm ngàn thanh niên xung phong không quản ngày đêm phá bom, san lấp, mở đường cho xe ta ra tiền tuyến;

+ Trong số những "em gái tiền phương" ấy, có biết bao nhiêu người đã ngã xuống chiến trường; biết bao cô gái đã "lấy tình yêu Tổ quốc thấp lên ngọn lửa – Đánh lạc hướng quân thù hứng lấy luồng bom" (*Khoảng trời – hố bom* – Lâm Thị Mỹ Dạ)

– Họ xứng đáng với tám chữ vàng mà Bác Hồ trao tặng: "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang".

Câu ②

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về một ý kiến bàn về hình tượng cây xà nu trong truyện *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành). HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo định hướng làm bài sau đây:

a) Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm: Xem Đề 20, Câu 2, phần Làm văn.

b) Giới thiệu khái quát về hình tượng cây xà nu

Hình tượng cây xà nu là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Trung Thành, là hình tượng vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa tượng trưng. Đó là bức tranh thiên nhiên thơ mộng và hùng vĩ đồng thời cũng là biểu tượng cho số phận đau thương và tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của người dân Tây Nguyên thời kì chống Mĩ cứu nước.

c) Phân tích hình tượng cây xà nu

– Trong tác phẩm, có khoảng 20 lần nhà văn nhắc trực tiếp hoặc gián tiếp đến cây xà nu, rừng xà nu và những biến thể khác như củi xà nu, khói xà nu, lửa xà nu, nhựa xà nu, lá xà nu,...

– Mở đầu câu chuyện (đoạn văn thứ nhất), tác giả miêu tả một tình huống đặc biệt: sự chạm trán trực tiếp, sự đối lập giữa sức sống, sự quả cảm của dân làng Xô Man với sự tàn bạo, dữ dội của bom đạn kẻ thù, từ đó nhà văn đi vào miêu tả rừng xà nu.

Nhà văn sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá; dùng nhiều tính từ, động từ mạnh để miêu tả cây xà nu từ tổng thể, khái quát đến chi tiết, cụ thể. Ngôi bút của nhà văn như ống kính của nhà quay phim đã bao quát toàn cảnh, thu vào máy quay sự trùng điệp của rừng xà nu chạy tít tắp đến chân trời. Đó là cánh rừng nằm cạnh con nước lớn, hằng ngày phải hứng chịu bom đạn, đại bác của giặc. Đó cũng là cánh rừng đầy thương tích: "không có cây nào không bị thương", những vết thương dần bầm lại, nhựa xà nu như những cục máu lớn, đọng lại như nổi căm hờn... Nhưng nó đã có từ ngàn đời và sẽ còn tồn tại đến ngàn đời sau.

– Kết thúc tác phẩm, nhà văn lấy lại gần như nguyên văn câu viết về rừng xà nu ở phần mở đầu. Điều này tạo nên kiểu kết cấu vòng tròn vừa khép lại câu chuyện này vừa mở ra một câu chuyện khác. Kết cấu đầu cuối tương ứng ấy, một mặt, khiến người đọc có cảm tưởng như kì tích anh hùng của Tnú, của dân làng Xô Man mà tác giả vừa kể chỉ là sự tiếp nối của những tù trưởng danh tiếng và câu chuyện sẽ được viết tiếp bởi những thế hệ sau của làng; mặt khác, dường như câu chuyện không chỉ bó hẹp trong không gian của làng Xô Man mà còn được mở rộng ra khắp mọi miền đất nước.

– Ngoài phần mở đầu và kết thúc, trong câu chuyện về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man, cây xà nu luôn được nhắc đến với một dụng ý nghệ thuật rõ nét:

+ Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống thường nhật của người dân làng Xô Man:

- Cây xà nu có mặt trong đời sống hằng ngày của người dân làng Xô Man từ ngàn đời: lửa xà nu cháy trong bếp của mỗi gia đình, lửa xà nu cháy trong nhà ưng tập hợp dân làng, khói xà nu xông bảng nứa để trẻ con học chữ,...

- Cây xà nu còn gắn với những sự kiện trọng đại của dân làng Xô Man: ngọn đuốc xà nu dẫn đường cho cụ Mết và dân làng vào rừng lấy giáo mác, dụ, rựa, ... để chuẩn bị nổi dậy; khi giặc đốt hai bàn tay Tnú, dân làng Xô Man đã nổi dậy đề rồi "xác mười tên lính giặc ngổn ngang quanh đồng lửa đỏ".

- Cây xà nu thấm sâu vào suy nghĩ và cảm xúc của dân làng: cảm nhận của Tnú về cụ Mết khi về thăm làng (*ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn*); sự tự hào của cụ Mết về cây xà nu (*không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta*)...

Như vậy, có thể nói cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân Xô Man. Việc tác giả miêu tả cụ thể, chi tiết về cây xà nu góp phần quan trọng tạo nên không khí Tây Nguyên, chất Tây Nguyên độc đáo của tác phẩm.

+ Cây xà nu tượng trưng cho số phận và phẩm chất của người dân Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng:

- Thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu do đại bác kẻ thù tượng trưng cho những mất mát đau thương vô bờ mà người dân Tây Nguyên phải gánh chịu trong chiến tranh.

- Đặc tính ham ánh sáng của cây xà nu tượng trưng cho niềm khát khao tự do, lòng tin vào lí tưởng cách mạng của người dân Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến.

- Khả năng sinh sôi nảy nở mãnh liệt của cây xà nu tượng trưng cho sự tiếp nối của nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên đoàn kết bên nhau trong cuộc kháng chiến.

- Sự tồn tại kì diệu của rừng xà nu qua những hành động huỷ diệt của kẻ thù tượng trưng cho sức sống bất diệt, sự bất khuất, kiên cường và sự vươn lên mạnh mẽ của con người Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến.

d) Nhận xét, đánh giá

- Đặc điểm của cây xà nu có sự hài hoà, tương ứng với những phẩm chất cao đẹp của người dân làng Xô Man. Nó là biểu tượng của dân làng Xô Man, của nhân dân Tây Nguyên nói chung trong kháng chiến.

- Qua việc miêu tả về cây và rừng xà nu, Nguyễn Trung Thành đã mang đến cho người đọc một hình tượng nghệ thuật đặc sắc. Cây xà nu, rừng xà nu và con người Tây Nguyên đã thực sự hoà nhập với nhau trong cả nỗi đau thương và sự kiên cường, mạnh mẽ.

ĐỀ 22

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Đoạn trích sử dụng thao tác lập luận chính là bác bỏ.

Câu ② Đoạn trích trình bày theo cách tổng – phân – hợp.

Câu 3 Phép lập cấu trúc câu "Tu duy số đông..." ngoài tác dụng tạo sự liên kết về hình thức giữa các câu trong đoạn trích còn có ý nghĩa nhấn mạnh vấn đề cần bàn luận và tạo nên giọng điệu hùng biện hấp dẫn, lôi cuốn, thể hiện nhiệt huyết của người viết.

Câu 4 – "Tu duy số đông" là cách suy nghĩ, nhìn nhận, đánh giá của đa số, của đại bộ phận các tầng lớp người trong xã hội về một vấn đề/ hiện tượng nào đó

– Có thể đưa ra một trong những cách ứng xử với "tu duy số đông" như sau:

+ Cần bình tĩnh nhìn nhận vấn đề và có chính kiến riêng;

+ Tránh a dua theo đám đông mà thiếu sự suy nghĩ, phân tích thấu đáo, khách quan;

+ Tu duy số đông không hẳn luôn đúng nhưng con người cũng cần lắng nghe, xem xét, phân tích để từ đó xác lập cho mình một cách nghĩ, cách làm đúng

II. LÀM VĂN

Câu 1

HS cần nêu quan điểm rõ ràng; có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, lập luận thuyết phục; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp; ; sử dụng linh hoạt các thao tác lập luận; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu

Sau đây là một vài định hướng giải quyết:

– Đồng tình: Nếu quan niệm thành công là khác biệt, là sáng tạo thì tu duy số đông nhiều khi tạo ra đường mòn, hạn chế sự tìm tòi lối riêng trong suy nghĩ và hành động của con người và vì thế sẽ là lực cản của sự thành công. Ralph Waldo Emerson, nhà thơ lớn người Mỹ thế kỉ XIX, viết: "Người gây cảm hứng và dẫn đường cần tách khỏi những người khác, để không phải sống, thờ, đọc và viết hằng ngày dưới gọng cùm những ý kiến của họ" là có ý như vậy.

– Phản đối: Thành công là đạt được mục tiêu đề ra trong cuộc sống. Trên con đường thực hiện mục tiêu, con người cần phải biết lắng nghe và khi đó cách nhìn nhận, đánh giá của số đông cũng có những tác dụng nhất định: thể hiện xu hướng, trào lưu phổ biến nào đó; cảnh báo tính khả thi của mục tiêu đặt ra; chỉ ra hướng

tiếp cận với công chúng; . . . Vậy nên tư duy số đông không hề cản trở chúng ta thành công, quan trọng là con người có cách ứng xử như thế nào với nó.

– Vừa đồng tình vừa phản đối:

+ Tư duy số đông là lực cản nếu con người chưa đủ năng lực tìm tòi cái mới, cái riêng cho suy nghĩ và hành động của mình. Con người sẽ lệ thuộc vào cách nghĩ, cách làm của số đông, điều này khó đưa lại thành công cho họ.

+ Tư duy số đông cũng có thể là lực đẩy, thôi thúc người ta tìm kiếm cách nghĩ, cách làm riêng, khác biệt; nỗ lực tìm tòi, kiến tạo những giá trị mới;... Khi đó, thành công là kết quả tất yếu của sự lao động nghiêm túc, miệt mài của những ai đam mê, không ngại khó; dám chấp nhận sự khác biệt, thậm chí cả sự cô đơn và thất bại.

Câu ②

Đề bài yêu cầu nêu cảm nhận về nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

a) Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

– Tác giả: Nguyễn Minh Châu được đánh giá là một trong những người mở đường "tinh anh và tài năng" nhất của văn học Việt Nam thời kì đổi mới. Ông đã góp phần làm thay đổi quan niệm nghệ thuật về con người với khát vọng "đi tìm con người ở bên trong con người".

– Tác phẩm: Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* được in lần đầu trong tập *Bến quê*, xuất bản năm 1985, sau này được đưa vào tập sách cùng tên xuất bản năm 1987, tiêu biểu cho hướng tiếp cận đời sống từ góc độ thể sự, đời tư. Cái nhìn hiện thực đa chiều giúp cho tác giả nhận ra đời sống con người bao gồm cả những quy luật tất yếu lẫn những ngẫu nhiên, may rủi khó lường. Ông day dứt trước thực trạng con người phải chấp nhận những nghịch lí không đáng có.

b) Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài

Hình tượng người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* rất tiêu biểu cho quan niệm "con người đa diện" và cần được khám phá, khắc hoạ bằng "cái nhìn đa chiều" của Nguyễn Minh Châu.

– Một người đàn bà xấu xí, nhần nhục và cam chịu:

+ Về ngoài xấu xí, thô kệch, khuôn mặt rỗ "sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ", bộ quần áo bạc phếch và rách rưới, đáng điều một môi của một người phụ nữ phải sống triền miên trong tăm tối, nghèo khó, cơ cực.

+ Sự nhần nhục, cam chịu đến lạ lùng trước những hành động thô bạo, vũ phu của người chồng: "chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!". Thế mà người đàn bà hàng chài chỉ nhần nhục, cam chịu, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy. Có vẻ chị ta đã "quen" với những trận đòn như thế và chịu đựng chúng với tinh thần hoàn toàn "tự nguyện". Thậm chí, chỉ mấy ngày sau, cảnh tượng quái đản kia đã lặp lại và chị ta lại "tự nguyện" đi vào trong bãi xe tăng cho chồng đánh. Không chống trả, không kêu than, chị đã để cho gã chồng thô bạo đối xử với mình một cách tàn tệ. Chị lặng lẽ, bình thản nhận những trận đòn kia như thể chúng là một phần tất yếu trong cuộc sống hằng ngày của chị. Phản ứng quyết liệt của đứa con trai còn nhỏ tuổi càng làm tăng thêm vẻ nhần nhục khó có thể chấp nhận của người mẹ.

+ Thái độ sợ sệt, khúm núm và những lời cầu khẩn, van xin "quý toà" khi chị được mời đến toà án huyện: Chị hoàn toàn lạc lõng trong khung cảnh của toà án và lúng túng, sợ sệt – "cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mù dừng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có". Dầu chỉ có một mình trong căn phòng xử án và vị chánh án trẻ tuổi đã cố tỏ ra ân cần nhưng chị vẫn lúng túng, sợ sệt: "rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại"... Thậm chí, chị còn cầu xin vị chánh án đừng bắt mình phải li hôn gã chồng thường xuyên hành hạ mình: "Con lạy quý toà [...] Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó"... Lời xưng hô cũng như cách cầu khẩn chứng tỏ người phụ nữ này chẳng có chút hiểu biết nào về pháp luật; cũng chẳng ý thức được một chút nào về "quyền công dân" hay quyền sống của bản thân mình. Thái độ lạ lùng của chị đã khiến Phùng cảm thấy căn phòng lồng lộng gió biển như "bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt". Có lẽ anh nghĩ người đàn bà hàng chài kia nhần nhục đến mê mụ

khí dứt khoát không chịu từ bỏ gã chồng đánh đập mình như cơm bữa (*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*)... Trong thái độ xót xa, thương cảm của anh đã pha lẫn sự hoài nghi, coi thường.

– Một người phụ nữ bao dung, vị tha:

+ Người đàn bà nghèo khổ, lam lũ, cam chịu đó đã bất ngờ để lộ chân dung của một "con người bên trong" sắc sảo và từng trải khi chị kể cho vị chánh án và người nghệ sĩ nhiếp ảnh nghe về cuộc sống của những người đàn bà trên thuyền:

• Bắt đầu là những lời lẽ chững chạc và thâm trầm làm cho người đối thoại phải sung sốt: "Chị cảm ơn các chú! [...] Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...". Không còn là một người đàn bà hàng chài sợ sệt "con lạy quý toà" mà là lời giải bày của một con người từng trải, sâu sắc. Chị cảm nhận được lòng tốt cũng như sự thiếu từng trải của hai người đàn ông kia. Chị cảm động trước tấm lòng của họ nhưng biết rõ sự khác biệt giữa mình và họ.

• Sự thay đổi ấy khiến cho một người từng nhiệt thành bên vực chị như Phùng cũng thấy "gợn" vì anh vẫn quen nhìn chị như một người đàn bà cam chịu, tâm tối nên tự cho mình cái "quyền" được tịch thượng: "những lời ấy, nhất là đây lại là lời một người đàn bà khôn khéo, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dẫu mặt hãy còn trẻ, Đầu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mục phải biết ơn...".

+ Tấm lòng bao dung của người vợ và tình yêu thương cao cả của người mẹ dành cho những đứa con:

• Người phụ nữ ấy không hề tâm tối khi chị ý thức được nỗi đau khổ của mình và còn biết rõ căn nguyên của nó. Chị không căm hận gã chồng hung bạo dù hắn đánh vợ như cơm bữa. Bởi vì, hơn ai hết, chị hiểu sự vũ phu kia không phải bắt nguồn từ bản chất độc ác; cũng không phải theo cách nghĩ đầy định kiến của người nghệ sĩ nhiếp ảnh (*Lão ta trước hồi bày nhăm có đi lính nguy không?*). Trong kí ức của chị, vẫn còn hình ảnh anh con trai "cực tính nhưng hiền lành", không bao giờ đánh đập chị. Tất cả chỉ vì cuộc sống cơ cực, nghèo đói, cùng quẫn làm tha hoá con người. Cả một gia đình chồng chất trên con thuyền chật chội; cuộc mưu sinh khó khăn và nông nổi đối rết triền miên khiến những khi biển

động, "cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối" hàng tháng trời. Chị không chỉ thấu hiểu mà còn như thương hại người chồng khôn khổ: "Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ..." Song sức mạnh lớn nhất ràng buộc chị với chồng lại chính là tình thương vô hạn của người mẹ dành cho những đứa con. Chị chấp nhận cảnh sống "ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng" đâu phải vì không còn biết đau, không còn biết tủi nhục mà vì cuộc sống trên thuyền cần phải có một người đàn ông "để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con".

• Sức chịu đựng kì lạ của chị khởi nguồn từ đức hi sinh của người mẹ: "Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được!". Người đàn bà hàng chài đó đã gan góc chấp nhận cái thực tại nghiệt ngã, tàn nhẫn của cuộc sống, của thân phận dễ hoàn thành thiên chức của người mẹ. Chị gắng hết sức mình mong làm vợ bớt nỗi khổ nhục cho các con: từ chuyện xin với lão chồng mang chị lên bờ mà đánh đến chuyện rút ruột gửi đứa con trai chị yêu thương nhất lên tận miền rừng. Hoá ra, hành động tưởng như cam chịu đến mê mụ khi chị tự nguyện rúc vào bãi xe tăng cho chồng đánh đập và thái độ căm lạnh, không than vãn, cầu xin hay chống trả... đều là để giữ cho những đứa con khỏi phải thấy nỗi tủi nhục của mẹ và sự hung bạo của người cha. Cho nên, dù ở trong hoàn cảnh nào, lúc bị đánh đập hay lúc phải xuất hiện ở toà án huyện thì ánh mắt của chị, trái tim của chị vẫn chỉ tìm về con thuyền, nơi có những đứa trẻ mà chị đã sinh ra: "Người đàn bà đứng lại, ngược, mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu". "Mẹ đưa cặp mắt đầy vẻ mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện, ở đây, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mẹ trên chiếc mùng"... Dường như mỗi lần quay về đây, chị lại có thể gom góp cho mình đủ sức mạnh để vượt qua cả nỗi đau thể xác lẫn tinh thần. Chỉ khi nào con chị phải đau khổ, nhục nhã, người mẹ ấy mới rơi nước mắt; để rồi lại vùng đứng dậy, quả quyết và mạnh mẽ đi tiếp trên con đường cùng khổ của mình.

– Một người phụ nữ can đảm, có nghị lực phi thường. Không chỉ can đảm gánh lấy cái gánh nặng cuộc sống chồng chất những cơ cực, cay đắng, chị còn chắt chiu từng chút niềm vui bé nhỏ để vun vén cho cái gia đình khốn khổ của

mình : "ở trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận, vui vẻ [...] Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...". Tình mẫu tử thiêng liêng, sâu nặng giúp chị vượt qua mọi nỗi nhọc nhằn, đau đớn; mọi sự đầy dọa.

c) Nhận xét, đánh giá

– Nhân vật người đàn bà hàng chài được khám phá, khắc hoạ trong cái nhìn đa chiều.

– Xây dựng nhân vật người đàn bà hàng chài, Nguyễn Minh Châu đã thực hiện được điều ông mong muốn: mô tả con người với "các tầng sâu của lịch sử"; tái hiện vẻ đẹp của cuộc sống thường nhật để nói lên những điều "mới mẻ, độc đáo và thực là thiết thân với đông đảo mọi người".

ĐỀ 23

I. ĐỌC HIỂU

Câu ① Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích là bình luận

Câu ② Đoạn (2) sử dụng phép tu từ so sánh và điệp cấu trúc câu. HS có thể nêu và phân tích tác dụng của một trong hai biện pháp tu từ trên. Cụ thể:

– Phép so sánh (*tình yêu là ánh sáng, tình yêu là lực hấp dẫn, tình yêu là sức mạnh, tình yêu là Chúa*) có tác dụng ca ngợi sự kì diệu và sức mạnh của tình yêu.

– Phép điệp cấu trúc câu (*Tình yêu là . .*) có tác dụng tạo sự liên kết về hình thức, nhấn mạnh chủ đề và tạo nên giọng điệu nghị luận sôi nổi, nhiệt huyết, đầy cuốn hút.

Câu ③ Câu văn "Thay vì sử dụng công thức $E = mc^2$, ta chấp nhận rằng, năng lượng hàn gắn thế giới có thể tạo ra từ tình yêu nhân với tốc độ ánh sáng bình phương" mặc dù viết về sức mạnh của tình yêu nhưng được diễn đạt một cách độc đáo, mang đậm dấu ấn của người viết – một nhà vật lí học nổi tiếng. Đặc biệt, công thức $E = mc^2$ được vận dụng một cách rất sáng tạo.

Câu ④ HS có thể nêu một số ý sau:

– Sống trên đời cần có một tấm lòng yêu thương, nhân ái.

– Tình yêu có sức mạnh kì diệu nên con người cần biết nuôi dưỡng và giữ gìn.

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần nêu quan điểm rõ ràng; có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, lập luận thuyết phục; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một vài gợi ý:

– Giải thích ý kiến: câu nói khẳng định sức mạnh và ý nghĩa của tình yêu (tình yêu đôi lứa, tình cảm bạn bè, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước và tình cảm quốc tế, ...): tình yêu vừa là cứu cánh, là lí do vừa là động lực của mọi sự tồn tại; tình yêu mang đến sức mạnh để chúng ta duy trì giống nòi, bảo vệ thế giới

– Bàn luận:

+ Tình yêu mang đến cho con người niềm vui, niềm tin, niềm hạnh phúc và hi vọng vào tương lai. Vì thế, người ta không thể sống thiếu tình yêu thương.

+ Tình yêu thương tạo nên sức mạnh giúp con người vượt thoát nỗi cô đơn, thói vị kỉ; chiến thắng bệnh tật, đói nghèo,...

+ Con người ngày nay đang phải đối diện với rất nhiều hiểm họa: dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường, ... Vì thế con người càng cần xích lại gần nhau, chung sức bảo vệ cuộc sống và mái nhà chung; nối vòng tay lớn để giải quyết những vấn đề toàn cầu.

+ Nếu không có tình yêu thương, sự sẻ chia, cộng đồng trách nhiệm thì sẽ không có sự kết nối giữa những cá thể, quốc gia, dân tộc. Như vậy, loài người sẽ đứng trước vực thẳm của chiến tranh, chia rẽ, phân biệt chủng tộc và sự huỷ diệt,...

Câu ②

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về mối quan hệ giữa hiện thực cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật và cảm quan của người nghệ sĩ trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Khi bàn luận, có thể tham khảo gợi ý sau:

– Sáng tạo nghệ thuật là đi tìm cái đẹp, nhưng chỉ dừng lại ở vẻ đẹp hình thức là chưa đủ

+ Bản chất của cái đẹp trong quan niệm của Nguyễn Minh Châu: Trong tác phẩm nghệ thuật, cả đối tượng biểu hiện, hình thức, ý tưởng đều hướng tới cái đẹp. Vì thế, trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, quá trình khổ công săn tìm cái đẹp của Phùng cũng là quá trình sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ đích thực: luôn muốn tìm đến cái đẹp hoàn thiện, hoàn mỹ, mang tính lí tưởng.

+ Cái đẹp trong bản thân nó đã bao hàm cái thiện: "bản thân cái đẹp chính là đạo đức". Tác phẩm nghệ thuật, trong quan niệm của Nguyễn Minh Châu, là sự đồng nhất của hai phạm trù, hai giá trị đó. Bức ảnh mà Phùng chụp được sau nhiều ngày khổ công suy nghĩ, tìm kiếm thực sự chứa đựng trong nó thế giới của cái đẹp mà người nghệ sĩ hằng khao khát: sự dung dị, đơn giản, hài hoà, hàm súc, gợi cảm xúc và suy tưởng sâu xa: "Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào".

+ Với bức ảnh ấy, người nghệ sĩ đã phát hiện ra một bình diện cơ bản nhất, quan trọng nhất của thế giới: sự gắn kết hài hoà của sự sống, của con người, thiên nhiên và cuộc sinh tồn trên một con thuyền lặng phắc trước bình minh. Toàn bộ những hình ảnh ấy đều hàm chứa những ý nghĩa sâu xa, nhưng điều quan trọng là, trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, sau khoảnh khắc tuyệt vời của sáng tạo nghệ thuật, dường như cuộc truy tìm chân lí và cái đẹp thực sự vẫn chưa kết thúc. Bức ảnh ấy không phải là sự nhầm lẫn, ngộ nhận, dối lừa nhưng cái thế giới ẩn chứa trong nó, cái thế giới mà nó mở ra vẫn còn là điều bí ẩn với cả chính người nghệ sĩ

Đây là một quan niệm nghệ thuật sâu sắc và độc đáo của Nguyễn Minh Châu. Bức ảnh đã hoàn tất nhưng sự thật đằng sau bức ảnh vẫn là điều cần khám phá.

Người nghệ sĩ không phải là người sở hữu toàn bộ sự thực, toàn bộ chân lí của cuộc sống. Anh phải luôn kiếm tìm chân lí ấy, sự thực ấy trong quá trình sáng tạo. Khoảnh khắc mà người nghệ sĩ nắm bắt được qua bức ảnh không phải là khoảnh khắc đôi lứa, nhưng sự thực sau khoảnh khắc ấy là cả một thế giới nhân sinh đầy nghịch lí. Để thấu hiểu được thế giới ấy, người nghệ sĩ phải tiếp tục khám phá cuộc sống, khám phá sự thực ẩn sau cái khoảnh khắc mà anh ta đã thu nhận được đầy bất ngờ. Bởi vì cái đẹp đồng nhất với đạo đức, đồng nhất với sự thực, không chấp nhận sự thô lậu cũng như thái độ nửa vời, hời hợt.

– Cuộc sống là vô tận và có muôn vàn bí ẩn, nhiều nghịch lí, nhiều bí kịch ẩn chứa sau vẻ đẹp hình thức mà người nghệ sĩ cần đi sâu khám phá.

+ Thế giới nhân sinh đầy nghịch lí và bí kịch ẩn chứa sau khoảnh khắc đột khởi của cái đẹp trong bức ảnh: Cần lưu ý rằng, toàn bộ sự thực được phơi bày sau khoảnh khắc bấm máy của người nghệ sĩ không phải là sự phủ nhận cái đẹp mà người nghệ sĩ đã bất chợt nắm bắt được. Bởi lẽ, ngay trong phút giây bấm máy ấy, cái thế giới lạng phắc và đầy bí ẩn của con thuyền, những bóng người, màn sương hồng trong ánh ban mai kia là toàn bộ cái thần của cảnh tượng, chợt hiện hữu, nhưng chưa được khai mở trong cái nhìn của người nghệ sĩ cũng như của tất cả những ai đứng trước bức ảnh – tác phẩm nghệ thuật hoàn mĩ của anh. Những gì người nghệ sĩ chứng kiến sau khoảnh khắc ấy là một cuộc khám phá tiếp theo, không hề đối nghịch với bức ảnh, mà chỉ soi tỏ hơn bản chất của cái khoảnh khắc kì lạ, đột khởi mà người nghệ sĩ đã nắm bắt được nhưng chưa kịp thấu hiểu trọn vẹn. Sự thực mà người nghệ sĩ đã chứng kiến là một sự soi chiếu toàn bộ "cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại", là sự giải mã thế giới biểu tượng mà anh vừa thu vào trong ống kính một cách xuất thần, đột ngột, chưa kịp thấu suốt các chiều kích khác nhau của nó:

+ Sau khoảnh khắc lạng phắc là sự bùng nổ của xung đột, bí kịch: ống kính của Phùng đã thu được hình ảnh "người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ". Đó là khoảnh khắc lạng phắc, đầy dồn nén, chứa đựng một năng lượng tiềm tàng của thế giới nghệ thuật trong tác phẩm. Những gì anh nhìn thấy sau đó trên bãi cát là sự bùng nổ, sự phát lộ toàn bộ những xung đột, những năng lượng tiềm tàng ấy: người đàn ông độc dữ, người đàn bà bị hành hạ, chà đạp; đứa con trai nhỏ chống lại cha vì không

thể chấp nhận được sự bạo hành khủng khiếp ấy. Sự "im phăng phắc" đã nổ tung. Đó là toàn bộ bi kịch của sự sinh tồn trên con thuyền trước bình minh. Bi kịch ấy được phơi bày ngay trên bãi cát, nơi con thuyền neo đậu, ngay dưới ánh ban mai màu hồng. Bi kịch ấy làm người nghệ sĩ choáng váng, phần nộ và cũng khiến anh phát hiện thêm một chiều kích nữa của đời sống: thế giới nhân sinh trên con thuyền nhỏ nhoi trước biển, trước ánh bình minh kia là một thế giới dữ dội, đau đớn. Cuộc mưu sinh và cộng sinh trên con thuyền đầy nhọc nhằn, cay đắng là sự xung đột không ngừng giữa phần nhân tính và thú tính.

+ Sau toàn bộ những xung đột dữ dội tưởng như không thể dung hoà, không thể chấp nhận được là bản chất sâu xa của đời sống: Cuộc vật lộn và giằng co trên bãi cát, trong mắt Phùng – người vừa chụp bức ảnh con thuyền trong sương sớm – hiển nhiên là sự lộng hành, sự chế ngự của cái ác, của bạo lực. Cái thế giới nhân sinh ấy tưởng như tương phản hoàn toàn với thế giới nghệ thuật mà anh vừa thấu tóm trong bức ảnh nhưng thực chất, hai thế giới ấy không thể tách rời. Toàn bộ những gì diễn ra trên bãi cát chỉ là một chiều kích khác của bức ảnh, của những cánh tượng mà người nghệ sĩ vừa nắm bắt được. Cuộc đối thoại giữa vị chánh án với người đàn bà, giữa người nghệ sĩ và người đàn bà lại mở ra một chiều kích nữa của hiện thực. Cảm quan hiện thực sâu sắc của Nguyễn Minh Châu đã thể hiện rất rõ ở những chi tiết này.

– Nghệ thuật cần khám phá, miêu tả và thể hiện cuộc sống từ những chiều kích khác nhau. Với hệ thống hình tượng và những tầng nghĩa khác nhau của câu chuyện, *Chiếc thuyền ngoài xa* đã biểu hiện quan niệm nghệ thuật sâu sắc của Nguyễn Minh Châu: người nghệ sĩ là người khám phá và biểu hiện bản chất của đời sống ở những chiều kích khác nhau. Thế giới nghệ thuật là thế giới hàm chứa trong nó các tầng khác nhau của hiện thực.

– Cái đẹp, nghệ thuật đích thực không bao giờ tách rời cuộc sống của con người; người nghệ sĩ chân chính phải cất lên tiếng nói vì con người, đặc biệt là những kiếp người cùng khổ:

+ Trưởng phòng yêu cầu Phùng mang về một tấm ảnh "thuần là tinh vật". Cuối cùng, anh ta cũng được "bằng lòng" với tấm ảnh chụp cảnh bình minh ở một vùng biển thơ mộng, lãng mạn. Nhiều "gia đình sành nghệ thuật" cũng treo bức ảnh đó ở những vị trí trang trọng trong nhà họ...

+ Nhưng tác giả của bức ảnh – nghệ sĩ Phùng – thì mỗi lúc "nhìn thật lâu" tấm ảnh toàn là tĩnh vật đó, bao giờ cũng thấy người đàn bà hàng chài "đang bước ra khỏi tấm ảnh". Mụ xuất hiện với tất cả dáng vẻ lam lũ, chịu đựng, mang theo cả cuộc đời cơ cực, tủi nhục... Bằng những hình ảnh đó, Nguyễn Minh Châu khơi lên nhiều suy ngẫm về sứ mệnh của người cầm bút, thiên chức của nghệ thuật giữa cuộc đời bẽ bộn, ngổn ngang.

ĐỀ 24

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 HS có thể chọn các thông tin sau để trả lời:

- Vì đứng một mình có thể làm ta không được ưa thích;
- Vì khi đứng một mình, ta phải đối diện với cảm xúc của ta, quá khứ của ta, cuộc đời của ta, những vấp vấp, sai lầm của ta, ta sẽ cảm thấy mình nhỏ bé.

Câu 2 HS nêu cách hiểu của mình về quan niệm "Một mình nhưng không cô đơn". Tham khảo định hướng sau:

- "Một mình" là một trạng thái tinh thần, không liên quan đến khoảng cách vật lí giữa cá nhân và những người xung quanh; nó thể hiện sự độc lập trong tư duy, trong hành động, không phụ thuộc bởi đám đông.
- "Một mình nhưng không cô đơn": tách khỏi số đông để quan sát, tìm hiểu, đề đóng góp cho xã hội một cách hiểu biết chứ không phải để thu mình vào vỏ ốc cá nhân, trốn tránh trách nhiệm với cuộc đời.

Câu 3 HS chọn nhan đề "Về đẹp của người đứng một mình" bởi nhan đề này nêu lên ý tưởng chủ đạo, nội dung bao trùm của đoạn trích.

Câu 4 HS có thể nêu một trong những bài học sau:

- Cần dũng cảm đối diện với bản thân để nhận thức chính mình và nhận thức sâu sắc hơn về thế giới xung quanh;
- Đứng một mình là cần thiết;
- Một mình chưa hẳn là cô đơn bởi giữa đám đông con người ta vẫn có thể cô đơn,...

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần nêu rõ quan điểm của mình về vấn đề có nên “đứng một mình” hay không; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một vài gợi ý:

– Có nên “đứng một mình” hay không còn tùy thuộc vào cách hiểu thế nào là “đứng một mình”. Cần xác định một quan niệm nhất quán: “đứng một mình” là trạng thái tinh thần độc lập, nó không được đo bởi khoảng cách vật lí giữa một cá nhân và những người xung quanh. “Đứng một mình” cũng không có nghĩa là tách biệt với xã hội hoặc cố tình tạo sự khác biệt nhằm khẳng định cá nhân một cách cực đoan.

– Chỉ rõ tính hai mặt của việc “đứng một mình”: Khi “đứng một mình”, người ta có thể phải đối diện với sự cô đơn, thành kiến xã hội, thói đồ kị và kì thị. Nhưng mặt khác, chính trạng thái tinh thần không lệ thuộc vào đám đông này sẽ đem đến nhiều cơ hội để người ta suy nghĩ, nhận thức thấu đáo về nhiều vấn đề; tạo thói quen tư duy độc lập; tạo cơ hội sáng tạo và thành công.

– Nên hay không nên “đứng một mình” tùy thuộc vào khả năng của con người: Luôn “đứng một mình”, liệu con người có thể thành công? Khi nào cần “đứng một mình” và khi nào cần có sự hợp tác, hỗ trợ của người khác?

– Phê phán những người có thói quen hòa theo đám đông một cách dễ dãi, hời hợt, thiếu suy nghĩ, bởi điều đó có thể gây nguy hại cho cộng đồng và cản trở sự phát triển của xã hội.

Câu ②

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về hình tượng con sông Đà trong đoạn trích *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

– Trong đoạn trích *Người lái đò Sông Đà*, hình tượng con sông Đà được thể hiện qua hai khía cạnh:

+ Con sông Đà "hung bạo": HS cần phân tích được các chi tiết Nguyễn Tuân miêu tả về thác, đá, thành vách, gió, sóng, những cái hút nước, trên sông Đà Nhà văn đã kết hợp các ẩn tượng thị giác, xúc giác, thính giác; sử dụng tri thức ở nhiều ngành khác nhau; kết hợp với những liên tưởng, so sánh mới mẻ, độc đáo để cho ta thấy cái dữ dội, hiểm trở và sức chảy ghê gớm của dòng sông, đồng thời gợi lên hình ảnh một thiên nhiên hùng vĩ.

+ Con sông Đà "trữ tình":

• Tác giả có một hình ảnh so sánh đầy ẩn tượng: "Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân". Con sông thoát biến thành người con gái có vẻ đẹp gợi cảm, duyên dáng, đầy sức sống.

Nguyễn Tuân còn dõi theo sông Đà qua dòng chảy thời gian. Nhà văn nhận ra sắc nước của dòng sông thay đổi theo mùa: mùa xuân dòng sông xanh màu ngọc bích, mùa thu nước sông lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa. Đường như nhà văn không phải đang miêu tả một dòng sông mà miêu tả diện mạo một con người trong những biến thiên của cuộc đời.

• Về trữ tình của dòng sông hiện lên đậm nét nhất khi nhà văn miêu tả một quãng sông "lặng tờ". Câu văn của Nguyễn Tuân lúc này trở nên êm ái, có những câu toàn thanh bằng khiến ta như lạc vào một giấc mơ êm đềm. Tác giả lại sử dụng lối so sánh rất đặc biệt khiến cho con sông như vừa gần vừa xa, vừa thực vừa hư ảo: "Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa." Đó là một cõi nguyên sơ chỉ có cái đẹp tồn tại. Những bãi ngô, những đám cỏ gianh ướt đầm sương đêm và hình ảnh chú hươu thơ ngộ, ... tạo nên bức tranh lãng mạn về một nơi ít dấu chân người.

• Trong cảm nhận của Nguyễn Tuân, sông Đà không chỉ chảy qua thời gian, không gian mà còn chảy qua những áng thơ của Nguyễn Quang Bích, Tản Đà, ...

– Viết về sông Đà, Nguyễn Tuân thích thú bao nhiêu trước vẻ dữ dội của con sông thì cũng say đắm bấy nhiêu trước vẻ trữ tình của nó. Nói về sự hung

bạo của sông Đà, Nguyễn Tuân đưa ta đến với những khúc tráng ca; thể hiện vẻ trữ tình của dòng sông, ông lại mang đến cho ta những câu văn đẹp như những vần thơ. Những trang văn như thế đã khơi dậy ở người đọc tình yêu quê hương đất nước.

ĐỀ 25

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 HS nêu được quan điểm của tác giả đoạn trích về GDP như sau:

- GDP không phản ánh được đầy đủ chất lượng cuộc sống hay "mức độ phát triển".
- Việc quá bị ám ảnh bởi GDP dẫn chúng ta tới sự bế tắc trong triết lí phát triển.
- Cuộc chạy đua về GDP là cuộc chạy đua lạc lối.

Câu 2 Những ví dụ về Trung Quốc, Brunei và Saudi Arabia chứng tỏ: GDP cao hay thấp chưa nói lên "chất lượng cuộc sống"; GDP không tỉ lệ thuận với "chất lượng cuộc sống".

Câu 3 HS tham khảo cách trả lời sau:

– "Cuộc chạy đua về GDP là cuộc chạy đua lạc lối": chạy đua về thu nhập bình quân tính theo đầu người mà quên rằng mục đích cuối cùng của mọi sự tăng trưởng kinh tế chính là tạo ra một cuộc sống chất lượng.

– "Chủ nghĩa tôn thờ GDP": coi GDP là thước đo cao nhất mức độ phát triển của một xã hội, một quốc gia trên mọi bình diện và nâng chỉ số GDP thành "nhân vật ngôi sao" trên các diễn đàn kinh tế, xã hội. Đây là xu hướng của nhiều nước trên thế giới.

Câu 4 HS nêu quan niệm riêng của mình một cách thuyết phục trên cơ sở đọc hiểu đoạn trích. Có thể tham khảo một số gợi ý sau:

– Cuộc sống đáng sống là cuộc sống trong đó con người được hưởng tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc.

– Cuộc sống đáng sống là cuộc sống cân bằng về vật chất và tinh thần; môi trường sống an toàn khiến con người có thể tận hưởng những gì tạo hoá ban cho họ.

– Cuộc sống đáng sống là cuộc sống trong đó mỗi cá nhân được tạo điều kiện phát triển tối đa năng lực, sở trường của mình và được thụ hưởng thành quả của mình một cách công bằng, dân chủ,...

II. LÀM VĂN

Câu 1

HS có quan điểm rõ ràng trước hiện tượng mà đề bài đề cập tới; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Sau đây là một số gợi ý:

– Nêu hiện tượng: phụ nữ ở Saudi Arabia không có quyền lái ô tô, không được xuất cảnh mà không có nam giới đi cùng, không có quyền bầu cử (trước năm 2015). Đây là sự bất bình đẳng trong đối xử với phụ nữ tại một đất nước giàu có ngang với các quốc gia Tây Âu – một hiện tượng khiến người ta sững sốt, ngạc nhiên vì nó đang tồn tại giữa thế kỉ này, tại một quốc gia thịnh vượng.

– Bàn luận:

+ Sự bất bình đẳng, sự coi thường người phụ nữ ở Saudi Arabia là dấu hiệu cho thấy một xã hội lạc hậu, thiếu nhân quyền, dân chủ

+ Sự thịnh vượng và giàu có không đảm bảo rằng người dân có thể được hạnh phúc, được tự do và nhân quyền được tôn trọng.

+ GDP cao chưa phải là điều kiện cần và đủ để xây dựng một quốc gia văn minh, hạnh phúc. Việc chạy đua GDP cần được chấm dứt.

+ So sánh với một số quốc gia khác trên thế giới để thấy rõ một đất nước có GDP cao chưa hẳn là một đất nước đáng sống.

Câu 2

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về một ý kiến bàn về văn học. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

– Là nhà văn có phong cách nghệ thuật đặc sắc, văn chương Nguyễn Tuân hấp dẫn người đọc bởi "cái tôi" độc đáo, thể hiện ở sự tài hoa, uyên bác, sự sắc nhọn và tinh tế của các giác quan, ngôn từ điêu luyện, giàu hình ảnh, cảm xúc,...

– Phân tích "cái tôi" Nguyễn Tuân trong đoạn trích *Người lái đò Sông Đà*:

+ "Cái tôi" tài hoa, tinh tế thể hiện ở sự rung động, niềm say mê của nhà văn trước vẻ đẹp hùng vĩ và mỹ lệ của thiên nhiên đất nước; ở sự phát hiện và ngợi ca phẩm chất tài hoa nghệ sĩ của những con người lao động; ở những trang văn đẹp như thơ, như nhạc, như họa. Nhà văn đã thể hiện sông Đà như một sinh thể sống với hai nét "tính cách" tương như đối lập ("hung bạo" và "trữ tình"), để từ đó tấu lên một khúc tráng ca về con sông dũng mãnh ở thượng nguồn, đồng thời ngân nga những thanh âm dịu dàng, trong trẻo, êm ái chốn hạ lưu. Từ đó, nhà văn đã tạc dựng hình ảnh người lái đò sông Đà trong cuộc vượt thác đầy kịch tính và cũng thật ngoạn mục. Nguyễn Tuân tỏ ra hứng thú đặc biệt trong việc khám phá, thể hiện "chất vàng mười" trong tâm hồn con người Tây Bắc.

+ "Cái tôi" uyên bác thể hiện ở cách nhìn và sự khám phá hiện thực có chiều sâu; sự huy động và sử dụng kiến thức của các ngành quân sự, điện ảnh, thể thao, ... và các tri thức đời sống một cách linh hoạt, có hiệu quả nhằm thể hiện hình ảnh con sông Đà và người lái đò một cách chính xác và ấn tượng. Nhà văn đã lựa chọn những chi tiết thật tiêu biểu, điển hình; miêu tả và soi chiếu chúng từ nhiều góc độ, kết hợp với những liên tưởng, so sánh bất ngờ và thú vị. Có thể nói, hình ảnh sông Đà và người lái đò thể hiện công phu quan sát, miêu tả; khả năng huy động và sử dụng ngôn ngữ hết sức điêu luyện của nhà văn.

– "Cái tôi" tài hoa, uyên bác thể hiện tình yêu quê hương đất nước, tình yêu cái đẹp của người nghệ sĩ chân chính đồng thời bộc lộ quan niệm của Nguyễn Tuân: viết văn là để khẳng định sự độc đáo của người cầm bút. Thể tùy bút, một lối văn "độc tấu", đã phát huy hiệu quả của nó trong việc bộc lộ "cái tôi" độc đáo của nhà văn.

ĐỀ 26

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Theo tác giả đoạn trích, thói quen hằng ngày, thú giải trí chung của những người giàu có là đọc sách – tự học bằng con đường đọc sách.

Câu ② Thông tin này cho thấy người giàu ít xem ti vi (nhất là các chương trình thực tế) hơn người nghèo. Người giàu dành nhiều thời gian cho việc tự học và đọc sách.

Câu ③ Người viết quan niệm bằng cấp không phải là điều kiện cần để làm giàu (*Người giàu không nhất thiết phải có bằng cấp đẳng hoàng*) cũng không có vai trò quan trọng trên con đường làm giàu, thậm chí đôi khi nó còn cản trở việc phấn đấu, vươn lên (*Nhiều người tin rằng những tấm bằng thạc sĩ, tiến sĩ là con đường dẫn tới sự giàu có. Họ bị mắc kẹt với suy nghĩ đó và chẳng thể vươn tới tầng ý thức cao hơn*).

Câu ④ HS có thể nêu một trong những bài học sau:

- Đọc sách và thói quen đọc sách để tự học có vai trò quan trọng trong việc làm giàu
- Bằng cấp không phải là mục tiêu quan trọng hàng đầu của việc học.
- Đọc sách là con đường tự học; là chìa khoá mở cánh cửa thành công trên con đường làm giàu.
- Bằng cấp không quyết định sự giàu có.

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần nêu rõ quan điểm của mình về vấn đề "Đọc sách phải chăng chỉ để học cách làm giàu?"; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng khoảng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

- Đọc sách có nhiều mục đích, trong đó có mục đích học cách làm giàu.
- Tuy nhiên, đọc sách không phải chỉ nhằm mục đích duy nhất là học cách làm giàu; việc đọc sách còn hướng đến nhiều mục đích khác nữa, tùy theo quan điểm của mỗi người.

– Đọc sách có nhiều lợi ích khác nhau: giúp giải trí, thư giãn; giúp phát triển, hoàn thiện nhân cách; thanh lọc tâm hồn; phát triển các năng lực ngôn ngữ, giao tiếp, tưởng tượng, sáng tạo,...

– Khi người đọc biết vận dụng tối đa các ích lợi của việc đọc sách thì sẽ dễ dàng hơn trong việc lập thân, lập nghiệp; sẽ dễ thành công trên con đường làm giàu.

– Để việc đọc sách có hiệu quả, cần có mục đích cụ thể, rõ ràng; biết chọn sách để đọc và điều quan trọng là có phương pháp đọc hiệu quả.

Câu ②

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về vẻ đẹp của sông Hương trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo các ý chính sau:

a) Trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, sông Hương được Hoàng Phủ Ngọc Tường miêu tả với hai vẻ đẹp: vẻ đẹp tự nhiên; vẻ đẹp lịch sử, cuộc đời và thi ca.

– Vẻ đẹp tự nhiên của sông Hương:

+ Sông Hương ở thượng nguồn:

- Sông Hương – "bản trường ca của rừng già";
- Sông Hương – "cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại";
- Sông Hương – "người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở";

+ Sông Hương ở ngoại vi thành phố Huế:

• Sông Hương – "người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại" được "người tình mong đợi" đến đánh thức;

- Sông Hương – vẻ đẹp "trầm mặc", "như triết lí, như cô thi";

+ Sông Hương giữa lòng thành phố Huế:

- Sông Hương – "điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế";
- Sông Hương – "người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya";

- Sông Hương – "nàng Kiều trong đêm tình tự".
- Về đẹp lịch sử, cuộc đời và thi ca của sông Hương:
- + Trong lịch sử: sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc.
- + Trong đời thường: sông Hương mang vẻ đẹp giản dị của một người con gái dịu dàng.
- + Trong văn học: sông Hương đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ, đặc biệt là các nhà thơ.

Với mỗi biểu hiện trên, HS cần tìm những dẫn chứng tiêu biểu và phân tích giá trị của chúng để làm nổi bật vẻ đẹp của sông Hương.

b) Nghệ thuật thể hiện vẻ đẹp của sông Hương trong đoạn trích

- Ngôn ngữ phong phú, uyển chuyển, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu từ;
- Có sự kết hợp hài hoà giữa cảm xúc và trí tuệ, giữa những liên tưởng phong phú, sự uyên bác và những trải nghiệm của tác giả,...

c) Tình cảm của tác giả đối với sông Hương: yêu say đắm và tự hào về vẻ đẹp của con sông quê hương.

ĐỀ 27

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Đoạn trích sử dụng các thao tác lập luận: chứng minh, phân tích, bình luận.

Câu 2 HS cần nêu được cách hiểu của tác giả về sự đố kị: là một thói xấu của con người vốn có từ xưa; đố kị là không thích người khác hơn mình, ghen ghét và không muốn nhìn thấy người khác thành công.

Câu 3 Thái độ của tác giả về thói đố kị: phê phán (thể hiện qua việc chỉ ra biểu hiện của thói đố kị; phân tích các tác hại, nguyên nhân của thói đố kị và cách khắc phục).

Câu ④ HS nêu được một vài ý trong các ý sau đây:

- Ý thức được đồ kị là một thói xấu cần khắc phục;
- Thấy được những tác hại của thói đồ kị;
- Điều chỉnh suy nghĩ, hành vi theo hướng tích cực: chia sẻ niềm vui thành công của người khác thay vì muốn phủ nhận, hạ thấp họ;
- Khẳng định bản thân bằng cách khiêm nhường học hỏi để hoàn thiện mình chứ không phải bằng cách hạ thấp người khác;
- Thay đổi lối nghĩ chỉ có mình là nhất.

II. LÀM VĂN

Câu ①

HS cần nêu rõ quan điểm của mình về vấn đề "Con người cần phải có lòng cao thượng"; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo các quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

– Giải thích: "cao thượng" là "vượt hẳn lên trên những cái tầm thường, nhỏ nhen về phẩm chất tinh thần" (*Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê (Chủ biên), Nhà xuất bản Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, 2005). Cao thượng là đức tính tốt, là lối sống đẹp. Lòng cao thượng rất cần thiết trong sự ứng xử giữa con người với con người.

Người có lòng cao thượng là người luôn suy nghĩ, hành động vì mục đích tốt đẹp: mang đến niềm vui, hạnh phúc cho người khác.

– Con người cần phải có lòng cao thượng vì:

- + Lòng cao thượng giúp con người sống đẹp hơn, có ích hơn, hạnh phúc hơn.
- + Lòng cao thượng là động lực thúc đẩy con người vươn lên trong cuộc sống, tạo ra những giá trị tốt đẹp, khiến xã hội ngày càng phát triển.
- + Trong cuộc sống luôn có những khó khăn, thử thách nên con người rất cần có lòng cao thượng để chia sẻ, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau.

– Đề cao lòng cao thượng, chúng ta cũng cần phê phán thói đồ kị, nhỏ nhen, lối sống ích kỉ.

Câu ②

Đề bài yêu cầu HS nghị luận về hình tượng "cái tôi" Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*. HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Có thể tham khảo những ý chính sau:

– Nhà văn Nguyễn Tuân từng gọi tùy bút là lối văn "độc tấu", nghĩa là trong tác phẩm tùy bút, "cái tôi" của người viết trở thành nhân vật trung tâm. Sự hấp dẫn của tùy bút xét đến cùng là sự hấp dẫn của "cái tôi" tác giả: "cái tôi" ấy thông minh, sắc sảo thế nào, vốn văn hoá ra sao, tư tưởng, tâm hồn thế nào, vốn liếng và cách dùng chữ nghĩa ra sao,... Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng cho rằng điều cốt yếu làm nên sức mạnh của thể loại tùy bút là "để cho hiện thực cuộc sống cháy qua trái tim người cầm bút như một dòng máu nồng ấm" (*Một vài suy nghĩ về thể kí*, báo *Văn nghệ*, số 31 – 1983).

– Hình tượng "cái tôi" Hoàng Phủ Ngọc Tường trong đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là một "cái tôi" tài hoa, uyên bác, giàu tình cảm và trí tưởng tượng lãng mạn, gắn bó và say mê với cái đẹp của cảnh sắc và con người xứ Huế.

+ Một con người có vốn tri thức phong phú, uyên bác về sông Hương và về địa lí, lịch sử, văn hoá, nghệ thuật xứ Huế:

- Tác giả đã miêu tả dòng sông Hương với các tư liệu cụ thể, chính xác khiến người đọc có thể hình dung một cách rõ ràng, sinh động về địa hình và những đổi thay đầy biến ảo trong dòng chảy của nó: khi thì mạnh mẽ, dữ dội; khi lại êm đềm, dịu dàng; có khi trầm mặc, suy tư...

- Những địa danh cụ thể làm nên cả một "không gian Huế" với những nét đẹp đặc trưng của đất cố đô: ngã ba Tuần, điện Hòn Chén, bãi Nguyệt Biều, đồi Vọng Cảnh, ngoại ô Kim Long, Cồn Hến, cồn Giã Viên, vườn cau Vĩ Dạ,...

- Cái nhìn nghệ thuật độc đáo, có khả năng soi chiếu đối tượng từ nhiều góc độ khác nhau. Dòng sông Hương được miêu tả từ các góc nhìn địa lí, lịch sử, văn hoá,... Mỗi góc nhìn đều mang đến những khám phá mới mẻ, bất ngờ không chỉ về thiên nhiên mà cả về tâm hồn Huế.

+ Một con người gắn bó sâu nặng với quê hương, có tâm hồn nghệ sĩ, có khả năng quan sát tinh tế và trí tưởng tượng bay bổng:

• Cái nhìn tràn đầy cảm hứng tình yêu: Hoàng Phủ Ngọc Tường hình dung sông Hương với kinh thành Huế như nàng Kiều với chàng Kim Trọng của Nguyễn Du gắn bó với nhau trong một tình yêu muôn thuở. Con đường từ thượng nguồn ra biển cả của sông Hương trong cái nhìn của nhà văn trở thành hành trình kiếm tìm người tình hằng mong đợi.

• Trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn: hình dung sông Hương như một người con gái với tâm hồn phong phú, bí ẩn, chứa đựng bao nhiêu cung bậc cảm xúc vừa nồng nàn, táo bạo vừa dịu dàng, đắm thắm. Qua đó, nhà văn khám phá vẻ đẹp của tâm hồn Huế "vừa mãnh liệt vừa lắng sâu, vừa trữ tình thiết tha vừa bình thản, trí tuệ" (Trần Đình Sử).

+ Một nhà văn có vốn ngôn ngữ phong phú, có khả năng vận dụng một cách tài hoa các thủ pháp của hội họa, âm nhạc, ... Lối viết hướng nội tài hoa và đậm chất trữ tình đã mang lại sức rung cảm mãnh liệt cho tác phẩm – một "bài thơ bằng văn xuôi".

ĐỀ 28

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Theo tác giả, phẩm chất cốt lõi của một "công dân toàn cầu" là biết yêu thương và luôn tìm cách cải biến thế gian này.

Câu 2 HS có thể chỉ ra và nêu tác dụng của một trong các phép tu từ sau:

– Phép so sánh (Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không?) khiến cho câu văn giàu cảm xúc, hình ảnh, tạo sự gần gũi, thân mật khi đề cập đến một vấn đề thoát nghe rất cao siêu: tình yêu thế gian, yêu nhân loại.

– Phép điệp cấu trúc câu (Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không? Khi bạn yêu một cái cây bên cạnh bạn

thì bạn yêu mọi cái cây trên thế gian. Khi bạn yêu thương một con người bên cạnh thì bạn yêu cả nhân loại. Và khi tất cả những con người dù bé nhỏ đến đâu yêu thương người bên cạnh thì tình thương yêu ấy sẽ ngập tràn thế gian này) có tác dụng liên kết và nhấn mạnh ý nghĩa, tác dụng của tình yêu thương; tạo nên giọng điệu nghị luận đầy nhiệt huyết.

– Sử dụng câu hỏi tu từ (Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không?) tác động mạnh mẽ đến tình cảm và lí trí của người đọc.

Câu ③ Bàn về "bản chất duy nhất của công dân toàn cầu", tác giả sử dụng thao tác lập luận bác bỏ: nêu ý kiến cho rằng yêu thương nhân loại là một ước mơ hay nhân cách hảo huyền, rằng mỗi người chỉ là một sinh linh bé nhỏ làm sao có thể yêu thương và che chở cả thế gian rộng lớn sau đó đưa ra lí lẽ để lật lại vấn đề. Điều này khiến cho lập luận trở nên thuyết phục, sắc bén, hấp dẫn.

Câu ④ HS có thể nêu một trong các cách định nghĩa dưới đây:

– Công dân toàn cầu là những người sống, làm việc ở nhiều quốc gia khác nhau, có thể có một hoặc nhiều quốc tịch.

– Công dân toàn cầu là công dân có kiến thức nền tảng về các vấn đề văn hoá nhân loại; có thể giao lưu, học tập, làm việc tại bất cứ quốc gia nào; có khả năng hoà nhập với những người dân trên khắp thế giới; có năng lực giải quyết những vấn đề chung của toàn nhân loại: bảo vệ môi trường, chống chiến tranh, đẩy lùi dịch bệnh,...

– Công dân toàn cầu là người coi những vấn đề của nhân loại là vấn đề của dân tộc mình, của cá nhân mình và biết suy nghĩ, hành động vì một thế giới tốt đẹp hơn,...

II. LÀM VĂN

Câu ① HS nêu rõ quan điểm của mình về những việc cần làm để trở thành "công dân toàn cầu"; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

– Giải thích "công dân toàn cầu" là gì.

– Đề trở thành "công dân toàn cầu", con người cần phải làm gì?

+ Xây dựng nền tảng tri thức phổ thông cơ bản, vững chắc;

+ Có những hiểu biết về các nền văn hoá khác nhau trên thế giới; có những kỹ năng thiết yếu như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, sáng tạo, ... trong đó năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông là cực kỳ quan trọng.

+ Bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức mang tính cốt lõi: lòng tự trọng, tự tôn, tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm, lòng bác ái, khát vọng thay đổi, sự trung thực, tinh thần kỉ luật, ..

– "Công dân toàn cầu" có thể hoà nhập vào thế giới phẳng nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc của mình. Đây là một thách thức lớn đối với giới trẻ trong xu hướng hội nhập với thế giới.

– Phê phán những người vì hiểu chưa đúng về khái niệm "công dân toàn cầu" mà sẵn sàng đánh mất bản sắc dân tộc; biểu dương những con người lao động không mệt mỏi để cống hiến cho dân tộc, cho đất nước, cho nhân loại, ...

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS nghị luận về sức hấp dẫn của *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh). HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

Sức hấp dẫn của *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh) thể hiện trên hai phương diện: ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học.

– Ý nghĩa lịch sử của *Tuyên ngôn Độc lập*:

+ Là một văn kiện lịch sử vô giá, *Tuyên ngôn Độc lập* đã tổng kết một thời kì đầy đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam.

+ *Tuyên ngôn Độc lập* khẳng định vị thế của dân tộc Việt Nam trước toàn thế giới: một dân tộc nhỏ bé nhưng có lòng yêu nước nồng nàn, ý thức tự cường và tinh thần chiến đấu ngoan cường.

+ *Tuyên ngôn Độc lập* là niềm tự hào, niềm khích lệ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam về quyền độc lập, tự do và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ quyền tự do, độc lập.

– Giá trị văn học của *Tuyên ngôn Độc lập*: *Tuyên ngôn Độc lập* là áng văn nghị luận chính trị bất hủ với lập luận chặt chẽ, lí lẽ danh thép, bằng chứng hùng hồn.

+ Mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh trích dẫn những lời bất hủ được ghi trong các bản tuyên ngôn của hai cường quốc Pháp và Mĩ, tạo căn cứ pháp lí vững chắc về quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

+ Để đập tan những luận điệu của thực dân Pháp về việc Việt Nam là thuộc địa của Pháp và Pháp có quyền quay trở lại Việt Nam, bản tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ danh thép, những bằng chứng hùng hồn tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định bản chất phản động đi ngược lại với chủ trương chống phát xít của thực dân Pháp ở Đông Dương, đồng thời khẳng định vai trò của Việt Minh trong cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật.

+ Bản tuyên ngôn có giọng điệu hào sảng, thể hiện niềm tin và ý chí, quyết tâm của cả một dân tộc.

ĐỀ 29

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1 Bài viết đề cập đến 5 cách nghe trong giao tiếp: *phớt lờ*, chẳng chú ý nghe gì cả; *giả như* có nghe, âm ỉ cho qua chuyện; *nghe có chọn lọc*, nghe từng phần nào đó của câu chuyện thôi; *nghe chăm chú*, quan tâm và tập trung vào những gì người khác đang nói và *nghe với lòng thấu cảm*.

Câu 2 HS chỉ ra các lí do sau:

– Nghe thông thường chỉ để xã giao, để đối đáp hoặc khống chế, toan tính,...; nghe với lòng thấu cảm trước hết là để hiểu được người khác một cách thực sự.

– Nghe với lòng thấu cảm vượt xa cả sự ghi nhận hoặc chỉ đơn thuần là để hiểu những gì người khác nói ra; đó là cách nghe không chỉ bằng tai mà còn bằng mắt, bằng tâm hồn, bằng trái tim.

Câu ③ Tác giả sử dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận: giải thích (nghe với lòng thấu cảm nghĩa là nghe với ý hướng để hiểu); so sánh (nghe với lòng thấu cảm khác với nghe để đối đáp, ...; thấu cảm khác thương cảm); phân tích (nghe với lòng thấu cảm vượt xa cách nghe chỉ để ghi nhận, để hiểu những gì người khác nói); bình luận (tác dụng của việc lắng nghe với lòng thấu cảm)

Câu ④ HS nêu được một số ý sau:

- Rèn thói quen lắng nghe người khác nói;
- Có hiểu biết về tâm lí con người, về nguyên tắc ứng xử nói chung trong giao tiếp; có thái độ cảm thông, chia sẻ, chân thành với mọi người;
- Có năng lực nghe hiểu,...

II. LÀM VĂN

Câu ① HS cần nêu rõ quan điểm của mình về vấn đề: thói quen "lắng nghe với lòng thấu cảm" là một chìa khoá của thành công; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể; đoạn văn đảm bảo dung lượng 200 chữ, có thể trình bày theo một trong các cách diễn dịch, quy nạp, song hành hoặc tổng – phân – hợp, ...; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo gợi ý sau:

– Giải thích:

+ "Lắng nghe với lòng thấu cảm" là gì?

+ Vì sao "lắng nghe với lòng thấu cảm" là một chìa khoá của thành công? (Một trong những yếu tố then chốt dẫn con người tới thành công là năng lực giao tiếp, mà trong giao tiếp, kĩ năng lắng nghe có vai trò rất quan trọng. Biết lắng nghe có thể đem đến nhiều lợi ích.)

– Bàn luận:

+ Những lợi ích của việc lắng nghe với lòng thấu cảm: Lắng nghe với lòng thấu cảm sẽ mang đến hiệu quả bất ngờ trong giao tiếp vì con người có nhu cầu được khẳng định, được công nhận, được đánh giá đúng mức,...

+ Để có thói quen này, mỗi người cần rèn kĩ năng nghe hiểu, biết cảm thông, chia sẻ, quan tâm đến người khác,...

+ Trái ngược với lắng nghe với lòng thấu cảm là những kiểu nghe qua loa, chiếu lệ; nghe để đối đáp, để không chể, để toan tính – những kiểu nghe hạn chế sự tương tác giữa người và người.

Câu 2 Đề bài yêu cầu HS phân tích phần mở đầu của *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh). HS cần viết bài văn có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài; xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.

Tham khảo một số ý chính sau:

– Nêu vấn đề nội dung phần mở đầu của *Tuyên ngôn Độc lập*: Hồ Chí Minh trích dẫn những câu nổi tiếng trong hai bản tuyên ngôn của hai cường quốc lúc bấy giờ là Pháp và Mĩ. Từ đó, tác giả *suy rộng ra* bất cứ dân tộc nào trên thế giới cũng đều có quyền được hưởng tự do và độc lập.

– Phần mở đầu của *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện sâu sắc ý thức dân tộc và tinh thần chiến đấu:

+ Với việc dẫn ra và đề cao hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của hai nước Pháp và Mĩ, tác giả đã ngầm khẳng định vị thế của dân tộc Việt Nam trước thế giới: Việt Nam tuy là một quốc gia nhỏ bé nhưng cũng có quyền "sánh vai với các cường quốc năm châu" và quyền tự do, độc lập là một chân lí tất yếu đã được đúc kết trong những bản tuyên ngôn nổi tiếng trên thế giới.

+ Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ (thực dân Pháp đang âm mưu trở lại nước ta, đế quốc Mĩ cũng đang bộc lộ rõ ý đồ xâm lược) sẽ thấy việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn trên còn có ý nghĩa cảnh báo: nếu Pháp và Mĩ xâm phạm quyền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam thì có nghĩa đã phản bội lại chính cha ông mình, dân tộc mình – một cách lập luận "vừa cương quyết, vừa khôn khéo".

+ Phần mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập* đã nêu ra cơ sở pháp lí vững chắc để khẳng định quyền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam. "Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được", là cơ sở cho việc trình bày nội dung ở những phần sau.

– Về nghệ thuật lập luận: đoạn mở đầu *Tuyên ngôn Độc lập* cho thấy nét đặc sắc trong phong cách văn chính luận Hồ Chí Minh: lập luận chặt chẽ; giọng văn đanh thép, hùng hồn; bằng chứng thuyết phục,...

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3

Phần một

GỚI THIỆU CẤU TRÚC ĐỀ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2017 MÔN NGỮ VĂN, ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH LÀM BÀI THI

I. Cấu trúc đề thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 môn Ngữ văn	5
1. Đề thi minh hoạ	5
2. Phân tích đề minh hoạ	6
3. Những điểm kế thừa và đổi mới của đề thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 môn Ngữ văn	9
II. Định hướng ôn tập và hướng dẫn cách làm bài thi	10
1. Định hướng ôn tập	10
2. Cách làm các câu hỏi ở phần Đọc hiểu	19
3. Cách làm các câu hỏi ở phần Làm văn	23

Phần hai

HỆ THỐNG ĐỀ THỰC HÀNH LUYỆN TẬP VÀ GỢI Ý – HƯỚNG DẪN

A – Hệ thống đề

B – Gợi ý – hướng dẫn

	Trang	Trang
Đề 1	41	85
Đề 2	42	88
Đề 3	43	92
Đề 4	45	96
Đề 5	47	102
Đề 6	48	105
Đề 7	50	109
Đề 8	52	113
Đề 9	54	115

A - Hệ thống đề**B - Gợi ý - hướng dẫn**

	<i>Trang</i>	<i>Trang</i>
Đề 10	56	119
Đề 11	58	124
Đề 12	59	129
Đề 13	60	133
Đề 14	62	137
Đề 15	63	140
Đề 16	64	144
Đề 17	65	149
Đề 18	67	150
Đề 19	69	152
Đề 20	70	154
Đề 21	72	158
Đề 22	73	162
Đề 23	74	168
Đề 24	75	173
Đề 25	77	176
Đề 26	78	178
Đề 27	80	181
Đề 28	81	184
Đề 29	83	187

PhotoQuang Tuấn**ĐT: 0984.985.060****Email: vtvu16@gmail.com****Facebook: 01669224176****ĐC1: Cổng trường ĐHCN Tp. HCM –****Quảng Tâm – Tp. Thanh Hoá****ĐC2: Cổng sau trường ĐH Hồng Đức–****Quảng Thành – Tp Thanh Hoá**

